

## BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (SỬA ĐỔI)

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<b>Chương I</b> <b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>Chương I</b> <b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>Chương I</b> <b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>
<b>ĐIỀU 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể, <b>phá sản</b> tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; <b>việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.</b>	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, <del>kiểm soát đặc biệt</del> , tổ chức lại, giải thể, phá sản tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.
<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> Luật này áp dụng đối với các đối tượng sau đây: 1. Tổ chức tín dụng; 2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 3. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; 4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> Luật này áp dụng đối với các đối tượng sau đây: 1. Tổ chức tín dụng; 2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 3. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; <b>4. Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán xử lý nợ (sau đây gọi là tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu).</b> 4. 5. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể, <b>phá sản</b> tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; <b>việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.</b>	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> <del>Luật này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:</del> 1. Tổ chức tín dụng; 2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 3. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; 4. Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán xử lý nợ (sau đây gọi là tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu). 5. <del>Tổ</del> <b>Cơ quan, tổ</b> chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức, hoạt động, <del>kiểm soát đặc biệt</del> , tổ chức lại, giải thể, phá sản tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.
<b>Điều 3. Áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng, điều ước quốc tế, tập quán thương mại quốc tế và các luật có liên quan</b> 1. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc	<b>Điều 3. Áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng, điều ước quốc tế, tập quán thương mại quốc tế và các luật có liên quan</b> 1. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc	<b>Điều 3. Áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng, <del>điều ước quốc tế, các luật có liên quan và</del> tập quán thương mại quốc tế <del>và các luật có liên quan</del></b> 1. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động, <del>kiểm soát đặc biệt</del> , tổ chức lại, giải thể, <b>phá sản</b> tổ chức tín

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>thành lập, tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải tuân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này.</p> <p>3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngân hàng được quyền thỏa thuận áp dụng tập quán thương mại, bao gồm:</p> <p>a) Tập quán thương mại quốc tế do Phòng Thương mại quốc tế ban hành;</p> <p>b) Tập quán thương mại khác không trái với pháp luật của Việt Nam.</p>	<p>thành lập, tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải tuân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; <b><i>thanh lý, phong tỏa vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài</i></b>; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; <b><i>việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu</i></b> thì áp dụng theo quy định của Luật này.</p> <p>3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngân hàng được quyền thỏa thuận áp dụng tập quán thương mại, bao gồm:</p> <p>a) Tập quán thương mại quốc tế do Phòng Thương mại quốc tế ban hành;</p> <p>b) Tập quán thương mại khác không trái với pháp luật của Việt Nam.</p>	<p>dụng; việc thành lập, tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải tuân theo quy định của Luật này <del>và các quy định khác của</del>. <b><u>Những nội dung không quy định tại Luật này phải tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và pháp luật có liên quan.</u></b></p> <p>2. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể, <b><u>phá sản</u></b> tổ chức tín dụng; thanh lý, phong tỏa vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thì áp dụng theo quy định của Luật này.</p> <p><del>3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.</del></p> <p><b><u>34.</u></b> Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngân hàng được quyền thỏa thuận áp dụng tập quán thương mại, <del>bao gồm</del> <b><u>sau đây</u></b>:</p> <p>a) Tập quán thương mại quốc tế do Phòng Thương mại quốc tế ban hành;</p> <p>b) Tập quán thương mại khác không trái với <b><u>nguyên tắc cơ bản của</u></b> pháp luật của Việt Nam.</p>
<p><b>Điều 4. Giải thích từ ngữ</b> <b>Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng là doanh nghiệp thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động ngân hàng. Tổ</p>	<p><b>Điều 4. Giải thích từ ngữ</b> <b>Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng là <b><i>tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật này, doanh nghiệp</i></b>, thực</p>	<p><b>Điều 4. Giải thích từ ngữ</b> <b>Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</b></p> <p>1. <b><i>Tổ chức tín dụng</i></b> là tổ chức kinh tế <b><u>có tư cách pháp nhân</u></b> được thành lập theo quy định của Luật này, thực</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
chức tín dụng bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân.	hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động ngân hàng. Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân.	hiện một, một số hoặc tất cả <del>các</del> hoạt động ngân hàng. Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân;
2. Ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng có thể được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này. Theo tính chất và mục tiêu hoạt động, các loại hình ngân hàng bao gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã.	2. <i>Ngân hàng</i> là loại hình tổ chức tín dụng có thể được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này. <del>Theo tính chất và mục tiêu hoạt động,</del> Các loại hình ngân hàng bao gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã.	2. <i>Ngân hàng</i> là loại hình tổ chức tín dụng có thể được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này. Các loại hình ngân hàng bao gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã;
3. Ngân hàng thương mại là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận.	3. <i>Ngân hàng thương mại</i> là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận.	(Chuyên xuống khoản 4)
4. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này, trừ các hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân và cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác. Công ty cho thuê tài chính là loại hình công ty tài chính có hoạt động chính là cho thuê tài chính theo quy định của Luật này.	4. <i>Tổ chức tín dụng phi ngân hàng</i> là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này, trừ các hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân và cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác. Công ty cho thuê tài chính là loại hình công ty tài chính có hoạt động chính là cho thuê tài chính theo quy định của Luật này.	<del>4.3.</del> <i>Tổ chức tín dụng phi ngân hàng</i> là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này, trừ các hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân và cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm công ty tài chính, <del>tổng hợp và</del> công ty <del>cho thuê</del> tài chính <del>và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác.</del> <del>chuyên ngành;</del> <del>Công ty cho thuê tài chính là loại hình công ty tài chính có hoạt động chính là cho thuê tài chính theo quy định của Luật này.</del>
(3. Ngân hàng thương mại là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận.)	(3. <i>Ngân hàng thương mại</i> là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận.)	<del>3.4.</del> <i>Ngân hàng thương mại</i> là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận;
		5. Công ty <del>cho thuê</del> tài chính <del>tổng hợp</del> là <del>loại hình công ty tài chính có</del> tổ chức tín dụng phi ngân hàng thực hiện các hoạt động <del>chính là cho thuê tài chính theo quy định tại Mục 3 Chương IV của Luật này;</del>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>6. Công ty tài chính chuyên ngành là tổ chức tín dụng phi ngân hàng hoạt động chính trong lĩnh vực bao thanh toán, tín dụng tiêu dùng và cho thuê tài chính-;</u></p> <p><u>7. Hoạt động cho thuê tài chính là việc cấp tín dụng trung hạn, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài chính và phải có một trong các điều kiện sau đây:</u></p> <p><u>a) Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được nhân chuyển quyền sở hữu tài sản cho thuê hoặc tiếp tục thuê theo thỏa thuận của hai bên-;</u></p> <p><u>b) Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được quyền ưu tiên mua tài sản cho thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản cho thuê tại thời điểm mua lại-;</u></p> <p><u>c) Thời hạn cho thuê một tài sản phải ít nhất bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản cho thuê đó-;</u></p> <p><u>d) Tổng số tiền thuê một tài sản quy định tại hợp đồng cho thuê tài chính ít nhất phải bằng giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng-;</u></p>
<p>5. Tổ chức tài chính vi mô là loại hình tổ chức tín dụng chủ yếu thực hiện một số hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ.</p>	<p>5. Tổ chức tài chính vi mô là loại hình tổ chức tín dụng chủ yếu thực hiện một số hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ.</p>	<p><u>8. Tổ chức tài chính vi mô là loại hình tổ chức tín dụng chủ yếu thực hiện một số hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của các cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp và doanh nghiệp siêu nhỏ-;</u></p>
<p>6. Quỹ tín dụng nhân dân là tổ chức tín dụng do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này và Luật Hợp tác xã nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống.</p>	<p>6. Quỹ tín dụng nhân dân là <b>loại hình</b> tổ chức tín dụng do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này và Luật Hợp tác xã nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống.</p>	<p><u>69. Quỹ tín dụng nhân dân là loại hình tổ chức tín dụng do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống-;</u></p>
<p>7. Ngân hàng hợp tác xã là ngân hàng của tất cả các quỹ tín dụng nhân dân do các quỹ tín dụng nhân dân và một số pháp nhân góp vốn thành lập theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu chủ yếu là liên kết hệ thống, hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn trong hệ thống các quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p>7. Ngân hàng hợp tác xã là ngân hàng của tất cả các quỹ tín dụng nhân dân do các quỹ tín dụng nhân dân và một số pháp nhân <b>khác</b> góp vốn thành lập theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu chủ yếu là liên kết hệ thống, hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn trong hệ thống các quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p><u>710. Ngân hàng hợp tác xã là ngân hàng của tất cả các quỹ tín dụng nhân dân do các quỹ tín dụng nhân dân và một số pháp nhân khác góp vốn thành lập theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu chủ yếu là liên kết hệ thống, hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn trong hệ thống các quỹ tín dụng nhân dân-;</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>8. Tổ chức tín dụng nước ngoài là tổ chức tín dụng được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.</p> <p>Tổ chức tín dụng nước ngoài được hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới hình thức văn phòng đại diện, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.</p> <p>Ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là loại hình ngân hàng thương mại; công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài là loại hình công ty tài chính; công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài là loại hình công ty cho thuê tài chính theo quy định của Luật này.</p>	<p>8. <i>Tổ chức tín dụng nước ngoài</i> là tổ chức tín dụng được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.</p> <p>Tổ chức tín dụng nước ngoài được hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới hình thức văn phòng đại diện, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.</p> <p>Ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là loại hình ngân hàng thương mại; công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài là loại hình công ty tài chính; công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài là loại hình công ty cho thuê tài chính theo quy định của Luật này.</p>	<p><del>8</del><b>11.</b> <i>Tổ chức tín dụng nước ngoài</i> là tổ chức tín dụng được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.</p> <p>Tổ chức tín dụng nước ngoài được hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới hình thức văn phòng đại diện, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.</p> <p>Ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là loại hình ngân hàng thương mại; công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài là loại hình công ty tài chính; công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài là loại hình công ty cho thuê tài chính theo quy định của Luật này<del>;</del></p>
<p>9. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài, không có tư cách pháp nhân, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam.</p>	<p>9. <i>Chi nhánh ngân hàng nước ngoài</i> là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài, không có tư cách pháp nhân, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam.</p>	<p><b>9</b><del>12.</del> <i>Chi nhánh ngân hàng nước ngoài</i> là <b><u>tổ chức kinh tế không có tư cách pháp nhân và là</u></b> đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài, <del>không có tư cách pháp nhân</del>, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam<del>;</del></p>
		<p><b>13.</b> <b><u>Vốn pháp định là mức vốn tối thiểu phải có để thành lập tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</u></b></p>
<p>10. Vốn tự có gồm giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quỹ dự trữ, một số tài sản nợ khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước).</p>	<p>10. <i>Vốn tự có</i> gồm giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quỹ dự trữ, một số tài sản nợ khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước).</p>	<p><del>10</del><b>14.</b> <i>Vốn tự có</i> gồm giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài <del>và các</del>, <b><u>công một số</u></b> quỹ dự trữ, một số tài sản nợ khác, <b><u>trừ đi các khoản phải giảm trừ.</u></b> <b><u>Việc xác định vốn tự có</u></b> theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước)<del>;</del></p>
<p>11. Giấy phép bao gồm Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Giấy phép thành</p>	<p>11. <i>Giấy phép</i> bao gồm Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Giấy phép thành</p>	<p><del>11</del><b>15.</b> <i>Giấy phép</i> bao gồm Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Giấy phép thành</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước cấp. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.	lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước cấp. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.	lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước cấp. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép <del>;</del>
12. Hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây: a) Nhận tiền gửi; b) Cấp tín dụng; c) Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.	12. <i>Hoạt động ngân hàng</i> là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây: a) Nhận tiền gửi; b) Cấp tín dụng; c) Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.	<del>12</del> <sup>16</sup> . <i>Hoạt động ngân hàng</i> là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây: a) Nhận tiền gửi; b) Cấp tín dụng; c) Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản <del>;</del>
13. Nhận tiền gửi là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận.	13. <i>Nhận tiền gửi</i> là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, <del>tín phiếu</del> và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận.	<del>13</del> <sup>17</sup> . <i>Nhận tiền gửi</i> là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận <del>;</del>
14. Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.	14. <i>Cấp tín dụng</i> là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.	<del>14</del> <sup>18</sup> . <i>Cấp tín dụng</i> là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, <del>thư tín dụng</del> và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác <del>;</del>
15. Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản là việc cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, thư tín dụng và các dịch vụ thanh toán khác cho khách hàng thông qua tài khoản của khách hàng.	15. <i>Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản</i> là việc cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, thư tín dụng và các dịch vụ thanh toán khác cho khách hàng thông qua tài khoản của khách hàng.	<del>15</del> <sup>19</sup> . <i>Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản</i> là việc cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, thư tín dụng và các dịch vụ thanh toán khác cho khách hàng thông qua tài khoản của khách hàng <del>;</del>
16. Cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.	16. <i>Cho vay</i> là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.	<del>16</del> <sup>20</sup> . <i>Cho vay</i> là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi <del>cho bên cho vay</del> <del>;</del>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
<p>17. Bao thanh toán là hình thức cấp tín dụng cho bên bán hàng hoặc bên mua hàng thông qua việc mua lại có bảo lưu quyền truy đòi các khoản phải thu hoặc các khoản phải trả phát sinh từ việc mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ theo hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.</p>	<p>17. <b>Bao thanh toán là việc thực hiện 02 trong 04 dịch vụ tài chính của đơn vị bao thanh toán cho bên bán hàng căn cứ trên giá trị khoản phải thu của bên bán hàng phát sinh từ hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa bên mua hàng và bên bán hàng, bao gồm: (i) Ứng trước dựa trên khoản phải thu; (ii) Quản lý, theo dõi sổ sách, hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản phải thu; (iii) Thu nợ đối với các khoản phải thu; (iv) Quản lý rủi ro tín dụng, phòng ngừa rủi ro nợ xấu cho bên bán hàng.</b></p>	<p><del>17</del><b>21.</b> Bao thanh toán là việc <del>thực hiện 02 trong 04 dịch vụ tài chính của đơn vị bao thanh toán cho bên bán hàng căn cứ trên giá trị khoản phải thu</del> <u>mua lại các khoản phải thu</u> của bên bán hàng <del>phát sinh từ hoặc ứng trước tiền thanh toán thay cho bên mua hàng theo</del> hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa bên mua hàng và bên bán hàng. <u>Khi thực hiện bao thanh toán, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cung cấp một số dịch vụ khác kèm theo trong hoạt động</u> bao gồm: <u>Ứng trước dựa trên khoản phải thu; Quản lý, theo dõi sổ sách, hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản phải thu; Thu nợ đối với các khoản phải thu; Quản lý rủi ro tín dụng, phòng ngừa rủi ro nợ xấu cho bên bán hàng</u> <u>thanh toán theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;</u></p>
<p>18. Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc tổ chức tín dụng sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho tổ chức tín dụng theo thỏa thuận.</p>	<p>18. <b>Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc tổ chức tín dụng sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho tổ chức tín dụng theo thỏa thuận.</b></p>	<p><del>18</del><b>22.</b> Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng, <u>chi nhánh ngân hàng nước ngoài</u> cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc <del>tổ chức tín dụng</del> sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ <u>bắt buộc</u> và hoàn trả cho tổ chức tín dụng theo thỏa thuận.;</p>
<p>19. Chiết khấu là việc mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán.</p>	<p>19. <b>Chiết khấu là việc mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của bên thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán.</b></p>	<p><del>19</del><b>23.</b> Chiết khấu là việc mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của bên thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán.;</p>
<p>20. Tái chiết khấu là việc chiết khấu các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác đã được chiết khấu trước khi đến hạn thanh toán.</p>	<p>20. <b>Tái chiết khấu là việc chiết khấu các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác đã được chiết khấu trước khi đến hạn thanh toán.</b></p>	<p><del>20</del><b>24.</b> Tái chiết khấu là việc chiết khấu các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác đã được chiết khấu trước khi đến hạn thanh toán.;</p>
<p>21. Môi giới tiền tệ là việc làm trung gian có thu phí môi giới để thu xếp thực hiện các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác giữa các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác.</p>	<p>21. <b>Môi giới tiền tệ là việc làm trung gian có thu phí môi giới để thu xếp thực hiện các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác giữa các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác.</b></p>	<p><del>21</del><b>25.</b> Môi giới tiền tệ là việc làm trung gian có thu phí môi giới để thu xếp thực hiện các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác giữa các tổ chức tín dụng, <u>chi nhánh ngân hàng nước ngoài</u> <u>tổ chức tài chính khác;</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
22. Tài khoản thanh toán là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng mở tại ngân hàng để sử dụng các dịch vụ thanh toán do ngân hàng cung ứng.	22. <i>Tài khoản thanh toán</i> là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng mở tại ngân hàng để sử dụng các dịch vụ thanh toán do ngân hàng cung ứng.	<del>22</del> <b>26.</b> <i>Tài khoản thanh toán</i> là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng mở tại ngân hàng, <b>chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b> để sử dụng các dịch vụ thanh toán do ngân hàng, <b>chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b> cung ứng;
23. Sản phẩm phái sinh là công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về giá trị của một tài sản tài chính gốc như tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ hoặc tài sản tài chính khác.	23. <i>Sản phẩm phái sinh</i> là công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về giá trị của một tài sản tài chính gốc như <del>tỷ giá</del> , lãi suất, ngoại hối, tiền tệ hoặc tài sản tài chính khác.	<del>23</del> <b>27.</b> <i>Sản phẩm phái sinh</i> là công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về giá trị của một tài sản tài chính gốc như lãi suất, ngoại hối, tiền tệ hoặc tài sản tài chính khác;
24. Góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng là việc tổ chức tín dụng góp vốn cấu thành vốn điều lệ, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, bao gồm cả việc cấp vốn, góp vốn vào công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; góp vốn vào quỹ đầu tư và ủy thác vốn cho các tổ chức khác góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu trên.	24. <i>Góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng</i> là việc tổ chức tín dụng góp vốn cấu thành vốn điều lệ, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, bao gồm cả <b>việc nhận chuyển nhượng, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác</b> , việc cấp vốn, góp vốn vào công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; góp vốn vào quỹ đầu tư và ủy thác vốn cho các tổ chức khác góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu trên.	<del>24</del> <b>28.</b> <i>Góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng</i> là việc tổ chức tín dụng góp vốn cấu thành vốn điều lệ; <del>việc</del> mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, bao gồm cả việc nhận chuyển nhượng, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác; <del>việc</del> cấp vốn, góp vốn vào công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; góp vốn vào quỹ đầu tư và ủy thác vốn cho các tổ chức khác góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu trên;
25. Khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp bao gồm khoản đầu tư chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của một doanh nghiệp hoặc khoản đầu tư khác đủ để chi phối quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên.	25. <i>Khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp</i> bao gồm khoản đầu tư chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của một doanh nghiệp hoặc khoản đầu tư khác đủ để chi phối quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên.	<del>25</del> <b>29.</b> <i>Khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp</i> bao gồm khoản đầu tư chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của một doanh nghiệp hoặc khoản đầu tư khác đủ để chi phối quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên;
26. Cổ đông lớn của tổ chức tín dụng cổ phần là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng cổ phần đó.	26. <i>Cổ đông lớn của tổ chức tín dụng cổ phần</i> là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng cổ phần đó.	<del>26</del> <b>30.</b> <i>Cổ đông lớn của tổ chức tín dụng</i> <del>cổ phần</del> là cổ đông sở hữu <del>trực tiếp, gián tiếp</del> từ <b>505%</b> vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng cổ phần đó, <b>bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp</b> ;
27. Sở hữu gián tiếp là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của tổ chức tín dụng thông qua người có liên quan hoặc thông qua ủy thác đầu tư.	27. <i>Sở hữu gián tiếp</i> là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của tổ chức tín dụng <del>thông qua người có liên quan hoặc</del> thông qua ủy thác đầu tư <b>hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân sở hữu trên 50% cổ phần trở lên</b> .	<del>27</del> <b>31.</b> <i>Sở hữu gián tiếp</i> là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của tổ chức tín dụng thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân sở hữu trên 50% cổ phần <b>trở lên</b> ;



<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>28. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;</p> <p>b) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;</p> <p>c) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;</p> <p>d) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;</p> <p>đ) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;</p> <p>e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;</p> <p>g) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân</p>	<p>28. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; <b><i>công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại;</i></b> tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; <b><i>tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại;</i></b> các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; <b><i>các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ;</i></b> người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;</p> <p>b) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;</p> <p>c) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;</p> <p>d) Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ, anh, chị, em cùng cha khác mẹ, anh, chị, em cùng mẹ khác cha, anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; <b><i>ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột</i></b> <del>vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em</del> của người này;</p> <p>đ) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý,</p>	<p><del>28</del><sup>32</sup>. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;</p> <p>b) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;</p> <p>c) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ <del>5</del><sup>5</sup>% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;</p> <p>d) Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ <del>đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng;</del> con <del>đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể;</del> anh, chị, em <del>cùng cha mẹ, anh, chị, em cùng cha khác mẹ, anh, chị, em cùng mẹ khác cha, anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha;</del> ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; <u>bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu, bác ruột và cháu ruột của người này ngược lại;</u></p> <p>đ) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý,</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.	thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại; e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau; g) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.	thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ <b>505%</b> vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại; e) Cá nhân được ủy quyền đại diện <b>phần vốn góp</b> cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau; g) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát <b>đối với từng trường hợp cụ thể</b> ;
29. Công ty liên kết của tổ chức tín dụng là công ty trong đó tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng và người có liên quan của tổ chức tín dụng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của tổ chức tín dụng đó.	29. Công ty liên kết của tổ chức tín dụng là công ty trong đó tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng và người có liên quan của tổ chức tín dụng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của tổ chức tín dụng đó.	<b>2933.</b> Công ty liên kết của tổ chức tín dụng là công ty trong đó tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng và người có liên quan của tổ chức tín dụng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của tổ chức tín dụng đó;
30. Công ty con của tổ chức tín dụng là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng và người có liên quan của tổ chức tín dụng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết; b) Tổ chức tín dụng có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con; c) Tổ chức tín dụng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con; d) Tổ chức tín dụng và người có liên quan của tổ chức tín dụng trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc	30. Công ty con của tổ chức tín dụng là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng và người có liên quan của tổ chức tín dụng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết; b) Tổ chức tín dụng có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con; c) Tổ chức tín dụng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con; d) Tổ chức tín dụng và người có liên quan của tổ chức tín dụng trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc	<b>3034.</b> Công ty con của tổ chức tín dụng là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng và người có liên quan của tổ chức tín dụng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết <b>của công ty đó</b> ; b) Tổ chức tín dụng có quyền <del>trực tiếp hoặc gián tiếp</del> bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng <b>Quảnquản</b> trị, Hội đồng <b>Thànhthành</b> viên hoặc Tổng Giám đốc <b>hoặc</b> (Giám đốc) của công ty <b>conđó</b> ; c) Tổ chức tín dụng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty <b>đócon</b> ; d) Tổ chức tín dụng và người có liên quan của tổ chức tín dụng trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên của công ty con.	thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên của công ty con.	thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng <del>Q</del> <u>quan</u> trị, Hội đồng <del>T</del> <u>hà</u> nh viên của công ty <del>đ</del> <u>o</u> ng;
31. Người quản lý tổ chức tín dụng bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.	31. <i>Người quản lý tổ chức tín dụng</i> bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.	<del>31</del> <u>35</u> . <i>Người quản lý tổ chức tín dụng</i> bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng <del>Q</del> <u>quan</u> trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc <del>(Giám đốc)</del> <u>hoặc</u> và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;
32. Người điều hành tổ chức tín dụng bao gồm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.	32. <i>Người điều hành tổ chức tín dụng</i> bao gồm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.	<del>32</del> <u>36</u> . <i>Người điều hành tổ chức tín dụng</i> bao gồm Tổng Giám đốc <del>(Giám đốc)</del> <u>hoặc</u> , Phó Tổng giám đốc <del>(hoặc Phó giám đốc)</del> <u>hoặc</u> , Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;
		<u>37. Rút tiền hàng loạt là việc tổ chức tín dụng bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền, dẫn đến tổ chức tín dụng mất khả năng chi trả hoặc có nguy cơ mất khả năng chi trả theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</u>
33. Can thiệp sớm là việc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 130a của Luật này.	33. <i>Can thiệp sớm</i> là việc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khắc phục tình trạng quy định tại <del>khoản 1 Điều 130a</del> <b>Chương VIII</b> của Luật này.	<del>33</del> <u>38</u> . <i>Can thiệp sớm</i> là việc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khắc phục tình trạng <u>theo</u> quy định <del>tại Chương VIII</del> của Luật này;
34. Kiểm soát đặc biệt là việc đặt một tổ chức tín dụng dưới sự kiểm soát trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Mục 1 Chương VIII của Luật này.	34. <i>Kiểm soát đặc biệt</i> là việc đặt một tổ chức tín dụng dưới sự kiểm soát trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Mục 1 Chương <del>VIII</del> <b>IX</b> của Luật này.	<del>34</del> <u>39</u> . <i>Kiểm soát đặc biệt</i> là việc đặt một tổ chức tín dụng dưới sự kiểm soát trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước theo quy định <del>tại Mục 1 Chương IX</del> của Luật này;
35. Phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (sau đây gọi là phương án cơ cấu lại) là một trong các phương án sau đây: a) Phương án phục hồi; b) Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp; c) Phương án giải thể; d) Phương án chuyển giao bắt buộc; đ) Phương án phá sản.	35. <i>Phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (sau đây gọi là phương án cơ cấu lại)</i> là một trong các phương án sau đây: a) Phương án phục hồi; b) <del>Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng</del> toàn bộ cổ phần, phần vốn góp; c) Phương án giải thể; d) <del>Phương án chuyển giao bắt buộc</del> ; đ) <del>Phương án phá sản</del> .	

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
36. Phương án phục hồi là phương án áp dụng các biện pháp để tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt tự khắc phục tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng đó được đặt vào kiểm soát đặc biệt.	<del>36. Phương án phục hồi là phương án áp dụng các biện pháp để tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt tự khắc phục tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng đó được đặt vào kiểm soát đặc biệt.</del>	
37. Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp là phương án áp dụng khi có tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất, có nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.	<del>37. Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp là phương án áp dụng khi có tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất, có nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</del>	
38. Phương án chuyển giao bắt buộc là phương án chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt phải chuyển giao toàn bộ cổ phần, phần vốn góp cho bên nhận chuyển giao.	38 35. Phương án chuyển giao bắt buộc là phương án chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt phải chuyển giao toàn bộ cổ phần, phần vốn góp cho bên nhận chuyển giao.	3540. Phương án chuyển giao bắt buộc là phương án chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt phải chuyển giao toàn bộ cổ phần, phần vốn góp cho bên nhận chuyển giao;
39. Bên nhận chuyển giao là tổ chức tín dụng trong nước, tổ chức tín dụng nước ngoài, nhà đầu tư khác có đề nghị được nhận chuyển giao bắt buộc và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định được nhận chuyển giao bắt buộc.	39 36. Bên nhận chuyển giao là <del>tổ chức tín dụng trong nước, tổ chức tín dụng nước ngoài, nhà đầu tư khác</del> <b>một hoặc một số nhà đầu tư</b> có đề nghị được nhận chuyển giao bắt buộc và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định được nhận chuyển giao bắt buộc, <b>bao gồm:</b> a) <b>Tổ chức tín dụng trong nước, tổ chức tín dụng nước ngoài;</b> b) <b>Doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài;</b> c) <b>Nhà đầu tư khác.</b>	3641. Bên nhận chuyển giao là một hoặc một số nhà đầu tư <del>có đề nghị</del> được <del>nhận chuyển giao bắt buộc và được</del> cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định được nhận chuyển giao bắt buộc hoặc được chỉ định <b>nhận chuyển giao bắt buộc;</b> <del>bao gồm:</del> a) <del>Tổ chức tín dụng trong nước, tổ chức tín dụng nước ngoài;</del> b) <del>Doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài;</del> e) <del>Nhà đầu tư khác.</del>
40. Tổ chức tín dụng hỗ trợ là tổ chức tín dụng được chỉ định tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành, hỗ trợ tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.	40 37. Tổ chức tín dụng hỗ trợ là tổ chức tín dụng <del>được chỉ định</del> tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành, hỗ trợ tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng <b>trong giai đoạn can thiệp sớm hoặc</b> được kiểm soát đặc biệt.	3742. Tổ chức tín dụng hỗ trợ là tổ chức tín dụng tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành, hỗ trợ tổ chức và hoạt động <del>của, hỗ trợ tài chính cho</del> tổ chức tín dụng <del>trong giai đoạn</del> <b>được</b> can thiệp sớm hoặc <b>tổ chức tín dụng</b> được kiểm soát đặc biệt.
<b>Điều 5. Sử dụng thuật ngữ liên quan đến hoạt động ngân hàng</b> Tổ chức không phải là tổ chức tín dụng không được phép sử dụng cụm từ hoặc thuật ngữ “tổ chức tín dụng”, “ngân hàng”, “công ty tài chính”, “công ty	<b>Điều 5. Sử dụng thuật ngữ liên quan đến hoạt động ngân hàng</b> Tổ chức không phải là tổ chức tín dụng không được phép sử dụng cụm từ hoặc thuật ngữ “tổ chức tín dụng”, “ngân hàng”, “công ty tài chính”, “công ty	<b>Điều 5. Sử dụng thuật ngữ liên quan đến hoạt động ngân hàng</b> Tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, <b>chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b> không được phép sử dụng cụm từ hoặc thuật ngữ “tổ chức tín dụng”, “ngân hàng”,

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
cho thuê tài chính” hoặc các cụm từ, thuật ngữ khác trong tên của tổ chức, chức danh hoặc trong các phần phụ thêm của tên, chức danh hoặc trong giấy tờ giao dịch hoặc quảng cáo của mình nếu việc sử dụng cụm từ, thuật ngữ đó có thể gây nhầm lẫn cho khách hàng về việc tổ chức của mình là một tổ chức tín dụng.	cho thuê tài chính” hoặc các cụm từ, thuật ngữ khác trong tên của tổ chức, chức danh hoặc trong các phần phụ thêm của tên, chức danh hoặc trong giấy tờ giao dịch hoặc quảng cáo của mình nếu việc sử dụng cụm từ, thuật ngữ đó có thể gây nhầm lẫn cho khách hàng về việc tổ chức của mình là một tổ chức tín dụng.	“công ty tài chính”, “công ty cho thuê tài chính”, <b>“tổ chức tài chính vi mô”, “quỹ tín dụng nhân dân”</b> hoặc các cụm từ, thuật ngữ khác trong tên của tổ chức, chức danh hoặc trong các phần phụ thêm của tên, chức danh hoặc trong giấy tờ giao dịch hoặc quảng cáo của mình nếu việc sử dụng cụm từ, thuật ngữ đó có thể gây nhầm lẫn cho khách hàng về việc tổ chức của mình là một tổ chức tín dụng, <b>chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</b>
<p><b>Điều 6. Hình thức tổ chức của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Ngân hàng thương mại nhà nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.</p> <p>5. Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được thành lập, tổ chức dưới hình thức hợp tác xã.</p> <p>6. Tổ chức tài chính vi mô được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.</p>	<p><b>Điều 6. Hình thức tổ chức của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này <b>và trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</b></p> <p>2. Ngân hàng thương mại nhà nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.</p> <p>5. Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được thành lập, tổ chức dưới hình thức hợp tác xã.</p> <p>6. Tổ chức tài chính vi mô được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.</p>	<p><b>Điều 6. Hình thức tổ chức của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>2. Ngân hàng thương mại nhà nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.</p> <p>5. Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được thành lập, tổ chức dưới hình thức hợp tác xã.</p> <p>6. Tổ chức tài chính vi mô được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.</p>
<p><b>Điều 7. Quyền tự chủ hoạt động</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Không tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p><b>Điều 7. Quyền tự chủ hoạt động</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Không tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p><b>Điều 7. Quyền tự chủ <u>trong hoạt động kinh doanh</u></b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả <u>hoạt động</u> kinh doanh của mình. Không tổ chức, cá nhân nào được can thiệp</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền từ chối yêu cầu cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ khác nếu thấy không đủ điều kiện, không có hiệu quả, không phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền từ chối yêu cầu cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ khác nếu thấy không đủ điều kiện, không có hiệu quả, không phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>trái pháp luật vào hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền từ chối yêu cầu cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ khác nếu thấy không đủ điều kiện, không có hiệu quả, không phù hợp với quy định của pháp luật.</p>
<p><b>Điều 8. Quyền hoạt động ngân hàng</b></p> <p>1. Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thì được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.</p> <p>2. Nghiêm cấm cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động ngân hàng, trừ giao dịch ký quỹ, giao dịch mua, bán lại chứng khoán của công ty chứng khoán.</p>	<p><b>Điều 8. Quyền hoạt động ngân hàng</b></p> <p>1. Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thì được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.</p> <p>2. Nghiêm cấm cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động ngân hàng, trừ giao dịch ký quỹ, giao dịch mua, bán lại chứng khoán của công ty chứng khoán.</p>	<p><b>Điều 8. Quyền hoạt động ngân hàng</b></p> <p>1. Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của Luật này và <del>eác</del> quy định khác của pháp luật có liên quan được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thì được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.</p> <p>2. Nghiêm cấm cá nhân, tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, <u>chi nhánh ngân hàng nước ngoài</u> thực hiện hoạt động ngân hàng, trừ giao dịch ký quỹ, giao dịch mua, bán lại chứng khoán của công ty chứng khoán.</p>
<p><b>Điều 9. Hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Nghiêm cấm hành vi hạn chế cạnh tranh hoặc hành vi cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ gây tổn hại hoặc gây tổn hại đến việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.</p> <p>3. Chính phủ quy định cụ thể các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng và hình thức xử lý các hành vi này.</p>	<p><b>Điều 9. Hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Nghiêm cấm hành vi hạn chế cạnh tranh hoặc hành vi cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ gây tổn hại hoặc gây tổn hại đến việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.</p> <p><del>3. Chính phủ quy định cụ thể các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng và hình thức xử lý các hành vi này.</del></p>	<p><b>Điều 9. Hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Nghiêm cấm hành vi hạn chế cạnh tranh hoặc hành vi cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ gây tổn hại hoặc gây tổn hại đến việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, an toàn của hệ thống <del>eác</del> tổ chức tín dụng, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.</p>
<p><b>Điều 10. Bảo vệ quyền lợi của khách hàng</b></p> <p>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm sau đây:</p>	<p><b>Điều 10. Bảo vệ quyền lợi của khách hàng</b></p> <p>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm sau đây:</p>	<p><b>Điều 10. Bảo vệ quyền lợi của khách hàng</b></p> <p>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm sau đây:</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>1. Tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật và công bố công khai việc tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở chính và chi nhánh;</p> <p>2. Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn gốc và lãi của các khoản tiền gửi;</p> <p>3. Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng;</p> <p>4. Thông báo công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng;</p> <p>5. Công bố thời gian giao dịch chính thức và không được tự ý ngừng giao dịch vào thời gian đã công bố. Trường hợp ngừng giao dịch trong thời gian giao dịch chính thức, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải niêm yết tại nơi giao dịch chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép ngừng giao dịch quá 01 ngày làm việc, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 29 của Luật này.</p>	<p>1. Tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật và công bố công khai việc tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở chính và chi nhánh;</p> <p>2. Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn gốc và lãi của các khoản tiền gửi;</p> <p>3. Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng;</p> <p>4. Thông báo công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng;</p> <p>5. Công bố thời gian giao dịch chính thức và không được tự ý ngừng giao dịch vào thời gian đã công bố. Trường hợp ngừng giao dịch trong thời gian giao dịch chính thức, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải niêm yết tại nơi giao dịch chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch. <b><i>Trường hợp ngừng các giao dịch bằng phương tiện điện tử thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công khai về sự cố và thông báo về phương án hoặc kết quả khắc phục trong thời gian 06 giờ sau khi phát sinh lỗi ngừng giao dịch</i></b></p>	<p>1. Tham gia <del>tổ chức bảo toàn</del>, bảo hiểm tiền gửi, <u>quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân</u> theo quy định của pháp luật và công bố công khai việc tham gia <del>tổ chức bảo toàn</del>, bảo hiểm tiền gửi tại trụ sở chính và chi nhánh;</p> <p>2. Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn gốc và lãi của các khoản tiền gửi;</p> <p>3. Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng;</p> <p>4. Thông báo công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng;</p> <p>5. Công bố thời gian giao dịch chính thức <del>và không được tự ý ngừng giao dịch vào thời gian đã công bố</del>. Trường hợp ngừng giao dịch <u>tại một hoặc một số địa điểm thực hiện giao dịch</u> trong thời gian giao dịch chính thức <u>hoặc ngừng giao dịch bằng phương tiện điện tử, trừ trường hợp ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng</u>, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải niêm yết tại nơi giao dịch <u>hoặc trên trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</u> chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch. <del>Trường hợp ngừng các giao dịch bằng phương tiện điện tử thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công khai về sự cố và thông báo về phương án hoặc kết quả khắc phục trong thời gian 06 giờ sau khi phát sinh lỗi ngừng giao dịch.</del></p> <p><del>Trường hợp ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 29 của Luật này.</del></p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p><b>Điều 11. Trách nhiệm phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố</b></p> <p>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Không được che giấu, thực hiện hoạt động kinh doanh liên quan đến khoản tiền đã có bằng chứng về nguồn gốc bất hợp pháp;</li> <li>2. Xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;</li> <li>3. Thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;</li> <li>4. Hợp tác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố</li> </ol>	<p><b>Điều 11. Trách nhiệm phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố</b></p> <p>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài <i>có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <del>Không được che giấu, thực hiện hoạt động kinh doanh liên quan đến khoản tiền đã có bằng chứng về nguồn gốc bất hợp pháp;</del></li> <li>2. <del>Xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;</del></li> <li>3. <del>Thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;</del></li> <li>4. <del>Hợp tác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố.</del></li> </ol>	<p><b>Điều 11. Trách nhiệm phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố</b></p> <p><del>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.</del></p>
<p><b>Điều 12. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng được quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng và phải là một trong những người sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng;</li> <li>b) Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng.</li> </ol> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</p>	<p><b>Điều 12. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng được quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng và phải là một trong những người sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng;</li> <li>b) Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng.</li> </ol> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</p> <p>3. <i>Trường hợp khuyết người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng thì Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo</i></p>	<p><b>Điều <del>12</del>11. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng được quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng và phải là một trong những người sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng;</li> <li>b) Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> của tổ chức tín dụng.</li> </ol> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</p> <p>3. <del>Trường hợp khuyết người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng thì Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật.</del></p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<i>pháp luật. Trường hợp khuyết cả người đại diện theo pháp luật và Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức tín dụng không có người đại diện theo pháp luật. Trong thời gian Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị chưa cử người khác làm người đại diện theo pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật cho đến khi Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị cử người khác theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng</i>	<del>Trường hợp khuyết cả người đại diện theo pháp luật và Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức tín dụng không có người đại diện theo pháp luật. Trong thời gian Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị chưa cử người khác làm người đại diện theo pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật cho đến khi Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị cử người khác theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.</del>
<p><b>Điều 13. Cung cấp thông tin</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được trao đổi thông tin với nhau về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p><b>Điều 13. Cung cấp thông tin</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được trao đổi thông tin với nhau về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p><b>Điều <del>13</del><sup>12</sup>. <u>Xử lý</u>, <u>Cung cấp thông tin</u></b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp <del>thông tin</del> cho chủ tài khoản <u>thông tin</u> về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm <u>báo cáo</u> <del>cung cấp cho</del> Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được trao đổi <del>thông tin</del> với nhau <u>thông tin</u> về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>
<p><b>Điều 14. Bảo mật thông tin</b></p> <p>1. Nhân viên, người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p>	<p><b>Điều 14. Bảo mật thông tin</b></p> <p>1. Nhân viên, người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p>	<p><b>Điều <del>14</del><sup>13</sup>. Bảo mật thông tin</b></p> <p>1. Nhân viên, người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>không được tiết lộ bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.</p>	<p>không được tiết lộ bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p><b>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ.</b></p> <p>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin <b>khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b> liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.</p>	<p>không được tiết lộ bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.</p>
<p><b>Điều 15. Cơ sở dữ liệu dự phòng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.</p> <p>2. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu dự phòng của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và các tổ chức tín dụng không nhận tiền gửi thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><b>Điều 15. Cơ sở dữ liệu dự phòng An toàn dữ liệu và đảm bảo hoạt động liên tục</b></p> <p><del>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.</del></p> <p><del>2. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu dự phòng của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và các tổ chức tín dụng không nhận tiền gửi thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p><b>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đảm bảo an toàn hệ thống thông tin, bảo mật dữ liệu và hoạt động liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</b></p>	<p><b>Điều 15<del>14</del>. An toàn dữ liệu và bảo đảm bảo hoạt động liên tục</b></p> <p>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải <b>bảo đảm bảo</b> an toàn hệ thống thông tin, bảo mật dữ liệu và hoạt động liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>
<p><b>Điều 16. Mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài</b></p> <p>1. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.</p> <p>2. Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư</p>	<p><b>Điều 16. Mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài</b></p> <p>1. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.</p> <p>2. Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục, tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư</p>	<p><b>Điều 16<del>15</del>. Mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài</b></p> <p>1. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.</p> <p>2. Chính phủ quy định <del>điều kiện, thủ tục,</del> tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
nước ngoài tại một tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.	nước ngoài tại một tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.	ngoài tại một tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện, <u>thủ tục nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện</u> đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.
<p><b>Điều 17. Ngân hàng chính sách</b></p> <p>1. Chính phủ thành lập ngân hàng chính sách hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.</p> <p>2. Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của ngân hàng chính sách.</p> <p>3. Ngân hàng chính sách phải thực hiện kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; xây dựng, ban hành quy trình nội bộ về các hoạt động nghiệp vụ; thực hiện chế độ báo cáo thống kê, báo cáo hoạt động và hoạt động thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><b>Điều 17. Ngân hàng chính sách</b></p> <p>1. Ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế xã hội của Nhà nước.</p> <p><i>2. Ngân hàng chính sách được Nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>3. Ngân hàng chính sách không phải thực hiện dự trữ bắt buộc.</i></p> <p>4. Việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định của Luật này.</p> <p><i>5. Việc thành lập, tổ chức, hoạt động, cơ chế tài chính, tổ chức lại, giải thể và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định tại Điều này và quy định của Chính phủ.</i></p>	<p><b><u>Điều</u>Chương 17II. NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH</b></p>
	<p><b>Điều 17. Ngân hàng chính sách</b></p> <p>1. Ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế xã hội của Nhà nước.</p>	<p><b><u>Điều 16. Thành lập và hoạt động của ngân hàng chính sách</u></b></p> <p>1. Ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.</p> <p>2. <u>Nội dung hoạt động của ngân hàng chính sách do Chính phủ quy định.</u></p>
		<p><b><u>Điều 17. Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu nhà nước</u></b></p> <p><u>1. Nhà nước là chủ sở hữu của ngân hàng chính sách. Chính phủ thống nhất quản lý thực hiện quyền,</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>nhiệm vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với ngân hàng chính sách.</u></p> <p><u>2. Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với hoạt động của ngân hàng chính sách.</u></p> <p><u>3. Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp của chủ sở hữu nhà nước tại ngân hàng chính sách, thực hiện quyền, trách nhiệm theo quy định của Chính phủ.</u></p>
		<p><b><u>Điều 18. Vốn điều lệ của ngân hàng chính sách</u></b>  <u>Vốn điều lệ của ngân hàng chính sách do ngân sách nhà nước cấp và được bổ sung từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác.</u></p>
		<p><b><u>Điều 19. Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng chính sách</u></b></p> <p><u>1. Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng chính sách gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cơ cấu quản trị khác theo quy định của Chính phủ.</u></p> <p><u>2. Ngân hàng chính sách được thành lập chi nhánh, sở giao dịch, phòng giao dịch và đơn vị sự nghiệp.</u></p>
		<p><b><u>Điều 20. Hội đồng quản trị của ngân hàng chính sách</u></b></p> <p><u>1. Hội đồng quản trị gồm: Chủ tịch và các thành viên.</u></p> <p><u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm.</u></p> <p><u>3. Cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị; nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị do Chính phủ quy định.</u></p> <p><u>4. Hội đồng quản trị có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng quản trị quy định.</u></p>
		<p><b><u>Điều 21. Ban kiểm soát của ngân hàng chính sách</u></b></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p><u>1. Ban kiểm soát gồm: Trưởng ban và các thành viên.</u></p> <p><u>2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 05 năm.</u></p> <p><u>3. Cơ cấu, số lượng thành viên Ban kiểm soát; nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát do Chính phủ quy định.</u></p> <p><u>4. Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của ngân hàng chính sách để thực hiện nhiệm vụ của mình.</u></p>
		<p><b><u>Điều 22. Tổng giám đốc của ngân hàng chính sách</u></b></p> <p><u>1. Tổng giám đốc của ngân hàng chính sách là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của ngân hàng chính sách.</u></p> <p><u>2. Nhiệm kỳ Tổng giám đốc là 05 năm.</u></p> <p><u>3. Tổng Giám đốc của ngân hàng chính sách do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm.</u></p>
	<p>2. Ngân hàng chính sách được Nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Ngân hàng chính sách không phải thực hiện dự trữ bắt buộc.</p>	<p><b><u>Điều 23. Bảo đảm hoạt động của ngân hàng chính sách</u></b></p> <p><u>1. Ngân hàng chính sách được Nhà nước <del>bảo</del> đảm bảo khả năng thanh toán; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>3.2. Ngân hàng chính sách không phải thực hiện dự trữ bắt buộc, không phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi.</u></p>
		<p><b><u>Điều 24. Kiểm soát nội bộ, kiểm toán, báo cáo của ngân hàng chính sách</u></b></p> <p><u>1. Ngân hàng chính sách phải thực hiện kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; xây dựng, ban hành quy trình nội bộ về các hoạt động nghiệp vụ.</u></p> <p><u>Báo cáo tài chính của ngân hàng chính sách được kiểm toán bởi kiểm toán nhà nước;</u></p> <p><u>2. Ngân hàng chính sách thực hiện chế độ báo cáo thống kê, báo cáo hoạt động theo quy định của pháp luật.</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	4. Việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định của Luật này.	<b><u>Điều 25. Xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm của ngân hàng chính sách</u></b> <del>Vốn điều lệ của ngân hàng chính sách do ngân sách nhà nước cấp và được bổ sung từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài chính hợp pháp khác. Việc thay đổi mức vốn điều lệ của ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và bảo đảm phù hợp với nhu cầu, nhiệm vụ của ngân hàng chính sách trong từng thời kỳ.</del> <b><u>Ngân hàng chính sách được áp dụng quy định của Luật này để xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định của Luật này.</u></b>
	5. Việc thành lập, tổ chức, hoạt động, cơ chế tài chính, tổ chức lại, giải thể và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định tại Điều này và quy định của Chính phủ.	<b><u>Điều 26. Cơ chế tài chính, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách</u></b> <del>5. Việc thành lập, tổ chức, hoạt động, cơ chế tài chính, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách</del> và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định tại <del>Điều</del> <b><u>Chương</u></b> này và quy định của Chính phủ.
<b>Chương II GIẤY PHÉP</b>	<b>Chương II GIẤY PHÉP</b>	<b>Chương <del>III</del> GIẤY PHÉP</b>
<b>Điều 18. Thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép</b> Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép theo quy định của Luật này.	<b>Điều 18. Thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép</b> Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép theo quy định của Luật này.	<b>Điều <del>18</del><b>27. Thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép</b></b> <b>1.</b> Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép theo quy định của Luật này. <b>2.</b> <u>Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.</u> <b>3.</b> <u>Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đồng thời là Giấy</u>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng, tổ chức nước ngoài có hoạt động ngân hàng.</u></p> <p><u>4. Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở về việc cấp, sửa đổi, bổ sung hoặc thu hồi Giấy phép để cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</u></p> <p><u>5. Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc, Trưởng văn phòng đại diện để cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</u></p>
<p><b>Điều 19. Vốn pháp định</b></p> <p>1. Chính phủ quy định mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ hoặc vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định.</p> <p>3. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể việc xử lý trường hợp khi giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài giảm thấp hơn mức vốn pháp định.</p>	<p><b>Điều 19. Vốn pháp định</b></p> <p>1. Chính phủ quy định mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ hoặc vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định.</p> <p>3. <b>Thông đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể việc xử lý trường hợp khi giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài giảm thấp hơn mức vốn pháp định.</p>	<p><b>Điều <del>19</del><sup>28</sup>. Vốn pháp định</b></p> <p>1. Chính phủ quy định mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ hoặc vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định.</p> <p><u>3. Giá trị thực của vốn điều lệ hoặc vốn được cấp được xác định bằng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp và thặng dư vốn cổ phần, công (trừ) lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán.</u></p> <p><del>3</del><sup>4</sup>. Thông đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể việc xử lý trường hợp giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, <u>hoặc</u> vốn được cấp của chi</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
<p><b>Điều 20. Điều kiện cấp Giấy phép</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;</p> <p>b) Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập hoặc thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có đủ khả năng tài chính để góp vốn.</p> <p>Điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập do Ngân hàng Nhà nước quy định;</p> <p>c) Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Luật này;</p> <p>d) Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>đ) Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;</p>	<p><b>Điều 20. Điều kiện cấp Giấy phép</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;</p> <p>b) Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập hoặc thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có <b>cam kết</b> đủ khả năng tài chính để góp vốn.</p> <p>Điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập do Ngân hàng Nhà nước quy định;</p> <p>c) Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Luật này;</p> <p>d) Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>đ) Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh <b>khả thi</b>, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;</p>	<p>nhánh ngân hàng nước ngoài giảm thấp hơn mức vốn pháp định.</p> <p><b>Điều <del>20</del>29. Điều kiện cấp Giấy phép</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;</p> <p>b) Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập hoặc thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn.</p> <p>Điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập do Ngân hàng Nhà nước quy định;</p> <p>c) Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện <del>theo</del> quy định tại Điều <del>50</del>41 của Luật này;</p> <p>d) Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật này và <del>các</del> quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>đ) Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh <b>khả thi, bảo đảm</b> không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; <del>không</del> tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Tổ chức tín dụng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp</p>



<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i>)</p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản ngày 27/9/2023</i>)</p>
<p>c) Hoạt động dự kiến xin phép thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;</p> <p>d) Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có hoạt động lành mạnh, đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có, tình hình tài chính, các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>đ) Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài; bảo đảm các tổ chức này duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn của Luật này;</p> <p>e) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.</p> <p>3. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 và các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Ngân hàng nước ngoài phải có văn bản bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn của Luật này.</p> <p>4. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:</p>	<p>c) Hoạt động dự kiến xin phép thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;</p> <p>d) Tổ chức tín dụng nước ngoài <del>phải có hoạt động lành mạnh</del>, đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có, và tình hình tài chính <b>theo quy định của Ngân hàng Nhà nước</b>, <b>đáp ứng</b> các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của <del>Ngân hàng Nhà nước</del> <b>nước nguyên xứ</b>;</p> <p>đ) Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài; bảo đảm các tổ chức này duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn của Luật này;</p> <p>e) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.</p> <p>3. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 và các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Ngân hàng nước ngoài phải có văn bản bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn của Luật này.</p> <p><b>c) Đối với đề nghị thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài thứ 2 trở lên tại Việt Nam, ngân hàng nước ngoài còn phải đảm bảo các chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt</b></p>	<p>luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;</p> <p>c) Hoạt động dự kiến xin phép thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính;</p> <p>d) Tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng <b>các</b> điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của nước nguyên xứ;</p> <p>đ) Tổ chức tín dụng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài; bảo đảm các tổ chức này duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn của Luật này;</p> <p>e) Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài.</p> <p>3. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 và các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Ngân hàng nước ngoài phải có văn bản bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn của Luật này<del>;</del></p> <p>c) Đối với đề nghị thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài thứ 2 trở lên tại Việt Nam, ngân hàng nước ngoài <del>òn</del> phải <b>đảm</b> bảo <b>các</b> <b>đảm</b> chi nhánh ngân</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>a) Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng là pháp nhân được phép hoạt động ngân hàng ở nước ngoài;</p> <p>b) Quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.</p> <p>5. Điều kiện cấp Giấy phép đối với ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p>	<p><b>Nam không vi phạm quy định của pháp luật; đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động và có kết quả kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kể ngay trước năm đề nghị thành lập chi nhánh thứ hai.</b></p> <p>4. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng là pháp nhân được phép hoạt động ngân hàng ở nước ngoài;</p> <p>b) Quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.</p> <p>5. Điều kiện cấp Giấy phép đối với ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p>	<p>hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam không vi phạm quy định của pháp luật; <b>bảo đảm</b> các tỷ lệ an toàn trong hoạt động và có kết quả kinh doanh có lãi trong 03 năm liền kể ngay trước năm đề nghị thành lập chi nhánh thứ hai.</p> <p>4. Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng là pháp nhân được phép hoạt động ngân hàng ở nước ngoài;</p> <p>b) Quy định của pháp luật của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.</p> <p>5. Điều kiện cấp Giấy phép đối với ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p>
<p><b>Điều 21. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép.</p>	<p><b>Điều 21. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép</b> <b>Thông đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép.</p>	<p><b>Điều <del>21</del><sup>30</sup>. Hồ sơ, <del>trình tự</del>, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép</b> Thông đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể hồ sơ, <del>trình tự</del>, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép. <b><u>lần đầu, cấp đổi Giấy phép.</u></b></p>
<p><b>Điều 22. Thời hạn cấp Giấy phép</b> 1. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoặc từ chối cấp Giấy phép cho tổ chức đề nghị cấp phép. 2. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoặc từ chối cấp Giấy phép cho văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.</p>	<p><b>Điều 22. Thời hạn cấp Giấy phép</b> 1. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoặc từ chối cấp Giấy phép cho tổ chức đề nghị cấp phép. 2. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoặc từ chối cấp Giấy phép cho văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.</p>	<p><b>Điều <del>22</del><sup>31</sup>. Thời hạn cấp Giấy phép</b> 1. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoặc từ chối cấp Giấy phép <del>cho</del> <b><u>thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho bên</u></b> đề nghị cấp phép. 2. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoặc từ chối cấp Giấy phép <del>cho</del> <b><u>thành lập</u></b> văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
3. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	3. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	ngoài khác có hoạt động ngân hàng <u>cho bên đề nghị cấp phép</u> . 3. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
<b>Điều 23. Lệ phí cấp Giấy phép</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được cấp Giấy phép phải nộp lệ phí cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.	<b>Điều 23. Lệ phí cấp Giấy phép</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được cấp Giấy phép <b>thành lập và hoạt động lần đầu, cấp đổi Giấy phép</b> phải nộp lệ phí cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.	<b>Điều 23<del>32</del>. Lệ phí cấp Giấy phép</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu, cấp đổi Giấy phép phải nộp lệ phí cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí, <u>và</u> lệ phí.
<b>Điều 24. Đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động</b> Sau khi được cấp Giấy phép, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đăng ký kinh doanh; văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.	<b>Điều 24. Đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động</b> Sau khi được cấp Giấy phép, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đăng ký kinh doanh; văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.	<b>(Bỏ Điều này)</b> <del>Điều 24. Đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động</del> <del>Sau khi được cấp Giấy phép, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đăng ký kinh doanh; văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.</del>
<b>Điều 25. Công bố thông tin hoạt động</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải công bố trên phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và trên một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động các thông tin sau đây: 1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; 2. Số, ngày cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và các hoạt động kinh doanh được phép thực hiện;	<b>Điều 25. Công bố thông tin hoạt động</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải công bố trên phương tiện <del>thông tin truyền</del> <b>thông</b> của Ngân hàng Nhà nước và trên một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động các thông tin sau đây: 1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; 2. Số, ngày cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận đăng ký <del>kinh doanh</del> <b>doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã</b> , Giấy chứng nhận đăng ký hoạt	<b>Điều 25<del>33</del>. Công bố thông tin về khai trương hoạt động</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải công bố trên phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và trên một tờ báo <del>viết hàng ngày</del> <u>in</u> trong 03 số liên tiếp hoặc <u>trên</u> báo điện tử của Việt Nam ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động các thông tin sau đây: 1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; 2. Số, ngày cấp Giấy phép, <del>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác</del>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>3. Vốn điều lệ hoặc vốn được cấp;</p> <p>4. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng, Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trưởng văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;</p> <p>5. Danh sách, tỷ lệ góp vốn tương ứng của cổ đông sáng lập hoặc thành viên góp vốn hoặc chủ sở hữu của tổ chức tín dụng;</p> <p>6. Ngày dự kiến khai trương hoạt động.</p>	<p>động và các hoạt động kinh doanh được phép thực hiện;</p> <p>3. Vốn điều lệ hoặc vốn được cấp;</p> <p>4. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng, Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trưởng văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;</p> <p>5. Danh sách, tỷ lệ góp vốn tương ứng của cổ đông sáng lập hoặc thành viên góp vốn hoặc chủ sở hữu của tổ chức tín dụng;</p> <p>6. Ngày dự kiến khai trương hoạt động.</p>	<p><del>xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và các hoạt động kinh doanh được phép thực hiện;</del></p> <p>3. Vốn điều lệ hoặc vốn được cấp;</p> <p>4. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> <u>Giám đốc</u>) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trưởng văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;</p> <p>5. Danh sách, tỷ lệ góp vốn tương ứng của cổ đông sáng lập hoặc thành viên góp vốn hoặc chủ sở hữu của tổ chức tín dụng;</p> <p>6. Ngày dự kiến khai trương hoạt động.</p>
<p><b>Điều 26. Điều kiện khai trương hoạt động</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được cấp Giấy phép chỉ được tiến hành hoạt động kể từ ngày khai trương hoạt động.</p> <p>2. Để khai trương hoạt động, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép phải có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Đã đăng ký Điều lệ tại Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>b) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có đủ vốn điều lệ, vốn được cấp, có kho tiền đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, có trụ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động ngân hàng;</p> <p>c) Có cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với loại hình hoạt động theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>d) Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, quy mô hoạt động;</p> <p>đ) Có quy chế quản lý nội bộ về tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban</p>	<p><b>Điều 26. Điều kiện khai trương hoạt động</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được cấp Giấy phép chỉ được tiến hành hoạt động kể từ ngày khai trương hoạt động.</p> <p>2. Để khai trương hoạt động, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép phải có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) <del>Đã đăng ký Điều lệ tại</del> <i>gửi</i> Ngân hàng Nhà nước <b>Điều lệ được cấp có thẩm quyền thông qua;</b></p> <p>b) Có Giấy chứng nhận đăng ký <del>kinh doanh</del> <b>doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã</b>, có đủ vốn điều lệ, vốn được cấp, có kho tiền đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, có trụ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động ngân hàng;</p> <p>c) Có cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với loại hình hoạt động theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>d) Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, quy mô hoạt động;</p>	<p><b>Điều 26<del>34</del>. Điều kiện khai trương hoạt động</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được cấp Giấy phép chỉ được tiến hành hoạt động kể từ ngày khai trương <del>hoạt động</del>.</p> <p>2. Để khai trương hoạt động, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép phải có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Đã gửi Ngân hàng Nhà nước Điều lệ được cấp có thẩm quyền thông qua;</p> <p>b) Có <del>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã</del>; <u>có đủ vốn điều lệ, vốn được cấp, có kho tiền, trụ sở</u> đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, <del>có trụ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động ngân hàng;</del></p> <p>c) Có cơ cấu tổ chức, <del>bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ</del>; quản lý <del>rủi ro</del>, hệ thống kiểm soát nội bộ, <u>kiểm toán nội bộ</u> phù hợp với loại hình hoạt động theo quy định của Luật này và <del>các</del> quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>d) Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, quy mô hoạt động;</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ tại trụ sở chính; quy chế nội bộ về quản lý rủi ro; quy chế về quản lý mạng lưới;</p> <p>e) Vốn điều lệ, vốn được cấp bằng đồng Việt Nam phải được gửi đầy đủ vào tài khoản phong tỏa không hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước ít nhất 30 ngày trước ngày khai trương hoạt động. Vốn điều lệ, vốn được cấp được giải tỏa khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã khai trương hoạt động;</p> <p>g) Đã công bố thông tin hoạt động theo quy định tại Điều 25 của Luật này.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải tiến hành khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về các điều kiện khai trương hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động; Ngân hàng Nhà nước đình chỉ việc khai trương hoạt động khi không đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>đ) Có quy chế quản lý nội bộ về tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ tại trụ sở chính; quy chế nội bộ về quản lý rủi ro; quy chế về quản lý mạng lưới;</p> <p>e) Vốn điều lệ, vốn được cấp bằng đồng Việt Nam phải được gửi đầy đủ vào tài khoản phong tỏa không hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước ít nhất 30 ngày trước ngày khai trương hoạt động. Vốn điều lệ, vốn được cấp được giải tỏa khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã khai trương hoạt động;</p> <p>g) Đã công bố thông tin hoạt động theo quy định tại Điều 25 của Luật này.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải tiến hành khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì <del>Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép</del> <b><i>đã cấp hết hiệu lực</i></b>.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về các điều kiện khai trương hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động; Ngân hàng Nhà nước đình chỉ việc khai trương hoạt động khi không đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này</p>	<p>đ) Có quy chế quản lý nội bộ về tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc Giám đốc</del>), các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ tại trụ sở chính; quy chế nội bộ về quản lý rủi ro; quy chế về quản lý mạng lưới;</p> <p>e) Vốn điều lệ, vốn được cấp bằng đồng Việt Nam phải được gửi đầy đủ vào tài khoản phong tỏa không hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước ít nhất 30 ngày trước ngày khai trương hoạt động. Vốn điều lệ, vốn được cấp được giải tỏa khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã khai trương hoạt động;</p> <p>g) Đã công bố thông tin <b><i>về khai trương</i></b> hoạt động theo quy định tại Điều <del>25</del><b>33</b> của Luật này.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải tiến hành khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép, <b><i>trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng</i></b>; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì Giấy phép đã cấp hết hiệu lực. <b><i>Ngân hàng Nhà nước công bố trên công thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước về Giấy phép hết hiệu lực.</i></b></p> <p>4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về <del>các</del> điều kiện khai trương hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động; Ngân hàng Nhà nước đình chỉ việc khai trương hoạt động khi không đủ <del>các</del> điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.</p>
Điều 27. Sử dụng Giấy phép	Điều 27. Sử dụng Giấy phép	Điều <del>27</del> <b>35</b> . Sử dụng Giấy phép

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>1. Tổ chức được cấp Giấy phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động đúng nội dung quy định trong Giấy phép.</p> <p>2. Tổ chức được cấp Giấy phép không được tẩy xóa, mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép.</p>	<p>1. Tổ chức được cấp Giấy phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động đúng nội dung quy định trong Giấy phép.</p> <p>2. Tổ chức được cấp Giấy phép không được tẩy xóa, mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép.</p>	<p>1. Tổ chức được cấp Giấy phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động đúng nội dung quy định trong Giấy phép.</p> <p>2. Tổ chức được cấp Giấy phép không được tẩy xóa, <u>sửa chữa</u>, mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép.</p>
<p><b>Điều 28. Thu hồi Giấy phép</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép đã cấp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép;</p> <p>b) Tổ chức tín dụng bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản, chuyển đổi hình thức pháp lý;</p> <p>c) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép;</p> <p>d) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về dự trữ bắt buộc, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động;</p> <p>đ) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyết định xử lý của Ngân hàng Nhà nước để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;</p> <p>e) Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng trong trường hợp tổ chức tín dụng nước ngoài hoặc tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng bị giải thể, phá sản hoặc bị cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức đó đặt trụ sở chính thu hồi Giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động.</p>	<p><b>Điều 28. Thu hồi Giấy phép</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép đã cấp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép;</p> <p>b) Tổ chức tín dụng bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản, chuyển đổi hình thức pháp lý;</p> <p>c) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép;</p> <p>d) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về dự trữ bắt buộc, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động;</p> <p>đ) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyết định xử lý của Ngân hàng Nhà nước để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;</p> <p>e) Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng trong trường hợp tổ chức tín dụng nước ngoài hoặc tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng bị giải thể, phá sản hoặc bị cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức đó đặt trụ sở chính thu hồi Giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động.</p>	<p><b>Điều <del>28</del><sup>36</sup>. Thu hồi Giấy phép</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép đã cấp trong <del>các</del> trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép;</p> <p>b) Tổ chức tín dụng bị chia, <del>tách</del>, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản, chuyển đổi hình thức <del>pháp lý</del><sup>tổ chức</sup>;</p> <p>c) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép;</p> <p>d) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về dự trữ bắt buộc, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động;</p> <p>đ) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyết định xử lý của Ngân hàng Nhà nước để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;</p> <p>e) Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng trong trường hợp tổ chức tín dụng nước ngoài hoặc tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng bị giải thể, phá sản hoặc bị cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức đó đặt trụ sở chính thu hồi Giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>2. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép đã cấp trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Tổ chức bị thu hồi Giấy phép phải chấm dứt ngay các hoạt động kinh doanh kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực thi hành.</p> <p>4. Quyết định thu hồi Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.</p>	<p>2. <b>Thông đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép đã cấp trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Tổ chức bị thu hồi Giấy phép phải chấm dứt ngay các hoạt động kinh doanh kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực thi hành.</p> <p>4. Quyết định thu hồi Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước công bố trên các <del>phương tiện thông tin đại chúng</del> <b>Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước</b>.</p>	<p>2. Thông đốc Ngân hàng Nhà nước quy định <del>cụ thể trình tự</del> <b>hồ sơ</b>, thủ tục thu hồi Giấy phép đã cấp trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Tổ chức bị thu hồi Giấy phép phải chấm dứt ngay <del>các</del> hoạt động kinh doanh kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực.</p> <p>4. Quyết định thu hồi Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước công bố trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước.</p>
<p><b>Điều 29. Những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện các thủ tục thay đổi một trong những nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng; tên, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>b) Mức vốn điều lệ, mức vốn được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>c) Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng;</p> <p>d) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;</p> <p>đ) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu; mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn; mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn; mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn thành cổ đông thường và ngược lại.</p> <p>Trường hợp mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn, bên mua, nhận chuyển nhượng phải đáp ứng điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên góp vốn theo quy định tại các điều 20, 70 và 71 của Luật này;</p>	<p><b>Điều 29. Những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện các thủ tục thay đổi một trong những nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng; tên, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>b) Mức vốn điều lệ, mức vốn được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>c) Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng;</p> <p>d) Nội dung, <del>phạm vi</del> và thời hạn hoạt động;</p> <p>đ) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu; mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn; <del>mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn;</del> mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn <del>thành cổ đông thường và ngược lại.</del> <b>Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông, người mua, nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng có trách nhiệm phối hợp với tổ chức tín dụng thực hiện các thủ tục xin chấp thuận đối với các nội dung quy định tại điểm này;</b></p>	<p><b>Điều 29<del>37</del>. Những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện các thủ tục thay đổi một trong những nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng; tên, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>b) Mức vốn điều lệ, mức vốn được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>c) Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng;</p> <p>d) Nội dung và thời hạn hoạt động;</p> <p>đ) Mua bán, <b>nhân</b> chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu; mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn; mua <del>bán</del>, <b>nhân</b> chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn. Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông, người mua, nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng có trách nhiệm phối hợp với tổ chức tín dụng thực hiện các thủ tục xin chấp thuận đối với các nội dung quy định tại điểm này;</p> <p>Trường hợp mua, bán, <b>nhận chuyển nhượng</b>, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng là</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>e) Tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng;</p> <p>g) Niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài.</p> <p>2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này và việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>3. Việc thay đổi mức vốn điều lệ, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn của quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>4. Khi được chấp thuận thay đổi một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng phù hợp với thay đổi đã được chấp thuận;</p> <p>b) Đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Công bố nội dung thay đổi quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này trên các phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p>	<p>Trường hợp mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn, bên mua, nhận chuyển nhượng phải đáp ứng điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên góp vốn theo quy định tại các điều 20, 70 và 71 của Luật này;</p> <p>e) Tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng;</p> <p>g) Niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài;</p> <p>2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này và việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. <b><i>Việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Luật này.</i></b></p> <p>3. Việc thay đổi <b><i>địa bàn hoạt động</i></b>, mức vốn điều lệ, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn của quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>4. Khi được chấp thuận thay đổi một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng phù hợp với <b><i>các nội dung</i></b> thay đổi đã được chấp thuận <b><i>quy định tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này</i></b>;</p> <p>b) Đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thay đổi quy định tại <b><i>điểm a, b, c, và d</i></b> khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Công bố nội dung thay đổi quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này trên các phương tiện <del>thông tin</del> <b><i>truyền thông</i></b> của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p>	<p>công ty trách nhiệm hữu hạn, bên mua, nhận chuyển nhượng phải đáp ứng điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên góp vốn theo quy định tại các điều <del>20</del><b>29</b>, <del>70</del><b>77</b> và <del>71</del><b>78</b> của Luật này;</p> <p>e) Tạm ngừng <b><i>hoạt động kinh doanh giao dịch</i></b> từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng <b><i>hoạt động giao dịch</i></b> do sự kiện bất khả kháng;</p> <p>g) Niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài;</p> <p>2. Hồ sơ, <del>trình tự</del>, thủ tục chấp thuận thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này và việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. <del>Việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Luật này.</del></p> <p>3. Việc thay đổi địa bàn hoạt động, <del>của quỹ tín dụng nhân dân</del>; <b><i>việc thay đổi</i></b> mức vốn điều lệ, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn của <b><i>ngân hàng hợp tác xã</i></b>, quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>4. Khi được chấp thuận thay đổi một hoặc một số nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải <b><i>thực hiện thủ tục sau đây</i></b>:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng phù hợp với <del>các</del> nội dung thay đổi đã được chấp thuận quy định tại <b><i>các</i></b> điểm a, b và d khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thay đổi quy định tại <b><i>các</i></b> điểm a, b, <del>e</del>, và d khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Công bố nội dung thay đổi quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này trên các phương tiện <del>thông tin</del> <b><i>truyền thông</i></b> của Ngân hàng Nhà nước và một tờ báo <del>viết hàng ngày</del> <b><i>in</i></b> trong 03 số liên tiếp hoặc <b><i>trên</i></b> báo</p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
<b>Chương III TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b>	<b>Chương III TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b>	<b>Chương <del>III</del><sup>IIIV</sup> TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b>
<b>Mục 1 CÁC QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>Mục 1 CÁC QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>Mục 1 CÁC QUY ĐỊNH CHUNG</b>
<p><b>Điều 30. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại</b></p> <p>1. Tùy theo loại hình hoạt động, sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, tổ chức tín dụng được thành lập:</p> <p>a) Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính;</p> <p>b) Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ và thủ tục thành lập, chấm dứt, giải thể đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này đối với từng loại hình tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều 30. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại</b></p> <p>1. Tùy theo loại hình hoạt động, sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, tổ chức tín dụng được thành lập:</p> <p>a) Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính;</p> <p>b) Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.</p> <p>2. <b>Thông đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ và thủ tục thành lập, chấm dứt, giải thể đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này đối với từng loại hình tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều <del>30</del><sup>38</sup>. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại</b></p> <p>1. <del>Tùy theo loại hình hoạt động, s</del>Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, tổ chức tín dụng được thành lập:</p> <p><del>a) Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính;</del> <b>thành lập và chuyên đổi hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, bao gồm: chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.</b></p> <p><del>b) Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.</del></p> <p>2. Thông đốc Ngân hàng Nhà nước quy định <del> cụ thể điều kiện, hồ sơ và,</del> thủ tục thành lập, <b>chuyên đổi hình thức pháp lý</b>, chấm dứt, giải thể đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này đối với từng loại hình tổ chức tín dụng.</p> <p><b>3. Văn bản chấp thuận việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.</b></p> <p><b>4. Ngân hàng Nhà nước thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng đặt trụ sở về việc thành lập, chấm dứt, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và thay đổi tên, địa điểm chi nhánh của tổ</b></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<u>chức tín dụng để cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</u>
<p><b>Điều 31. Điều lệ</b></p> <p>1. Điều lệ của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn không được trái với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều lệ phải có nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;</p> <p>b) Nội dung, phạm vi hoạt động;</p> <p>c) Thời hạn hoạt động;</p> <p>d) Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ;</p> <p>đ) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;</p> <p>e) Thẻ thức bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;</p> <p>g) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; của cổ đông sáng lập đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần;</p> <p>h) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; quyền, nghĩa vụ của cổ đông đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần;</p> <p>i) Người đại diện theo pháp luật;</p> <p>k) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ;</p> <p>l) Thẻ thức thông qua quyết định của tổ chức tín dụng; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;</p> <p>m) Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát;</p>	<p><b>Điều 31. Điều lệ</b></p> <p>1. Điều lệ của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn không được trái với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều lệ phải có nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;</p> <p>b) Nội dung, phạm vi hoạt động;</p> <p>c) Thời hạn hoạt động;</p> <p>d) Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ;</p> <p>đ) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;</p> <p>e) Thẻ thức bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát;</p> <p>g) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; của cổ đông sáng lập đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần;</p> <p>h) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; quyền, nghĩa vụ của cổ đông đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần;</p> <p>i) Người đại diện theo pháp luật;</p> <p>k) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ;</p> <p>l) Thẻ thức thông qua quyết định của tổ chức tín dụng; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;</p> <p>m) Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát;</p>	<p><b>Điều 31<del>39</del>. Điều lệ</b></p> <p>1. Điều lệ của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn không được trái với quy định của Luật này <del>và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</del> Điều lệ phải có nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính;</p> <p>b) Nội dung, <del>phạm vi</del> hoạt động;</p> <p>c) Thời hạn hoạt động;</p> <p>d) Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ;</p> <p>đ) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> và Ban kiểm soát;</p> <p>e) Thẻ thức bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> và Ban kiểm soát;</p> <p>g) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch <del>và các đặc điểm cơ bản khác</del> của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn;</p> <p>h) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên góp vốn đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn; quyền, nghĩa vụ của cổ đông đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần;</p> <p>i) Người đại diện theo pháp luật;</p> <p>k) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ;</p> <p>l) Thẻ thức thông qua quyết định của tổ chức tín dụng; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;</p> <p>m) Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>n) Các trường hợp giải thể;</p> <p>o) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>n) Các trường hợp giải thể; o) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.</p> <p>2. Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 77 của Luật này.</p> <p>3. Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng phải gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông qua.</p>	<p>n) Các trường hợp giải thể; o) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.</p> <p>2. Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 77 của Luật này.</p> <p>3. Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng phải gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông qua.</p>	<p>2. Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân <u>bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: thực hiện theo quy định tại Điều 77 của Luật này.</u></p> <p><u>a) Các nội dung quy định tại điểm a, b, c, d, e, i, k, l, m và o khoản 1 Điều này;</u></p> <p><u>b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>c) Các trường hợp chấm dứt và thủ tục chấm dứt tư cách thành viên;</u></p> <p><u>d) Quyền, nghĩa vụ của thành viên;</u></p> <p><u>đ) Thẻ thức tiến hành Đại hội thành viên và thông qua quyết định của Đại hội thành viên, cách thức bầu đại biểu tham dự và biểu quyết tại Đại hội thành viên trong trường hợp Đại hội thành viên tổ chức theo hình thức đại hội đại biểu;</u></p> <p><u>e) Nguyên tắc chia lãi theo vốn góp, công sức đóng góp của thành viên và mức độ sử dụng dịch vụ;</u></p> <p><u>g) Quản lý tài chính, sử dụng và xử lý tài sản, vốn, quỹ và khoản lỗ;</u></p> <p><u>h) Các trường hợp và thủ tục về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản.</u></p> <p>3. Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng phải gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông qua.</p>
<p><b>Điều 32. Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>2. Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bao gồm Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p>	<p><b>Điều 32. Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>2. Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bao gồm Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p>	<p><b>Điều <del>32</del>40. Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc Giám đốc</del>).</p> <p>2. Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bao gồm Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc Giám đốc</del>).</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
3. Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật này.	3. Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật này.	3. Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều <del>75</del> <sup>82</sup> của Luật này.
<p><b>(Điều 50. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng)</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên;</p> <p>d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kề trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này</p>	<p><b>(Điều 50. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng)</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên;</p> <p>d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kề trước đó.</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này</p>	<p><b>(Điều 50 Dự thảo trình Quốc Hội)</b></p> <p><b>Điều <del>50</del><sup>41</sup>. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều <del>33</del><sup>42</sup> của Luật này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp <u>theo quy định của Ngân hàng Nhà nước</u>;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên;</p> <p>d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, <del>người điều hành</del> của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p><u>đ) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</u></p> <p>2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kề trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i>)</p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản ngày 27/9/2023</i>)</p>
<p>là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng;</p> <p>d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>d) Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm</p> <p>4. Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;</p> <p>d) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc)</p>	<p>là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng <b>đó</b>, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng <b>đó</b> hoặc công ty con của tổ chức tín dụng <b>đó</b>;</p> <p>d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng <b>đó</b>; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng <b>đó</b>;</p> <p>đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng <b>đó</b> tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>d) Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm <b>và không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.</b></p> <p>4. Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;</p> <p>d) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám</p>	<p>thường xuyên của tổ chức tín dụng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng đó, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó;</p> <p>d) Không <del>trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc</del> đại diện sở hữu <del>từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên</del> của tổ chức tín dụng đó; không cùng người có liên quan sở hữu <u>trực tiếp, gián tiếp</u> từ <u>501%</u> vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng đó;</p> <p>đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) <del>Không thuộc đối tượng</del> <u>Tiêu chuẩn, điều kiện</u> quy định tại <u>điểm a và điểm b</u> khoản 1 Điều <del>33 của Luật</del> này;</p> <p><del>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</del></p> <p><u>eb</u>) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;</p> <p><u>c</u>) <u>C</u>ó ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>d) Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) <u>Trưởng hành viên</u> Ban kiểm soát <del>chuyên trách</del> phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm <del>và không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.</del></p> <p>4. Tổng giám đốc (<del>hoặc Giám đốc</del>) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) <del>Không thuộc đối tượng</del> <u>Tiêu chuẩn, điều kiện</u></p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i>)</p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản ngày 27/9/2023</i>)</p>
<p>doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>đ) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>5. Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật này; đối với Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;</p> <p>c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>6. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tài chính vi mô.</p>	<p>độc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>đ) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>5. Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật này; đối với Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;</p> <p>c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>6. <b>Thống đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tài chính vi mô.</p>	<p>quy định tại <b>điểm a và điểm b</b> khoản 1 Điều <del>33</del> của Luật này;</p> <p>b) <del>Có đạo đức nghề nghiệp;</del> ⇒ Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;</p> <p><b>đc)</b> Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (<del>hoặc Giám đốc</del>), Phó Tổng giám đốc (<del>hoặc Phó giám đốc</del>) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p><b>đd)</b> Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>5. Phó Tổng giám đốc (<del>hoặc Phó giám đốc</del>), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều <del>33</del><b>42</b> của Luật này; đối với Phó Tổng giám đốc (<del>hoặc Phó giám đốc</del>) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều <del>33</del><b>42</b> của Luật này;</p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;</p> <p>c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>6. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		điều hành, thành viên Ban kiểm soát của <u>ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân</u> , tổ chức tài chính vi mô.
<p><b>Điều 33. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ</b></p> <p>1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương của tổ chức tín dụng:</p> <p>a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</p> <p>c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;</p> <p>d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;</p> <p>đ) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng</p>	<p><b>Điều 33. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ</b></p> <p>1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương <i>theo quy định tại Điều lệ</i> của tổ chức tín dụng:</p> <p>a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, <i>viên chức</i> và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</p> <p>c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;</p> <p>d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;</p> <p>đ) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm</p>	<p><b>Điều <del>33</del>42. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ</b></p> <p>1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> <u>Giám đốc</u>), Phó Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> <u>Phó giám đốc</u>) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng:</p> <p>a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;</p> <p><u>ce</u>) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> <u>Giám đốc</u>), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, <u>Chủ nhiệm và các thành viên BanHội đồng</u> quản trị <u>và Tổng giám đốc hoặc Giám đốc</u> hợp tác xã <u>mà</u> tại thời điểm <u>đó</u> doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp <u>doanh nghiệp, hợp tác xã được cơ quan có thẩm quyền cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng</u> bị tuyên bố phá sản <u>vì lý do bất khả kháng theo yêu cầu nhiệm vụ</u>;</p> <p><del>d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;</del></p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>theo quy định tại Điều 37 của Luật này hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;</p> <p>e) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) không được là thành viên Ban kiểm soát của cùng tổ chức tín dụng;</p> <p>g) Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên không được là Tổng giám đốc (Giám đốc) của cùng tổ chức tín dụng;</p> <p>h) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</p> <p>2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của tổ chức tín dụng:</p> <p>a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;</p> <p>c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p> <p>d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;</p> <p>đ) Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại</p>	<p>soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật này hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;</p> <p>e) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) không được là thành viên Ban kiểm soát của cùng tổ chức tín dụng;</p> <p>g) Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên không được là Tổng giám đốc (Giám đốc) của cùng tổ chức tín dụng;</p> <p>h) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;</p> <p><b><i>i) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và chức danh tương đương của Quỹ tín dụng nhân dân đó.</i></b></p> <p>2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của tổ chức tín dụng:</p> <p>a) Người chưa thành niên, <b><i>người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi</i></b>, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;</p>	<p><del>đ)</del> Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều <del>37</del><b>47</b> - của Luật này hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;</p> <p><del>đ)</del> Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del><b> không được là thành viên Ban kiểm soát của cùng tổ chức tín dụng đó, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 của Luật này;</b></p> <p><del>g)</del> Người có liên quan của <del>Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên không được là Tổng Ban kiểm soát, Phó</del> giám đốc <del>(Giám đốc)</del> của <del>cùng tổ</del> và chức <b><u>danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của quỹ</u></b> tín dụng <b><u>nhân dân đó</u></b>;</p> <p><del>h)</del> Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;</p> <p><del>i) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và chức danh tương đương của Quỹ tín dụng nhân dân đó.</del></p> <p>2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của tổ chức tín dụng:</p>



<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;</p> <p>e) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;</p> <p>g) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>3. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của tổ chức tín dụng.</p>	<p>c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p> <p>d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;</p> <p>đ) Cán bộ, công chức, <b>viên chức</b>, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, <b><i>của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên</i></b> tại tổ chức tín dụng <b><i>hoặc được cử, chỉ định tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;</i></b></p> <p>e) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, <b><i>của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên</i></b> tại tổ chức tín dụng;</p> <p>g) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>3. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của tổ chức tín dụng.</p>	<p>a) Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, <b><u>bị tạm giam</u></b>, đang chấp hành <del>bản án, quyết định về hình sự của Tòa án</del> <b><u>phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;</u></b></p> <p>c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;</p> <p>d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;</p> <p>đ) Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, <b><u>bỏ nhiệm</u></b> tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;</p> <p>e) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng;</p> <p>g) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>3. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của tổ chức tín dụng.
<p><b>Điều 34. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng không được đồng thời là người điều hành của tổ chức tín dụng đó và của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của ngân hàng hợp tác xã. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc là thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó.</p> <p>2. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành, nhân viên của cùng một tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành tại tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của</p>	<p><b>Điều 34. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng không được đồng thời là người điều hành, <b><i>thành viên Ban kiểm soát</i></b> của tổ chức tín dụng, <del>đó</del> và của <del>tổ chức tín dụng</del> <b><i>doanh nghiệp</i></b> khác, trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của ngân hàng hợp tác xã.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, <b><i>người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp khác</i></b>, <del>trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc là thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng</del>, <b><i>doanh nghiệp khác</i></b>, <del>trừ trường hợp</del> <b><i>thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng làm người quản lý, người điều hành của công ty con của chính tổ chức tín dụng</i></b> đó.</p> <p>23. Trưởng Ban kiểm soát, <b><i>thành viên Ban kiểm soát chuyên trách của tổ chức tín dụng</i></b> không được đồng thời là <del>thành viên Ban kiểm soát</del>, người quản lý, <b><i>người điều hành</i></b> của tổ chức tín dụng khác.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát <b><i>không chuyên trách của tổ chức tín dụng</i></b> không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành, nhân viên của cùng một tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ</p>	<p><b>Điều <del>34</del>43. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng, <del>đó</del> và <b><u>là thành viên Ban kiểm soát</u></b>, <b><u>doanh nghiệp khác</u></b>, trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị <b><u>hoặc thành viên Ban kiểm soát</u></b> của ngân hàng hợp tác xã.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng không được đồng thời <b><u>đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp khác, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác</u></b>, trừ trường hợp <b><u>thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng làm người quản lý, người điều hành của công ty con của chính tổ chức tín dụng đó</u></b>. <b><u>quy định tại khoản 3 Điều này:</u></b></p> <p>a) <b><u>Người điều hành của tổ chức tín dụng đó, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của tổ chức tín dụng đó;</u></b></p> <p>b) <b><u>Người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, người quản lý của doanh nghiệp khác, trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng làm người quản lý, người điều hành của công ty con của chính tổ chức tín dụng đó hoặc của công ty mẹ của tổ chức tín dụng đó hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</u></b></p> <p>c) <b><u>Thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng</u></b></p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i>)</p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản ngày 27/9/2023</i>)</p>
<p>tổ chức tín dụng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của tổ chức tín dụng. Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p>	<p>chức tín dụng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành tại tổ chức tín dụng.</p> <p>35. Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng không được đồng thời là <del>thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của</del> <b>chính</b> tổ chức tín dụng <b>đó khác, người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác</b>, trừ trường hợp <del>tổ chức đó là công ty con của tổ chức tín dụng.</del> Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng <b>là người quản lý, người điều hành của công ty con của chính tổ chức tín dụng đó</b> không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng không được đồng thời là, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p>	<p><b>khác, doanh nghiệp khác.</b></p> <p>3. <del>Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách của tổ chức tín dụng không được đồng thời là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác.</del> <b>Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</b></p> <p>a) <b>Người điều hành của tổ chức tín dụng đó;</b></p> <p>b) <b>Người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, người quản lý của nhiều hơn 02 doanh nghiệp khác;</b></p> <p>c) <b>Thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</b></p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát <del>không chuyên trách</del> của tổ chức tín dụng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a) <del>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Người quản lý, người điều hành, của nhân viên của cùng một tổ chức tín dụng đó, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;</del></p> <p>b) <del>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành</del> <b>Nhân viên</b> của doanh nghiệp mà thành viên <del>Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên</del> Hội đồng quản trị, <del>thành viên Hội đồng thành viên,</del> <b>thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là thành viên Hội đồng quản trị,</b> người điều hành <b>hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó tại tổ chức tín dụng.</b></p> <p>5. Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> <b>Giám đốc</b>), Phó Tổng giám</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		độc <del>(hoặc Phó giám đốc)</del> và các chức danh tương đương <u>theo quy định tại Điều lệ</u> của tổ chức tín dụng không được đồng thời là <del>thành viên Ban kiểm soát của chính tổ chức tín dụng đó</del> , người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc <del>(hoặc Phó giám đốc)</del> và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng là người quản lý, người điều hành của công ty con của chính tổ chức tín dụng đó <u>hoặc của công ty mẹ của chính tổ chức tín dụng đó</u> .
<p><b>Điều 51. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.</p>	<p><b>Điều 51. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>2. <b>Thông đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.</p>	<p><b><u>(Điều 51 Dự thảo trình Quốc Hội)</u></b></p> <p><b>Điều 51<del>44</del></b>. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> của tổ chức tín dụng</p> <p>1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> của tổ chức tín dụng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> của tổ chức tín dụng phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>2. Thông đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể <u>hồ sơ</u>, thủ tục, <del>hồ sơ</del> chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách <del>những</del> người được bầu, bổ nhiệm <del>các</del> chức danh quy định tại khoản 1 Điều này.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>người đại diện theo pháp luật</u> trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.</p> <p><u>4. Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</u></p>
<p><b>Điều 35. Đương nhiên mất tư cách</b></p> <p>1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc):</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;</p> <p>b) Vi phạm quy định tại Điều 33 của Luật này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;</p> <p>c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;</p> <p>d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>đ) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>e) Khi tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;</p> <p>g) Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc (Giám đốc) hết hiệu lực;</p> <p>h) Không còn là thành viên của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác,</p>	<p><b>Điều 35. Đương nhiên mất tư cách</b></p> <p>1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc):</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;</p> <p>b) Vi phạm quy định tại Điều 33 của Luật này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;</p> <p>c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;</p> <p>d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông, <b>thành viên góp vốn</b> là tổ chức;</p> <p>đ) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>e) Khi tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;</p> <p>g) Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc (Giám đốc) hết hiệu lực;</p> <p>h) Không còn là thành viên của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác,</p>	<p><b>Điều <del>35</del>45. Những trường hợp Đ đương nhiên mất tư cách</b></p> <p>1. <del>Các</del><b>Những</b> trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc <del>(hoặc</del> Giám đốc <u>của tổ chức tín dụng</u>):</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;</p> <p>b) Vi phạm quy định tại Điều <del>33</del>42 của Luật này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;</p> <p>c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;</p> <p>d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức;</p> <p>đ) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>e) Khi tổ chức tín dụng <b>đó</b> bị thu hồi Giấy phép;</p> <p>g) Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc <del>(hoặc</del> Giám đốc) hết hiệu lực;</p> <p>h) Không còn là thành viên của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân <b>đó</b>.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các <del>đối tượng nhân sự</del> đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày <del>xác định được đối tượng trên nhân</del> <b>sự</b> đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc) của tổ chức tín dụng <u>vẫn</u> phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p>
<p><b>Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm</b></p> <p>1. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 50 của Luật này;</p> <p>đ) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;</p> <p>e) Các trường hợp khác do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định.</p> <p>2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này,</p>	<p><b>Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm</b></p> <p>1. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 50, <b>Điều 75</b> của Luật này;</p> <p>đ) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;</p> <p>e) Các trường hợp khác do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định.</p> <p>2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này,</p>	<p><b>Điều <del>36</del>46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm</b></p> <p>1. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc) của tổ chức tín dụng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><u>aa) Bị <b>Miễn nhiệm khi bị</b> hạn chế năng lực hành vi dân sự;</u></p> <p><u>b) <del>Có</del> có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng;</u></p> <p><u>c) <del>Không</del> <b>Bãi nhiệm khi không</b> tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; <u>không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật này; không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên độc lập của Hội đồng quản trị;</u></u></p> <p><u>d) <del>Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 50, Điều 75 của Luật này;</del></u></p> <p><u>đ) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập;</u></p> <p><u>ec) Các trường hợp <b>miễn nhiệm, bãi nhiệm</b> khác <del>theo</del> Điều lệ của tổ chức tín dụng <u>quy định</u>.</u></p> <p>2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên Ban</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>kiểm soát; Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> của tổ chức tín dụng <u>vẫn</u> phải chịu trách nhiệm về <del>các</del> quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các <del>đối tượng nhân sự</del> theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p>
<p><b>Điều 37. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc)</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, người điều hành tổ chức tín dụng vi phạm quy định tại Điều 34 của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; người điều hành của tổ chức tín dụng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát</p>	<p><b>Điều 37. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc)</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, người điều hành tổ chức tín dụng vi phạm quy định tại Điều 34, <i><b>khoản 9 Điều 38 của Luật này hoặc không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 50, Điều 75</b></i> của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; người điều hành của tổ chức tín dụng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội</p>	<p><b>Điều <del>37</del>47. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, <del>Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc)</del> và người điều hành tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, người điều hành tổ chức tín dụng vi phạm quy định tại Điều <del>34</del>43, và khoản 9 Điều <del>38</del>48 của Luật này hoặc <del>không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 50, Điều 75 của Luật này</del>, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao <u>hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 41 của Luật này</u>; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; <u>Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên</u>; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; người điều hành của tổ chức tín dụng <del> bị đặt vào tình trạng</del> <u>được</u> kiểm soát đặc biệt, nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
của tổ chức tín dụng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.	đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.	quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải <del>có trách nhiệm</del> tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.
<p><b>Điều 38. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ của tổ chức tín dụng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của tổ chức tín dụng, cổ đông, thành viên góp vốn và chủ sở hữu tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Trung thành với tổ chức tín dụng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của tổ chức tín dụng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của tổ chức tín dụng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của tổ chức tín dụng, cổ đông, thành viên góp vốn và chủ sở hữu tổ chức tín dụng.</p> <p>4. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của tổ chức tín dụng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của tổ chức tín dụng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>5. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.</p> <p>6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho tổ chức tín dụng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của tổ chức tín dụng và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên chấp thuận.</p> <p>7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc</p>	<p><b>Điều 38. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ của tổ chức tín dụng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, <b>Đại hội thành viên</b> hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của tổ chức tín dụng, cổ đông, thành viên góp vốn và chủ sở hữu tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Trung thành với tổ chức tín dụng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của tổ chức tín dụng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của tổ chức tín dụng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của tổ chức tín dụng, cổ đông, thành viên góp vốn và chủ sở hữu tổ chức tín dụng.</p> <p>4. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của tổ chức tín dụng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của tổ chức tín dụng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>5. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.</p> <p>6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho tổ chức tín dụng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của tổ chức tín dụng và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên chấp thuận.</p>	<p><b>Điều <del>38</del>48. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. <del>Thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của</del> <b>Tuân thủ</b> pháp luật, Điều lệ của tổ chức tín dụng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Thực hiện quyền, <b>và</b> nghĩa vụ <b>được giao</b> một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của tổ chức tín dụng, cổ đông, thành viên góp vốn và chủ sở hữu tổ chức tín dụng.</p> <p>3. <del>Trung thành với tổ chức tín dụng; k</del>Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của tổ chức tín dụng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của tổ chức tín dụng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của tổ chức tín dụng, cổ đông, thành viên góp vốn và chủ sở hữu <b>của</b> tổ chức tín dụng.</p> <p>4. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của tổ chức tín dụng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của tổ chức tín dụng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>5. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.</p> <p>6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho tổ chức tín dụng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của tổ chức tín dụng và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị, Hội</p>



<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của tổ chức tín dụng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của tổ chức tín dụng.</p> <p>8. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi tổ chức tín dụng bị lỗ.</p> <p>9. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định.</p>	<p>7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của tổ chức tín dụng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của tổ chức tín dụng.</p> <p>8. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi tổ chức tín dụng bị lỗ.</p> <p>9. <b><i>Trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện các chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.</i></b></p> <p>10. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định.</p>	<p>đồng thành viên chấp thuận.</p> <p>7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của tổ chức tín dụng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của tổ chức tín dụng.</p> <p>8. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi tổ chức tín dụng bị lỗ.</p> <p>9. Trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện các chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>10. <del>Các n</del> Nghĩa vụ khác do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định.</p>
<p><b>Điều 39. Trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng phải công khai với tổ chức tín dụng các thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải</p>	<p><b>Điều 39. Trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng phải công khai với tổ chức tín dụng các thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký <del>kinh doanh</del> <b><i>doanh nghiệp</i></b>, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký <del>kinh doanh</del> <b><i>doanh nghiệp</i></b>, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1</p>	<p><b>Điều <del>39</del>49. Trách nhiệm <del>e</del>Công khai <del>các lợi ích liên quan, công bố thông tin</del></b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del>, Phó Tổng giám đốc <del>(hoặc Phó giám đốc)</del> và <del>các</del> chức danh tương đương của tổ chức tín dụng phải công khai với tổ chức tín dụng các thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, <del>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký</del> <b><i>mã số</i></b> doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ <del>5</del> <b><i>05</i></b>% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, <del>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký</del> <b><i>mã số</i></b> doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del>;</p> <p><b><i>c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân: họ</i></b></p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của tổ chức tín dụng.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức tín dụng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông, <b>Đại hội thành viên</b>, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng, <b><i>công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức tín dụng</i></b> và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của tổ chức tín dụng.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức tín dụng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p><u>và tên; số căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người công khai thông tin;</u></p> <p><u>d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, trừ trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này: tên; địa chỉ trụ sở chính; mã số doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người công khai thông tin.</u></p> <p>2. <u>Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng phải công khai với tổ chức tín dụng các thông tin sau đây:</u></p> <p><u>a) Họ và tên; số căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này.</u></p> <p><u>b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</u></p> <p><u>c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại tổ chức tín dụng đó;</u></p> <p><u>d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại tổ chức tín dụng đó.</u></p> <p>3. Các đối tượng <u>Việc công khai thông tin</u> quy định tại khoản 1 <u>và khoản 2</u> Điều này <u>phải gửi tổ chức tín dụng và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện</u> bằng văn bản <u>thông tin công khai lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này</u> trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p><u>Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ công khai với tổ chức tín dụng khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>01% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng đó so với lần công khai liền trước.</u></p> <p><del>34.</del> Tổ chức tín dụng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 <u>và khoản 2</u> Điều này <u>định kỳ hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng, công bố</u> trên trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức tín dụng <del>và được niêm yết</del>, lưu giữ tại trụ sở chính của tổ chức tín dụng <u>và gửi báo cáo</u>.</p> <p><del>46.</del> <u>Tổ chức tín dụng phải thông báo</u> bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước <del>các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này</del> trong thời hạn 07 ngày <del>làm việc</del>, kể từ ngày tổ chức tín dụng nhận được thông tin công khai. <u>Định kỳ hàng năm, tổ chức tín dụng công khai với Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng các thông tin này theo quy định tại khoản 2 Điều này.</u></p> <p><u>5. Đối tượng công khai, cung cấp thông tin phải bảo đảm thông tin công khai, cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc công khai, cung cấp thông tin đó.</u></p>
<p><b>Điều 40. Hệ thống kiểm soát nội bộ</b></p> <p>1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;</p> <p>b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản</p>	<p><b>Điều 40. Hệ thống kiểm soát nội bộ</b></p> <p>1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;</p> <p>b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản</p>	<p>(Đã được <b>chuyển thành Điều 57. Hệ thống kiểm soát nội bộ</b>)</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;</p> <p>c) Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.</p> <p>3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.</p>	<p>lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;</p> <p>c) Tuân thủ pháp luật và các <del>quy chế, quy trình, cơ chế, chính sách, quy trình</del>, quy định nội bộ.</p> <p>3. <del>Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.</del> <b>Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thuê công ty kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ khi xét thấy cần thiết.</b></p> <p><b>4. Tổ chức tín dụng phải triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</b></p>	
<p><b>Điều 41. Kiểm toán nội bộ</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng phải thành lập kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong tổ chức tín dụng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.</p> <p>3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và gửi Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều 41. Kiểm toán nội bộ</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng phải thành lập kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan <del>đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập</del> về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong tổ chức tín dụng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.</p> <p>3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho <del>Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát</del> và gửi <b>Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên</b>, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng.</p>	(Đã được chuyển thành Điều 58. Kiểm toán nội bộ)
<p><b>Điều 42. Kiểm toán độc lập</b></p> <p>1. Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt</p>	<p><b>Điều 42. Kiểm toán độc lập</b></p> <p>1. Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán <b>báo cáo</b></p>	(Đã được chuyển thành Điều 59. Kiểm toán độc lập)

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
<p>động của mình trong năm tài chính tiếp theo.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.</p> <p>4. Việc kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng là hợp tác xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 75 của Luật này.</p>	<p><b>tài chính và kiểm toán hoạt động kiểm soát nội bộ đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính các hoạt động của mình</b> trong năm tài chính tiếp theo.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.</p> <p>3. <del>Tổ chức tín dụng phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.</del></p> <p>4.3. Việc kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng là hợp tác xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 75 của Luật này.</p>	
<p><b>Mục 2</b> <b>QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN</b></p>	<p><b>Mục 2</b> <b>QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN</b></p>	<p><b>Mục 2</b> <b>QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN</b></p>
<p><b>Điều 43. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh tổ chức tín dụng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Hội đồng</p>	<p><b>Điều 43. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh tổ chức tín dụng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, <del>Hội đồng thành viên</del> không quá 05 năm <b>kể từ ngày bắt đầu nhiệm kỳ</b>. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, <del>thành viên Hội đồng thành viên</del> theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, <del>Hội đồng thành viên</del>. Thành viên Hội đồng quản trị, <del>thành viên Hội đồng thành viên</del> có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, <del>thành viên Hội đồng thành viên</del> được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm</p>	<p><b>Điều 43<del>50</del></b>. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên</p> <p>1. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh tổ chức tín dụng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu.</p> <p>2. <u>Trường hợp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 69 và điểm a khoản 1 Điều 73 của Luật này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, tổ chức tín dụng phải bổ sung đủ số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 169 của Luật này</u><del>Hội đồng quản trị, của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>thành viên. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, tổ chức tín dụng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên.</p> <p>4. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên sử dụng con dấu của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</p> <p>5. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên có Thư ký để giúp việc cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quy định.</p> <p>6. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>kỳ Hội đồng quản trị, <del>Hội đồng thành viên</del>. Hội đồng quản trị, <del>Hội đồng thành viên</del> của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị, <del>Hội đồng thành viên</del> của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p><b><i>Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên không quá 05 năm kể từ ngày bắt đầu nhiệm kỳ. Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i></b></p> <p>3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định <b><i>tại khoản 1 Điều 62 (đối với tổ chức tín dụng cổ phần), điểm a khoản 1 Điều 66 (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và khoản 1 Điều 70 (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên) của Luật này</i></b> tại Điều lệ của tổ chức tín dụng thì trong thời hạn <del>60</del><b>90</b> ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên <b><i>tối thiểu</i></b>, tổ chức tín dụng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, <b><i>trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 163 của Luật này.</i></b></p> <p>4. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên sử dụng con dấu của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</p> <p>5. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên có <del>Thư ký để</del> <b><i>Bộ phận</i></b> giúp việc cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên. Chức năng, nhiệm vụ của <del>Thư ký</del><b><i>Bộ phận giúp việc</i></b> do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quy định.</p> <p>6. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy</p>	<p><del>cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</del></p> <p><b><u>Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên không quá 05 năm kể từ ngày bắt đầu nhiệm kỳ.</u></b></p> <p><del>Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</del></p> <p><del>3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 62 (đối với tổ chức tín dụng cổ phần), điểm a khoản 1 Điều 66 (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và khoản 1 Điều 70 (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn 02 thành viên trở lên) của Luật này thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, tổ chức tín dụng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 163 của Luật này.</del></p> <p><del>4.3.</del> Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên sử dụng con dấu của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</p> <p><del>5.4.</del> Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên có Bộ phận giúp việc <del>cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên</del>. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận giúp việc do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quy định.</p> <p><del>6.5.</del> Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên <b><u>quy quyết</u></b> định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
	ban Nhân sự. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.	
<p><b>Điều 44. Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.</p> <p>2. Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng có ít nhất 03 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.</p> <p>3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của tổ chức tín dụng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc</p>	<p><b>Điều 44. Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.</p> <p>2. Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng có ít nhất 03 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định, trong đó phải có ít nhất <del>một</del> <b>hai</b> phần <del>hai</del> <b>ba</b> tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.</p> <p>3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của tổ chức tín dụng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, <b>trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.</b> Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p><b>5. Nhiệm kỳ của Trưởng Ban kiểm soát và các Thành viên Ban kiểm soát tại các tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng nhưng không quá 05 năm.</b></p>	<p><b>Điều 44<del>5</del>1. Ban kiểm soát <del>và cơ cấu Ban kiểm soát</del></b></p> <p>1. Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.</p> <p>2. Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng có ít nhất 03 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định, <del>trong đó phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.</del></p> <p>3. Ban kiểm soát có <b>bộ phận kiểm toán nội bộ,</b> <del>bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ,</del> được sử dụng các nguồn lực của tổ chức tín dụng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, <del>trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.</del> <b>Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</b> Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>5. Nhiệm kỳ của Trưởng Ban kiểm soát và <del>các</del> <b>T</b>hành viên Ban kiểm soát tại <del>các</del> tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng nhưng</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, tổ chức tín dụng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.	<del>5- 6.</del> Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ <del>hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ</del> số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng thì trong thời hạn <del>60</del> 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, tổ chức tín dụng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.	không quá 05 năm. 6. Trường hợp <del>số thành viên</del> Ban kiểm soát <b>có số thành viên không đạt hơn</b> số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số <del>lượng</del> thành viên <b>tối thiểu</b> , tổ chức tín dụng phải bổ sung đủ số <del>lượng</del> thành viên Ban kiểm soát.
<p><b>Điều 45. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng trong việc quản trị, điều hành tổ chức tín dụng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.</p> <p>2a. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</p> <p>3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của tổ chức tín dụng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên trước khi trình báo cáo</p>	<p><b>Điều 45. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng trong việc quản trị, điều hành tổ chức tín dụng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.</p> <p>3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của tổ chức tín dụng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn.</p> <p>5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công</p>	<p><b>Điều 45<del>2</del></b>. <b>Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Giám sát <b>hoạt động quản trị, điều hành tổ chức tín dụng trong</b> việc tuân thủ các quy định của pháp luật <del>và</del> Điều lệ của tổ chức tín dụng <del>trong việc quản trị, điều hành tổ chức tín dụng; và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên</del>; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ <del>hàng năm</del> hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.</p> <p>3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp <b>đầy</b> đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>4. <b>Giám sát thực trạng tài chính</b>, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và <del>hàng năm</del> hàng năm của tổ chức tín dụng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; <del>đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</del> Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Hội đồng</p>



<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn.</p> <p>5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của tổ chức tín dụng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn hoặc Hội đồng thành viên phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.</p> <p>6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên khi phát hiện người quản lý tổ chức tín dụng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.</p> <p>7. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</p> <p>8. Đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>9. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>10. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>việc quản lý, điều hành hoạt động của tổ chức tín dụng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn hoặc Hội đồng thành viên phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.</p> <p>6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên khi phát hiện người quản lý tổ chức tín dụng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.</p> <p>7. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</p> <p>8. Đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>9. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</p> <p>11. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>thành viên trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn.</p> <p><u>5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định; hợp đồng, giao dịch khác của tổ chức tín dụng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên. Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung này cho Chủ sở hữu, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.</u></p> <p><u>56.</u> Kiểm tra sổ <u>sách</u> kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của tổ chức tín dụng khi xét thấy cần thiết hoặc <u>trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a)</u> Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><u>b)</u> Theo yêu cầu của <u>Ngân hàng Nhà nước hoặc của</u> cổ đông lớn <del>hoặc</del>, nhóm cổ đông lớn <del>hoặc</del>, chủ sở hữu <del>hoặc</del>, thành viên góp vốn <del>hoặc</del>, Hội đồng thành viên phù hợp với quy định của pháp luật. <del>Ban kiểm soát</del> <u>Việc kiểm tra được</u> thực hiện <del>kiểm tra</del> trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.</p> <p><u>67.</u> Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên khi phát hiện người quản lý, <u>người điều hành của</u> tổ chức tín dụng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.</p> <p><u>78.</u> Lập danh sách cổ đông sáng lập, <u>trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là</u> cổ đông <u>lớn</u> sáng lập, cổ đông <u>sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên</u>, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p>quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> của tổ chức tín dụng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</p> <p><del>8</del><u>9</u>. Đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p><del>9</del><u>10</u>. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p><del>10</del><u>11</u>. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</p> <p><del>11</del><u>12</u>. <del>Các n</del>Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>
<p><b>Điều 46. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 45 của Luật này.</li> <li>Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.</li> <li>Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.</li> <li>Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điều 45 của Luật này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên họp bất thường.</li> <li>Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu</li> </ol>	<p><b>Điều 46. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 45 của Luật này.</li> <li>Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.</li> <li>Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.</li> <li>Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điều 45 của Luật này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên họp bất thường.</li> <li>Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu</li> </ol>	<p><b>Điều <del>46</del><u>53</u>. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều <del>45</del><u>52</u> của Luật này.</li> <li><del>Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;</del> Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.</li> <li>Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.</li> <li>Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại <u>khoản 9</u> Điều <del>45</del><u>52</u> của Luật này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên họp bất thường.</li> <li>Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, <u>có quyền</u> phát biểu ý kiến nhưng không</li> </ol>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>quyết.</p> <p>6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu, thành viên góp vốn.</p> <p>7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>8. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.</p> <p>9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.</p> <p>11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>quyết.</p> <p>6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu, thành viên góp vốn.</p> <p>7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>8. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.</p> <p>9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.</p> <p>11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>được biểu quyết.</p> <p>6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu, thành viên góp vốn.</p> <p>7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>8. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.</p> <p>9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.</p> <p>11. <del>Các</del> Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>
<p><b>Điều 47. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của tổ chức tín dụng và của cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu.</p> <p>2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.</p> <p>4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.</p>	<p><b>Điều 47. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của tổ chức tín dụng và của cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu.</p> <p>2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát, <i>trừ trường hợp quy định điểm đ khoản 1 Điều 66 của Luật này.</i></p> <p>3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.</p> <p>4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.</p>	<p><b>Điều <del>47</del>54. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của tổ chức tín dụng và của cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu.</p> <p>2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định điểm <del>đ</del>c khoản 1 Điều <del>66</del>73 của Luật này.</p> <p>3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.</p> <p>4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của tổ chức tín dụng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>6. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.</p> <p>7. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.</p> <p>8. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của tổ chức tín dụng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>6. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.</p> <p>7. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.</p> <p>8. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>5. <del>Được quyền y</del> <u>Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành tổ chức tín dụng.</u></p> <p>6. <u>Yêu cầu</u> cán bộ, nhân viên của tổ chức tín dụng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p><del>67.</del> Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.</p> <p><del>78.</del> Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.</p> <p><del>89.</del> <u>Các q</u> Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>
<p><b>Điều 48. Tổng giám đốc (Giám đốc)</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc thuê Tổng giám đốc (Giám đốc), trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 66 của Luật này.</p> <p>2. Tổng giám đốc (Giám đốc) là người điều hành cao nhất của tổ chức tín dụng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</p>	<p><b>Điều 48. Tổng giám đốc (Giám đốc)</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên bổ nhiệm <del>một trong số các thành viên của mình làm Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc thuê Tổng giám đốc (Giám đốc)</del> <u>với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể bổ nhiệm lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế</u>, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 66 của Luật này.</p> <p>2. Tổng giám đốc (Giám đốc) là người điều hành cao nhất của tổ chức tín dụng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</p> <p>3. <i>Trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phải bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc).</i></p>	<p><b>Điều <del>48</del>55. Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc)</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, <u>chủ sở hữu</u> bổ nhiệm Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc) với nhiệm kỳ không quá 05 năm <u>và có thể bổ nhiệm lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế</u>, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 66 của Luật này.</p> <p>2. Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc) là người điều hành cao nhất của tổ chức tín dụng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</p> <p>3. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc), Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phải bổ nhiệm Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc) trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc).</p>
<p><b>Điều 49. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc)</b></p>	<p><b>Điều 49. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc)</b></p>	<p><b>Điều <del>49</del>56. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc)</b></p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.</p> <p>2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.</p> <p>4. Lập và trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.</p> <p>5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.</p> <p>6. Báo cáo Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng.</p> <p>7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.</p> <p>8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.</p> <p>9. Đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên họp bất thường theo quy định của Luật này.</p> <p>10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội</p>	<p>1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.</p> <p>2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.</p> <p>4. Lập và trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.</p> <p>5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.</p> <p>6. Báo cáo Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng.</p> <p>7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.</p> <p>8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.</p> <p>9. Đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên họp bất thường theo quy định của Luật này.</p> <p>10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội</p>	<p>1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.</p> <p>2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh <u>hàng ngày</u> của tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.</p> <p>4. Lập và trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thông qua hoặc <u>đề</u> báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính <del>–</del>; <u>ch</u>ịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.</p> <p>5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin <u>báo cáo quản lý</u>.</p> <p>6. Báo cáo Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng.</p> <p>7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, <del>dịch họa</del>, hỏa hoạn, sự cố; <u>và</u> chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.</p> <p>8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức <del>và hoạt động</del> <u>quản lý</u> của tổ chức tín dụng trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.</p> <p>9. Đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên họp bất thường <del>theo quy định của Luật này</del>.</p> <p>10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm <del>các</del> chức danh quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng, trừ <del>các</del> chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.</p> <p>11. Ký kết hợp đồng nhân danh tổ chức tín dụng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.</p> <p>12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của tổ chức tín dụng.</p> <p>13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.</p> <p>14. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.</p> <p>11. Ký kết hợp đồng nhân danh tổ chức tín dụng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.</p> <p>12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của tổ chức tín dụng.</p> <p>13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.</p> <p>14. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.</p> <p>11. Ký kết hợp đồng nhân danh tổ chức tín dụng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.</p> <p>12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của tổ chức tín dụng.</p> <p>13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.</p> <p>14. <del>Các quyền</del> Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>
<p><b>(Điều 40. Hệ thống kiểm soát nội bộ)</b></p> <p>1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;</p> <p>b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;</p> <p>c) Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.</p> <p>3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.</p>	<p><b>(Điều 40. Hệ thống kiểm soát nội bộ)</b></p> <p>1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;</p> <p>b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;</p> <p>c) Tuân thủ pháp luật và các <del>quy chế, quy trình, cơ chế, chính sách, quy trình</del>, quy định nội bộ.</p> <p>3. <del>Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.</del> <b>Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thuê công ty kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát</b></p>	<p><b>(Điều 40 Dự thảo trình Quốc Hội)</b></p> <p><b>Điều 40<del>57</del>. Hệ thống kiểm soát nội bộ</b></p> <p>1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài <del>được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước</del> và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro <del>và đạt được yêu cầu đề ra</del>.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;</p> <p>b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;</p> <p>c) Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.</p> <p>3. Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài <del>phải</del> thuê công ty kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ khi xét thấy cần thiết.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	<i>nội bộ khi xét thấy cần thiết.</i> <b>4. Tổ chức tín dụng phải triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</b>	4. Tổ chức tín dụng, <u>chi nhánh ngân hàng nước ngoài</u> <del>phải</del> <u>xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và</u> triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
<p><b>(Điều 41. Kiểm toán nội bộ)</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng phải thành lập kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong tổ chức tín dụng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.</p> <p>3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và gửi Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>(Điều 41. Kiểm toán nội bộ)</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng phải thành lập kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan <del>đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập</del> về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong tổ chức tín dụng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.</p> <p>3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho <del>Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát</del> và gửi <b>Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên</b>, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>(Điều 41 Dự thảo trình Quốc Hội)</b></p> <p><b>Điều 41<del>58</del>. Kiểm toán nội bộ</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng phải thành lập kiểm toán nội bộ <del>chuyên trách</del> thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, <del>thủ tục</del>, quy trình đã được thiết lập trong tổ chức tín dụng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.</p> <p>3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc) của tổ chức tín dụng.</p>
<p><b>(Điều 42. Kiểm toán độc lập)</b></p> <p>1. Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.</p> <p>4. Việc kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng</p>	<p><b>(Điều 42. Kiểm toán độc lập)</b></p> <p>1. Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán <b>báo cáo tài chính và kiểm toán hoạt động kiểm soát nội bộ đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính</b> <del>các hoạt động của mình</del> trong năm tài chính tiếp theo.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.</p> <p><del>3. Tổ chức tín dụng phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến</del></p>	<p><b>(Điều 42 Dự thảo trình Quốc Hội)</b></p> <p><b>Điều 42<del>59</del>. Kiểm toán độc lập</b></p> <p>1. Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán hoạt động kiểm soát nội bộ đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.</p> <p><u>3. Việc kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng</u></p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
là hợp tác xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 75 của Luật này.	ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập. 4 3. Việc kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng là hợp tác xã thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 75 của Luật này.	<del>là hợp tác xã thực hiện theo quy định tại khoản 34 Điều 75 của Luật này.</del>
<p><b>Điều 50. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên;</p> <p>d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kề trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ,</p>	<p><b>Điều 50. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên;</p> <p>d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>2. Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kề trước đó.</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ,</p>	(Đã chuyển lên thành <b>Điều 41. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng</b> )



<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng;</p> <p>d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>d) Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm</p> <p>4. Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;</p> <p>d) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám</p>	<p>con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng <b>đó</b>, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng <b>đó</b> hoặc công ty con của tổ chức tín dụng <b>đó</b>;</p> <p>d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng <b>đó</b>; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng <b>đó</b>;</p> <p>đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng <b>đó</b> tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>d) Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm <b>và không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.</b></p> <p>4. Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;</p> <p>d) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ</p>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>độc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>đ) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>5. Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật này; đối với Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;</p> <p>c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>6. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tài chính vi mô.</p>	<p>chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;</p> <p>đ) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>5. Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật này; đối với Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này;</p> <p>b) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;</p> <p>c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>6. <b>Thống đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tài chính vi mô.</p>	
<p><b>Điều 51. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng</b></p>	<p><b>Điều 51. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng</b></p>	<p>(Đã chuyển lên thành <b>Điều 44. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của tổ chức tín dụng</b>)</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.</p>	<p>1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>2. <b>Thông đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.</p>	
<p><b>Mục 3</b>  <b>TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN</b></p>	<p><b>Mục 3</b>  <b>TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN</b></p>	<p><b>Mục 3</b>  <b>TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN</b></p>
<p><b>Điều 52. Các loại cổ phần, cổ đông</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng có thể có cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:</p> <p>a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;</p> <p>b) Cổ phần ưu đãi biểu quyết.</p> <p>3. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh</p>	<p><b>Điều 52. Các loại cổ phần, cổ đông</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng có thể có cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:</p> <p>a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;</p> <p>b) Cổ phần ưu đãi biểu quyết.</p> <p>3. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh</p>	<p><b>Điều 52<del>60</del>. Các loại cổ phần, cổ đông</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng <u>là công ty</u> cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng <u>là công ty cổ phần</u> có thể có cổ phần ưu đãi. <u>Người sở hữu cổ phần ưu đãi là cổ đông ưu đãi</u>. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:</p> <p>a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;</p> <p>b) Cổ phần ưu đãi biểu quyết.</p> <p>3. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định <u>hàng</u><del>hàng</del> năm. Cổ tức được chia <u>hàng</u><del>hàng</del> năm gồm cổ tức cố định và cổ tức</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>doanh của tổ chức tín dụng và chỉ được trả khi tổ chức tín dụng có lãi. Trường hợp tổ chức tín dụng kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thường do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý, người điều hành khác của tổ chức tín dụng không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do tổ chức tín dụng đó phát hành. Người được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>4. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Quyền ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 năm, kể từ ngày tổ chức tín dụng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ quyền chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Tổ chức tín dụng cổ phần phải có tối thiểu 100</p>	<p>doanh của tổ chức tín dụng và chỉ được trả khi tổ chức tín dụng có lãi. Trường hợp tổ chức tín dụng kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thường do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý, người điều hành khác của tổ chức tín dụng không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do tổ chức tín dụng đó phát hành. Người được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>4. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Quyền ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 năm, kể từ ngày tổ chức tín dụng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký <del>kinh doanh</del> <b>doanh nghiệp</b>. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ quyền chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>thường. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng và chỉ được trả khi tổ chức tín dụng có lãi. Trường hợp tổ chức tín dụng kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thường do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> và người quản lý, người điều hành khác của tổ chức tín dụng không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do tổ chức tín dụng đó phát hành. Người được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền <b>và nghĩa vụ</b> như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>4. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Quyền ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 năm, kể từ ngày tổ chức tín dụng được cấp Giấy <del>chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</del> <b>phép</b>. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền <b>và nghĩa vụ</b> như cổ đông phổ thông, trừ quyền chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc quy định tại Mục 1đ Chương VIII của Luật này.</p>	<p>6. Tổ chức tín dụng cổ phần phải có tối thiểu 100 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc quy định tại Mục 1đ 2 Chương VIII IX của Luật này.</p>	<p>cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Tổ chức tín dụng <u>là công ty</u> cổ phần phải có tối thiểu 100 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc quy định tại Mục 2 Chương IX X của Luật này.</p>
<p><b>Điều 53. Quyền của cổ đông phổ thông</b></p> <p>1. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong tổ chức tín dụng.</p> <p>4. Được chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác của tổ chức tín dụng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>5. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác.</p> <p>6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của tổ chức tín dụng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7. Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại tổ chức tín dụng khi tổ chức tín dụng giải thể hoặc phá sản.</p> <p>8. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.</p> <p>9. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản</p>	<p><b>Điều 53. Quyền của cổ đông phổ thông</b></p> <p>1. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong tổ chức tín dụng.</p> <p>4. Được chuyển nhượng cổ phần, <b>quyền mua cổ phần</b> cho cổ đông khác của tổ chức tín dụng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>5. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin <b>về tên và địa chỉ liên lạc</b> trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác <b>của mình</b>.</p> <p>6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của tổ chức tín dụng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7. Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại tổ chức tín dụng khi tổ chức tín dụng giải thể hoặc phá sản.</p> <p>8. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.</p> <p>9. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản</p>	<p><b>Điều 53.61. Quyền của cổ đông phổ thông</b></p> <p>1. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong tổ chức tín dụng.</p> <p>4. Được chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của tổ chức tín dụng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>5. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc <u>của mình</u> trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.</p> <p>6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của tổ chức tín dụng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7. Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại tổ chức tín dụng khi tổ chức tín dụng giải thể hoặc phá sản.</p> <p>8. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ của tổ chức tín dụng không quy định. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.</p>	<p>trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ của tổ chức tín dụng không quy định. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.</p>	<p>9. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ của tổ chức tín dụng không quy định. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.</p> <p><u>10. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh tổ chức tín dụng khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho tổ chức tín dụng hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc vi phạm trách nhiệm của mình theo quy định của Luật này;</u></p> <p><u>b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;</u></p> <p><u>c) Lam dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của tổ chức tín dụng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</u></p> <p><u>d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p> <p><u>11. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</u></p>
<p><b>Điều 54. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông</b> 1. Cổ đông của tổ chức tín dụng phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây: a) Thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua trong</p>	<p><b>Điều 54. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông</b> 1. Cổ đông của tổ chức tín dụng phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây: a) Thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua trong</p>	<p><b>Điều <del>54</del>62. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông</b> 1. Cổ đông của tổ chức tín dụng phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>thời hạn do tổ chức tín dụng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của tổ chức tín dụng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi tổ chức tín dụng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng; không được góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh tổ chức tín dụng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho tổ chức tín dụng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.</p>	<p>thời hạn do tổ chức tín dụng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của tổ chức tín dụng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi tổ chức tín dụng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng; không được góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh tổ chức tín dụng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho tổ chức tín dụng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.</p>	<p>a) Thanh toán đủ <u>số tiền tương ứng với</u> số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do tổ chức tín dụng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của tổ chức tín dụng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi tổ chức tín dụng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, <u>trừ trường hợp quy định tại Điều 65 của Luật này</u>;</p> <p>c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, <u>nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp</u> để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng; không được góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Chịu trách nhiệm <u>cá nhân</u> khi nhân danh tổ chức tín dụng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh <u>và các</u>, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p><u>g) Bảo mật các thông tin được tổ chức tín dụng cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán, sao, gửi thông tin được tổ chức tín dụng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</u></p> <p>2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho tổ chức tín dụng thông</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp <u>phát hiện học cổ đông nhận ủy thác đầu tư</u> không cung cấp thông tin xác thực <u>hoặc cung cấp thông tin không chính xác</u> về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.
<p><b>Điều 55. Tỷ lệ sở hữu cổ phần</b></p> <p>1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103, khoản 3 Điều 110 của Luật này;</p> <p>b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;</p> <p>c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này.</p> <p>3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.</p> <p>4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.</p> <p>5. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% vốn điều lệ của tổ chức tín</p>	<p><b>Điều 55. Tỷ lệ sở hữu cổ phần</b></p> <p>1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá <del>5%</del> <b>3%</b> vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá <del>15%</del> <b>10%</b> vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại <b>chuyển giao bắt buộc</b> được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103, khoản 3 Điều 110 <b>109</b> của Luật này;</p> <p>b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;</p> <p>c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này.</p> <p>3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá <del>20%</del> <b>15%</b> vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.</p> <p><b>4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần thuộc sở hữu của doanh nghiệp mà cổ đông đó sở hữu từ 65% vốn điều lệ trở lên nắm giữ.</b></p> <p>4. 5. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và</p>	<p><b>Điều <del>55</del><b>63</b>. Tỷ lệ sở hữu cổ phần</b></p> <p>1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá <del>30</del><b>3</b>% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 10% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng, <del>trừ các trường hợp sau đây:</del> <u>a) Sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án chuyển giao bắt buộc được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng tại công ty con, công ty liên kết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 103, khoản 3 Điều 109 của Luật này;</u> <del>b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;</del> <del>c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này.</del></p> <p>3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng, <del>trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này.</del> Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ <del>50</del><b>5</b>% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.</p> <p>4. <u>Tỷ lệ sở hữu quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:</u> <u>a) Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại các khoản <del>1-2</del> và <del>2</del> <b>khoản 3</b> Điều <del>110</del><b>110</b> này bao gồm cả số cổ phần thuộc sở hữu của Luật này;</u></p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>dụng; các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% tổng số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ.</p>	<p>3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua, <b><i>nắm giữ</i></b> cổ phần.</p> <p>5- 6. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng; các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% tổng số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ.</p>	<p><u>b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;</u></p> <p><u>c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật này doanh nghiệp mà cổ đông đó sở hữu từ 65% vốn điều lệ trở lên nắm giữ.</u></p> <p>5. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả <b>số cổ phần sở hữu gián tiếp</b> <del>phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua, nắm giữ cổ phần.</del></p> <p>6. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng; các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% tổng số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ.</p>
<p><b>Điều 56. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần</b></p> <p>1. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.</p> <p>2. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) bị buộc</p>	<p><b>Điều 56. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần</b></p> <p>1. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.</p> <p>2. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) bị buộc</p>	<p><b>Điều 56<del>64</del>. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần</b></p> <p>1. Cổ đông <del>là</del>-cá nhân, cổ đông <del>là</del>-tổ chức có người đại diện <u>phần vốn góp tại tổ chức tín dụng</u> là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.</p> <p><u>Người đại diện phần vốn góp quy định tại khoản này không bao gồm người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng.</u></p> <p>2. Trong thời gian đang xử lý hậu quả <u>do trách nhiệm cá nhân</u> theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước <del>do trách nhiệm cá nhân</del>, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc) không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc) là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập,</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>3. Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>4. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép, cổ đông sáng lập chỉ được phép chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông sáng lập khác với điều kiện bảo đảm các tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 55 của Luật này.</p>	<p>chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án <del> cơ cấu lại</del> <b>chuyển giao bắt buộc</b> đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>3. Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>4. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép, cổ đông sáng lập chỉ được phép chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông sáng lập khác với điều kiện bảo đảm các tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 55 của Luật này.</p>	<p>hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc Giám đốc</del>) bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc Giám đốc</del>) chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>3. Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết, <b>đăng ký giao dịch</b> của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</p> <p>4. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép, cổ đông sáng lập chỉ được phép chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông sáng lập khác với điều kiện bảo đảm các tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều <del>55</del><b>63</b> của Luật này.</p>
<p><b>Điều 57. Mua lại cổ phần của cổ đông</b></p> <p>Tổ chức tín dụng chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của tổ chức tín dụng thì phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản.</p>	<p><b>Điều 57. Mua lại cổ phần của cổ đông</b></p> <p>Tổ chức tín dụng chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn <del>pháp định</del><b>điều lệ của tổ chức tín dụng</b>; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của tổ chức tín dụng thì phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản.</p>	<p><b>Điều <del>57</del><b>65</b>. Mua lại cổ phần của cổ đông</b></p> <p>Tổ chức tín dụng chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số <del>cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của tổ chức tín dụng thì phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản</del><b>tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</b></p> <p><b>1. Bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng;</b></p> <p><b>2. Giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng.</b></p>
<p><b>Điều 58. Cổ phiếu</b></p> <p>Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, tổ chức tín dụng phải phát hành cổ</p>	<p><b>Điều 58. Cổ phiếu</b></p> <p>Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, tổ chức tín dụng phải phát hành cổ</p>	<p><b>Điều <del>58</del><b>66</b>. Cổ phiếu</b></p> <p>Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, tổ chức tín dụng phải phát hành cổ phiếu</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày khai trương hoạt động đối với tổ chức tín dụng thành lập mới hoặc trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua đối với tổ chức tín dụng tăng vốn điều lệ.	phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày khai trương hoạt động đối với tổ chức tín dụng thành lập mới hoặc trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua đối với tổ chức tín dụng tăng vốn điều lệ.	cho các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày khai trương hoạt động đối với tổ chức tín dụng thành lập mới hoặc trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ <u>ổ phần số tiền</u> cam kết mua <u>cổ phần</u> đối với tổ chức tín dụng tăng vốn điều lệ.
<p><b>Điều 59. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quyết định triệu tập họp của Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật này;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của tổ chức tín dụng. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật này và</p>	<p><b>Điều 59. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quyết định triệu tập họp của Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật này;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông <del>trong</del> <u>trong</u> thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của tổ chức tín dụng. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật này và</p>	<p><b>Điều <del>59</del>67. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p><b>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp</b> Đại hội đồng cổ đông họp bất thường <del>theo quyết định triệu tập họp của Hội đồng quản trị</del> trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều <del>62</del>69 của Luật này;</p> <p>c) <del>Theo yêu cầu</del> <u>Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật này;</u></p> <p><u>d) Theo yêu cầu của</u> cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông <u>hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ;</u></p> <p><del>đđ</del> Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p><u>e) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng;</u></p> <p><del>đg</del> <u>Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</u></p> <p><b>23.</b> Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của tổ chức tín dụng <u>là công ty cổ phần</u>. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của tổ chức tín dụng;</p> <p>b) <u>Thông qua Điều lệ, Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của</u> tổ chức tín dụng;</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>e) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho tổ chức tín dụng và cổ đông của tổ chức tín dụng;</p> <p>g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của tổ chức tín dụng;</p> <p>h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>i) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;</p> <p>k) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>l) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của tổ chức tín dụng;</p> <p>m) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p> <p>n) Quyết định thành lập công ty con;</p> <p>o) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>p) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của tổ chức tín dụng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>q) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài</p>	<p>Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>e) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho tổ chức tín dụng và cổ đông của tổ chức tín dụng;</p> <p>g) Quyết định cơ cấu tổ chức, <del>bộ máy</del> quản lý điều hành của tổ chức tín dụng;</p> <p>h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>i) Thông qua <del>việc</del> <b>phương án</b> mua lại cổ phần đã bán;</p> <p>k) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>l) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của tổ chức tín dụng;</p> <p>m) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p> <p>n) Quyết định thành lập <b><i>các hiện diện thương mại ở nước ngoài</i></b>, công ty con <b><i>của tổ chức tín dụng</i></b>;</p> <p>o) Thông qua phương án góp vốn, mua, <b><i>bán</i></b> cổ phần, <b><i>vốn góp</i></b> của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị <b><i>theo giá mua hoặc giá trị ghi sổ</i></b> từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất <b><i>hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng</i></b>;</p> <p>p) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản <b><i>cổ định</i></b> của tổ chức tín dụng có giá trị <b><i>theo giá mua hoặc nguyên giá</i></b> từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của tổ chức tín</p>	<p>c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>e) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho tổ chức tín dụng và cổ đông của tổ chức tín dụng;</p> <p>g) Quyết định cơ cấu tổ chức, quản lý của tổ chức tín dụng;</p> <p>h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>i) Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;</p> <p>k) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>l) Thông qua <b><u>phương án xử lý quy định tại Điều 142 của Luật này</u></b>;</p> <p>m) <b><u>Thông qua</u></b> báo cáo tài chính <b><u>hàng</u></b> năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của tổ chức tín dụng;</p> <p><b><u>nn</u></b>) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p> <p><b><u>no</u></b>) Quyết định thành lập <b><u>các hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý</u></b> hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của tổ chức tín dụng;</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng giữa tổ chức tín dụng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của tổ chức tín dụng; công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng;</p> <p>r) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng;</p> <p>s) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định;</p> <p>c) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm b, h, p và r khoản 2 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định;</p> <p>d) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu.</p> <p>4. Quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm a, d, e và r khoản 2 Điều này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng</p>	<p>dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất <b>hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng</b>;</p> <p>q) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng giữa tổ chức tín dụng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của tổ chức tín dụng; công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng;</p> <p>r) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng;</p> <p>s) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua <del>tại cuộc họp</del> khi được số cổ đông đại diện trên 51% <b>50%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận <b>hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản</b> hoặc tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định;</p> <p>c) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm b, h, p và r khoản 2 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận <b>hoặc khi</b></p>	<p><del>op)</del> Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, <u>phân</u> vốn góp của <u>tổ chức tín dụng tại</u> doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác <u>mà giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán</u> có giá trị <u>theo giá mua hoặc giá trị ghi sổ</u> từ 20% <del>trở lên so với</del> vốn điều lệ <u>trở lên</u> của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p><del>p)</del> <u>Quyết</u> <u>định</u> đầu tư, mua, bán tài sản cố định của tổ chức tín dụng <u>mà giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán</u> có giá trị <u>theo giá mua hoặc nguyên giá</u> từ 20% <del>trở lên so với</del> vốn điều lệ <u>trở lên</u> của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p><del>qr)</del> Thông qua <del>các</del> <u>hợp đồng, giao dịch</u> có giá trị <del>trên</del> <u>từ</u> 20% vốn điều lệ <u>trở lên</u> của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng giữa tổ chức tín dụng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del>, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của tổ chức tín dụng; công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng;</p> <p><del>rs)</del> <u>Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị trên 35% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định</u>;</p> <p><del>t)</del> Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng;</p> <p><del>su)</del> <u>Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập</u>;</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
cổ đông.	<p><i>được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định;</i></p> <p>d) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu.</p> <p>4. Quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm a, d, e và r khoản 2 Điều này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>v) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn <b>khác</b> về tài chính của tổ chức tín dụng.</p> <p><b>34.</b> Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông thông qua <del>các</del> quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm c <b>và điểm d</b> khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định;</p> <p>c) Đối với quyết định về <del>các</del> vấn đề quy định tại các điểm <del>b, h, p, q</del> và <del>r</del> khoản <b>23</b> Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định;</p> <p>d) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu.</p> <p><b>45.</b> Quyết định về <del>các</del> vấn đề quy định tại các điểm a, d, <del>e</del> và <del>r</del> khoản <b>23</b> Điều này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p><b>Điều 60. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước</b></p> <p>Trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng cổ phần, Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị của tổ</p>	<p><b>Điều 60. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước</b></p> <p>Trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng cổ phần, Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị của tổ</p>	(Chuyển về điểm e khoản 2 Điều 67)

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
chức tín dụng cổ phần triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường và quyết định về nội dung Ngân hàng Nhà nước yêu cầu.	chức tín dụng cổ phần triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường và quyết định về nội dung Ngân hàng Nhà nước yêu cầu.	
<p><b>Điều 61. Báo cáo kết quả họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><b>Điều 61. Báo cáo kết quả họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><b>Điều <del>61</del>68. Báo cáo kết quả họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày <del>bế mạc</del><u>kết thúc</u> cuộc họp <u>Đại hội đồng cổ đông</u> hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.</p>
<p><b>Điều 62. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị của một tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.</p>	<p><b>Điều 62. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên. <b>Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải, trong đó có ít nhất 01 02</b> thành viên độc lập <del>và Hội đồng quản trị</del> phải có ít nhất <del>một</del> <b>hai</b> phần <del>hai</del> <b>ba</b> tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá <del>một phần ba tổng số</del> <b>02</b> thành viên Hội đồng quản trị của một tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.</p>	<p><b>Điều <del>62</del>69. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có <del>không ít hơn</del><u>ít nhất</u> 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 02 thành viên độc lập <del>và phải có ít nhất</del>, hai phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng.</p> <p><u>2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm, kể từ ngày bắt đầu nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</u></p> <p><u>23.</u> Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		một tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.
<p><b>Điều 63. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Chịu trách nhiệm triển khai việc thành lập, khai trương hoạt động của tổ chức tín dụng sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>3. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật này.</p> <p>4. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</p> <p>5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>7. Cử người đại diện vốn góp của tổ chức tín dụng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.</p> <p>8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của tổ chức tín dụng từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của tổ chức tín dụng quy định tại điểm p khoản 2 Điều 59 của Luật này.</p> <p>9. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy</p>	<p><b>Điều 63. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Chịu trách nhiệm triển khai việc thành lập, khai trương hoạt động của tổ chức tín dụng sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>3. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật này.</p> <p>4. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</p> <p>5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, <b>vốn góp</b> của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị <b>theo giá mua hoặc giá trị ghi sổ</b> dưới 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất <b>hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng</b>;</p> <p>7. Cử người đại diện vốn góp của tổ chức tín dụng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.</p> <p>8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản <b>cổ định</b> của tổ chức tín dụng có giá trị <b>theo giá mua hoặc nguyên giá</b> từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất <b>hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng</b>, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản <b>cổ</b></p>	<p><b>Điều 63<del>70</del>. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Chịu trách nhiệm triển khai việc thành lập, khai trương hoạt động của tổ chức tín dụng sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>3. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua <del>các vấn đề</del> <b>nội dung</b> thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản <del>2</del> <b>3</b> Điều <del>59</del> <b>67</b> của Luật này.</p> <p>4. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</p> <p>5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với <del>các</del> chức danh Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> <b>Giám đốc</b>), Phó Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> <b>Phó giám đốc</b>), <del>Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và người quản lý</del>, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.</p> <p><del>6. Cử người đại diện vốn góp của tổ chức tín dụng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.</del></p> <p><del>6.7.</del> Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, <b>phần</b> vốn góp của <b>tổ chức tín dụng tại</b> doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác <del>có giá trị theo</del> <b>mà</b> giá mua <b>đur kiến</b> hoặc <b>nguyên giá trong trường hợp bán</b> <b>có</b> giá trị <b>ghi sổ</b> dưới 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng; <del>7. Cử người đại diện vốn góp của tổ chức tín dụng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.</del></p> <p>8. <b>Thông qua</b> Quyết định đầu tư, <del>giao dịch</del> mua, bán tài sản <b>cổ định</b> của tổ chức tín dụng <del>có giá trị theo</del> <b>mà</b> giá mua <b>đur kiến</b> hoặc nguyên giá <b>trong trường hợp</b></p>



<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i>)</p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản ngày 27/9/2023</i>)</p>
<p>định tại khoản 7 Điều <del>128</del><b>129</b> của Luật này, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm q khoản 2 Điều 59 của Luật này.</p> <p>10. Thông qua các hợp đồng của tổ chức tín dụng với công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; các hợp đồng của tổ chức tín dụng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc (Giám đốc) thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>12. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của tổ chức tín dụng phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>13. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của tổ chức tín dụng.</p> <p>14. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.</p> <p>15. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.</p> <p>16. Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.</p> <p>17. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.</p>	<p><b>định</b> của tổ chức tín dụng quy định tại điểm p khoản 2 Điều 59 của Luật này.</p> <p>9. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều <del>128</del> <b>127</b> của Luật này, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm q khoản 2 Điều 59 của Luật này.</p> <p>10. Thông qua các hợp đồng của tổ chức tín dụng với công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; các hợp đồng của tổ chức tín dụng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc (Giám đốc) thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>12. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của tổ chức tín dụng phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>13. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của tổ chức tín dụng.</p> <p>14. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.</p> <p>15. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.</p> <p>16. Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp</p>	<p><u>bán có giá trị</u> từ 10% <del>trở lên so với</del> vốn điều lệ <u>trở lên</u> của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng, trừ <del>các khoản</del> đầu tư, <del>giao dịch</del> mua, bán tài sản có định <u>thuộc thẩm quyền quyết định</u> của <del>tổ chức tín dụng quy định tại điểm p khoản 2 Điều 59 của Luật này</del> <u>Đại hội đồng cổ đông</u>.</p> <p>9. Quyết định <del>các</del> khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều <del>127</del> <u>135</u> của Luật này, trừ <del>các</del> <u>hợp đồng</u>, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông <del>quy định tại điểm q khoản 2 Điều 59 của Luật này</del>.</p> <p>10. <u>Thông qua hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 10%</u> <del>Thông qua các hợp đồng của tổ chức tín dụng với công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; các hợp đồng của tổ chức tín dụng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn</del> 20% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác <u>thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng giữa tổ chức tín dụng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của tổ chức tín dụng; công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng</u>.</p> <p><u>11. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác</u> nhỏ hơn do Điều lệ của tổ chức tín dụng quy định. <del>Trong trường hợp, trừ</del> <u>hợp này, thành viên có liên quan không có</u> <del>đồng</del>, <u>giao dịch thuộc thẩm quyền biểu quyết</u> <del>định của Đại hội đồng cổ đông</del>.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>18. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng.</p> <p>19. Quyết định mua lại cổ phần của tổ chức tín dụng.</p> <p>20. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>24. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>25. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.</p> <p>17. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>18. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng.</p> <p>19. Quyết định mua lại cổ phần của tổ chức tín dụng <i>theo phương án được duyệt</i>.</p> <p>20. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>24. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>25. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p><del>12</del>12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá <del>hàng năm</del> về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> <u>ít nhất một năm một lần</u>.</p> <p><del>13</del>13. Ban hành <del>các</del> quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của tổ chức tín dụng phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, trừ những <del>vấn đề nội dung</del> thuộc thẩm quyền <del>của Ban kiểm soát hoặc</del> của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><del>14</del>14. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của tổ chức tín dụng.</p> <p><del>15</del>15. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.</p> <p><del>16</del>16. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.</p> <p><del>17</del>17. Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các <del>vấn đề nội dung</del> theo quy định của pháp luật.</p> <p><del>18</del>18. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.</p> <p><del>19</del>19. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng.</p> <p><del>20</del>20. Quyết định mua lại cổ phần của tổ chức tín dụng theo phương án được duyệt.</p> <p><del>21</del>21. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p><del>22</del>22. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các <del>vấn đề nội dung</del> thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p>những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p><del>22</del><u>23</u>. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><del>23</del><u>24</u>. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p><del>24</del><u>25</u>. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del>.</p> <p><del>25</del><u>26</u>. Các <del>n</del>Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>
<p><b>Điều 64. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.</li> <li>2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.</li> <li>3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.</li> <li>4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.</li> <li>5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</li> <li>6. Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.</li> <li>7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.</li> <li>8. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong</li> </ol>	<p><b>Điều 64. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.</li> <li>2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.</li> <li>3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.</li> <li>4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.</li> <li>5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</li> <li>6. Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.</li> <li>7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.</li> <li>8. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong</li> </ol>	<p><b>Điều <del>64</del><u>71</u>. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.</li> <li>2. <del>Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu</del> <u>Triệu</u> tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.</li> <li>3. <del>Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</del></li> <li>4. Tổ chức việc thông qua <u>nghị quyết</u>, quyết định của Hội đồng quản trị.</li> <li><del>4</del><u>5</u>. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện <del>các</del> <u>nghị quyết</u>, quyết định của Hội đồng quản trị.</li> <li><del>5</del><u>6</u>. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</li> <li><del>6</del><u>7</u>. Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.</li> </ol>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.</p> <p>9. Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.</p> <p>10. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.</p> <p>9. Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.</p> <p>10. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p><del>78.</del> Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><del>89.</del> Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.</p> <p><del>910.</del> <u>Phải ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.</u></p> <p><del>11.</del> Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.</p> <p><del>1012.</del> <u>Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</u></p>
<p><b>Điều 65. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của tổ chức tín dụng và cổ đông.</p> <p>2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành tổ chức tín dụng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.</p> <p>3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.</p> <p>4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.</p> <p>5. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của</p>	<p><b>Điều 65. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của tổ chức tín dụng và cổ đông.</p> <p>2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành tổ chức tín dụng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.</p> <p>3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.</p> <p>4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.</p> <p>5. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của</p>	<p><b>Điều <del>65</del>72. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của tổ chức tín dụng và cổ đông.</p> <p>2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành tổ chức tín dụng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình vấn đề có liên quan đến báo cáo.</p> <p>3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.</p> <p>4. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định <del>tại</del> của Luật này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề <u>có</u> xung đột lợi ích với thành viên đó; <del>Chịu</del> <u>Ch</u> chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.</p> <p>7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.</p> <p>7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p><u>5. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 3, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15 và 21 Điều 70 của Luật này.</u></p> <p>6. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p><del>67.</del> Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.</p> <p><del>78. Các quyền</del><b>Quyền</b>, nghĩa vụ khác theo quy định <del>tại của pháp luật và</del> Điều lệ <del>của tổ chức tín dụng.</del></p>
<p><b>Mục 4</b>  <b>TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN</b></p>	<p><b>Mục 4</b>  <b>TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN</b></p>	<p><b>Mục 4</b>  <b>TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN</b></p>
<p><b>Điều 66. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu</b></p> <p>1. Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có các quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng thành viên theo từng nhiệm kỳ, nhưng không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên;</p> <p>b) Bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền với nhiệm kỳ không quá 05 năm để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu theo quy định của Luật này. Người đại diện theo ủy quyền phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật này;</p> <p>c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng</p>	<p><b>Điều 66. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu</b></p> <p>1. Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có các quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng thành viên <b>và ghi trong Điều lệ của tổ chức tín dụng</b> theo từng nhiệm kỳ, nhưng không ít hơn 05 thành viên và không quá <del>11</del> <b>09</b> thành viên;</p> <p>b) Bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền với nhiệm kỳ không quá 05 năm để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu theo quy định của Luật này. Người đại diện theo ủy quyền phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật này;</p> <p><b>c) Phê duyệt nội dung Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng;</b></p> <p><b>d) Phê duyệt chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của tổ chức tín dụng;</b></p> <p><b>e đ) Bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm,</b> miễn nhiệm, bãi nhiệm, <del>bổ sung</del> thành viên Hội đồng</p>	<p><b>Điều <del>66</del><b>73. Quyền, nghĩa</b>Nhiệm vụ, <del>quyền hạn</del> của chủ sở hữu</b></p> <p>1. Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có các quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng thành viên và ghi trong Điều lệ của tổ chức tín dụng, nhưng không ít hơn 05 thành viên và không quá 09 thành viên;</p> <p>b) Bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền với nhiệm kỳ không quá 05 năm để thực hiện <del>các</del> nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu theo quy định của Luật này. Người đại diện theo ủy quyền phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều <del>50</del><b>41</b> của Luật này;</p> <p><del>e) Phê duyệt nội dung Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng;</del></p> <p><del>đ) Phê duyệt chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của tổ chức tín dụng;</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;</p> <p>d) Quyết định thay đổi vốn điều lệ của tổ chức tín dụng; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của tổ chức tín dụng và thay đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng;</p> <p>đ) Quyết định thành lập công ty con, công ty liên kết;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của tổ chức tín dụng;</p> <p>g) Quyết định tổ chức lại, giải thể, yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng;</p> <p>h) Quyết định mức thù lao, lương, các lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>2. Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết;</p> <p>b) Tuân thủ Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Phải xác định và tách biệt giữa tài sản của chủ sở hữu với tài sản của tổ chức tín dụng;</p> <p>d) Tuân thủ quy định của pháp luật trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa tổ chức tín dụng và chủ sở hữu;</p> <p>đ) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, <b>Trưởng Ban kiểm soát</b>, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;</p> <p>đ e) Quyết định thay đổi vốn điều lệ của tổ chức tín dụng; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của tổ chức tín dụng và thay đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng;</p> <p>đ g) Quyết định <b>chủ trương thành lập, mua lại, góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư</b> công ty con, công ty liên kết;</p> <p>e h) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của tổ chức tín dụng;</p> <p>g i) Quyết định tổ chức lại, giải thể, yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng;</p> <p>h k) Quyết định mức thù lao, lương, các lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>2. Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết;</p> <p>b) Tuân thủ Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Phải xác định và tách biệt giữa tài sản của chủ sở hữu với tài sản của tổ chức tín dụng;</p> <p>d) Tuân thủ quy định của pháp luật trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa tổ chức tín dụng và chủ sở hữu;</p> <p>đ) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p><del>đc</del> Bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm; miễn nhiệm, bãi nhiệm <b>Chủ tịch</b>, thành viên Hội đồng thành viên, <del>Chủ tịch Hội đồng thành viên</del> <b>Trưởng Ban</b>, thành viên Ban kiểm soát, <del>Trưởng Ban kiểm soát</del>, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc); Phó Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Phó giám đốc); Kế toán trưởng;</p> <p>ed) Quyết định thay đổi <b>mức</b> vốn điều lệ của tổ chức tín dụng; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của tổ chức tín dụng và <del>thay</del><b>chuyển</b> đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng;</p> <p><del>gđ</del> <b>Thông qua phương án xử lý quy định tại Điều 142 của Luật này;</b></p> <p>e) Quyết định chủ trương thành lập, mua lại, góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư <b>tại</b> công ty con, công ty liên kết;</p> <p>hg) Thông qua báo cáo tài chính <del>hàng</del><b>hàng</b> năm; quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của tổ chức tín dụng;</p> <p>ih) Quyết định tổ chức lại, giải thể, yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng;</p> <p>ki) Quyết định mức thù lao, lương, lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc);</p> <p>2. Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết;</p> <p>b) Tuân thủ Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Phải xác định và tách biệt giữa tài sản của chủ sở hữu với tài sản của tổ chức tín dụng;</p> <p>d) Tuân thủ quy định của pháp luật trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và <del>các</del> giao dịch khác giữa tổ chức tín dụng và chủ sở hữu;</p> <p>đ) <del>Các</del> <b>N</b>hiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p><b>Điều 67. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên</b></p> <p>1. Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu theo quy định; nhân danh tổ chức tín dụng thực hiện các quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Quyết định nội dung Điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Trình chủ sở hữu tổ chức tín dụng quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu quy định tại các điểm c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 66 của Luật này;</p> <p>d) Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;</p> <p>đ) Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập;</p> <p>e) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc (Giám đốc) trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc;</p> <p>g) Quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>h) Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật này;</p> <p>i) Quyết định phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của tổ chức</p>	<p><b>Điều 67. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên</b></p> <p>1. Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu theo quy định; nhân danh tổ chức tín dụng thực hiện các quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) <b>Ban hành</b> Quyết định nội dung Điều lệ, <del>sửa đổi, bổ sung</del> Điều lệ <b>sửa đổi, bổ sung</b> của tổ chức tín dụng <b>theo phê duyệt của chủ sở hữu</b>;</p> <p>b) Quyết định <b>ban hành</b> chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của tổ chức tín dụng <b>theo phê duyệt của chủ sở hữu</b>;</p> <p>c) Trình chủ sở hữu tổ chức tín dụng <b>phê duyệt</b>, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền <b>phê duyệt</b>, quyết định của chủ sở hữu quy định tại các điểm <del>e, đ, đ, e và g</del> <b>c, d, đ, e, g, h và i</b> khoản 1 Điều 66 của Luật này;</p> <p>d) Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;</p> <p>đ) Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập;</p> <p>e) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc (Giám đốc) trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc;</p> <p>g) Quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>h) Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều <del>128</del> <b>127</b> của Luật này;</p> <p>i) Quyết định phương án góp vốn, mua, <b>bán</b> cổ</p>	<p><b>Điều <del>67</del>74. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên</b></p> <p>1. Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu theo quy định; nhân danh tổ chức tín dụng thực hiện <del>các</del> quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có <b>các</b> nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Ban hành Điều lệ, <del>Điều lệ</del> sửa đổi, bổ sung <b>Điều lệ</b> của tổ chức tín dụng <del>theo phê duyệt của chủ sở hữu</del>;</p> <p>b) <b>Quyết định ban</b> <b>Ban</b> hành chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh <del>hàng</del> <b>hàng</b> năm của tổ chức tín dụng <del>theo phê duyệt của chủ sở hữu</del>;</p> <p>c) Trình chủ sở hữu <b>của</b> tổ chức tín dụng phê duyệt, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt, quyết định của chủ sở hữu quy định tại các điểm c, d, <del>đ, e, g, h</del> và <b>ig</b> khoản 1 Điều <del>66</del> <b>73</b> của Luật này;</p> <p>d) Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;</p> <p>đ) Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập;</p> <p>e) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc (<del>hoặc Giám đốc</del>) trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá <del>hàng năm</del> về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc <b>hoặc Giám đốc ít nhất một năm một lần</b>;</p> <p>g) Quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>h) Quyết định <del>các</del> khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều <del>127</del> <b>135</b> của Luật này;</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i>)</p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản ngày 27/9/2023</i>)</p>
<p>tín dụng hoặc tỷ lệ khác thấp hơn quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>k) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của tổ chức tín dụng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của tổ chức tín dụng hoặc tỷ lệ khác thấp hơn quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>l) Quyết định ký kết các hợp đồng của tổ chức tín dụng với công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; hợp đồng của tổ chức tín dụng với thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người có liên quan của họ. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;</p> <p>m) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ;</p> <p>n) Ban hành các quy định nội bộ liên quan tới tổ chức, quản trị và hoạt động của tổ chức tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>o) Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật;</p> <p>p) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng;</p> <p>q) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>phần, <b>vốn góp</b> của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị <b>theo giá mua hoặc giá trị ghi sổ</b> từ 20% trở lên so với vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của tổ chức tín dụng hoặc tỷ lệ khác thấp hơn quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>k) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản <b>cổ định</b> của tổ chức tín dụng có giá trị <b>theo giá mua hoặc nguyên giá</b> từ 20% trở lên so với vốn điều lệ được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của tổ chức tín dụng hoặc tỷ lệ khác thấp hơn quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>l) Quyết định ký kết các hợp đồng của tổ chức tín dụng với công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; hợp đồng của tổ chức tín dụng với thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người có liên quan của họ. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;</p> <p>m) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ;</p> <p>n) Ban hành các quy định nội bộ liên quan tới tổ chức, quản trị và hoạt động của tổ chức tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>o) Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật;</p> <p>p) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng;</p> <p>q) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>i) <del>Quyết định</del> <b>Thông qua</b> phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, <b>phần</b> vốn góp của <b>tổ chức tín dụng tại</b> doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác <del>có giá trị theo</del> <b>mà</b> giá mua <b>dự kiến</b> hoặc <b>nguyên giá trong trường hợp bán có</b> giá trị <b>ghi sổ</b> từ 20% <del>trở lên so với</del> <b>trở lên so với</b> vốn điều lệ <del>được trở lên của tổ chức tín dụng</del> ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của tổ chức tín dụng hoặc <b>một</b> tỷ lệ khác thấp hơn <b>theo</b> quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>k) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản <b>cổ định</b> của tổ chức tín dụng <del>có giá trị theo</del> <b>mà</b> giá mua <b>dự kiến</b> hoặc nguyên giá <b>trong trường hợp bán có giá trị</b> từ 20% <del>trở lên so với</del> <b>trở lên so với</b> vốn điều lệ <del>được trở lên của tổ chức tín dụng</del> ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất <del>của tổ chức tín dụng</del> hoặc <b>một</b> tỷ lệ khác thấp hơn <b>theo</b> quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>l) <del>Quyết định ký kết các</del> <b>Thông qua</b> hợp đồng, <b>giao dịch khác</b> của tổ chức tín dụng với công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; hợp đồng của tổ chức tín dụng với thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> <b>Giám đốc</b>), người có liên quan của họ. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;</p> <p>m) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ;</p> <p>n) Ban hành <del>các</del> quy định nội bộ liên quan <b>tới đến</b> tổ chức, quản trị và hoạt động của tổ chức tín dụng phù hợp với quy định của <b>Luật này và pháp luật có liên quan</b>;</p> <p>o) Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận <del>các vấn đề nội dung</del> <b>theo</b> quy định của pháp luật;</p> <p>p) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng;</p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p><b>Điều 68. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên.</li> <li>Xây dựng chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên.</li> <li>Triệu tập và chủ trì họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức lấy ý kiến các thành viên.</li> <li>Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên.</li> <li>Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên.</li> <li>Bảo đảm các thành viên Hội đồng thành viên nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng thành viên phải xem xét.</li> <li>Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng thành viên.</li> <li>Giám sát các thành viên Hội đồng thành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.</li> <li>Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, Hội đồng thành viên và báo cáo chủ sở hữu về kết quả đánh giá này.</li> <li>Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</li> </ol>	<p><b>Điều 68. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên.</li> <li>Xây dựng chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên.</li> <li>Triệu tập và chủ trì họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức lấy ý kiến các thành viên.</li> <li>Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên.</li> <li>Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên.</li> <li>Bảo đảm các thành viên Hội đồng thành viên nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng thành viên phải xem xét.</li> <li>Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng thành viên.</li> <li>Giám sát các thành viên Hội đồng thành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.</li> <li>Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, Hội đồng thành viên và báo cáo chủ sở hữu về kết quả đánh giá này.</li> <li>Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</li> </ol>	<p>q) <del>Các</del> Nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p><b>Điều <del>68</del><sup>75</sup>. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên.</li> <li><del>Xây dựng chương trình, nội dung, tài liệu</del> <u>Triệu tập và chủ trì</u> họp Hội đồng thành viên hoặc <del>để</del> <u>tổ chức</u> lấy ý kiến <del>các</del> thành viên.</li> <li><del>Triệu tập và chủ trì họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức lấy ý kiến các thành viên.</del></li> <li><del>43.</del> <u>Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.</u></li> <li><del>4.</del> <u>Thay mặt Hội đồng thành viên ký nghị quyết,</u> quyết định của Hội đồng thành viên.</li> <li><del>5.</del> <u>Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên.</u></li> <li><del>6.</del> <u>Bảo đảm các thành viên Hội đồng thành viên nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề nội dung</u> mà Hội đồng thành viên phải xem xét.</li> <li><del>76.</del> <u>Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng thành viên.</u></li> <li><del>87.</del> <u>Giám sát các thành viên Hội đồng thành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.</u></li> <li><del>8.</del> <u>Phải ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.</u></li> <li>Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, Hội đồng thành viên và báo cáo chủ sở hữu về kết quả đánh giá này.</li> <li><del>Các</del> <u>q</u> Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</li> </ol>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p><b>Điều 69. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên</b></p> <p>1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên theo quy chế nội bộ của Hội đồng thành viên và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thành viên một cách trung thực vì lợi ích của tổ chức tín dụng và chủ sở hữu.</p> <p>2. Có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành tổ chức tín dụng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị.</p> <p>3. Đề nghị Chủ tịch triệu tập họp Hội đồng thành viên bất thường.</p> <p>4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước Hội đồng thành viên về những quyết định của mình.</p> <p>5. Triển khai thực hiện các quyết định của chủ sở hữu và nghị quyết của Hội đồng thành viên.</p> <p>6. Có trách nhiệm giải trình trước chủ sở hữu, Hội đồng thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.</p> <p>7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều 69. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên</b></p> <p>1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên theo quy chế nội bộ của Hội đồng thành viên và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thành viên một cách trung thực vì lợi ích của tổ chức tín dụng và chủ sở hữu.</p> <p>2. Có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành tổ chức tín dụng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo tài chính <del>do đã được</del> kiểm toán viên độc lập chuẩn bị.</p> <p>3. Đề nghị Chủ tịch triệu tập họp Hội đồng thành viên bất thường.</p> <p>4. Tham dự các cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước Hội đồng thành viên về những quyết định của mình.</p> <p>5. Triển khai thực hiện các quyết định của chủ sở hữu và nghị quyết của Hội đồng thành viên.</p> <p>6. Có trách nhiệm giải trình trước chủ sở hữu, Hội đồng thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.</p> <p>7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều <del>69</del>76. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên</b></p> <p>1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên theo quy chế nội bộ của Hội đồng thành viên và <del>sự</del> phân công của Chủ tịch Hội đồng thành viên một cách trung thực vì lợi ích của tổ chức tín dụng và chủ sở hữu.</p> <p>2. Có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành tổ chức tín dụng, kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập.</p> <p>3. Đề nghị Chủ tịch <u>hội đồng thành viên</u> triệu tập họp Hội đồng thành viên bất thường.</p> <p>4. Tham dự <del>các</del> cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận và biểu quyết về tất cả <u>vấn đề nội dung</u> thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề <u>có</u> xung đột lợi ích với thành viên đó; <del>Ch</del> chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước Hội đồng thành viên về <del>những</del> quyết định của mình.</p> <p>5. Triển khai thực hiện <del>các</del> quyết định của chủ sở hữu và nghị quyết của Hội đồng thành viên.</p> <p>6. <del>Có trách nhiệm</del> <u>G</u> giải trình trước chủ sở hữu, Hội đồng thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.</p> <p>7. <del>Các</del> <u>q</u> Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>
<p style="text-align: center;"><b>Mục 5</b> <b>TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Mục 5</b> <b>TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Mục 5</b> <b>TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN</b></p>
<p><b>Điều 70. Thành viên góp vốn, nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên góp vốn</b></p> <p>1. Thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</p>	<p><b>Điều 70. Thành viên góp vốn, nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên góp vốn</b></p> <p>1. Thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</p>	<p><b>Điều <del>70</del>77. Quyền, nghĩa vụ của T thành viên góp vốn, <del>nhiệm vụ, quyền hạn</del></b></p> <p>1. Thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải là</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>phải là pháp nhân, trừ trường hợp quy định tại Điều 88 của Luật này. Tổng số thành viên không được vượt quá 05 thành viên. Tỷ lệ sở hữu tối đa của một thành viên và người có liên quan không được vượt quá 50% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Thành viên góp vốn có các quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đại diện làm thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát trên cơ sở số vốn góp của mình trong tổ chức tín dụng hoặc theo thỏa thuận giữa các thành viên góp vốn;</p> <p>b) Được cung cấp thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm và các giấy tờ tài liệu khác của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi tổ chức tín dụng đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác;</p> <p>d) Được chia tài sản còn lại của tổ chức tín dụng tương ứng với phần vốn góp khi tổ chức tín dụng giải thể hoặc phá sản;</p> <p>đ) Khiếu nại, khởi kiện thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc thành viên góp vốn.</p> <p>3. Thành viên góp vốn có các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Không được rút vốn đã góp dưới mọi hình thức, trừ trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp theo quy định tại Điều 71 của Luật này;</p> <p>b) Tuân thủ Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>phải là pháp nhân, trừ trường hợp quy định tại Điều 88 của Luật này. Tổng số thành viên không được vượt quá 05 thành viên. Tỷ lệ sở hữu tối đa của một thành viên và người có liên quan không được vượt quá 50% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, <b><i>trừ trường hợp sở hữu phần vốn góp tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án chuyển giao bắt buộc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</i></b></p> <p>2. Thành viên góp vốn có các quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đại diện làm thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát trên cơ sở số vốn góp của mình trong tổ chức tín dụng hoặc theo thỏa thuận giữa các thành viên góp vốn;</p> <p>b) Được cung cấp thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm và các giấy tờ tài liệu khác của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi tổ chức tín dụng đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác;</p> <p>d) Được chia tài sản còn lại của tổ chức tín dụng tương ứng với phần vốn góp khi tổ chức tín dụng giải thể hoặc phá sản;</p> <p>đ) Khiếu nại, khởi kiện thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc thành viên góp vốn.</p> <p>3. Thành viên góp vốn có các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Không được rút vốn đã góp dưới mọi hình thức, trừ trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp theo quy định tại Điều 71 của Luật này;</p> <p>b) Tuân thủ Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>pháp nhân, <del>trừ trường hợp quy định tại Điều 88 của Luật này.</del> Tổng số thành viên <b><u>góp vốn</u></b> không được vượt quá 05 thành viên. Tỷ lệ sở hữu tối đa của một thành viên và người có liên quan không được vượt quá 50% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, <del>trừ trường hợp sở hữu phần vốn góp tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án chuyển giao bắt buộc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</del></p> <p><b><u>Việc góp vốn và tỷ lệ sở hữu vốn góp của tổ chức trong nước và nước ngoài tại tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></b></p> <p>2. Thành viên góp vốn <b><u>của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</u></b> có các quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đại diện làm thành viên Hội đồng thành viên, <b><u>thành viên</u></b> Ban kiểm soát trên cơ sở số vốn góp của mình trong tổ chức tín dụng hoặc theo thỏa thuận giữa các thành viên góp vốn;</p> <p>b) Được cung cấp thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, <b><u>sổ sách</u></b> kế toán, báo cáo tài chính <b><u>hàng</u></b> năm và <b><u>các giấy tờ tài liệu, dữ</u></b> liệu khác của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi tổ chức tín dụng đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác;</p> <p>d) Được chia tài sản còn lại của tổ chức tín dụng tương ứng với phần vốn góp khi tổ chức tín dụng giải thể hoặc phá sản;</p> <p>đ) <b><u>Khiếu nại, Tự mình hoặc nhân danh tổ chức tín dụng</u></b> khởi kiện thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> <b><u>trong trường hợp những người này</u></b> không thực hiện <del>đúng quyền, nghĩa vụ, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp</del>, <b><u>thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời quy định của pháp</u></b> <del>của tổ chức tín</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><del>đụng hoặc</del> luật hoặc Điều lệ, nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên <del>góp vốn</del> đối với quyền và nghĩa vụ được giao và trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</p> <p>3. Thành viên góp vốn <u>của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</u> có các nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Không được rút vốn đã góp dưới mọi hình thức, trừ trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp theo quy định tại Điều 6878 của Luật này;</p> <p>b) Tuân thủ Điều lệ của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) <del>Các</del> Nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>
<p><b>Điều 71. Chuyển nhượng phần vốn góp, mua lại phần vốn góp</b></p> <p>1. Thành viên góp vốn được chuyển nhượng phần vốn góp, ưu tiên góp thêm vốn khi tổ chức tín dụng tăng vốn điều lệ.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện nhận chuyển nhượng phần vốn góp, mua lại vốn góp của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều 71. Chuyển nhượng phần vốn góp, mua lại phần vốn góp</b></p> <p>1. Thành viên góp vốn được chuyển nhượng phần vốn góp, ưu tiên góp thêm vốn khi tổ chức tín dụng tăng vốn điều lệ.</p> <p>2. <b>Thông đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện nhận chuyển nhượng phần vốn góp, mua lại vốn góp của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều 6878. Chuyển nhượng phần vốn góp, mua lại phần vốn góp</b></p> <p>1. Thành viên góp vốn được chuyển nhượng phần vốn góp, ưu tiên góp thêm vốn khi tổ chức tín dụng tăng vốn điều lệ.</p> <p>2. Thông đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện nhận chuyển nhượng phần vốn góp, mua lại <u>phần</u> vốn góp của tổ chức tín dụng.</p>
<p><b>Điều 72. Hội đồng thành viên</b></p> <p>1. Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, d, đ, h, i, k, l, m, n và o khoản 2 Điều 67 của Luật này;</p> <p>b) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động vốn;</p> <p>c) Báo cáo tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên góp vốn hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>d) Quyết định mua lại phần vốn góp theo quy định</p>	<p><b>Điều 72. Hội đồng thành viên</b></p> <p>1. Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm <del>a, b</del>, d, đ, h, i, k, l, m, n và o khoản 2 Điều 67 của Luật này;</p> <p>b) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động vốn;</p> <p>c) Báo cáo tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên góp vốn hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>d) Quyết định mua lại phần vốn góp theo quy định</p>	<p><b>Điều 6979. Hội đồng thành viên <u>của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên</u></b></p> <p><u>1. Nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên được quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng và không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên theo nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng thành viên của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</u></p> <p><u>2.</u> Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>của Luật này;</p> <p>đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng thành viên;</p> <p>e) Quyết định mức lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác đối với Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) phù hợp với quy định của Luật này, trừ trường hợp Điều lệ của tổ chức tín dụng có quy định khác;</p> <p>g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của tổ chức tín dụng;</p> <p>h) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; góp vốn thành lập công ty liên kết;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại tổ chức tín dụng;</p> <p>k) Quyết định giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng;</p> <p>l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có các quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Các quyền, nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 68 của Luật này;</p> <p>b) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng thành viên tối thiểu mỗi năm một lần;</p> <p>c) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại</p>	<p>của Luật này;</p> <p>đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng thành viên;</p> <p>e) Quyết định mức lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác đối với Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) phù hợp với quy định của Luật này, trừ trường hợp Điều lệ của tổ chức tín dụng có quy định khác;</p> <p>g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của tổ chức tín dụng;</p> <p>h) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; góp vốn thành lập công ty liên kết;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại tổ chức tín dụng;</p> <p>k) Quyết định giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng;</p> <p><b>l) Ban hành Điều lệ, Điều lệ sửa đổi, bổ sung của tổ chức tín dụng;</b></p> <p><b>m) Quyết định ban hành chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của tổ chức tín dụng;</b></p> <p>l o) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có các quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Các quyền, nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 68 của Luật này;</p> <p>b) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng thành viên tối thiểu</p>	<p>a) <del>Các</del> Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm d, đ, h, i, k, l, m, n và o khoản 2 Điều <del>64</del><sup>74</sup> của Luật này;</p> <p>b) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động vốn;</p> <p><b>c) Thông qua phương án xử lý quy định tại Điều 142 của Luật này;</b></p> <p><b>d) Báo cáo tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên góp vốn hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</b></p> <p><b>đđ) Quyết định mua lại phần vốn góp theo quy định của Luật này;</b></p> <p><b>đe) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định</b> bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del>, Phó Tổng giám đốc <del>(hoặc Phó giám đốc)</del>, Kế toán trưởng và người quản lý, người điều hành khác <b>thuộc thẩm quyền</b> theo quy định nội bộ của Hội đồng thành viên;</p> <p><b>eg) Quyết định mức lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác đối với Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) phù hợp với quy định của Luật này, trừ trường hợp Điều lệ của tổ chức tín dụng có quy định khác;</b></p> <p><b>gh) Thông qua báo cáo tài chính hàng</b> năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của tổ chức tín dụng;</p> <p><b>hi) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; góp vốn thành lập công ty liên kết;</b></p> <p><b>ik) Quyết định tổ chức lại tổ chức tín dụng;</b></p> <p><b>kl) Quyết định giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng;</b></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có các quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Các quyền, nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 69 của Luật này;</p> <p>b) Tham dự các cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên theo quy định của Luật này, trừ trường hợp không được biểu quyết theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 67 của Luật này; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về những quyết định của mình;</p> <p>c) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;</p> <p>d) Giải trình trước thành viên góp vốn, Hội đồng thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;</p> <p>đ) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p>mỗi năm một lần;</p> <p>c) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có các quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Các quyền, nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 69 của Luật này;</p> <p>b) Tham dự các cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên theo quy định của Luật này, trừ trường hợp không được biểu quyết theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 67 của Luật này; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về những quyết định của mình;</p> <p>c) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;</p> <p>d) Giải trình trước thành viên góp vốn, Hội đồng thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;</p> <p>đ) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p>	<p><del>1m</del>) Ban hành Điều lệ, <del>Điều lệ</del> sửa đổi, bổ sung <del>Điều lệ</del> của tổ chức tín dụng;</p> <p><del>m</del>n) Quyết định ban hành chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh <del>hàng</del><del>hàng</del> năm của tổ chức tín dụng;</p> <p>o) <del>Các n</del>Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p><del>23</del>. Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có các quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) <del>Các q</del>Quyền, nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, <del>7</del> và <del>8-7</del> Điều <del>6575</del> của Luật này;</p> <p>b) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng thành viên tối thiểu mỗi năm một lần;</p> <p>c) <del>Các q</del>Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.</p> <p><del>34</del>. Thành viên Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có các quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) <del>Các q</del>Quyền, nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều <del>6676</del> của Luật này;</p> <p>b) Tham dự <del>các</del> cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận và biểu quyết về tất cả <del>các vấn đề nội dung</del> thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên theo quy định của Luật này, trừ trường hợp không được biểu quyết theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều <del>6474</del> của Luật này; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về những quyết định của mình;</p> <p>c) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;</p> <p>d) Giải trình trước thành viên góp vốn, Hội đồng thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu;</p> <p>đ) <del>Các q</del>Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều <del>lệ của tổ chức tín dụng</del>.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p><b>Mục 6</b> <b>TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ HỢP TÁC XÃ</b></p>	<p><b>Mục 6</b> <b>TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ HỢP TÁC XÃ</b></p>	<p><b>Mục 6</b> <b>TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ HỢP TÁC XÃ</b></p>
<p><b>Điều 73. Tính chất và mục tiêu hoạt động</b> Tổ chức tín dụng là hợp tác xã là loại hình tổ chức tín dụng được tổ chức theo mô hình hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng nhằm mục đích chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã gồm ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p><b>Điều 73. Tính chất và mục tiêu hoạt động</b> Tổ chức tín dụng là hợp tác xã là loại hình tổ chức tín dụng được tổ chức theo mô hình hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng nhằm mục đích chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã gồm ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p><b>Điều 70<del>80</del>. Tính chất và mục tiêu hoạt động</b> Tổ chức tín dụng là hợp tác xã là loại hình tổ chức tín dụng được tổ chức theo mô hình hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng nhằm mục đích chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã gồm ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>
<p><b>Điều 74. Thành lập tổ chức tín dụng là hợp tác xã</b> 1. Thành viên của ngân hàng hợp tác xã bao gồm tất cả các quỹ tín dụng nhân dân và các pháp nhân góp vốn khác. 2. Thành viên của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm các cá nhân, hộ gia đình và các pháp nhân góp vốn khác.</p>	<p><b>Điều 74. Thành lập tổ chức tín dụng là hợp tác xã</b> 1. Thành viên của ngân hàng hợp tác xã bao gồm tất cả các quỹ tín dụng nhân dân và các pháp nhân góp vốn khác. 2. Thành viên của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm các cá nhân, hộ gia đình và các pháp nhân góp vốn khác.</p>	<p><b>Điều 71<del>81</del>. Thành lập <u>viên của</u> tổ chức tín dụng là hợp tác xã</b> 1. Thành viên của ngân hàng hợp tác xã bao gồm tất cả các quỹ tín dụng nhân dân và <del>các</del>-pháp nhân góp vốn khác. 2. Thành viên của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm <del>các</del>-cá nhân, hộ gia đình và <del>các</del>-pháp nhân góp vốn khác.</p>
<p><b>Điều 75. Cơ cấu tổ chức</b> 1. Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân bao gồm Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc). 2. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, am hiểu về hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản này.</p>	<p><b>Điều 75. Cơ cấu tổ chức</b> 1. Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân bao gồm Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc). 2. <del>Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc)</del><b>Người quản lý, người điều hành, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát</b> của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, am hiểu về hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và <b>Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc)</b> phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. <b>Thống đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể</p>	<p><b>Điều 72<del>82</del>. Cơ cấu tổ chức <u>quản lý</u></b> 1. Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân bao gồm Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc). 2. <del>Người quản lý, người điều hành, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, am hiểu về hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</del> <del>Thống đốc</del> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản này.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
3. Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải có kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.	thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản này. 3. Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải có kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.	<del>32</del> . Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải có kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện kiểm toán độc lập theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
<p><b>Điều 76. Vốn điều lệ</b></p> <p>1. Vốn điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân là tổng số vốn do các thành viên góp và được ghi vào Điều lệ.</p> <p>2. Mức vốn góp tối thiểu và tối đa của một thành viên do Đại hội thành viên quyết định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><b>Điều 76. Vốn điều lệ</b></p> <p>1. Vốn điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân là tổng số vốn do các thành viên góp và được ghi vào Điều lệ.</p> <p>2. Mức vốn góp tối thiểu và tối đa của một thành viên do Đại hội thành viên quyết định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><b>Điều <del>73</del><sup>83</sup>. Vốn điều lệ</b></p> <p>1. Vốn điều lệ của ngân hàng hợp tác xã <del>— bao gồm:</del></p> <p><u>a) Vốn góp của</u> quỹ tín dụng nhân dân <del>là tổng số thành viên;</del></p> <p><u>b) Vốn góp của pháp nhân khác;</u></p> <p><u>c) Vốn hỗ trợ của Nhà nước;</u></p> <p><u>d) Nguồn vốn <del>đ</del> hợp pháp khác.</u></p> <p>2. <u>Vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm:</u></p> <p><u>a) Vốn góp của các thành viên góp <del>và</del>;</u></p> <p><u>b) Nguồn vốn hợp pháp khác.</u></p> <p>3. <u>Vốn điều lệ của Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được ghi vào Điều lệ, bổ sung từ các nguồn sau:</u></p> <p><u>2a) Vốn góp của thành viên;</u></p> <p><u>b) Vốn hỗ trợ của nhà nước đối với ngân hàng hợp tác xã;</u></p> <p><u>c) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>d) Nguồn vốn hợp pháp khác.</u></p> <p>4. Mức vốn góp <del>tối thiểu và tối đa</del> của một thành viên do Đại hội thành viên quyết định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>
<p><b>Điều 77. Điều lệ</b></p> <p>1. Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân không được trái với quy định của Luật này, Luật hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều lệ ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải có những nội dung chủ yếu sau</p>	<p><b>Điều 77. Điều lệ</b></p> <p>1. Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân không được trái với quy định của Luật này, Luật hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Điều lệ ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải có những nội dung chủ yếu sau</p>	<p>(Bỏ Điều này, chuyển nội dung lên Điều 39. Điều lệ)</p> <p><b><del>Điều 77. Điều lệ</del></b></p> <p><del>1. Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân không được trái với quy định của Luật này, Luật hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật</del></p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>đây:</p> <p>a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính; b) Nội dung, phạm vi hoạt động; c) Thời hạn hoạt động; d) Vốn điều lệ và phương thức góp vốn;</p> <p>đ) Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc);</p> <p>e) Thể thức tiến hành Đại hội thành viên và thông qua quyết định của Đại hội thành viên; g) Quyền, nghĩa vụ của thành viên; h) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ; i) Nguyên tắc trả lương, phụ cấp và thù lao công vụ, xử lý các khoản lỗ, chia lãi theo vốn góp, công sức đóng góp của thành viên và mức độ sử dụng dịch vụ của tổ chức tín dụng; nguyên tắc trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ; k) Thể thức quản lý, sử dụng, bảo toàn và xử lý phần tài sản chung, vốn tích lũy; l) Các trường hợp và thủ tục về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; m) Thủ tục sửa đổi Điều lệ.</p> <p>2. Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông qua.</p>	<p>đây:</p> <p>a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính; b) Nội dung, phạm vi hoạt động; c) Thời hạn hoạt động; d) Vốn điều lệ; <b>mức vốn góp tối thiểu</b>; và phương thức góp vốn; <b>tăng, giảm vốn điều lệ</b>; <b>đ) Thẩm quyền kết nạp thành viên, chấm dứt tư cách thành viên</b>; <b>e) Thể thức bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát</b>; <b>đ g) Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc)</b>; <b>h) Người đại diện theo pháp luật</b>; <b>e i) Thể thức tiến hành Đại hội thành viên và thông qua quyết định của Đại hội thành viên</b>; <b>g k) Quyền, nghĩa vụ của thành viên</b>; <b>h l) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ</b>; <b>i m) Nguyên tắc trả lương, phụ cấp và thù lao công vụ, xử lý các khoản lỗ, chia lãi theo vốn góp, công sức đóng góp của thành viên và mức độ sử dụng dịch vụ của tổ chức tín dụng; nguyên tắc trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ</b>; <b>k n) Thể thức quản lý, sử dụng, bảo toàn và xử lý phần tài sản chung, vốn tích lũy</b>; <b>l o) Các trường hợp và thủ tục về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản</b>; <b>m p) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ</b>; <b>q) Các nội dung khác do Đại hội thành viên quyết định nhưng không trái với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</b></p> <p>2. Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải</p>	<p><del>có liên quan. Điều lệ ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải có những nội dung chủ yếu sau đây:</del></p> <p><del>a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính; b) Nội dung hoạt động; c) Thời hạn hoạt động; d) Vốn điều lệ; mức vốn góp tối thiểu; phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ; đ) Thẩm quyền kết nạp thành viên, chấm dứt tư cách thành viên; e) Thể thức bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát; g) Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc); h) Người đại diện theo pháp luật; i) Thể thức tiến hành Đại hội thành viên và thông qua quyết định của Đại hội thành viên; k) Quyền, nghĩa vụ của thành viên; l) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ; m) Nguyên tắc trả lương, phụ cấp và thù lao công vụ, xử lý các khoản lỗ, chia lãi theo vốn góp, công sức đóng góp của thành viên và mức độ sử dụng dịch vụ của tổ chức tín dụng; nguyên tắc trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ; n) Thể thức quản lý, sử dụng, bảo toàn và xử lý phần tài sản chung, vốn tích lũy; o) Các trường hợp và thủ tục về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; p) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ; q) Các nội dung khác do Đại hội thành viên quyết định nhưng không trái với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</del></p> <p>2. Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông qua.	<del>ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông qua.</del>
<p><b>Điều 78. Quyền của thành viên</b></p> <p>1. Tham dự Đại hội thành viên hoặc bầu đại biểu dự Đại hội thành viên, tham dự các cuộc họp thành viên và biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên.</p> <p>2. Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh được bầu khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>3. Được gửi tiền, vay vốn, chia lãi theo vốn góp và mức độ sử dụng dịch vụ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>4. Được hưởng các phúc lợi xã hội chung của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>5. Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>6. Kiến nghị những vấn đề liên quan đến hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và yêu cầu được trả lời; yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội thành viên bất thường để giải quyết những vấn đề cấp thiết.</p> <p>7. Chuyển nhượng vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>8. Xin ra khỏi ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p><b>Điều 78. Quyền của thành viên</b></p> <p>1. Tham dự Đại hội thành viên hoặc bầu đại biểu dự Đại hội thành viên, tham dự các cuộc họp thành viên và biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên.</p> <p>2. Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh được bầu khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>3. Được gửi tiền, vay vốn, chia lãi theo vốn góp và mức độ sử dụng dịch vụ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>4. Được hưởng các phúc lợi xã hội chung của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>5. Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>6. Kiến nghị những vấn đề liên quan đến hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và yêu cầu được trả lời; yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội thành viên bất thường để giải quyết những vấn đề cấp thiết.</p> <p>7. Chuyển nhượng vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>8. Xin ra khỏi ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p><b>Điều 74<del>84</del>. Quyền của thành viên</b></p> <p>1. Tham dự Đại hội thành viên hoặc bầu đại biểu dự Đại hội thành viên, tham dự <del>các</del> cuộc họp thành viên và biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên.</p> <p>2. Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và <del>các</del> chức danh được bầu khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>3. Được gửi tiền, vay vốn, chia lãi theo vốn góp và mức độ sử dụng dịch vụ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>4. Được hưởng <del>các</del> phúc lợi <del>xã hội chung</del> của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>5. Được cung cấp <del>các</del> thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; <u>được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.</u></p> <p>6. Kiến nghị <del>những vấn đề liên quan đến hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và yêu cầu được trả lời;</del> yêu cầu Hội đồng quản trị, <u>Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Ban kiểm soát giải trình về hoạt động.</u></p> <p><u>7. Yêu cầu Hội đồng quản trị.</u> Ban kiểm soát triệu tập Đại hội thành viên bất thường <del>để giải quyết những vấn đề cấp thiết.</del></p> <p><del>78.</del> Chuyển nhượng vốn góp và <del>các</del> quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác theo quy định của <del>pháp luật và Điều lệ của ngân</del> <u>Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p><u>9. Được trả lại một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp theo quy định của Ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân</u> <u>Nhà nước.</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p><del>8</del><u>10</u>. <del>Xin ra</del><u>Ra</u> khỏi ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p><del>9</del><u>11</u>. <del>Các quyền</del><u>Quyền</u> khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>
<p><b>Điều 79. Nghĩa vụ của thành viên</b></p> <p>1. Thực hiện Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và các nghị quyết của Đại hội thành viên.</p> <p>2. Góp vốn theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Hợp tác, tương trợ giữa các thành viên, góp phần xây dựng và thúc đẩy sự phát triển của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>4. Cùng chịu trách nhiệm về các khoản rủi ro, thua lỗ trong hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trong phạm vi vốn góp của mình.</p> <p>5. Hoàn trả vốn và lãi tiền vay của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo cam kết.</p> <p>6. Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p><b>Điều 79. Nghĩa vụ của thành viên</b></p> <p>1. Thực hiện Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và các nghị quyết của Đại hội thành viên.</p> <p>2. Góp vốn theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Hợp tác, tương trợ giữa các thành viên, góp phần xây dựng và thúc đẩy sự phát triển của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>4. Cùng chịu trách nhiệm về các khoản rủi ro, thua lỗ trong hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trong phạm vi vốn góp của mình.</p> <p>5. Hoàn trả vốn và lãi tiền vay của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo cam kết.</p> <p>6. Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p><b>Điều <del>79</del><u>85</u>. Nghĩa vụ của thành viên</b></p> <p>1. <u>Tuân thủ tôn chỉ, mục đích, Điều lệ, quy chế</u> của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, <del>Thực hiện Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và các</del> nghị quyết của Đại hội thành viên <del>và quyết định của Hội đồng quản trị.</del></p> <p>2. Góp <u>đủ, đúng thời hạn phần</u> vốn <u>góp đã cam kết</u> theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Hợp tác, tương trợ giữa các thành viên, góp phần xây dựng và thúc đẩy sự phát triển của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>4. <del>Cùng chịu</del><u>Chịu</u> trách nhiệm về các khoản <del>rủi ro, thua lỗ trong hoạt động</del><u>nợ và nghĩa vụ tài chính</u> của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trong phạm vi <u>phần</u> vốn góp <del>của mình</del><u>vào ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</u></p> <p>5. Hoàn trả <del>vốn gốc</del> và lãi tiền vay của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo cam kết.</p> <p>6. Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân <u>theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</u></p> <p><u>7. Chịu trách nhiệm khi nhân danh ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</u></p> <p><u>8. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</u></p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i>)</p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản ngày 27/9/2023</i>)</p>
<p><b>Điều 80. Đại hội thành viên</b></p> <p>1. Đại hội thành viên là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>2. Đại hội thành viên thảo luận và quyết định những vấn đề sau đây:</p> <p>a) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, báo cáo công khai tài chính, kế toán, dự kiến phân phối lợi nhuận và xử lý các khoản lỗ nếu có; báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>b) Phương hướng hoạt động kinh doanh năm tới;</p> <p>c) Tăng, giảm vốn điều lệ; mức vốn góp của thành viên;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Thông qua danh sách kết nạp thành viên mới và cho thành viên ra khỏi ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo đề nghị của Hội đồng quản trị; quyết định khai trừ thành viên;</p> <p>e) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể đối với quỹ tín dụng nhân dân;</p> <p>g) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;</p> <p>h) Những vấn đề khác do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc có ít nhất một phần ba tổng số thành viên đề nghị.</p>	<p><b>Điều 80. Đại hội thành viên</b></p> <p>1. Đại hội thành viên là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>2. Đại hội thành viên <del>thảo luận và quyết định những vấn đề</del> <b><u>các nội dung</u></b> sau đây:</p> <p>a) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, báo cáo công khai tài chính, kế toán, dự kiến phân phối lợi nhuận và xử lý các khoản lỗ nếu có; báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>b) Phương hướng hoạt động kinh doanh năm tới;</p> <p>c) Tăng, giảm vốn điều lệ; mức vốn góp của thành viên;</p> <p>d) <b><u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</u></b>; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát;</p> <p>đ) <del>Thông qua danh sách kết nạp thành viên mới và cho thành viên ra khỏi ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo đề nghị của Hội đồng quản trị; quyết định</del> <b><u>Quyết định khai trừ thành viên</u></b>;</p> <p>e) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể <b><u>trừ trường hợp giải thể bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước</u></b> đối với quỹ tín dụng nhân dân;</p> <p>g) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;</p> <p>h) <b><u>Các nội dung khác nhưng không trái với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan</u></b>;</p> <p>i) Những vấn đề khác do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc có ít nhất một phần ba tổng số thành viên đề nghị.</p>	<p><b>Điều <del>80</del><sup>86</sup>. Đại hội thành viên</b></p> <p>1. Đại hội thành viên là cơ quan <del>có quyền</del> quyết định cao nhất của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>2. Đại hội thành viên quyết định các nội dung sau đây:</p> <p>a) <del>Báo cáo kết quả</del> <b><u>Thông qua định hướng phát triển của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân</u></b>;</p> <p>b) <b><u>Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ</u></b>;</p> <p>c) <b><u>Thông qua quy chế</u></b> hoạt động <del>kinh doanh trong năm, báo cáo công khai tài chính, kế toán, dự kiến phân phối lợi nhuận</del> <b><u>về tổ chức và xử lý các khoản lỗ nếu có</u></b>; <del>hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân</del>;</p> <p>d) <b><u>Thông qua</u></b> báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; <b><u>về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao</u></b>;</p> <p>đ) <del>Phương hướng hoạt động</del> <b><u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác, xử lý các khoản lỗ</u></b>;</p> <p>e) <b><u>Thông qua phương án</u></b> kinh doanh, <b><u>kế hoạch phát triển thành viên hằng năm</u></b> <del>tới</del>;</p> <p>ê) <del>Tăng, giảm vốn điều lệ</del>; mức vốn góp của thành viên;</p> <p>đ) <del>Số</del> <b><u>Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ, trừ trường hợp thay đổi vốn góp của thành viên</u></b>;</p> <p>h) <b><u>Thông qua phương án xử lý quy định tại Điều 142 của Luật này</u></b>;</p> <p>i) <b><u>Thông qua số</u></b> lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát <b><u>của từng nhiệm kỳ</u></b>; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát;</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p><u>thông qua chủ trương thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc hoặc thuê Giám đốc đối với quỹ tín dụng nhân dân;</u></p> <p><u>đk) Thông qua việc đầu tư, mua, bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc báo cáo tài chính gần nhất trong trường hợp quỹ tín dụng nhân dân không phải kiểm toán hoặc tỷ lệ nhỏ hơn theo quy định của Điều lệ.</u></p> <p><u>l) Quyết định mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>m) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và thành viên;</u></p> <p><u>n) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân;</u></p> <p><u>o) Quyết định khai trừ thành viên;</u></p> <p><u>ep) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể <del>trừ trường hợp tự nguyện;</del></u></p> <p><u>q) Quyết định giải thể bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với quỹ tín dụng nhân dân;</u></p> <p><u>g) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;</u></p> <p><u>h) Các nội dung khác nhưng không trái với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;</u></p> <p><u>i) Những vấn đề pháp khắc phục biến động lớn khác về tài chính của tổ chức tín dụng;</u></p> <p><u>r) Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập;</u></p> <p><u>s) Nội dung do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc <del>ít</del> ít nhất một phần ba tổng số thành viên đề nghị;</u></p> <p><u>t) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</u></p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p><b>Điều 81. Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, bao gồm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quyết định, nhưng không ít hơn 03 thành viên.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quyết định và được ghi trong Điều lệ, ít nhất là 02 năm và không quá 05 năm.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân. Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Thủ quỹ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</p>	<p><b>Điều 81. Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, bao gồm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị <b><i>do Đại hội thành viên ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trực tiếp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín.</i></b></p> <p>2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quyết định, nhưng không ít hơn 03 thành viên <b><i>và không quá 05 thành viên đối với quỹ tín dụng nhân dân, không quá 09 thành viên đối với ngân hàng hợp tác xã. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 163 của Luật này.</i></b></p> <p>3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quyết định và được ghi trong Điều lệ, ít nhất là 02 năm và không quá 05 năm <b><i>kể từ thời điểm bầu. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</i></b></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân. Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Thủ quỹ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều <del>81</del><sup>81</sup>7. Hội đồng quản trị <u>của tổ chức tín dụng là hợp tác xã</u></b></p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, bao gồm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị <del>do Đại hội thành viên ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trực tiếp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín.</del></p> <p>2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <u>của từng nhiệm kỳ</u> do Đại hội thành viên quyết định, nhưng không ít hơn 03 thành viên và không quá <del>05 thành viên đối với quỹ tín dụng nhân dân, không quá 09 thành viên đối với ngân hàng hợp tác xã.</del> Trường hợp <del>số thành viên</del> Hội đồng quản trị <del>không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân</del> <u>ít hơn 03 thành viên</u> thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp quy định tại khoản <del>65</del><sup>65</sup> Điều <del>163</del><sup>169</sup> của Luật này.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quyết định và được ghi trong Điều lệ, <del>ít nhất là 02 năm và</del> <u>nhưng</u> không quá 05 năm kể từ thời điểm bầu. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p><u>Số lượng nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân do Ngân hàng Nhà nước quy định.</u></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân. <del>Thành viên Ban kiểm soát, Kế toán</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	<p>5. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. <b><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân có quyền, nghĩa vụ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và không được giữ chức vụ quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.</i></b></p> <p>6. <b><i>Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</i></b></p>	<p><del>trưởng, Thủ quỹ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị.</del></p> <p>5. <b><u>Hội đồng quản trị của ngân hàng hợp tác xã có Bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của Bộ phận giúp việc do Hội đồng quản trị quy định.</u></b></p> <p>6. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. <del>Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân có quyền, nghĩa vụ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và không được giữ chức vụ quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.</del></p> <p>67. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.</p>
<p><b>Điều 82. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê Tổng giám đốc (Giám đốc) theo nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên.</p> <p>2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) theo đề nghị của Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>3. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên.</p> <p>4. Chuẩn bị báo cáo đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh; phê duyệt báo cáo tài chính, báo cáo về kế hoạch hoạt động kinh doanh, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị để trình Đại hội thành viên.</p> <p>5. Chuẩn bị chương trình Đại hội thành viên và triệu tập Đại hội thành viên.</p> <p>6. Tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 82. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, <del>thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê</del> Tổng giám đốc (Giám đốc) theo nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên <b><i>đối với quỹ tín dụng nhân dân. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc đối với ngân hàng hợp tác xã.</i></b></p> <p>2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) theo đề nghị của Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>3. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên.</p> <p>4. Chuẩn bị báo cáo đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh; phê duyệt báo cáo tài chính, báo cáo về kế hoạch hoạt động kinh doanh, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị để trình Đại hội thành viên.</p> <p>5. Chuẩn bị chương trình Đại hội thành viên và triệu tập Đại hội thành viên.</p>	<p><b>Điều <del>82</del>88. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. <del>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên đối với quỹ tín dụng nhân dân. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc đối với ngân hàng hợp tác xã.</del> <b><u>Trình Đại hội thành viên xem xét, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên.</u></b></p> <p>2. <del>Bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) theo đề nghị của Tổng giám đốc (Giám đốc).</del></p> <p>3. <del>Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên.</del></p> <p>4. <del>Chuẩn bị báo cáo đánh giá Đại hội thành viên kết quả hoạt động kinh doanh; phê duyệt báo cáo tài chính, báo cáo về kế hoạch hoạt động kinh doanh, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị để trình</del> <b><u>ngân</u></b></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>7. Xét kết nạp thành viên mới và giải quyết việc thành viên xin ra, trừ trường hợp khai trừ thành viên và báo cáo để Đại hội thành viên thông qua.</p> <p>8. Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Đại hội thành viên.</p> <p>9. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p>6. Tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. <del>Xét</del> <b>Kết</b> nạp thành viên mới và giải quyết việc thành viên xin ra theo <b>Điều lệ</b>, trừ trường hợp khai trừ thành viên và báo cáo để Đại hội thành viên <del>thông qua</del>.</p> <p>8. Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Đại hội thành viên.</p> <p>9. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p><u>hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân. Chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</u></p> <p><u>53. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</u></p> <p><u>4. Thông qua việc đầu tư, mua, bán tài sản cố định có giá trị từ 10% đến dưới 20% vốn điều lệ. Chuẩn bị chương trình Đại hội thành viên và triệu tập Đại hội thành viên.</u></p> <p><del>6. Tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật.</del></p> <p><u>7. Kết nạp thành viên mới và giải quyết việc thành viên xin ra theo Điều lệ, trừ được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc báo cáo tài chính gần nhất trong trường hợp khai trừ thành viên và báo cáo Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân không phải kiểm toán hoặc tỷ lệ nhỏ hơn theo quy định của Điều lệ.</u></p> <p><del>8. Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Đại hội thành viên.</del></p> <p><u>9. Các nhiệm vụ</u> <del>5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với chức danh Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật.</del></p> <p><u>6. Chuẩn bị chương trình Đại hội thành viên và triệu tập Đại hội thành viên.</u></p> <p><u>7. Kết nạp thành viên mới, giải quyết việc xin ra khỏi ngân hàng hợp tác xã của pháp nhân góp vốn khác, giải quyết việc xin ra khỏi quỹ tín dụng nhân dân của thành viên và báo cáo Đại hội thành viên gần nhất.</u></p> <p><u>8. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc hoặc Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh</u></p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>giá hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc ít nhất một năm một lần.</u></p> <p><u>9. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên.</u></p> <p><u>10. Giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</u></p> <p><u>11. Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nội dung theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>12. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</u></p>
		<p><b><u>Điều 89. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị</u></b></p> <p><u>1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>2. Triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên, trừ trường hợp Luật này hoặc Điều lệ có quy định khác.</u></p> <p><u>3. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị; giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.</u></p> <p><u>4. Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhân được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận nội dung mà Hội đồng quản trị phải xem xét.</u></p> <p><u>5. Chiu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên về công việc được giao.</u></p> <p><u>6. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>7. Phải ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>gian vắng mặt.</u>  <u>8. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</u></p>
		<p><b><u>Điều 90. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</u></b>  <u>1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và thành viên.</u>  <u>2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.</u>  <u>3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.</u>  <u>4. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó; chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.</u>  <u>5. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị.</u>  <u>6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.</u>  <u>7. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</u></p>
<p><b>Điều 83. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát</b>  1. Ban kiểm soát có không ít hơn 03 thành viên, trong đó ít nhất phải có 01 kiểm soát viên chuyên trách. Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện đối</p>	<p><b>Điều 83. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát</b>  1. Ban kiểm soát có không ít hơn 03 thành viên, trong đó ít nhất phải có 01 kiểm soát viên chuyên trách. Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện đối</p>	<p><b>Điều <del>83</del><sup>91</sup>. <u>Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát</u></b>  1. Ban kiểm soát <u>của ngân hàng hợp tác xã có không ít hơn nhất 03 thành viên, trong đó ít nhất phải có 01 kiểm soát viên chuyên trách.. Số lượng thành</u></p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i>)</p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản ngày 27/9/2023</i>)</p>
<p>với quỹ tín dụng nhân dân được bầu 01 kiểm soát viên chuyên trách.</p> <p>2. Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát do Đại hội thành viên bầu trực tiếp.</p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát phải là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Thủ quỹ, nhân viên nghiệp vụ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Thủ quỹ.</p> <p>4. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>5. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.</p>	<p><del>với quỹ tín dụng nhân dân được bầu 01 kiểm soát viên chuyên trách.</del> <b>Số lượng thành viên Ban kiểm soát đối với quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</b></p> <p>2. Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát do Đại hội thành viên <del>bầu trực tiếp.</del> <b>ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trực tiếp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 163 của Luật này.</b></p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát phải là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân <b>của quỹ tín dụng nhân dân.</b> Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Thủ quỹ, nhân viên nghiệp vụ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Thủ quỹ. <b>Trưởng Ban kiểm soát của quỹ tín dụng nhân dân có quyền, nghĩa vụ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và không được giữ chức vụ quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.</b></p> <p>4. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>5. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. <b>Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm</b></p>	<p><u>viên Ban kiểm soát đối với của quỹ tín dụng nhân dân phù hợp với quy mô hoạt động và thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p>2. <u>Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát do Đại hội thành viên có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc, được sử dụng các nguồn lực của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trực tiếp bầu, miễn nhiệm, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.</u></p> <p>3. <u>Thành viên Ban kiểm soát phải là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân của quỹ tín dụng nhân dân. bãi nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín.</u> Trường hợp <u>số thành viên Ban kiểm soát không đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân này</u> thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại khoản <u>65</u> Điều <u>163</u><u>169</u> của Luật này.</p> <p>4. <del>3. Thành viên Ban kiểm soát phải là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân của quỹ tín dụng nhân dân. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Thủ quỹ, nhân viên nghiệp vụ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Thủ quỹ. Trưởng Ban kiểm soát của quỹ tín dụng nhân dân có quyền, nghĩa vụ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và không được giữ chức vụ quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	<p><i>kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</i></p>	<p><del>4. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</del></p> <p><del>5. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.</del> Ban kiểm soát. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>Số lượng nhiệm kỳ của Trưởng Ban kiểm soát của quỹ tín dụng nhân dân do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p>
<p><b>Điều 84. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Kiểm tra, giám sát hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và thành viên ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>3. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, sử dụng các quỹ, tài sản và các khoản hỗ trợ của Nhà nước; giám sát an toàn trong hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>4. Thực hiện kiểm toán nội bộ trong từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>5. Tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền khiếu nại, tố cáo có liên quan đến hoạt động của ngân hàng</p>	<p><b>Điều 84. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Kiểm tra, giám sát hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và thành viên ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>3. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, sử dụng các quỹ, tài sản và các khoản hỗ trợ của Nhà nước; giám sát an toàn trong hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>4. Thực hiện kiểm toán nội bộ trong từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>5. Tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền khiếu nại, tố cáo có liên quan đến hoạt động của ngân hàng</p>	<p><b>Điều <del>84</del><sup>92</sup>. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. <del>Kiểm tra, giám</del> <b>Giám</b> sát hoạt động của quản trị, điều hành ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân <del>theo</del> trong việc tuân thủ quy định của pháp luật.</p> <p><del>2. Kiểm tra việc thực hiện, Điều lệ, của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và</del> nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên, <del>nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và thành viên ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</del> <b>chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</b></p> <p><del>3. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.</del></p> <p><del>3. Thẩm định báo cáo tài chính hằng năm của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; báo cáo Đại hội thành viên về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê</del></p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>6. Triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Khi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và nghị quyết của Đại hội thành viên; khi Hội đồng quản trị không thực hiện hoặc thực hiện không có kết quả các biện pháp ngăn chặn theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>b) Khi có ít nhất một phần ba tổng số thành viên Ban kiểm soát có yêu cầu triệu tập họp Đại hội thành viên gửi đến Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p> <p>7. Thông báo Hội đồng quản trị, báo cáo Đại hội thành viên và Ngân hàng Nhà nước về kết quả kiểm soát; kiến nghị với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) khắc phục những yếu kém, vi phạm trong hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p><del>hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</del></p> <p>65. Triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Khi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và nghị quyết của Đại hội thành viên; khi Hội đồng quản trị không thực hiện hoặc thực hiện không có kết quả các biện pháp ngăn chặn theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>b) Khi có ít nhất một phần ba tổng số thành viên Ban kiểm soát có yêu cầu triệu tập họp Đại hội thành viên gửi đến Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p> <p>76. Thông báo Hội đồng quản trị, báo cáo Đại hội thành viên và Ngân hàng Nhà nước về kết quả kiểm soát; kiến nghị với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) khắc phục những yếu kém, vi phạm trong hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p><u>và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội thành viên.</u></p> <p>4. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, sử dụng các quỹ, tài sản và các khoản hỗ trợ của Nhà nước; giám sát an toàn trong hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p><u>4.5. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá theo quy định của pháp luật; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của quản lý, điều hành ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</u></p> <p><u>56. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</u></p> <p>7. Triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Khi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và nghị quyết của Đại hội thành viên; khi Hội đồng quản trị không thực hiện hoặc thực hiện không có kết quả các biện pháp ngăn chặn theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>b) Khi có ít nhất một phần ba tổng số thành viên Ban kiểm soát có yêu cầu triệu tập họp Đại hội thành viên gửi đến Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>6-8.</u> Thông báo Hội đồng quản trị, báo cáo Đại hội thành viên và Ngân hàng Nhà nước về kết quả kiểm soát; kiến nghị với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) khắc phục những yếu kém, vi phạm trong hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p><u>9.</u> <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>10.</u> <u>Tiếp nhận kiến nghị liên quan đến ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên giải quyết theo thẩm quyền;</u></p> <p><u>11.</u> <u>Trưởng Ban kiểm soát, kiểm soát viên được tham dự nhưng không được quyền biểu quyết tại cuộc họp của Hội đồng quản trị; yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội thành viên.</u></p> <p><u>12.</u> <u>Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ.</u></p>
		<p><b><u>Điều 83. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát</u></b></p> <p><u>1.</u> <u>Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 92 của Luật này.</u></p> <p><u>2.</u> <u>Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.</u></p> <p><u>3.</u> <u>Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.</u></p> <p><u>4.</u> <u>Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban kiểm soát.</u></p> <p><u>5.</u> <u>Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.</u></p> <p><u>6. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.</u></p> <p><u>7. Phải ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.</u></p> <p><u>8. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</u></p>
		<p><b><u>Điều 94. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát</u></b></p> <p><u>1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và của thành viên.</u></p> <p><u>2. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.</u></p> <p><u>3. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.</u></p> <p><u>4. Yêu cầu cán bộ, nhân viên của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.</u></p> <p><u>5. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.</u></p> <p><u>6. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.</u></p> <p><u>7. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p><b>Điều 85. Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân</b></p> <p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân. Tổng giám đốc (Giám đốc) là người điều hành cao nhất, có nhiệm vụ điều hành các công việc hàng ngày của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p><b>Điều 85. Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân</b></p> <p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân. Tổng giám đốc (Giám đốc) là người điều hành cao nhất, có nhiệm vụ điều hành các công việc hàng ngày của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</p>	<p><b>Điều <del>85</del><sup>95</sup>. Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân</b></p> <p><u>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm <del>một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm</del> Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân <del>với nhiệm kỳ không quá 05 năm</del>.</u></p> <p><u>2. Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> là người điều hành cao nhất, có nhiệm vụ điều hành <del>các</del> công việc hàng ngày của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân; <del>chịu sự giám sát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</del></u></p> <p><u>3. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc hoặc Giám đốc.</u></p>
<p><b>Điều 86. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện kế hoạch kinh doanh.</li> <li>Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.</li> <li>Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án bố trí cơ cấu tổ chức ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</li> <li>Ký kết các hợp đồng nhân danh ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</li> <li>Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị.</li> <li>Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về nhiệm vụ được giao.</li> <li>Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</li> </ol>	<p><b>Điều 86. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện kế hoạch kinh doanh.</li> <li>Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.</li> <li>Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án bố trí cơ cấu tổ chức ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</li> <li>Ký kết các hợp đồng nhân danh ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</li> <li>Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị.</li> <li>Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về nhiệm vụ được giao.</li> <li>Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</li> </ol>	<p><b>Điều <del>86</del><sup>96</sup>. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del></b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li><u>Trình Hội đồng quản trị nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</u></li> <li><u>Thực hiện <del>ng</del>hi quyết của Đại hội thành viên, <del>ng</del>hi quyết và <del>k</del>ế hoạch kinh doanh.</u></li> <li><u><del>T</del>ổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.</u></li> <li><u>Kiến nghị với Hội đồng quản trị về <del>T</del>ổ chức thực hiện phương án <del>b</del>ố trí cơ cấu tổ chức <del>k</del>inh doanh; <u>quyết định nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo thẩm quyền.</u></u></li> <li><u>Ký kết các hợp đồng nhân danh ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân <del>Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.</del></u></li> <li><u>Lập và <del>T</del>rình trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính <del>hàng năm lên Hội đồng quản trị.</del></u></li> </ol>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>6. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về nhiệm vụ được giao tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và thông tin tài chính khác.</u></p> <p><u>6. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.</u></p> <p><u>7. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội thành viên và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</u></p> <p><u>8. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.</u></p> <p><u>10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh điều hành của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, trừ chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>11. Ký kết hợp đồng nhân danh ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo Điều lệ và quy định nội bộ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân đó.</u></p> <p><u>12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</u></p> <p><u>13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.</u></p> <p><u>14. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.</u></p>
<p><b>Mục 7</b> <b>TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ</b></p>	<p><b>Mục 7</b> <b>TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ</b></p>	<p><b>Mục 7</b> <b>TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ</b></p>
<p><b>Điều 87. Loại hình tổ chức tài chính vi mô</b></p>	<p><b>Điều 87. Loại hình tổ chức tài chính vi mô</b></p>	<p>(Gộp vào loại hình TCTD là công ty TNHH)</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>1. Tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.</p> <p>2. Cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành của tổ chức tài chính vi mô được thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>1. Tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.</p> <p>2. Cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành của tổ chức tài chính vi mô được thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	
<p><b>Điều 88. Thành viên, vốn góp, cơ cấu tổ chức, địa bàn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô</b></p> <p>Ngân hàng Nhà nước quy định việc tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô của tổ chức, cá nhân nước ngoài; số lượng thành viên góp vốn; tỷ lệ sở hữu vốn góp, phần vốn góp của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài vào tổ chức tài chính vi mô; giới hạn về cơ cấu tổ chức mạng lưới, địa bàn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.</p>	<p><b>Điều 88. Thành viên, vốn góp, cơ cấu tổ chức, địa bàn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô</b></p> <p>Ngân hàng Nhà nước quy định việc tham gia góp vốn thành lập tổ chức tài chính vi mô của tổ chức, cá nhân nước ngoài; số lượng thành viên góp vốn; tỷ lệ sở hữu vốn góp, phần vốn góp của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài vào tổ chức tài chính vi mô; giới hạn về cơ cấu tổ chức mạng lưới, địa bàn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.</p>	(Gộp vào loại hình TCTD là công ty TNHH)
<p><b>Mục 8</b> <b>CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM</b></p>	<p><b>Mục 8</b> <b>CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM</b></p>	<p><b>Mục <del>8</del>7</b> <b>CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM</b></p>
<p><b>Điều 89. Quản trị, điều hành của chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Ngân hàng nước ngoài quyết định cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam phù hợp với pháp luật của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính và quy định của Luật này về cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.</p> <p>2. Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đại diện cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước pháp luật, là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và điều hành hoạt động hằng ngày theo quyền, nghĩa vụ phù hợp với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân</p>	<p><b>Điều 89. Quản trị, điều hành của chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Ngân hàng nước ngoài quyết định cơ cấu tổ chức, quản trị, <del>điều hành</del> của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam <b>và tuân thủ các quy định</b> <del>phù hợp với pháp luật của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính và quy định của Luật này về cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.</del></p> <p>2. Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đại diện cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước pháp luật, là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và điều hành hoạt động hằng ngày theo quyền, nghĩa vụ phù hợp với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân</p>	<p><b>Điều <del>89</del>7. Quản trị, điều hành của chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Ngân hàng nước ngoài quyết định cơ cấu tổ chức, quản trị của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và tuân thủ <del>các</del> quy định của Luật này về điều hành, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ.</p> <p>2. Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đại diện cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước pháp luật, là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và điều hành hoạt động hằng ngày theo quyền, nghĩa vụ phù hợp với quy định của Luật này và <del>các</del> quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được tham gia quản trị, điều hành tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác và không được đồng thời làm Trưởng văn phòng đại diện tại Việt Nam của ngân hàng nước ngoài.</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>hàng nước ngoài không được tham gia quản trị, điều hành tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác và không được đồng thời làm Trưởng văn phòng đại diện tại Việt Nam của ngân hàng nước ngoài.</p> <p>4. Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật này. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. Trình tự, hồ sơ chấp thuận Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thông báo người được bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 51 của Luật này.</p> <p>5. Trường hợp một ngân hàng nước ngoài có hai hoặc nhiều chi nhánh hoạt động tại Việt Nam và thực hiện chế độ tài chính, hạch toán, báo cáo hợp nhất thì ngân hàng nước ngoài phải ủy quyền cho một Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.</p>	<p>hàng nước ngoài không được tham gia quản trị, điều hành tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế khác và không được đồng thời làm Trưởng văn phòng đại diện tại Việt Nam của ngân hàng nước ngoài.</p> <p>4. Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật này. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. Trình tự, hồ sơ chấp thuận Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thông báo người được bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 51 của Luật này.</p> <p>5. Trường hợp một ngân hàng nước ngoài có hai hoặc nhiều chi nhánh hoạt động tại Việt Nam và thực hiện chế độ tài chính, hạch toán, báo cáo hợp nhất thì ngân hàng nước ngoài phải ủy quyền cho một Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.</p>	<p>4. Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 4 Điều <del>50</del><b>41</b> của Luật này. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. <del>Trình tự, hồ</del><b>Hồ</b> <del>sơ, thủ tục</del> chấp thuận Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thông báo người được bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều <del>51</del><b>44</b> của Luật này.</p> <p>5. Trường hợp một ngân hàng nước ngoài có hai hoặc nhiều chi nhánh hoạt động tại Việt Nam và thực hiện chế độ tài chính, hạch toán, báo cáo hợp nhất thì ngân hàng nước ngoài phải ủy quyền cho một Tổng giám đốc <del>(hoặc Giám đốc)</del> chi nhánh chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.</p>
<p><b>Chương IV</b> <b>HOẠT ĐỘNG</b> <b>CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b></p>	<p><b>Chương IV</b> <b>HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG,</b> <b>CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI</b></p>	<p><b>Chương <del>IV</del></b> <b>HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG,</b> <b>CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI</b></p>
<p><b>Mục 1</b> <b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b></p>	<p><b>Mục 1</b> <b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b></p>	<p><b>Mục 1 NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG <u>VỀ</u></b> <b><u>HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG</u></b></p>
<p><b>Điều 90. Phạm vi hoạt động được phép của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể phạm vi, loại hình, nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng trong Giấy phép cấp cho từng tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy</p>	<p><b>Điều 90. <del>Phạm vi</del><i>Nội dung</i> hoạt động được phép của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể <del>phạm vi,</del> <i>loại hình,</i> nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng trong Giấy phép cấp cho từng tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy</p>	<p><b>Điều <del>90</del><b>98</b>. Nội dung hoạt động được phép của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng trong Giấy phép cấp cho từng tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>phép được Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng quy định tại Luật này thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>phép được Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng quy định tại Luật này thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, <i>quy định của pháp luật có liên quan.</i></p>	<p>phép được Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng.</p> <p>3. <del>Các hoạt</del><b>Hoạt</b> động ngân hàng, <del>hoạt động kinh doanh khác</del> của tổ chức tín dụng quy định tại Luật này thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, <del>quy định của pháp luật có liên quan.</del></p>
<p><b>Điều 91. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật</p> <p>3. Trong trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, để bảo đảm an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có quyền quy định cơ chế xác định phí, lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều 91. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật</p> <p>3. Trong trường hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, để bảo đảm an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có quyền quy định cơ chế xác định phí, lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều <del>91</del><b>99</b>. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật <del>về ngân hàng.</del></p> <p>3. <del>Trong trường</del><b>Trường</b> hợp hoạt động ngân hàng có diễn biến bất thường, để bảo đảm an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước <del>có quyền</del> quy định cơ chế xác định phí, lãi suất trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.</p>
<p><b>Điều 92. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu của tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được phát hành chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu, kỳ phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật này và quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Căn cứ Luật này và Luật chứng khoán, Chính phủ quy định việc phát hành trái phiếu, trừ trái phiếu chuyên đổi để huy động vốn của tổ chức tín dụng.</p>	<p><del><b>Điều 92. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu của tổ chức tín dụng</b></del></p> <p><del>1. Tổ chức tín dụng được phát hành chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu, kỳ phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật này và quy định của Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p><del>2. Căn cứ Luật này và Luật chứng khoán, Chính phủ quy định việc phát hành trái phiếu, trừ trái phiếu chuyên đổi để huy động vốn của tổ chức tín dụng.</del></p>	
<p><b>Điều 93. Quy định nội bộ</b></p> <p>1. Căn cứ vào quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng phải xây dựng và ban hành các quy định nội bộ đối với các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản</p>	<p><b>Điều <del>93</del><b>92</b>. Quy định nội bộ</b></p> <p>1. Căn cứ vào quy định của Luật này, <i>quy định của Ngân hàng Nhà nước</i> và các quy định khác của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng phải xây dựng và ban hành các quy định nội bộ đối với các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, <i>bao gồm</i></p>	<p><b>Điều <del>92</del><b>100</b>. Quy định nội bộ</b></p> <p>1. Căn cứ vào quy định của Luật này, quy định của Ngân hàng Nhà nước và <del>các</del> quy định khác của pháp luật có liên quan, tổ chức tín dụng phải xây dựng và ban hành <del>các</del> quy định nội bộ đối với <del>các</del> hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, bao gồm</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng phải ban hành các quy định nội bộ sau đây:</p> <p>a) Quy định về cấp tín dụng, quản lý tiền vay để bảo đảm việc sử dụng vốn vay đúng mục đích;</p> <p>b) Quy định về phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;</p> <p>c) Quy định về đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;</p> <p>d) Quy định về quản lý thanh khoản, trong đó có các thủ tục và các giới hạn quản lý thanh khoản;</p> <p>đ) Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ chế kiểm toán nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của tổ chức tín dụng;</p> <p>e) Quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;</p> <p>g) Quy định về quản trị rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;</p> <p>h) Quy định về quy trình, thủ tục, bao gồm cả nguyên tắc nhận biết khách hàng để bảo đảm ngăn ngừa việc tổ chức tín dụng bị lạm dụng cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố và tội phạm khác;</p> <p>i) Quy định về phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước các quy định nội bộ tại khoản 2 Điều này ngay sau khi ban hành.</p>	<p><del>cả việc thực hiện bằng phương tiện điện tử</del>, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng phải ban hành <b>tối thiểu</b> các quy định nội bộ <b>về nội dung</b> sau đây:</p> <p>a) Quy định về cấp tín dụng, quản lý tiền vay <del>để bảo đảm việc sử dụng vốn vay đúng mục đích</del>;</p> <p>b) Quy định về phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;</p> <p>c) Quy định về đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;</p> <p>d) Quy định về quản lý thanh khoản, trong đó có các thủ tục và các giới hạn quản lý thanh khoản;</p> <p>đ) Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ chế kiểm toán nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của tổ chức tín dụng;</p> <p>e) Quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ <b>(trừ tổ chức tín dụng mà pháp luật không bắt buộc phải xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ)</b>;</p> <p>g) Quy định về quản trị rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;</p> <p>h) Quy định về quy trình, thủ tục, <b>phòng chống rửa tiền</b>, bao gồm cả nguyên tắc nhận biết khách hàng để bảo đảm ngăn ngừa việc tổ chức tín dụng bị lạm dụng cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố và tội phạm khác;</p> <p>i) Quy định về phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp;</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước các quy định nội bộ tại khoản 2 Điều này <del>ngay sau khi</del> <b>trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày</b> ban hành.</p>	<p>cả việc thực hiện bằng phương tiện điện tử, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng phải ban hành <b>tối thiểu các</b> quy định nội bộ về nội dung sau đây:</p> <p>a) Quy định về cấp tín dụng, quản lý tiền <b>vay</b>;</p> <p>b) Quy định về phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;</p> <p>c) Quy định về đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;</p> <p>d) Quy định về quản lý thanh khoản, trong đó có <b>các</b> thủ tục và <b>các</b> giới hạn quản lý thanh khoản;</p> <p>đ) Quy định về <b>hệ thống</b> kiểm soát nội bộ và <b>cơ chế</b> kiểm toán nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động của tổ chức tín dụng;</p> <p>e) Quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ <b>(trừ tổ chức tín dụng mà pháp luật không bắt buộc phải xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ)</b>;</p> <p>g) Quy định về quản trị rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;</p> <p>h) Quy định về phòng, chống rửa tiền, <b>bao gồm cả nguyên tắc nhận biết khách hàng để bảo đảm ngăn ngừa việc tổ chức tín dụng bị lạm dụng cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố và tội phạm khác</b>;</p> <p>i) Quy định về phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp;</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước <b>các</b> quy định nội bộ <b>quy định</b> tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 10 ngày <b>làm việc</b> kể từ ngày ban hành.</p>
<p><b>Điều 94. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả</p>	<p><b>Điều 9493. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, <b>dữ liệu</b> chứng minh phương án sử dụng</p>	<p><b>Điều 93101. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh phương án sử dụng</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>thì, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.</p>	<p>vốn khả thi, khả năng tài chính của mình <del>khách hàng</del>, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, <del>biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng</del>, <del>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này</del>.</p> <p><b>2. Tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tối thiểu các thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính của mình trước khi quyết định cấp tín dụng đối với:</b></p> <p>a) Khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống có mức giá trị nhỏ, khoản cấp tín dụng qua thẻ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>b) Khoản cho vay tiêu dùng, khoản cấp tín dụng qua thẻ của công ty tài chính;</p> <p>c) Khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô</p> <p>3. Tổ chức tín dụng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng. <b>Trường hợp toàn bộ quy trình cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử thì thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</b></p> <p>4. Tổ chức tín dụng có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng. <b>Khách hàng có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết, hoàn trả nợ gốc, lãi, phí đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.</b></p> <p>5. Tổ chức tín dụng có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và <b>cung cấp tài liệu</b> chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.</p> <p><b>6. Tổ chức tín dụng, khách hàng thỏa thuận về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng.</b></p>	<p>vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tối thiểu <del>các</del> thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính của khách hàng trước khi quyết định cấp tín dụng đối với <u>các khoản vay sau đây</u>:</p> <p>a) Khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, <u>khoản cho thuê tài chính</u> có mức giá trị nhỏ, khoản cấp tín dụng qua thẻ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>b) Khoản cho vay tiêu dùng, khoản cấp tín dụng qua thẻ của công ty tài chính;</p> <p>c) Khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của quỹ tín dụng nhân dân, <del>tổ chức tài chính vi mô</del>;</p> <p><u>3d) Khoản cho vay của tổ chức tài chính vi mô.</u></p> <p><u>3. Khách hàng phải cung cấp thông tin về người có liên quan cho tổ chức tín dụng khi đề nghị cấp tín dụng. Ngân hàng Nhà nước quy định việc xác định khách hàng, thông tin phải cung cấp.</u></p> <p>4. Tổ chức tín dụng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng. <del>Trường hợp toàn bộ quy trình</del> <u>Việc xét duyệt</u> cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử <del>thì</del> thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p><u>4.5. Tổ chức tín dụng có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng; yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.</u></p> <p><u>6. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết, hoàn trả nợ gốc, lãi, phí đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p><del>5. Tổ chức tín dụng có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.</del></p> <p>67. Tổ chức tín dụng, khách hàng thỏa thuận về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng.</p>
<p><b>Điều 95. Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.</p> <p>2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>3. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều 9594. Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng, <b>hợp đồng bảo đảm</b>.</p> <p>2. <del>Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu</del> Nếu các bên không có thỏa thuận khác thì Tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>3. Trong trường hợp khách hàng vay hoặc người bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi suất, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều 94102. Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm.</p> <p>2. <del>Nếu</del> <b>Trường hợp</b> các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm <del>tiền vay</del> theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua, bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>3. <del>Trong trường hợp</del> <b>Trường hợp</b> khách hàng vay hoặc <del>người bên</del> bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng có quyền quyết định miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.</p>
<p><b>Điều 96. Lưu giữ hồ sơ tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng phải lưu giữ hồ sơ tín dụng, bao gồm:</p> <p>a) Hợp đồng cấp tín dụng và tài liệu ghi rõ mục đích sử dụng vốn; hồ sơ về biện pháp bảo đảm;</p> <p>b) Báo cáo thực trạng tài chính của khách hàng;</p>	<p><b>Điều 9695. Lưu giữ <del>trữ</del> hồ sơ tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng phải lưu <del>giữ</del> <b>trữ</b> hồ sơ tín dụng, bao gồm:</p> <p>a) <del>Hợp đồng cấp tín dụng và tài liệu ghi rõ mục đích sử dụng vốn; hồ sơ về biện pháp bảo đảm; Tài liệu, dữ liệu đề nghị cấp tín dụng;</del></p> <p>b) Báo cáo thực trạng tài chính của khách hàng; <b>Tài liệu, dữ liệu phê duyệt, quyết định cấp tín dụng;</b></p>	<p><b>Điều 95103. Lưu <del>trữ</del> hồ sơ tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng phải lưu <del>trữ</del> hồ sơ tín dụng, bao gồm:</p> <p>a) Tài liệu, <b>thông điệp</b> dữ liệu đề nghị cấp tín dụng;</p> <p>b) Tài liệu, <b>thông điệp</b> dữ liệu <del>phê duyệt</del> <b>thẩm định</b>, quyết định cấp tín dụng;</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>c) Quyết định cấp tín dụng có chữ ký của người có thẩm quyền; trường hợp quyết định tập thể, phải có biên bản ghi rõ quyết định được thông qua;</p> <p>d) Những tài liệu phát sinh trong quá trình sử dụng khoản vay liên quan đến hợp đồng cấp tín dụng.</p> <p>2. Thời hạn lưu trữ hồ sơ tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p><del>c) Quyết định cấp tín dụng có chữ ký của người có thẩm quyền; trường hợp quyết định tập thể, phải có biên bản ghi rõ quyết định được thông qua; <b>Hợp đồng cấp tín dụng; hồ sơ về biện pháp bảo đảm (nếu có);</b></del></p> <p>d) Những tài liệu, dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng khoản <b>vay cấp tín dụng</b> liên quan đến hợp đồng cấp tín dụng.</p> <p>2. Thời hạn lưu trữ hồ sơ tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>c) Hợp đồng cấp tín dụng; hồ sơ về biện pháp bảo đảm <del>(<b>nêu trong trường hợp có</b>)</del>; <b>áp dụng biện pháp bảo đảm;</b></p> <p>d) <del>Những tài</del> Tài liệu, <b>thông điệp</b> dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng khoản cấp tín dụng liên quan đến hợp đồng cấp tín dụng.</p> <p>2. Thời hạn lưu trữ hồ sơ tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>
<p><b>Điều 97. Hoạt động ngân hàng điện tử</b> Tổ chức tín dụng được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>	<p><del><b>Điều 9796. Hoạt động ngân hàng điện tử</b></del> <b>Giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng</b> Tổ chức tín dụng, <b>chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b> được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các <b>bằng</b> phương tiện điện tử theo hướng dẫn <b>theo quy định</b> của Ngân hàng Nhà nước về quản lý rủi ro <b>các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b> và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>	<p><del><b>Điều 96104. Giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng</b></del> <b>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b> được thực hiện <b>các hoạt động kinh doanh</b> bằng phương tiện điện tử theo quy định của Ngân hàng Nhà nước <b>về các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b> và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>
<p>Chưa có quy định</p>	<p><del><b>Điều 97. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát</b></del> <b>1. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát là một môi trường thử nghiệm giới hạn về phạm vi, không gian và thời gian thực hiện; các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chí xét duyệt tham gia và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</b> <b>2. Chính phủ quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát việc ứng dụng công nghệ và triển khai các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong hoạt động ngân hàng.</b></p>	<p><del><b>Điều 97105. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng</b></del> <b>1. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát là một môi trường thử nghiệm giới hạn về phạm vi, không gian và thời gian thực hiện; các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chí xét duyệt tham gia và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</b> <b>2. Chính phủ quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát việc ứng dụng công nghệ và triển khai các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong hoạt động lĩnh vực ngân hàng.</b></p>
<p><b>Mục 2</b> <b>HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</b></p>	<p><b>Mục 2</b> <b>HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</b></p>	<p><b>Mục 2</b> <b>HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</b></p>



<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i>)</p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản ngày 27/9/2023</i>)</p>
<p><b>Điều 98. Hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại</b></p> <p>1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.</p> <p>2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.</p> <p>3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:</p> <p>a) Cho vay;</p> <p>b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;</p> <p>c) Bảo lãnh ngân hàng;</p> <p>d) Phát hành thẻ tín dụng;</p> <p>đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;</p> <p>e) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận</p> <p>4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.</p> <p>5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.</p> <p>6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:</p> <p>a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;</p> <p>b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p>	<p><b>Điều 98. Hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại</b></p> <p>1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.</p> <p>2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, <del>kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.</del></p> <p>3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:</p> <p>a) Cho vay;</p> <p>b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;</p> <p>c) Bảo lãnh ngân hàng;</p> <p>d) Phát hành thẻ tín dụng;</p> <p>đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;</p> <p><b>e) Thư tín dụng;</b></p> <p>g) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.</p> <p>5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.</p> <p>6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:</p> <p>a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;</p> <p>b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p>	<p><b>Điều <del>98</del><b>106. Hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại</b></b></p> <p>1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.</p> <p>2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.</p> <p>3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:</p> <p>a) Cho vay;</p> <p>b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;</p> <p>c) Bảo lãnh ngân hàng;</p> <p>d) Phát hành thẻ tín dụng;</p> <p>đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;</p> <p>e) Thư tín dụng;</p> <p>g) <b>Các hình <u>Hình</u></b> thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.</p> <p>5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.</p> <p>6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:</p> <p>a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, <b>chuyên tiền</b>, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;</p> <p>b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và <b>các</b> dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p>
<p><b>Điều 99. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước</b></p> <p>Ngân hàng thương mại được vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>	<p><b>Điều 99. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước</b></p> <p>Ngân hàng thương mại được vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>	<p><b>Điều <del>99</del><b>107. Vay <del>vốn của Ngân hàng Nhà nước, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá</del></b></b></p> <p><b>1.</b> Ngân hàng thương mại được vay <del>vốn của</del> Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p><b>Điêu <del>100. Cho</del><b>2. Ngân hàng thương mại được mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước</b></b></p>
<p><b>Điều 100. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức</b></p>	<p><b>Điều <del>100. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức</del></b></p>	

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p><b>tài chính</b></p> <p>Ngân hàng thương mại được vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>tài chính</b></p> <p><del>Ngân hàng thương mại được vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.</del></p> <p><b>Điều 100. Cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính nước ngoài</b></p> <p><b>1. Ngân hàng thương mại được cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi với kỳ hạn dưới 12 tháng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</b></p> <p><b>2. Ngân hàng thương mại được vay vốn của tổ chức tài chính nước ngoài theo quy định của pháp luật.</b></p>	<p><u>theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</u></p> <p><b>3. Ngân hàng thương mại được cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán giấy tờ có giá có kỳ hạn với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính nước ngoài</b></p> <p><u>1. Ngân hàng thương mại được cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi với kỳ hạn dưới 12 tháng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p><u>2.4. Ngân hàng thương mại được vay vốn của tổ chức tài chính nước ngoài theo quy định của pháp luật.</u></p>
<p><b>Điều 101. Mở tài khoản</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.</p> <p>2. Ngân hàng thương mại được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác.</p> <p>3. Ngân hàng thương mại được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p>	<p><b>Điều 101. Mở tài khoản</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì <b>số tiền dự trữ bắt buộc</b> trên tài khoản tiền gửi này. <del>số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.</del></p> <p>2. Ngân hàng thương mại được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác.</p> <p>3. Ngân hàng thương mại được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p>	<p><b>Điều <del>101</del>108. Mở tài khoản của ngân hàng thương mại</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại phải mở tài khoản <u>tiền gửi thanh toán</u> tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.</p> <p>2. Ngân hàng thương mại được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng <u>khác được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.</u></p> <p>3. Ngân hàng thương mại được mở tài khoản <u>tiền gửi, tài khoản</u> thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p>
<p><b>Điều 102. Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.</p> <p>2. Ngân hàng thương mại được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p>	<p><b>Điều 102. Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.</p> <p>2. Ngân hàng thương mại được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p>	<p><b>Điều <del>102</del>109. Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.</p> <p>2. Ngân hàng thương mại được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p><b>Điều 103. Góp vốn, mua cổ phần</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này.</p> <p>2. Ngân hàng thương mại phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:</p> <p>a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;</p> <p>b) Cho thuê tài chính;</p> <p>c) Bảo hiểm.</p> <p>3. Ngân hàng thương mại được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p> <p>4. Ngân hàng thương mại được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:</p> <p>a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;</p> <p>b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận.</p> <p>Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập công ty</p>	<p><b>Điều 103. Góp vốn, mua cổ phần</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này.</p> <p>2. Ngân hàng thương mại phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:</p> <p>a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;</p> <p>b) Cho thuê tài chính;</p> <p>c) Bảo hiểm.</p> <p>3. Ngân hàng thương mại được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, <del>kinh doanh ngoại hối</del>, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p> <p>4. Ngân hàng thương mại được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:</p> <p>a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, <del>kinh doanh ngoại hối</del>, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;</p> <p>b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận.</p> <p>Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập công ty</p>	<p><b>Điều <del>103</del><u>110</u>. Góp vốn, mua cổ phần</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và <del>6</del><u>8</u> Điều này.</p> <p>2. Ngân hàng thương mại phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:</p> <p>a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;</p> <p>b) Cho thuê tài chính;</p> <p>c) Bảo hiểm.</p> <p>3. Ngân hàng thương mại được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p> <p>4. Ngân hàng thương mại được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:</p> <p>a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;</p> <p>b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>5. <del>Việc</del> <u>Ngân hàng thương mại</u> thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và <del>việc</del> <u>góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại theo</u> quy định tại điểm b khoản 4 Điều này <del>phải sau khi</del> <u>được sự</u> <u>Ngân hàng Nhà nước</u> chấp thuận <del>trước</del> <u>bằng văn bản của</u> <u>Ngân hàng Nhà nước</u>. <del>Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận.</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>6. Ngân hàng thương mại, công ty con của ngân hàng thương mại được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>6. Ngân hàng thương mại, công ty con của ngân hàng thương mại được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><u>Điều 6. Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục và trình tự chấp thuận việc thành lập công ty con, công ty liên kết và việc góp vốn, mua cổ phần của ngân hàng thương mại <del>thực hiện</del>; điều kiện tăng vốn tại công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại; hoạt động của công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản.</u></p> <p><u>7. Ngân hàng thương mại thành lập công ty con, công ty liên kết</u> theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p><u>8. Ngân hàng thương mại, công ty con của ngân hàng thương mại được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></p>
<p><b>Điều 104. Tham gia thị trường tiền tệ</b> Ngân hàng thương mại được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.</p>	<p><b>Điều 104. Tham gia thị trường tiền tệ</b> <del>Ngân hàng thương mại được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.</del></p>	
<p><b>Điều 105. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh</b> 1. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, ngân hàng thương mại được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây: a) Ngoại hối; b) Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác. 2. Ngân hàng Nhà nước quy định về phạm vi kinh doanh ngoại hối; điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận việc kinh doanh ngoại hối; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh của ngân hàng thương mại. 3. Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của ngân hàng thương mại cho khách hàng thực hiện theo quy định</p>	<p><b>Điều 105104. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh</b> 1. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, ngân hàng thương mại được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây: a) Ngoại hối; b) Phái sinh về <del>tỷ giá</del>, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác. 2. <b>Thông đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định về phạm vi kinh doanh ngoại hối; điều kiện, trình tự, thủ tục chấp thuận việc kinh doanh ngoại hối; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh của ngân hàng thương mại. 3. Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của ngân hàng</p>	<p><b>Điều 104111. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh</b> 1. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, ngân hàng thương mại được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây: a) Ngoại hối; b) Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác. 2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về phạm vi kinh doanh ngoại hối; điều kiện, <del>trình tự</del>, thủ tục chấp thuận việc kinh doanh ngoại hối; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh của ngân hàng thương mại.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
của pháp luật về ngoại hối.	thương mại cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.	3. Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của ngân hàng thương mại cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
<p><b>Điều 106. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý</b> Ngân hàng thương mại được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><b>Điều 106105. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý</b> 1. Ngân hàng thương mại được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. <b>2. Ngân hàng thương mại được quyền giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</b></p>	<p><b>Điều 105112. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý</b> 1. Ngân hàng thương mại được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, <b>đại lý</b> bảo hiểm, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 2. Ngân hàng thương mại được quyền giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>
<p><b>Điều 107. Các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại</b> 1. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn. 2. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. 3. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. 4. Dịch vụ môi giới tiền tệ. 5. Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p>	<p><b>Điều 107106. Các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại</b> 1. Dịch vụ quản lý tiền mặt, <del>tư vấn ngân hàng, tài chính</del>; <b>dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng khác</b>; các dịch vụ <del>quản lý</del>, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn. <b>2. Tư vấn ngân hàng, tài chính.</b> <del>doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.</del> 3. Mua, bán <del>trái phiếu Chính phủ công cụ nợ của Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng nhà nước</del>, trái phiếu doanh nghiệp; <b>mua, bán hũ với kỳ hạn dưới 12 tháng các giấy tờ có giá khác.</b> 4. Dịch vụ môi giới tiền tệ. <b>5. Phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật về chứng khoán và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</b> <b>56.</b> Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p>	<p><b>Điều 106113. Các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại</b> 1. <u>Ngân hàng thương mại được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước:</u> <u>a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng khác; các dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;</u> <u>2. Tư vấn ngân hàng, tài chính.</u> <u>3. b) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán hũ với kỳ hạn dưới 12 tháng các giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;</u> <u>4. c) Dịch vụ môi giới tiền tệ;</u> <u>5. Phát hành trái phiếu</u> <u>d) Kinh doanh vàng;</u> <u>đ) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.</u> 2. <u>Ngân hàng thương mại được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật về chứng khoán và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, có liên quan:</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p><del>6-a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</del></p> <p><del>b) Phát hành trái phiếu;</del></p> <p><del>c) Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các;</del></p> <p><del>d) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;</del></p> <p><del>đ) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</del></p> <p><del>3. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. Ngân hàng thương mại thực hiện các hoạt động này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.</del></p>
<p><b>Mục 3</b> <b>HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH</b></p>	<p><b>Mục 3</b> <b>HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH</b></p>	<p><b>Mục 3</b> <b>HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH</b> <b>TỔNG HỢP</b></p>
<p><b>Điều 108. Hoạt động ngân hàng của công ty tài chính</b></p> <p>1. Công ty tài chính được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng sau đây:</p> <p>a) Nhận tiền gửi của tổ chức;</p> <p>b) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;</p> <p>c) Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</p>	<p><del><b>Điều 108</b></del><b>107. Hoạt động ngân hàng của công ty tài chính</b></p> <p>1. Công ty tài chính được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng sau đây:</p> <p>a) Nhận tiền gửi <del>không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn</del> của tổ chức;</p> <p>b) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, <del>kỳ phiếu, tín phiếu và trái phiếu</del> để huy động vốn của tổ chức;</p> <p>c) <del>Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</del></p> <p><del>c) Cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi với kỳ hạn dưới 12 tháng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; vay vốn tổ chức tài chính nước</del></p>	<p><del><b>Điều 107</b></del><b>114. Hoạt động ngân hàng của công ty tài chính tổng hợp</b></p> <p><del>1. Công ty tài chính được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng sau đây:</del></p> <p><del>a) 1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức;</del></p> <p><del>b) 2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi để huy động vốn của tổ chức;</del></p> <p><del>c) Cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi với kỳ hạn dưới 12 tháng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; vay vốn tổ chức tài chính nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</del></p> <p><del>đ) Cho vay;</del></p> <p><del>đ) 3. Cho vay.</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>d) Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng;</p> <p>đ) Bảo lãnh ngân hàng;</p> <p>e) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác;</p> <p>g) Phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>2. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện để công ty tài chính thực hiện hoạt động ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều này.</p>	<p><i>ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</i></p> <p>d) Cho vay <del>bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng;</del></p> <p>đ) Bảo lãnh ngân hàng;</p> <p>e) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác;</p> <p>g) Phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p>2. Chính phủ quy định cụ thể <i>loại hình công ty tài chính và hoạt động ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều này của từng loại hình công ty tài chính</i>, điều kiện để công ty tài chính thực hiện hoạt động ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều này.</p>	<p><del>4. Bảo lãnh ngân hàng;</del></p> <p><del>e) 5. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các và giấy tờ có giá khác;</del></p> <p><del>g) 6. Phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán, cho thuê tài chính và các hình;</del></p> <p><b>7. Hình</b> thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p> <p><del>2. Chính phủ quy định cụ thể loại hình công ty tài chính và hoạt động ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều này của từng loại hình công ty tài chính.</del></p>
		<p><b><u>Điều 115. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của công ty tài chính tổng hợp</u></b></p> <p><b><u>1. Công ty tài chính tổng hợp được vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</u></b></p> <p><b><u>2. Công ty tài chính tổng hợp được mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</u></b></p> <p><b><u>3. Công ty tài chính tổng hợp được cho vay, vay, gửi tiền, nhân tiền gửi, mua, bán giấy tờ có giá có kỳ hạn với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></b></p> <p><b><u>4. Công ty tài chính tổng hợp được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.</u></b></p>
<p><b>Điều 109. Mở tài khoản của công ty tài chính</b></p> <p>1. Công ty tài chính có nhận tiền gửi phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.</p> <p>2. Công ty tài chính được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>3. Công ty tài chính được phép thực hiện hoạt động phát hành thẻ tín dụng được mở tài khoản tại</p>	<p><b>Điều <del>109</del>108. Mở tài khoản của công ty tài chính</b></p> <p>1. Công ty tài chính có nhận tiền gửi phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì <b><i>số tiền dự trữ bắt buộc</i></b> trên tài khoản <del>tiền gửi</del> này. <del>số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.</del></p> <p>2. Công ty tài chính được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>3. Công ty tài chính được phép thực hiện hoạt</p>	<p><b>Điều <del>108</del>116. Mở tài khoản của công ty tài chính <b><u>tổng hợp</u></b></b></p> <p>1. Công ty tài chính <b><u>tổng hợp</u></b> có <b><u>hoạt động</u></b> nhận tiền gửi phải mở tài khoản <del>tiền gửi</del> <b><u>thanh toán</u></b> tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.</p> <p>2. Công ty tài chính <b><u>tổng hợp</u></b> được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p> <p>4. Công ty tài chính được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.</p>	<p>động phát hành thẻ tín dụng được mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p> <p>4. Công ty tài chính được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.</p>	<p>3. Công ty tài chính <b>tổng hợp</b> được phép thực hiện hoạt động phát hành thẻ tín dụng được mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p> <p>4. Công ty tài chính <b>tổng hợp</b> được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.</p>
<p><b>Điều 110. Góp vốn, mua cổ phần của công ty tài chính</b></p> <p>1. Công ty tài chính chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Công ty tài chính được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, quỹ đầu tư.</p> <p>3. Công ty tài chính chỉ được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, quản lý nợ và khai thác tài sản sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>4. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc thành lập công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p><b>Điều <del>110</del>109. Góp vốn, mua cổ phần của công ty tài chính</b></p> <p>1. Công ty tài chính chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Công ty tài chính được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, quỹ đầu tư.</p> <p>3. Công ty tài chính chỉ được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, quản lý nợ và khai thác tài sản sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>4. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc thành lập công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p><b>Điều <del>109</del><del>117</del>. Góp vốn, mua cổ phần của công ty tài chính <b>tổng hợp</b></b></p> <p>1. Công ty tài chính <b>tổng hợp</b> chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Công ty tài chính <b>tổng hợp</b> được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, quỹ đầu tư.</p> <p>3. Công ty tài chính <b>tổng hợp</b> chỉ được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, quản lý nợ và khai thác tài sản sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>4. Ngân hàng Nhà nước quy định <b>cụ thể</b> điều kiện, hồ sơ, <del>trình tự</del>, thủ tục chấp thuận việc thành lập công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính <b>tổng hợp; quy định tại khoản 3 Điều này.</b></p> <p><del>Điều</del><del>điều</del> <b>điều kiện, trình tự, thủ tục tăng vốn tại công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính tổng hợp; hoạt động của công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính tổng hợp trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản.</b></p> <p>5. Công ty tài chính <b>tổng hợp</b> thành lập công ty con, công ty liên kết <del>của công ty tài chính thực hiện</del> theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>
<p><b>Điều 111. Các hoạt động kinh doanh khác của công ty tài chính</b></p> <p>1. Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh, cấp tín dụng được phép; ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng thực hiện cấp tín dụng.</p>	<p><b>Điều <del>111</del>110. Các hoạt động kinh doanh khác của công ty tài chính</b></p> <p>1. Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh, cấp tín dụng được phép; ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng thực hiện cấp tín dụng.</p>	<p><b>Điều <del>110</del><del>118</del>. Các hoạt động kinh doanh khác của công ty tài chính <b>tổng hợp</b></b></p> <p>1. <b>Công ty tài chính tổng hợp được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước:</b></p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>Việc tiếp nhận vốn ủy thác của cá nhân và ủy thác vốn cho các tổ chức tín dụng cấp tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định tại Điều 104 của Luật này.</p> <p>3. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.</p> <p>4. Bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác.</p> <p>5. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>6. Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>7. Cung ứng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư.</p> <p>8. Cung ứng dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản của khách hàng.</p>	<p>Việc tiếp nhận vốn ủy thác của cá nhân và ủy thác vốn cho các tổ chức tín dụng cấp tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p><del>2. Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định tại Điều 104 của Luật này.</del></p> <p><del>3.2. Mua, bán trái phiếu công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Ngân hàng nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp. Mua, bán hẫng với kỳ hạn dưới 12 tháng các giấy tờ có giá khác.</del></p> <p><del>3. Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức theo quy định của pháp luật về chứng khoán và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p>4. Bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác.</p> <p>5. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>6. Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>7. Cung ứng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư.</p> <p>8. Cung ứng dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản của khách hàng.</p> <p><b>9. Mua nợ.</b></p>	<p><b>a)</b> Tiếp nhận vốn ủy thác của <del>Chính phủ</del>, tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh, cấp tín dụng được phép; ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng thực hiện cấp tín dụng. <del>Việc tiếp nhận vốn ủy thác của cá nhân và ủy thác vốn cho các tổ chức tín dụng cấp tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p><b>2.b)</b> Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Ngân hàng nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp. Mua, bán hẫng với kỳ hạn dưới 12 tháng các giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm <b>a khoản 2 Điều này</b>;</p> <p><del>3. Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức theo quy định của pháp luật về chứng khoán và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p><b>4. Bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.</b></p> <p><b>5. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</b></p> <p><b>6.d)</b> Làm đại lý bảo hiểm;</p> <p><b>7. Tư vấn ngân hàng, tài chính.</b></p> <p><b>8.d)</b> Cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản của khách hàng;</p> <p><b>9. Mua nợ.</b></p> <p><b>e)</b> Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.</p> <p><b>2. Công ty tài chính tổng hợp được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:</b></p> <p><b>a)</b> Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</p> <p><b>b)</b> Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức.</p> <p><b>3. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà</b></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<u>nước chấp thuận bằng văn bản. Công ty tài chính tổng hợp thực hiện các hoạt động này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.</u>
<b>Mục 4 HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH</b>	<b>Mục 4 HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH</b>	<b>Mục 4 HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY <del>CHO THUÊ</del> TÀI CHÍNH <b>CHUYÊN NGÀNH</b></b>
<p><b>Điều 112. Hoạt động ngân hàng của công ty cho thuê tài chính</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhận tiền gửi của tổ chức.</li> <li>Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức.</li> <li>Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</li> <li>Cho thuê tài chính.</li> <li>Cho vay bổ sung vốn lưu động đối với bên thuê tài chính.</li> <li>Cho thuê vận hành với điều kiện tổng giá trị tài sản cho thuê vận hành không vượt quá 30% tổng tài sản có của công ty cho thuê tài chính.</li> <li>Thực hiện hình thức cấp tín dụng khác khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</li> </ol>	<p><b>Điều <del>112</del>111. Hoạt động ngân hàng của công ty cho thuê tài chính</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhận tiền gửi <i>không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn</i> của tổ chức.</li> <li>Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, <del>tín phiếu, trái phiếu</del> để huy động vốn của tổ chức.</li> <li><b><i>Đi vay, nhận tiền gửi với kỳ hạn dưới 12 tháng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</i></b></li> <li>Cho thuê tài chính.</li> <li>Cho vay bổ sung vốn lưu động đối với bên thuê tài chính.</li> <li><del>Cho thuê vận hành với điều kiện tổng giá trị tài sản cho thuê vận hành không vượt quá 30% tổng tài sản có của công ty cho thuê tài chính.</del></li> <li><b><i>Mua và cho thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính.</i></b></li> <li>Thực hiện hình thức cấp tín dụng khác khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</li> </ol>	<p><b>Điều <del>112</del>119. Hoạt động ngân hàng của công ty <del>cho thuê tài chính</del> <b>chuyên ngành</b></b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li><del>Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức.</del></li> <li><del>Phát hành chứng chỉ tiền gửi để huy động vốn của tổ chức.</del></li> <li><del>Đi vay, nhận tiền gửi với kỳ hạn dưới 12 tháng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; vay vốn tổ chức Công ty tài chính nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</del> <b><u>bao thanh toán được thực hiện các hoạt động ngân hàng sau đây:</u></b></li> <li><del>a) Bao thanh toán;</del></li> <li><del>b) Hoạt động ngân hàng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 và 7 Điều 114 của Luật này.</del></li> <li><b><u>Công ty tài chính tín dụng tiêu dùng được thực hiện các hoạt động ngân hàng sau đây:</u></b></li> <li><del>a) Phát hành thẻ tín dụng;</del></li> <li><del>b) Hoạt động ngân hàng quy định tại các 1, 2, 5 và 7 Điều 114 của Luật này.</del></li> <li><b><u>Công ty cho thuê tài chính được thực hiện các hoạt động ngân hàng sau đây:</u></b></li> <li><del>a) Cho thuê tài chính;</del></li> <li><del>5. Cho vay bổ sung vốn lưu động đối với bên thuê tài chính.</del></li> <li><b><u>6-b) Hoạt động ngân hàng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 7 Điều 114 của Luật này;</u></b></li> </ol>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p><u>c) Mua và cho thuê lại theo hình thức cho thuê tài chính.</u></p> <p><u>7. Thực hiện hình thức 4. Công ty tài chính chuyên ngành phải duy trì tỷ lệ dự nợ hoạt động cấp tín dụng khác khi được chính trên tổng dự nợ cấp tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</u></p>
<p><b>Điều 113. Hoạt động cho thuê tài chính</b> Hoạt động cho thuê tài chính là việc cấp tín dụng trung hạn, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài chính và phải có một trong các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được nhận chuyển quyền sở hữu tài sản cho thuê hoặc tiếp tục thuê theo thỏa thuận của hai bên.</li> <li>2. Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được quyền ưu tiên mua tài sản cho thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản cho thuê tại thời điểm mua lại.</li> <li>3. Thời hạn cho thuê một tài sản phải ít nhất bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản cho thuê đó.</li> <li>4. Tổng số tiền thuê một tài sản quy định tại hợp đồng cho thuê tài chính ít nhất phải bằng giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng.</li> </ol>	<p><b>Điều 112. Hoạt động cho thuê tài chính</b> Hoạt động cho thuê tài chính là việc cấp tín dụng trung hạn, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài chính và phải có một trong các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được nhận chuyển quyền sở hữu tài sản cho thuê hoặc tiếp tục thuê theo thỏa thuận của hai bên.</li> <li>2. Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được quyền ưu tiên mua tài sản cho thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản cho thuê tại thời điểm mua lại.</li> <li>3. Thời hạn cho thuê một tài sản phải ít nhất bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản cho thuê đó.</li> <li>4. Tổng số tiền thuê một tài sản quy định tại hợp đồng cho thuê tài chính ít nhất phải bằng giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng.</li> </ol>	<p><b>Điều 112. Hoạt động cho thuê tài chính</b> Hoạt động cho thuê tài chính là việc cấp tín dụng trung hạn, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài chính và phải có một trong các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được nhận chuyển quyền sở hữu tài sản cho thuê hoặc tiếp tục thuê theo thỏa thuận của hai bên.</li> <li>2. Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được quyền ưu tiên mua tài sản cho thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản cho thuê tại thời điểm mua lại.</li> <li>3. Thời hạn cho thuê một tài sản phải ít nhất bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản cho thuê đó.</li> <li>4. Tổng số tiền thuê một tài sản quy định tại hợp đồng cho thuê tài chính ít nhất phải bằng giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng.</li> </ol>
		<p><b>Điều 120. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của công ty tài chính chuyên ngành</b> Việc vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của công ty tài chính chuyên ngành thực hiện theo quy định tại Điều 115 của Luật này.</p>
<p><b>Điều 114. Mở tài khoản của công ty cho thuê tài chính</b> 1. Công ty cho thuê tài chính có nhận tiền gửi phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc. 2. Công ty cho thuê tài chính được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân</p>	<p><b>Điều 113. Mở tài khoản của công ty cho thuê tài chính</b> 1. Công ty cho thuê tài chính có nhận tiền gửi phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản tiền gửi này. số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc. 2. Công ty cho thuê tài chính được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân</p>	<p><b>Điều 121. Mở tài khoản của công ty cho thuê tài chính chuyên ngành</b> 1. Công ty cho thuê tài chính có nhận tiền gửi phải <u>Việc mở tài khoản tiền gửi của công ty tài chính chuyên ngành thực hiện theo quy định tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản 1 và khoản 2 Điều 116 của Luật này.</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
hàng nước ngoài.	hàng nước ngoài.	2. Công ty <del>cho thuê</del> tài chính <u>tín dụng tiêu dùng có hoạt động phát hành thẻ tín dụng</u> được mở tài khoản <del>thanh toán</del> tại ngân hàng <del>thương mại, chi nhánh ngân hàng</del> nước ngoài <u>theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</u>
<p><b>Điều 115. Góp vốn, mua cổ phần của công ty cho thuê tài chính</b></p> <p>Công ty cho thuê tài chính không được góp vốn, mua cổ phần, thành lập công ty con, công ty liên kết dưới mọi hình thức.</p>	<p><b>Điều 115114. Góp vốn, mua cổ phần của công ty cho thuê tài chính</b></p> <p>Công ty cho thuê tài chính không được góp vốn, mua cổ phần, thành lập công ty con, công ty liên kết dưới mọi hình thức.</p>	<p><b>Điều 114122. Góp vốn, mua cổ phần của công ty <del>cho thuê</del> tài chính <u>chuyên ngành</u></b></p> <p><u>1. Công ty <del>cho thuê</del> tài chính <del>không</del> <u>chuyên ngành</u> được <u>dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để</u> góp vốn, mua cổ phần; <u>theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.</u></u></p> <p><u>2. Công ty tài chính chuyên ngành được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản.</u></p> <p><u>3. Công ty tài chính chuyên ngành <del>chỉ được</del> thành lập, <u>mua lại</u> công ty con, công ty liên kết <del>dưới mọi hình thức</del> <u>hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</u></u></p> <p><u>4. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính chuyên ngành; điều kiện tăng vốn tại công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính chuyên ngành; hoạt động của công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản.</u></p> <p><u>5. Công ty tài chính chuyên ngành thành lập công ty con, công ty liên kết trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật có liên quan.</u></p>
<p><b>Điều 116. Các hoạt động khác của công ty cho thuê tài chính</b></p> <p>1. Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động cho thuê tài chính. Việc tiếp nhận vốn ủy thác của cá nhân thực hiện</p>	<p><b>Điều 116115. Các hoạt động khác của công ty cho thuê tài chính</b></p> <p>1. Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động cho thuê tài chính. Việc tiếp nhận vốn ủy thác của cá nhân thực hiện</p>	<p><b>Điều 115123. Các hoạt động khác của công ty <del>cho thuê</del> tài chính <u>chuyên ngành</u></b></p> <p><u>1. <del>Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân để</del> Công ty tài chính chuyên ngành được thực hiện <u>các</u> hoạt động <u>cho thuê tài chính</u>. <del>Việc tiếp nhận</del></u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc do Ngân hàng Nhà nước tổ chức.</p> <p>3. Mua, bán trái phiếu Chính phủ.</p> <p>4. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và ủy thác cho thuê tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>5. Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>6. Cung ứng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư cho bên thuê tài chính.</p>	<p>theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p><del>2. Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc do Ngân hàng Nhà nước tổ chức.</del></p> <p><del>3. Mua, bán trái phiếu Chính phủ.</del></p> <p><b>2. Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước.</b></p> <p><b>3. Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức theo quy định của pháp luật về chứng khoán và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</b></p> <p>4. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và ủy thác cho thuê tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>5. Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>6. <del>Cung ứng dịch vụ</del> Tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư cho bên thuê tài chính.</p> <p><b>7. Cho thuê vận hành với điều kiện tổng giá trị tài sản cho thuê vận hành không vượt quá 30% tổng tài sản có của công ty cho thuê tài chính.</b></p>	<p><del>vốn ủy thác của cá nhân thực hiện</del> <b>kinh doanh khác sau đây</b> theo <b>quy định hướng dẫn</b> của Ngân hàng Nhà nước.:</p> <p><del>2.</del> <b>a) Nhân ủy thác để thực hiện các hoạt động được phép;</b></p> <p><b>b) Ủy thác cho tổ chức tín dụng khác thực hiện hoạt động cấp tín dụng chính của công ty tài chính chuyên ngành đó;</b></p> <p><b>c) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước.;</b></p> <p><del>3. Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức theo quy định của pháp luật về chứng khoán và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p><del>4.</del> <b>d) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và ủy thác cho thuê tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.;</b></p> <p><del>5.</del> <b>đ) Làm đại lý bảo hiểm.;</b></p> <p><del>6.</del> <b>e) Tư vấn về hoạt động ngân hàng, tài chính và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;</b></p> <p><b>g) Công ty cho bên thuê tài chính-</b></p> <p><del>7. Cho được cho</del> <b>thuê vận hành với điều kiện tổng giá trị tài sản cho thuê vận hành không vượt quá 30% tổng tài sản có của công ty cho thuê tài chính.</b></p> <p><b>2. Công ty tài chính chuyên ngành được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:</b></p> <p><b>a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</b></p> <p><b>b) Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức.</b></p> <p><b>3. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. Công ty tài chính chuyên ngành thực hiện các hoạt động này theo</b></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<u>hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.</u>
<b>Mục 5 HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ HỢP TÁC XÃ</b>	<b>Mục 5 HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ HỢP TÁC XÃ</b>	<b>Mục 5 HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ HỢP TÁC XÃ</b>
<p><b>Điều 117. Hoạt động của ngân hàng hợp tác xã</b></p> <p>1. Hoạt động chủ yếu của ngân hàng hợp tác xã là điều hòa vốn và thực hiện các hoạt động ngân hàng đối với thành viên là các quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>2. Ngân hàng hợp tác xã được thực hiện một số hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác theo quy định tại mục 2 Chương IV của Luật này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p>	<p><b>Điều 116. Hoạt động của ngân hàng hợp tác xã</b></p> <p>1. Hoạt động chủ yếu của ngân hàng hợp tác xã là điều hòa vốn và thực hiện các hoạt động ngân hàng đối với thành viên là các quỹ tín dụng nhân dân. <b><i>Hoạt động điều hòa vốn của ngân hàng hợp tác xã là hoạt động cho vay, nhận tiền gửi của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại điểm i khoản 5 Điều 117 của Luật này.</i></b></p> <p>2. Ngân hàng hợp tác xã được thực hiện một số hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác theo quy định tại mục 2 Chương IV của Luật này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>3. <b><i>Ngân hàng hợp tác xã quản lý quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</i></b></p> <p>4. <b><i>Ngân hàng hợp tác xã thực hiện các hoạt động sau:</i></b></p> <p>a) <b><i>Hỗ trợ phát triển sản phẩm, dịch vụ, đào tạo nhân sự cho các quỹ tín dụng nhân dân thành viên;</i></b></p> <p>b) <b><i>Kiểm tra, giám sát, kiểm toán quỹ tín dụng nhân dân thành viên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</i></b></p> <p>c) <b><i>Cử cán bộ đủ tiêu chuẩn, điều kiện để giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và các chức danh quản lý, điều hành khác của quỹ tín dụng nhân dân theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.</i></b></p>	<p><b>Điều 124. Hoạt động của ngân hàng hợp tác xã</b></p> <p>1. <del>Hoạt động chủ yếu của ngân hàng</del> <b>Ngân</b> hàng hợp tác xã <del>là điều</del> <b>thực hiện các hoạt động sau đây:</b></p> <p>a) <del>Điều</del> hòa vốn và thực hiện <del>các</del> hoạt động ngân hàng đối với <del>thành viên là các</del> quỹ tín dụng nhân dân. Hoạt động điều hòa vốn của ngân hàng hợp tác xã là hoạt động cho vay, nhận tiền gửi của quỹ tín dụng nhân dân <del>theo quy định tại điểm i khoản 5 Điều 117 của Luật này;</del></p> <p>2. <del>Ngân hàng hợp tác xã được thực hiện một</del> <b>Một</b> số hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác <del>theo</del> quy định tại mục 2 Chương <del>IV</del> của Luật này <del>sau</del> khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;</p> <p>4. <del>Ngân hàng hợp tác xã thực hiện các hoạt động sau:</del></p> <p>ac) Hỗ trợ phát triển sản phẩm, dịch vụ, đào tạo <del>nhân sự</del> <b>nghiệp vụ</b> cho <del>các</del> quỹ tín dụng nhân dân thành viên;</p> <p>bd) Kiểm tra, giám sát, <del>kiểm</del> <b>quỹ tín dụng nhân dân</b> theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>đ) <b>Kiểm</b> toán <del>nội bộ đối với</del> quỹ tín dụng nhân dân thành viên <del>theo quy định của Ngân hàng Nhà nước</del> <b>trong trường hợp cần thiết;</b></p> <p>ee) Cử cán bộ đủ tiêu chuẩn, điều kiện để giữ <del>vị trí</del> <b>chức danh</b> Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và <del>các</del> chức danh quản lý, điều hành khác của quỹ tín dụng nhân dân theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p><del>3-2.</del> <b>Ngân hàng hợp tác xã quản lý, sử dụng</b> quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. <b>Quỹ</b></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p><del>Đảm bảo an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p><u>3. Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết khoản 1 Điều này và việc trích nộp, quản lý, sử dụng quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.</u></p>
<p><b>Điều 118. Hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân</b></p> <p>1. Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhận tiền gửi của thành viên;</li> <li>Nhận tiền gửi từ các tổ chức, cá nhân không phải là thành viên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</li> </ol> <p>2. Cho vay bằng đồng Việt Nam trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cho vay đối với khách hàng là thành viên;</li> <li>Cho vay đối với khách hàng không phải là thành viên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</li> </ol> <p>3. Cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thực hiện các nghiệp vụ thu hộ, chi hộ cho các thành viên.</p> <p>4. Các hoạt động khác, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tiếp nhận vốn ủy thác cho vay của Chính phủ, tổ chức, cá nhân;</li> <li>Vay vốn của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác;</li> <li>Tham gia góp vốn thành lập ngân hàng hợp tác xã;</li> <li>Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước;</li> <li>Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</li> <li>Nhận ủy thác và làm đại lý một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</li> <li>Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm;</li> <li>Cung ứng dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài</li> </ol>	<p><del>Điều 118</del><b>117. Hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân</b></p> <p>1. Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhận tiền gửi của thành viên;</li> <li>Nhận tiền gửi từ các tổ chức, cá nhân không phải là thành viên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</li> </ol> <p>2. Cho vay bằng đồng Việt Nam trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cho vay đối với khách hàng là thành viên;</li> <li>Cho vay đối với khách hàng không phải là thành viên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</li> </ol> <p>3. Cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thực hiện các nghiệp vụ thu hộ, chi hộ cho các thành viên, <b>khách hàng;</b></p> <p><b>4. Làm đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán cho ngân hàng hợp tác xã đối với khách hàng của chính quỹ tín dụng nhân dân.</b></p> <p><b>4.5. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện</b> Các hoạt động khác, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tiếp nhận vốn ủy thác cho vay của Chính phủ, tổ chức, cá nhân;</li> <li><del>Vay vốn của các</del> <b>Đi vay với kỳ hạn dưới 12 tháng của</b> tổ chức tín dụng (<b>trừ ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân khác</b>); <del>tổ chức tài chính khác;</del></li> <li>Tham gia góp vốn thành lập ngân hàng hợp tác xã;</li> <li>Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước;</li> </ol>	<p><del>Điều 117</del><b>125. Hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân</b></p> <p>1. Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhận tiền gửi của thành viên;</li> <li>Nhận tiền gửi từ <del>các</del> <b>tổ chức</b>, cá nhân không phải là thành viên <del>theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</del></li> </ol> <p>2. Cho vay bằng đồng Việt Nam trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cho vay đối với <del>khách hàng là</del> thành viên;</li> <li>Cho vay đối với khách hàng không phải là thành viên <del>theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</del></li> </ol> <p>3. Cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thực hiện <del>các</del> nghiệp vụ thu hộ, chi hộ cho <del>các</del> thành viên, khách hàng <b>của quỹ tín dụng nhân dân đó.;</b></p> <p>4. Làm đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán cho ngân hàng hợp tác xã đối với <b>thành viên</b>, khách hàng của <del>chính</del> quỹ tín dụng nhân dân <b>đó.</b></p> <p>5. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện các hoạt động khác, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tiếp nhận vốn ủy thác cho vay của <b>Chính phủ</b>, tổ chức, cá nhân;</li> <li><del>Đi</del> <b>Vay, gửi tiền tại ngân hàng hợp tác xã;</b> vay với kỳ hạn dưới 12 tháng của tổ chức tín dụng (<del>trừ ngân hàng hợp tác xã, khác.</del> <b>Các</b> quỹ tín dụng nhân dân <del>khác</del>); <b>không được cho vay, gửi tiền lẫn nhau;</b></li> <li>-Tham gia góp vốn thành lập ngân hàng hợp tác xã;</li> </ol>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>chính cho các thành viên.</p> <p>5. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể địa bàn hoạt động của từng quỹ tín dụng nhân dân trong Giấy phép.</p>	<p>đ) Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, <b>ngân hàng hợp tác xã</b>, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>e) Nhận ủy thác và làm đại lý một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>g) Làm đại lý <del>kinh doanh</del> bảo hiểm;</p> <p>h) <del>Cung ứng dịch vụ</del> Tư vấn về ngân hàng, tài chính cho các thành viên.</p> <p><b><i>i) Đi vay, gửi tiền tại ngân hàng hợp tác xã theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</i></b></p> <p>5-6. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể địa bàn hoạt động của từng quỹ tín dụng nhân dân trong Giấy phép.</p>	<p>d) Mở tài khoản <del>tiền gửi</del> <b>thanh toán</b> tại Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>đ) Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>e) Nhận ủy thác và làm đại lý một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, <b>bảo quản lý</b> tài sản <del>theo quy định của Ngân hàng Nhà nước</del>;</p> <p>g) Làm đại lý bảo hiểm;</p> <p>h) Tư vấn <del>ngân hàng, tài chính</del> cho các thành viên- <b><i>i) Đi vay, gửi tiền tại về hoạt động</i></b> ngân hàng <del>hợp tác xã theo</del> và <b>hoạt động kinh doanh khác</b> quy định của <del>Ngân hàng Nhà nước</del>; <b>trong Giấy phép.</b></p> <p>6. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể <b><u>điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, các khoản 3, 4, 5 Điều này và địa bàn hoạt động của từng quỹ tín dụng nhân dân trong Giấy phép.</u></b></p>
<p><b>Mục 6</b> <b>HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ</b></p>	<p><b>Mục 6</b> <b>HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ</b></p>	<p><b>Mục 6</b> <b>HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ</b></p>
<p><b>Điều 119. Huy động vốn của tổ chức tài chính vi mô</b></p> <p>1. Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam dưới các hình thức sau đây:</p> <p>a) Tiết kiệm bắt buộc theo quy định của tổ chức tài chính vi mô;</p> <p>b) Tiền gửi của tổ chức và cá nhân bao gồm cả tiền gửi tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô, trừ tiền gửi nhằm mục đích thanh toán.</p> <p>2. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, và các cá nhân, tổ chức khác trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều <del>119</del>118. Huy động vốn của tổ chức tài chính vi mô</b></p> <p>1. Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam dưới các hình thức sau đây:</p> <p>a) Tiết kiệm bắt buộc theo quy định của tổ chức tài chính vi mô;</p> <p>b) Tiền gửi của tổ chức và cá nhân bao gồm cả tiền gửi tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô, trừ tiền gửi nhằm mục đích thanh toán.</p> <p>2. <del>Vay vốn của</del> <b><i>Đi vay, nhận tiền gửi với kỳ hạn dưới 12 tháng của</i></b> tổ chức tín dụng, <b><i>chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; đi vay</i></b> tổ chức tài chính, và các cá nhân, tổ chức khác trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều <del>118</del>126. <del>Huy</del>Hoạt động <del>vốn</del>ngân hàng của tổ chức tài chính vi mô</b></p> <p>1. <b><u>Tổ chức tài chính vi mô được thực hiện các hoạt động ngân hàng sau đây:</u></b></p> <p><b><u>a)</u></b> Nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam dưới các hình thức <del>sau đây:</del> <b><u>a) Tiết</u></b> tiết kiệm bắt buộc theo quy định của tổ chức tài chính vi mô; <b><u>b) Tiền</u></b> tiền gửi của tổ chức và cá nhân bao gồm cả tiền gửi tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô, trừ tiền gửi nhằm mục đích thanh toán; <b><u>;</u></b></p> <p><b><u>2. Đi vay, nhận tiền gửi với kỳ hạn dưới 12 tháng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; đi vay cá nhân, tổ chức khác trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.</u></b></p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
<p><b>Điều 120. Cấp tín dụng của tổ chức tài chính vi mô</b></p> <p>1. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được cấp tín dụng bằng đồng Việt Nam dưới hình thức cho vay. Việc cấp tín dụng của tổ chức tài chính vi mô có thể được bảo đảm bằng tiết kiệm bắt buộc, bảo lãnh của nhóm khách hàng tiết kiệm và vay vốn.</p> <p>2. Tổ chức tài chính vi mô phải duy trì tỷ lệ tổng dư nợ các khoản cấp tín dụng cho cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp, doanh nghiệp siêu nhỏ trong tổng dư nợ cấp tín dụng không thấp hơn tỷ lệ do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p>	<p><b>Điều <del>120</del>119. Cấp tín dụng của tổ chức tài chính vi mô</b></p> <p>1. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được cấp tín dụng <del>cho vay</del> bằng đồng Việt Nam <del>dưới hình thức cho vay</del>. Việc cấp tín dụng của tổ chức tài chính vi mô có thể được bảo đảm bằng tiết kiệm bắt buộc, bảo lãnh của nhóm khách hàng tiết kiệm và vay vốn.</p> <p>2. Tổ chức tài chính vi mô phải duy trì tỷ lệ tổng dư nợ các khoản cấp tín dụng cho cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp, doanh nghiệp siêu nhỏ trong tổng dư nợ cấp tín dụng không thấp hơn tỷ lệ do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p>	<p><b><u>Điều 119. Cấp tín dụng của tổ chức tài chính vi mô</u></b></p> <p><u>1. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được cho b) Cho</u> vay bằng đồng Việt Nam. <u>Việc <b>Khoản</b> cho vay của tổ chức tài chính vi mô có thể được bảo đảm bằng tiết kiệm bắt buộc, bảo lãnh của nhóm khách hàng tiết kiệm và vay vốn.</u></p> <p>2. Tổ chức tài chính vi mô phải duy trì <u>tỷ lệ tổng dư nợ các khoản cấp tín dụng cho cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp, doanh nghiệp siêu nhỏ trong tổng dư nợ cấp tín dụng không thấp hơn tỷ lệ do Ngân hàng Nhà nước quy định. các giới hạn cho vay sau đây:</u></p> <p><u>a) Tỷ lệ tổng dư nợ các khoản cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp, doanh nghiệp siêu nhỏ trong tổng dư nợ cho vay;</u></p> <p><u>b) Dư nợ cho vay tối đa đối với một khách hàng.</u></p> <p><u>3. Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 Điều <del>120</del>này và việc xác định khách hàng là cá nhân, hộ gia đình có thu nhập thấp.</u></p>
<p><b>Điều 121. Mở tài khoản của tổ chức tài chính vi mô</b></p> <p>1. Tổ chức tài chính vi mô được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại.</p> <p>2. Tổ chức tài chính vi mô không được mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.</p>	<p><b>Điều <del>121</del>120. Mở tài khoản của tổ chức tài chính vi mô</b></p> <p>1. Tổ chức tài chính vi mô được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại.</p> <p>2. Tổ chức tài chính vi mô không được mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.</p>	<p><b>Điều <del>120</del>127. Mở tài khoản của tổ chức tài chính vi mô</b></p> <p>1. Tổ chức tài chính vi mô được mở tài khoản <u>tiền gửi <b>thanh toán</b></u> tại Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại.</p> <p>2. Tổ chức tài chính vi mô không được mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.</p>
		<p><b><u>Điều 128. Vay, gửi tiền của tổ chức tài chính vi mô</u></b></p> <p><u>1. Tổ chức tài chính vi mô được vay, gửi tiền, nhận tiền gửi với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p><u>2. Tổ chức tài chính vi mô được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
<p><b>Điều 122. Hoạt động khác của tổ chức tài chính vi mô</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ủy thác, nhận ủy thác cho vay vốn.</li> <li>2. Cung ứng các dịch vụ tư vấn tài chính liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô.</li> <li>3. Cung ứng dịch vụ thu hộ, chi hộ và chuyển tiền cho khách hàng tài chính vi mô.</li> <li>4. Làm đại lý cung ứng dịch vụ bảo hiểm.</li> </ol>	<p><b>Điều <del>122</del>121. Hoạt động khác của tổ chức tài chính vi mô</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ủy thác, nhận ủy thác cho vay vốn.</li> <li>2. <del>Cung ứng các dịch vụ</del> Tư vấn tài chính liên quan đến lĩnh vực tài chính vi mô.</li> <li>3. Cung ứng dịch vụ thu hộ, chi hộ và chuyển tiền cho khách hàng <i>của tổ chức</i> tài chính vi mô.</li> <li>4. Làm đại lý <del>cung ứng dịch vụ</del> bảo hiểm;</li> <li>5. <i>Làm đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán cho ngân hàng đối với khách hàng của chính tổ chức tài chính vi mô.</i></li> <li>6. <i>Gửi tiền với kỳ hạn dưới 12 tháng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</i></li> </ol>	<p><b>Điều <del>121</del>129. Hoạt động <u>kinh doanh</u> khác của tổ chức tài chính vi mô</b></p> <p><u>Tổ chức tài chính vi mô được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ủy thác, nhận ủy thác cho vay vốn<del>;</del>;</li> <li>2. <del>Tư vấn tài chính liên quan đến lĩnh vực</del> <u>Làm đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán cho ngân hàng đối với khách hàng của tổ chức</u> tài chính vi mô<del>;</del> <u>đó;</u></li> <li>3. Cung ứng dịch vụ thu hộ, chi hộ và chuyển tiền cho khách hàng của tổ chức tài chính vi mô<del>;</del>;</li> <li>4. Làm đại lý bảo hiểm;</li> <li>5. <del>Làm đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán cho</del> <u>Tư vấn về hoạt động</u> ngân hàng <del>đối với khách hàng của chính tổ chức tài chính vi mô.</del></li> <li>6. <del>Gửi tiền với kỳ hạn dưới 12 tháng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo</del> <u>và hoạt động kinh doanh khác</u> quy định <del>của Ngân hàng Nhà nước</del> <u>trong Giấy phép.</u></li> </ol>
<p><b>Mục 7 HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM</b></p>	<p><b>Mục 7 HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM</b></p>	<p><b>Mục 7 HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM</b></p>
<p><b>Điều 123. Nội dung hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện các hoạt động theo quy định tại mục 2 Chương IV của Luật này, trừ các hoạt động sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Hoạt động quy định tại Điều 103 của Luật này;</li> <li>b) Hoạt động mà ngân hàng nước ngoài không được phép thực hiện tại nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.</li> </ol> </li> <li>2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được cung ứng một số dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế cho khách hàng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</li> </ol>	<p><b>Điều <del>123</del>122. Nội dung hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện các hoạt động theo quy định tại <i>mục 1</i>, mục 2 Chương IV của Luật này, trừ các hoạt động sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Hoạt động quy định tại Điều 103 của Luật này;</li> <li>b) Hoạt động mà ngân hàng nước ngoài không được phép thực hiện tại nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.</li> </ol> </li> <li>2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được cung ứng một số dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế cho khách hàng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</li> </ol>	<p><b>Điều <del>122</del>130. Nội dung <del>hoạt</del> <u>Hoạt</u> động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện các hoạt động theo quy định tại <del>mục</del> <u>Mục 1</u>, <del>mục</del> <u>và Mục 2</u> Chương <del>IV</del> của Luật này, trừ các hoạt động sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Hoạt động quy định tại Điều <del>103</del> <u>110</u> của Luật này;</li> <li>b) Hoạt động mà ngân hàng nước ngoài không được phép thực hiện tại nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.</li> </ol> </li> <li>2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài <del>chỉ</del> được cung ứng một số dịch vụ ngoại hối trên thị trường quốc tế</li> </ol>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
3. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể nội dung hoạt động trong Giấy phép cấp cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Luật này, phù hợp với quy mô, loại hình, lĩnh vực hoạt động của ngân hàng nước ngoài.	3. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể nội dung hoạt động trong Giấy phép cấp cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Luật này, phù hợp với <del>quy mô</del> , loại hình, lĩnh vực, <b>nội dung</b> hoạt động của ngân hàng nước ngoài.	cho khách hàng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về ngoại hối. <del>3. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể nội dung hoạt động trong Giấy phép cấp cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Luật này, phù hợp với loại hình, lĩnh vực, nội dung hoạt động của ngân hàng nước ngoài.</del>
<b>Chương V</b> <b>VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI KHÁC CÓ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG</b>	<b>Chương V</b> <b>VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI KHÁC CÓ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG</b>	<b>Chương <del>V</del><b><u>VI</u></b></b> <b>VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI KHÁC CÓ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG</b>
<b>Điều 124. Thành lập văn phòng đại diện</b> Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được phép thành lập văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên lãnh thổ Việt Nam. Tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng chỉ được phép thành lập một văn phòng đại diện.	<del><b>Điều 124</b></del> <b>123. Thành lập văn phòng đại diện</b> Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được phép thành lập văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên lãnh thổ Việt Nam. Tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng chỉ được phép thành lập một văn phòng đại diện.	<del><b>Điều 123</b></del> <b>131. Thành lập văn phòng đại diện</b> Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được phép thành lập văn phòng đại diện tại <del>các</del> tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên lãnh thổ Việt Nam. Tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng chỉ được phép thành lập một văn phòng đại diện.
<b>Điều 125. Nội dung hoạt động của văn phòng đại diện</b> Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được thực hiện các hoạt động sau đây theo nội dung ghi trong Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp: 1. Làm chức năng văn phòng liên lạc. 2. Nghiên cứu thị trường. 3. Xúc tiến các dự án đầu tư của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam. 4. Thúc đẩy và theo dõi việc thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận ký giữa tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng với tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam,	<del><b>Điều 125</b></del> <b>124. Nội dung hoạt động của văn phòng đại diện</b> Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được thực hiện các hoạt động sau đây theo nội dung ghi trong Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp: 1. Làm chức năng văn phòng liên lạc. 2. Nghiên cứu thị trường. 3. Xúc tiến các dự án đầu tư của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam. 4. Thúc đẩy và theo dõi việc thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận ký giữa tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng với tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam,	<del><b>Điều 124</b></del> <b>132. Nội dung hoạt động của văn phòng đại diện</b> Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được thực hiện các hoạt động sau đây theo nội dung ghi trong Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp: 1. Làm chức năng văn phòng liên lạc; 2. Nghiên cứu thị trường; 3. Xúc tiến <del>các</del> dự án đầu tư của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam; 4. Thúc đẩy và theo dõi việc thực hiện <del>các</del> hợp đồng, thỏa thuận ký giữa tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng với tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam,

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>dự án do tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tài trợ tại Việt Nam.</p> <p>5. Hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.</p>	<p>dự án do tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tài trợ tại Việt Nam.</p> <p>5. Hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.</p>	<p>dự án do tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tài trợ tại Việt Nam;</p> <p>5. Hoạt động khác <del>phù hợp với</del> <u>theo</u> quy định của pháp luật Việt Nam.</p>
<p><b>Chương VI</b> <b>CÁC HẠN CHẾ ĐỂ BẢO ĐẢM AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b></p>	<p><b>Chương VI</b> <b>CÁC HẠN CHẾ ĐỂ BẢO ĐẢM AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b></p>	<p><b>Chương <del>VII</del> <u>VIII</u></b> <b>CÁC HẠN CHẾ ĐỂ BẢO ĐẢM AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b></p>
<p><b>Điều 126. Những trường hợp không được cấp tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng đối với những tổ chức, cá nhân sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, pháp nhân là cổ đông có người đại diện phần vốn góp là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, pháp nhân là thành viên góp vốn, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn;</p> <p>b) Cha, mẹ, vợ, chồng, con của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương.</p> <p>2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với quỹ tín dụng nhân dân và trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân.</p> <p>Hạn mức thẻ tín dụng đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước</p>	<p><b>Điều <del>126</del> <u>125</u>. Những trường hợp không được cấp tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng đối với những tổ chức, cá nhân sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, pháp nhân là cổ đông có người đại diện phần vốn góp là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần, pháp nhân là thành viên góp vốn, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn;</p> <p>b) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, <b><i>anh, chị, em</i></b> của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương.</p> <p>2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với quỹ tín dụng nhân dân và trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân.</p> <p>Hạn mức thẻ tín dụng đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><b>Điều <del>125</del> <u>133</u>. Những trường hợp không được cấp tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng đối với những tổ chức, cá nhân sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> <u>Giám đốc</u>); Phó Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> <u>Phó giám đốc</u>) và <del>các</del> chức danh tương đương của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; pháp nhân là cổ đông có người đại diện phần vốn góp là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần; pháp nhân là thành viên góp vốn, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn;</p> <p>b) Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> <u>Giám đốc</u>); Phó Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> <u>Phó giám đốc</u>) và <del>các</del> chức danh tương đương.</p> <p>2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với quỹ tín dụng nhân dân và trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân.</p> <p><u>Hạn mức thẻ tín dụng đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i>)</p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản ngày 27/9/2023</i>)</p>
<p>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng cho khách hàng trên cơ sở bảo đảm của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào để tổ chức tín dụng khác cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán mà tổ chức tín dụng nắm quyền kiểm soát.</p> <p>5. Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng trên cơ sở nhận bảo đảm bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng.</p> <p>6. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.</p> <p>7. Việc cấp tín dụng quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều này bao gồm cả hoạt động mua, đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp.</p>	<p>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng cho khách hàng trên cơ sở bảo đảm của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào để tổ chức tín dụng khác cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán <b>là công ty con, công ty liên kết của chính</b> mà tổ chức tín dụng <del>nắm quyền kiểm soát</del>.</p> <p>5. Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng trên cơ sở nhận bảo đảm bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của <b>chính</b> tổ chức tín dụng.</p> <p>6. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.</p> <p>7. Việc cấp tín dụng quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều này bao gồm cả hoạt động mua, <b>nắm giữ</b>, đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp.</p>	<p>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng cho khách hàng trên cơ sở bảo đảm của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào để tổ chức tín dụng, <b>chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b> khác cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán là công ty con, công ty liên kết của chính tổ chức tín dụng đó.</p> <p>5. Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng trên cơ sở nhận bảo đảm bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của <del>chính</del> tổ chức tín dụng <b>đó</b>.</p> <p>6. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.</p> <p>7. Việc cấp tín dụng quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều này bao gồm cả hoạt động mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp.</p>
<p><b>Điều 127. Hạn chế cấp tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho những đối tượng sau đây:</p> <p>a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; thanh tra viên đang thanh tra tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>b) Kế toán trưởng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc và các chức danh tương đương của quỹ tín dụng nhân</p>	<p><b>Điều 127126. Hạn chế cấp tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho những đối tượng sau đây:</p> <p>a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại <b>chính</b> tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài <b>đó</b>; thanh tra viên đang thanh tra tại <b>chính</b> tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài <b>đó</b>;</p> <p>b) Kế toán trưởng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài <b>đó</b>, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám</p>	<p><b>Điều 126134. Hạn chế cấp tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho những đối tượng sau đây:</p> <p>a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài <b>đó</b>; <b>người ra quyết định</b> thanh tra, <b>thành viên Đoàn thanh tra, người giám sát hoạt động đoàn thanh tra</b> đang thanh tra tại chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài <b>đó</b>;</p> <p>b) Kế toán trưởng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài <b>đó</b>, Chủ tịch và thành viên <del>khác</del> của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>dân;</p> <p>c) Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập;</p> <p>d) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 126 của Luật này sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó;</p> <p>đ) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng;</p> <p>e) Các công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng nắm quyền kiểm soát.</p> <p>2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này không được vượt quá 5% vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>3. Việc cấp tín dụng đối với những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng thông qua và công khai trong tổ chức tín dụng.</p> <p>4. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này không được vượt quá 10% vốn tự có của tổ chức tín dụng; đối với tất cả các đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này không được vượt quá 20% vốn tự có của tổ chức tín dụng.</p> <p>5. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều này phát hành; tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 4 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này phát hành.</p>	<p>đốc và các chức danh tương đương của quỹ tín dụng nhân dân <del>đó</del>;</p> <p>c) Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập;</p> <p>d) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều <del>126</del> <b>125</b> của Luật này sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó;</p> <p>đ) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng <i>tại chính tổ chức tín dụng đó</i>;</p> <p>e) Các công ty con, công ty liên kết của <i>chính</i> tổ chức tín dụng <del>đó hoặc doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng đó nắm quyền kiểm soát, trừ trường hợp cấp tín dụng cho công ty con là tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc</del>.</p> <p>2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này không được vượt quá 5% vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>3. Việc cấp tín dụng đối với những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng thông qua và công khai trong tổ chức tín dụng.</p> <p>4. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này không được vượt quá 10% vốn tự có của tổ chức tín dụng; đối với tất cả các đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này không được vượt quá <del>20</del><b>15</b>% vốn tự có của tổ chức tín dụng.</p> <p>5. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều này phát hành; tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 4 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này phát hành.</p>	<p>viên <del>khác</del> của Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc và <del>các</del> chức danh tương đương của quỹ tín dụng nhân dân đó;</p> <p>c) Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập;</p> <p>d) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều <del>126</del> <b>133</b> của Luật này sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó;</p> <p>đ) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại <del>chính</del> tổ chức tín dụng đó;</p> <p>e) Các công ty con, công ty liên kết của chính tổ chức tín dụng đó, trừ trường hợp cấp tín dụng cho công ty con là tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc.</p> <p>2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này không được vượt quá <del>50</del><b>50</b>% vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p><u>3. Việc cấp tín dụng đối với những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng thông qua phê duyệt và công khai trong tổ chức tín dụng, trừ việc phê duyệt cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p>4. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này không được vượt quá 10% vốn tự có của tổ chức tín dụng; đối với tất cả các đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng.</p> <p>5. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, <del>nắm giữ</del>, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều này phát hành; tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 4 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, <del>nắm giữ</del>, đầu tư</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này phát hành.
<p><b>Điều 128. Giới hạn cấp tín dụng</b></p> <p>1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 25% vốn tự có của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.</p> <p>2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 25% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 50% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.</p> <p>3. Mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không bao gồm các khoản cho vay từ nguồn vốn ủy thác của Chính phủ, của tổ chức, cá nhân hoặc trường hợp khách hàng vay là tổ chức tín dụng khác.</p> <p>4. Mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, đầu tư vào trái phiếu do khách hàng, người có liên quan của khách hàng đó phát hành.</p> <p>5. Giới hạn và điều kiện cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p> <p>6. Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng và người có liên quan vượt quá giới hạn cấp tín dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì tổ chức</p>	<p><b>Điều <del>128</del>127. Giới hạn cấp tín dụng</b></p> <p>1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá <del>15%</del><b>10%</b> vốn tự có của ngân hàng thương mại, <b>ngân hàng hợp tác xã</b>, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá <del>25%</del><b>15%</b> vốn tự có của ngân hàng thương mại, <b>ngân hàng hợp tác xã</b>, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.</p> <p>2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá <del>25%</del><b>15%</b> vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá <del>50%</del><b>25%</b> vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.</p> <p>3. Mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không bao gồm các khoản cho vay từ nguồn vốn ủy thác của Chính phủ, của tổ chức, cá nhân <b>mà tổ chức tín dụng nhận ủy thác không chịu rủi ro</b> hoặc trường hợp khách hàng vay là tổ chức tín dụng khác.</p> <p>4. Mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, đầu tư vào trái phiếu do khách hàng, người có liên quan của khách hàng đó phát hành.</p> <p>5. Giới hạn và điều kiện cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p> <p>6. Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng và người có liên quan vượt quá giới hạn cấp tín dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì tổ chức</p>	<p><b>Điều <del>127</del><b>135. Giới hạn cấp tín dụng</b></b></p> <p>1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 10% vốn tự có của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.</p> <p>2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 25% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.</p> <p>3. Mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không bao gồm <del>các</del> khoản cho vay từ nguồn vốn ủy thác của Chính phủ, của tổ chức, cá nhân <b>mà tổ chức tín dụng nhận ủy thác không chịu rủi ro</b> hoặc trường hợp khách hàng vay là tổ chức tín dụng khác.</p> <p>4. Mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, <b><u>nắm giữ</u></b>, đầu tư vào trái phiếu do khách hàng, người có liên quan của khách hàng đó phát hành.</p> <p>5. Giới hạn và điều kiện cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p> <p>6. Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng và người có liên quan vượt quá giới hạn cấp tín dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì tổ chức</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp tín dụng hợp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>7. Trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được nhu cầu của một khách hàng thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa vượt quá các giới hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể.</p> <p>Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt quá các giới hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p>8. Tổng các khoản cấp tín dụng của một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này không được vượt quá bốn lần vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p>tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp tín dụng hợp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>7. Trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được nhu cầu của một khách hàng thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa vượt quá các giới hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể.</p> <p>Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt quá các giới hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p>8. Tổng các khoản cấp tín dụng của một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này không được vượt quá bốn lần vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p>tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp tín dụng hợp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>7. Trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được nhu cầu của một khách hàng thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa vượt quá các giới hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể.</p> <p>Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, <del>hình thức</del> <b>thủ tục</b> đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt quá <del>các</del> giới hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p>8. Tổng các khoản cấp tín dụng của một tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này không được vượt quá bốn lần vốn tự có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p><b><u>9. Hạn mức thẻ tín dụng đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 133 của Luật này được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></b></p>
<p><b>Điều 129. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần</b></p> <p>1. Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó vào một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 103 của Luật này không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.</p> <p>2. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại.</p> <p>3. Mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài</p>	<p><b>Điều <del>129</del>128. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần</b></p> <p>1. Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó vào một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 103 của Luật này không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.</p> <p>2. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại.</p> <p>3. Mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính và các công ty con, công ty liên kết của công</p>	<p><b>Điều <del>128</del>136. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần</b></p> <p>1. Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và <del>các</del> công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó vào một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều <del>103</del>110 của Luật này không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.</p> <p>2. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, kể cả <del>các</del> công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại.</p> <p>3. Mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính và <del>các</del> công ty con, công ty liên kết của công</p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>chính và các công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính vào một doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 110 của Luật này không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.</p> <p>4. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 110 của Luật này vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính đó không được vượt quá 60% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của công ty tài chính.</p> <p>5. Tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của chính tổ chức tín dụng đó.</p> <p>6. Mức góp vốn, mua cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này không bao gồm mức góp vốn, mua cổ phần của công ty quản lý quỹ là công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại, công ty tài chính vào một doanh nghiệp từ các quỹ do công ty đó quản lý.</p>	<p>ty tài chính vào một doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều <del>110</del> <b>109</b> của Luật này không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.</p> <p>4. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều <del>110</del> <b>109</b> của Luật này vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính đó không được vượt quá <del>60</del><b>40</b>% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của công ty tài chính.</p> <p>5. Tổ chức tín dụng, <b><i>công ty con của tổ chức tín dụng</i></b> không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng <b><i>bao gồm:</i></b></p> <p>a) <b><i>Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng</i></b> khác là cổ đông, thành viên góp vốn của chính tổ chức tín dụng đó;</p> <p>b) <b><i>Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, thành viên góp vốn của chính tổ chức tín dụng đó.</i></b></p> <p>6. Mức góp vốn, mua cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này không bao gồm mức góp vốn, mua cổ phần của công ty quản lý quỹ là công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại, công ty tài chính vào một doanh nghiệp từ các quỹ do công ty đó quản lý.</p>	<p>ty tài chính vào một doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều <del>109</del><b>117</b> và <b><i>khoản 2 Điều 121</i></b> của Luật này không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp, <b><i>quỹ đầu tư</i></b> nhận vốn góp.</p> <p>4. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một công ty tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều <del>109</del><b>117</b> và <b><i>các khoản 2, 3 Điều 121</i></b> của Luật này vào <b><i>các</i></b> doanh nghiệp, kể cả <b><i>các</i></b> công ty con, công ty liên kết của công ty tài chính đó không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của công ty tài chính.</p> <p>5. Tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của <b><i>các</i></b> doanh nghiệp, tổ chức tín dụng <b><i>khác bao gồm: sau đây:</i></b></p> <p>a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của chính tổ chức tín dụng đó;</p> <p>b) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, thành viên góp vốn của <b><i>chính</i></b> tổ chức tín dụng đó.</p> <p>6. Mức góp vốn, mua cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này không bao gồm mức góp vốn, mua cổ phần của công ty quản lý quỹ là công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại, công ty tài chính vào một doanh nghiệp từ <b><i>các</i></b> quỹ do công ty đó quản lý.</p>
<p><b>Điều 130. Tỷ lệ bảo đảm an toàn</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:</p> <p>a) Tỷ lệ khả năng chi trả;</p> <p>b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;</p> <p>c) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;</p>	<p><b>Điều <del>130</del><b>129</b>. Tỷ lệ bảo đảm an toàn</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:</p> <p>a) <b><i>Các Tỷ lệ khả năng chi trả quản lý thanh khoản;</i></b></p> <p>b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;</p> <p>c) <b><i>Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn;</i></b></p>	<p><b>Điều <del>129</del><b>137</b>. Tỷ lệ bảo đảm an toàn</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:</p> <p>a) <b><i>Các tỷ Tỷ lệ quản lý thanh khoản khả năng chi trả;</i></b></p> <p>b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu <del>8</del><b>08</b>% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định <b><i>của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;</i></b></p> <p>c) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>d) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;</p> <p>đ) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;</p> <p>e) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.</p> <p>2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.</p> <p>3. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại khoản 1 Điều này đối với từng loại hình tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>4. Tổng số vốn của một tổ chức tín dụng đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của tổ chức tín dụng dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.</p>	<p><del>đ c)</del> Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;</p> <p><del>đ)</del> Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;</p> <p>e <b>d)</b> Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;-</p> <p><b>đ) Các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</b></p> <p>2. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.</p> <p>3. <b>Thông đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại khoản 1 Điều này đối với từng loại hình tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>4. Tổng số vốn của một tổ chức tín dụng đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của tổ chức tín dụng dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần <del>nhằm nắm quyền kiểm soát</del> các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.</p>	<p>d) Tỷ lệ mua, <b>nắm giữ</b>, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;</p> <p><del>đ) Các tỷ lệ</del> Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác <del>theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p>2. Ngân hàng thương mại, <b>ngân hàng hợp tác xã</b>, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải <b>ký quỹ tiền tại Ngân hàng Nhà nước</b>, nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.</p> <p>3. Thông đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể <del>các</del> tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại khoản 1 Điều này đối với từng loại hình tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>4. Tổng số vốn của một tổ chức tín dụng đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của tổ chức tín dụng dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và <del>các</del> khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần <del>các</del> doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính <del>các</del> tỷ lệ <b>bảo đảm</b> an toàn.</p>
<p><b>Điều 130a. Áp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước xem xét áp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng lâm vào một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa được đặt vào kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 145 của Luật này:</p> <p>a) Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 của Luật này trong thời gian 03 tháng liên tục;</p> <p>b) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật này trong thời gian 06 tháng liên tục;</p>	<p>(Chuyển xuống Điều 144)</p>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>c) Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước xem xét áp dụng can thiệp sớm đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước thực trạng, nguyên nhân, phương án khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này và tổ chức triển khai thực hiện. Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài điều chỉnh phương án khắc phục nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>Thời hạn thực hiện phương án khắc phục tối đa là 01 năm, kể từ ngày có văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước</p> <p>4. Phương án khắc phục bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây:</p> <p>a) Thu hẹp nội dung, phạm vi hoạt động, hạn chế các giao dịch lớn;</p> <p>b) Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và thực hiện các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;</p> <p>c) Hạn chế chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận;</p> <p>d) Cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý; hạn chế trả thù lao, lương, thưởng đối với người quản lý, người điều hành;</p> <p>đ) Tăng cường quản trị rủi ro; tổ chức lại bộ máy quản lý, cắt giảm nhân sự;</p> <p>e) Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân</p>		

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>hàng nước ngoài không xây dựng được phương án khắc phục theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc hết thời hạn thực hiện phương án mà không khắc phục được tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ rủi ro, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện một hoặc một số biện pháp quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>7. Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt áp dụng can thiệp sớm sau khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khắc phục được tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này hoặc khi tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.</p> <p>8. Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết Điều này.</p>		
<p><b>Điều 131. Dự phòng rủi ro</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.</p> <p>2. Việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động do Ngân hàng Nhà nước quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.</p> <p>3. Trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi được vốn đã xử lý</p>	<p><b>Điều 131130. Dự phòng rủi ro</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.</p> <p>2. Việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động do Ngân hàng Nhà nước quy định. <del>sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.</del></p> <p><b>3. Trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội, đối ngoại, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đối với từng trường hợp cụ thể.</b></p> <p><b>Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự đề nghị quyết định việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt</b></p>	<p>(Chuyển xuống Điều 148)</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được coi là doanh thu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	<b><i>động theo quy định tại khoản này.</i></b> 3-4. Trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được coi là doanh thu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	
<p><b>Điều 132. Kinh doanh bất động sản</b> Tổ chức tín dụng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng.</li> <li>Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng.</li> <li>Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định tại Điều 140 của Luật này.</li> </ol>	<p><b>Điều <del>132</del>131. Kinh doanh bất động sản</b> Tổ chức tín dụng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng.</li> <li>Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng.</li> <li>Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định tại Điều <del>140</del>139 của Luật này.</li> </ol>	<p><b>Điều <del>131</del>138. Kinh doanh bất động sản</b> Tổ chức tín dụng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng;</li> <li>Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh <del>chưa sử dụng hết</del>, thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng; <del>chưa sử dụng hết</del>;</li> <li>Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn <del>03</del>05 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định tại <u>Khoản 3 Điều <del>139</del>143</u> của Luật này.</li> </ol>
<p><b>Điều 133. Yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng điện tử</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm an toàn và bảo mật trong hoạt động ngân hàng điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><b>Điều <del>133</del>132. Yêu cầu bảo đảm an toàn giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng điện tử</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm an toàn và bảo mật <b>giao dịch điện tử</b> trong hoạt động ngân hàng <del>điện tử</del> theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước <b>và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</b></p>	<p><b>Điều <del>132</del>139. Yêu cầu bảo đảm an toàn giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm an toàn và bảo mật giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>
<p><b>Điều 134. Quyền, nghĩa vụ của công ty kiểm soát</b> Công ty đang sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trên 20% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết hoặc nắm quyền kiểm soát của một ngân hàng thương mại trước ngày Luật này có hiệu lực; ngân</p>	<p><b>Điều <del>134</del>133. Quyền, nghĩa vụ của công ty kiểm soát</b> Công ty đang sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trên 20% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết hoặc nắm quyền kiểm soát của một ngân hàng thương mại trước ngày Luật này có hiệu lực; ngân</p>	<p><b>Điều <del>133</del>140. Quyền, nghĩa vụ của công ty kiểm soát</b> <b><u>1. Công ty kiểm soát bao gồm:</u></b> a) Công ty đang sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp trên 20% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết hoặc nắm quyền kiểm soát của một ngân hàng</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>hàng thương mại có công ty con, công ty liên kết (sau đây gọi tắt là công ty kiểm soát) có quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <p>1. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, công ty liên kết, công ty kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên góp vốn, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa công ty kiểm soát với công ty con, công ty liên kết đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.</p> <p>3. Công ty kiểm soát không được can thiệp vào tổ chức, hoạt động của công ty con, công ty liên kết ngoài các quyền của chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc cổ đông.</p>	<p>hàng thương mại có công ty con, công ty liên kết (sau đây gọi tắt là công ty kiểm soát) có quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <p>1. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, công ty liên kết, công ty kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên góp vốn, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa công ty kiểm soát với công ty con, công ty liên kết đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.</p> <p>3. Công ty kiểm soát không được can thiệp vào tổ chức, hoạt động của công ty con, công ty liên kết ngoài các quyền của chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc cổ đông.</p>	<p>thương mại <del>trước ngày Luật này có hiệu lực; ngân hàng thương mại có công ty con, công ty liên kết (sau đây gọi tắt là công ty kiểm soát) có quyền, nghĩa vụ sau đây:</del></p> <p><u>1. Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của</u> <b>Ngân hàng thương mại có</b> công ty con, công ty liên kết, <b>ông.</b></p> <p><u>2. Công ty kiểm soát</u> <b>thực có quyền, nghĩa vụ sau đây:</b></p> <p><b>a) Thực</b> hiện quyền, nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên góp vốn, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật này và <del>các</del> quy định khác của pháp luật có liên quan. <u>tùy thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, công ty liên kết;</u></p> <p><u>2. Hợp</u> <b>Phải thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng các hợp</b> đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa công ty kiểm soát với công ty con, công ty liên kết <del>đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng</del> theo điều kiện áp dụng đối với <del>các</del> chủ thể pháp lý độc lập.;</p> <p><u>3.c) Công ty kiểm soát</u> <b>K</b> không được can thiệp vào tổ chức, hoạt động của công ty con, công ty liên kết, ngoài các quyền của chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc cổ đông.</p>
<p><b>Điều 135. Góp vốn, mua cổ phần giữa các công ty con, công ty liên kết, công ty kiểm soát</b></p> <p>1. Công ty con, công ty liên kết của cùng một công ty kiểm soát không được góp vốn, mua cổ phần của nhau.</p> <p>2. Công ty con, công ty liên kết của một tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của chính tổ chức tín dụng đó.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng đang là công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát không được góp vốn, mua cổ phần của công ty kiểm soát đó.</p>	<p><b>Điều 135134. Góp vốn, mua cổ phần giữa các công ty con, công ty liên kết, công ty kiểm soát</b></p> <p>1. Công ty con, công ty liên kết của cùng một công ty kiểm soát không được góp vốn, mua cổ phần của nhau.</p> <p>2. Công ty con, công ty liên kết của một tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của chính tổ chức tín dụng đó.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng đang là công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát không được góp vốn, mua cổ phần của công ty kiểm soát đó.</p>	<p><b>Điều 134141. Góp vốn, mua cổ phần giữa các công ty con, công ty liên kết, công ty kiểm soát</b></p> <p>1. Công ty con, công ty liên kết của cùng một công ty kiểm soát không được góp vốn, mua cổ phần của nhau.</p> <p>2. Công ty con, công ty liên kết của một tổ chức tín dụng không được góp vốn, mua cổ phần của chính tổ chức tín dụng đó.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng đang là công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát không được góp vốn, mua cổ phần của công ty kiểm soát đó.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><b><u>Điều 142. Xây dựng phương án xử lý trong trường hợp được can thiệp sớm hoặc kiểm soát đặc biệt</u></b></p> <p><u>1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng phương án khắc phục trong trường hợp được can thiệp sớm theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p><u>2. Phương án khắc phục phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p><u>a) Thông tin, đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</u></p> <p><u>b) Thực trạng tài chính và hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</u></p> <p><u>c) Các biện pháp dự kiến triển khai nhằm khắc phục từng trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 157 của Luật này;</u></p> <p><u>d) Lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp khắc phục.</u></p> <p><u>3. Các biện pháp dự kiến quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải bao gồm các biện pháp chủ yếu sau đây:</u></p> <p><u>a) Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp và thời gian thực hiện;</u></p> <p><u>b) Cải thiện khả năng thanh khoản; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;</u></p> <p><u>c) Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh;</u></p> <p><u>d) Nâng cao năng lực quản trị, điều hành;</u></p> <p><u>đ) Xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục các vi phạm pháp luật.</u></p> <p><u>4. Phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>viên, chủ sở hữu của ngân hàng thương mại, ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được thông qua.</u></p> <p><u>5. Định kỳ ít nhất 02 năm hoặc khi có những thay đổi quan trọng có thể ảnh hưởng đến phương án khắc phục, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cập nhật, điều chỉnh phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này. Phương án sau cập nhật, điều chỉnh phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu của ngân hàng thương mại, ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được thông qua.</u></p> <p><u>6. Trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không có phương án khắc phục quy định tại khoản 4 hoặc không thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh phương án khắc phục quy định tại khoản 5 Điều này, Ngân hàng Nhà nước áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây:</u></p> <p><u>a) Không mở rộng mạng lưới, nội dung hoạt động;</u>  <u>b) Không chia cổ tức, chuyển lợi nhuận về nước, chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng tài sản;</u>  <u>c) Giảm giới hạn cấp tín dụng.</u></p>
<p><b>Chương VII</b> <b>TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN, BÁO CÁO</b></p>	<p><b>Chương VII</b> <b>TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN, BÁO CÁO</b></p>	<p><b>Chương <del>VH</del><b>VIII</b></b> <b>TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN, BÁO CÁO</b></p>
<p><b>Điều 136. Chế độ tài chính</b> Chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p>	<p><b>Điều 135. Nguyên tắc quản lý tài chính</b> <i>1. <b>Vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm: vốn điều lệ, vốn được cấp, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật.</b></i> <i>2. <b>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của Luật này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.</b></i> <i>3. <b>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước</b></i></p>	<p><b><u>Điều 135. Nguyên tắc quản lý tài chính</u></b> <b><u>Điều 143. Vốn và sử dụng vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</u></b> 1. Vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm: vốn <u>điều lệ, vốn được cấp</u><del>chủ sở hữu</del>, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật. 2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định</p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p><i>ngoài tự chủ về tài chính.</i></p> <p><i>4. Việc thu, chi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải phù hợp với các quy định của pháp luật và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.</i></p> <p><i>5. Chính phủ quy định chi tiết chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</i></p>	<p>của Luật này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.</p> <p><del>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự chủ về tài chính.</del></p> <p><del>4. Việc thu, chi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải phù hợp với các quy định của pháp luật và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.</del></p> <p><del>5. Chính phủ quy định chi tiết chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</del></p> <p><b>Điều 139. Mua, đầu tư vào tài sản cố định</b></p> <p>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc: Giá trị còn lại của tài sản cố định không <del>vượt không</del> quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán đối với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô; không quá 100% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán đối với quỹ tín dụng nhân dân; và không quá 50% vốn được cấp và quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp ghi trên sổ sách kế toán đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>
	<p><b>Điều 135. Nguyên tắc quản lý tài chính</b></p> <p><i>4. Việc thu, chi của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải phù hợp với các quy định của pháp luật và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.</i></p>	<p><b>Điều 144. Doanh thu</b></p> <p><del>41. Việc Các khoản Doanh thu, chi phí của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được xác định và hạch toán</del> phù hợp với các <del>quy định của pháp luật và các</del> chuẩn mực kế toán Việt Nam <del>và quy định của pháp luật có liên quan, có hóa đơn hoặc chứng từ hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.</del></p> <p><u>2. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:</u></p> <p><u>a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự;</u></p> <p><u>b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ;</u></p> <p><u>c) Thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng;</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p><u>d) Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, trừ cổ phiếu;</u>  <u>đ) Thu từ hoạt động góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;</u>  <u>e) Thu từ hoạt động khác;</u>  <u>g) Thu nhập khác theo quy định của pháp luật.</u></p>
		<p><b><u>Điều 145. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hoạt động cấp tín dụng</u></b></p> <p><u>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo đúng quy định của pháp luật để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán như sau:</u></p> <p><u>a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hạch toán số lãi phải thu phát sinh trong kỳ vào thu nhập đối với các khoản nợ được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể;</u></p> <p><u>b) Số lãi phải thu của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước và số lãi phải thu phát sinh trong kỳ của các khoản nợ còn lại thì không phải hạch toán thu nhập, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo dõi ngoại bảng; khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.</u></p> <p><u>2. Đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng. Khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.</u></p> <p><u>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hạch toán lãi dự thu từ hoạt động cấp tín dụng vào thu nhập theo quy định của Chính phủ.</u></p>
	4. Việc thu, chi của tổ chức tín dụng, chi nhánh	<b><u>Điều 146. Chi phí</u></b>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p><i>ngân hàng nước ngoài phải phù hợp với các quy định của pháp luật và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.</i></p>	<p><u>1. Chi phí của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.</u></p> <p><u>2. Chi phí của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><u>a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự;</u></li> <li><u>b) Chi phí hoạt động dịch vụ;</u></li> <li><u>c) Chi hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng;</u></li> <li><u>d) Chi hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán được phép kinh doanh theo quy định của Luật này;</u></li> <li><u>đ) Chi góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;</u></li> <li><u>e) Chi hoạt động kinh doanh khác;</u></li> <li><u>g) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí;</u></li> <li><u>h) Chi cho cán bộ, nhân viên;</u></li> <li><u>i) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ;</u></li> <li><u>k) Chi về tài sản;</u></li> <li><u>l) Chi trích lập dự phòng.</u></li> <li><u>m) Chi bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi;</u></li> <li><u>n) Các khoản chi phí khác.</u></li> </ul>
		<p><b><u>Điều 147. Nguyên tắc ghi nhận chi phí</u></b></p> <p><u>1. Chi phí của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<u>không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật khác có liên quan.</u> <u>2. Việc xác định chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.</u>
<b>Điều 137. Năm tài chính</b> Năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.	<b>Điều 137136. Năm tài chính</b> Năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.	(Chuyển xuống Điều 150)
<b>Điều 138. Hạch toán, kế toán</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.	<b>Điều 138137. Hạch toán, kế toán</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.	(Chuyển xuống Điều 151)
<b>Điều 139. Quỹ dự trữ</b> 1. Hàng năm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ dự trữ sau đây: a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ, vốn được cấp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; b) Quỹ dự phòng tài chính; c) Các quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật. 2. Tổ chức tín dụng không được dùng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này để trả cổ tức cho cổ đông hoặc phân chia lợi nhuận cho chủ sở hữu, thành viên góp vốn.	<b>Điều 139138. Quỹ dự trữ</b> 1. Hàng năm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ dự trữ sau đây: a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp được trích hàng năm theo tỷ lệ <del>5%</del> <b>5%-10%</b> lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ, vốn được cấp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; b) Quỹ dự phòng tài chính; <b>c) Quỹ đầu tư phát triển;</b> d) Các quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật. <del>2. Tổ chức tín dụng không được dùng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này để trả cổ tức cho cổ đông hoặc phân chia lợi nhuận cho chủ sở hữu, thành viên góp vốn.</del> <b>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật.</b>	(Chuyển xuống <b>Điều 149. Phân phối lợi nhuận và các quỹ</b> )

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p><b>Điều 131. Dự phòng rủi ro</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.</p> <p>2. Việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động do Ngân hàng Nhà nước quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.</p> <p>3. Trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được coi là doanh thu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p><b>Điều <del>131</del>130. Dự phòng rủi ro</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.</p> <p>2. Việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động do Ngân hàng Nhà nước quy định. <del>sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.</del></p> <p><b>3. Trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội, đối ngoại, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đối với từng trường hợp cụ thể.</b></p> <p><b>Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự đề nghị quyết định việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định tại khoản này.</b></p> <p><del>3-4.</del> Trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được coi là doanh thu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p><b>Điều <del>130</del>148. Dự phòng rủi ro</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.</p> <p>2. Việc phân loại tài sản có, mức trích <u>lập dự phòng rủi ro</u>, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động do <u>Thông đốc</u> Ngân hàng Nhà nước quy định.</p> <p>3. Trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội, đối ngoại, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đối với từng trường hợp cụ thể.</p> <p>Thủ tướng Chính phủ quy định hồ sơ, <u>trình tự thủ tục</u> đề nghị quyết định việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định tại khoản này.</p> <p>4. Trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được coi là doanh thu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>
	<p><b>Điều <del>139</del>138. Quỹ dự trữ</b></p> <p>1. Hàng năm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ dự trữ sau đây:</p> <p>a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp được trích hàng năm theo tỷ lệ <del>5%</del><b>10%</b> lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ, vốn được cấp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p>	<p><b>Điều <del>138</del>149. Phân phối lợi nhuận và các <del>q</del>Quỹ dự trữ</b></p> <p>1. <u>Lợi nhuận của tổ chức tín dụng sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phân lợi nhuận còn lại được phân phối theo quy định của Chính phủ.</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p>b) Quỹ dự phòng tài chính;  <b>c) Quỹ đầu tư phát triển;</b>  d) Các quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p><del>2. Tổ chức tín dụng không được dùng các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này để trả cổ tức cho cổ đông hoặc phân chia lợi nhuận cho chủ sở hữu, thành viên góp vốn.</del></p> <p><b>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật.</b></p>	<p><b>2. HàngHàng</b> năm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ <del>dự trữ</del> sau đây:</p> <p>a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; <b>hoặc</b> vốn được cấp <del>được phải</del> trích <b>hàng hàng</b> năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ; <b>hoặc</b> vốn được cấp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>b) Quỹ dự phòng tài chính;</p> <p>c) Quỹ đầu tư phát triển <b>đôi với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng là hợp tác xã;</b></p> <p>d) <del>Các quỹ</del> <b>Quỹ</b> dự trữ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>23.</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quản lý và sử dụng <del>các</del> quỹ theo quy định của pháp luật.</p>
	<p><b>Điều 137136. Năm tài chính</b>  Năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.</p>	<p><b>Điều 136150. Năm tài chính</b>  <b>1.</b> Năm tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 <b>cùng</b> năm dương lịch <b>đó.</b></p> <p><b>2. Năm tài chính đầu tiên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bắt đầu từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày cuối cùng của năm dương lịch đó.</b></p>
	<p><b>Điều 138137. Hạch toán, kế toán</b>  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.</p>	<p><b>Điều 137151. Hạch toán, kế toán</b>  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.</p> <p><b>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hạch toán doanh thu, chi phí đúng chế độ quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và</b></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<u>thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.</u>
<p><b>Điều 136. Chế độ tài chính</b> Chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p>	<p><b>Điều 135. Nguyên tắc quản lý tài chính</b> <b>3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự chủ về tài chính.</b> <b>5. Chính phủ quy định chi tiết chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</b></p>	<p><b>Điều 152. Chế độ tài chính</b> <b>31.</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự chủ về tài chính. <b>2. Chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</b> <b>53.</b> Chính phủ quy định chi tiết chế độ tài chính, <b>doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận</b> của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>
<p><b>Điều 140. Mua, đầu tư vào tài sản cố định</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đối với tổ chức tín dụng hoặc không quá 50% vốn được cấp và quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p><b>Điều 140139. Mua, đầu tư vào tài sản cố định</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động <b>theo nguyên tắc: Giá trị còn lại của tài sản cố định</b> không vượt không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ <b>ghi trên sổ sách kế toán</b> đối với tổ chức tín dụng; <b>không quá 100% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán đối với quỹ tín dụng nhân dân; và</b> hoặc không quá 50% vốn được cấp và quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp ghi <b>trên sổ sách kế toán</b> đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	(Chuyển lên khoản 3 <b>Điều 143</b> )
<p><b>Điều 141. Báo cáo</b> 1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 2. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp sau đây:</p>	<p><b>Điều 141140. Báo cáo</b> 1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện chế độ báo cáo, <b>cung cấp thông tin</b> theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, <b>điều tra thống kê</b> và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 2. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp sau đây: a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng</p>	<p><b>Điều 140153. Báo cáo</b> 1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. 2. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp sau đây: a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>c) Thay đổi tên chi nhánh của tổ chức tín dụng; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.</p> <p>3. Công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.</p> <p>4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gửi Ngân hàng Nhà nước các báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải gửi báo cáo tài chính hàng năm của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng cho Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>6. Tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước khi tổ chức tín dụng nước ngoài có thay đổi thuộc một trong những trường hợp sau đây:</p>	<p>đến tình hình kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; <b><i>mua bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông lớn;</i></b></p> <p>c) Thay đổi tên chi nhánh của tổ chức tín dụng; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.</p> <p>3. Công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.</p> <p>4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gửi Ngân hàng Nhà nước các báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải gửi báo cáo tài chính hàng năm của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng cho Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>6. Tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước khi tổ chức tín dụng nước ngoài có thay đổi thuộc một trong những trường hợp sau đây:</p> <p>a) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, thanh lý, phá sản, giải thể;</p>	<p>đến tình hình kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</p> <p>b) <del>Có thay</del> <b>Thay</b> đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và <del>các</del> thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông lớn;</p> <p>c) Thay đổi tên chi nhánh của tổ chức tín dụng; tạm ngừng <del>hoạt động kinh doanh</del> <b>giao dịch</b> dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.</p> <p>3. Công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.</p> <p>4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gửi Ngân hàng Nhà nước các báo cáo <del>hàng năm</del> năm theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải gửi báo cáo tài chính <del>hàng năm</del> năm của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng cho Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>6. Tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước khi tổ chức tín dụng nước ngoài có thay đổi thuộc một trong những trường hợp sau đây:</p> <p>a) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, thanh lý, phá sản, giải thể;</p>



<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>a) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, thanh lý, phá sản, giải thể;</p> <p>b) Đổi tên, chuyển trụ sở chính;</p> <p>c) Thay đổi cổ đông lớn, Hội đồng quản trị, ban điều hành;</p> <p>d) Thay đổi bất thường có ảnh hưởng lớn đến tổ chức, hoạt động.</p>	<p>b) Đổi tên, chuyển trụ sở chính;</p> <p>c) Thay đổi cổ đông lớn, Hội đồng quản trị, ban điều hành;</p> <p>d) Thay đổi bất thường có ảnh hưởng lớn đến tổ chức, hoạt động.</p>	<p>b) Đổi tên, chuyển trụ sở chính;</p> <p>c) Thay đổi cổ đông lớn, Hội đồng quản trị, ban điều hành;</p> <p>d) Thay đổi bất thường có ảnh hưởng lớn đến tổ chức, hoạt động.</p>
<p><b>Điều 142. Báo cáo của công ty kiểm soát</b></p> <p>1. Trong thời hạn 120 ngày, kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty kiểm soát phải lập và gửi cho Ngân hàng Nhà nước báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.</p> <p>2. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty kiểm soát phải lập và gửi cho Ngân hàng Nhà nước báo cáo tổng hợp về giao dịch mua, bán và giao dịch khác giữa công ty kiểm soát với công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát.</p>	<p><b>Điều 142<del>141</del>141. Báo cáo của công ty kiểm soát</b></p> <p>1. Trong thời hạn 120 ngày, kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty kiểm soát phải lập và gửi cho Ngân hàng Nhà nước báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.</p> <p>2. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty kiểm soát phải lập và gửi cho Ngân hàng Nhà nước báo cáo tổng hợp về giao dịch mua, bán và giao dịch khác giữa công ty kiểm soát với công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát.</p>	<p><b>Điều <del>141</del><u>154</u>. Báo cáo của công ty kiểm soát</b></p> <p>1. Trong thời hạn 120 ngày, kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty kiểm soát phải lập và gửi cho Ngân hàng Nhà nước báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.</p> <p>2. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty kiểm soát phải lập và gửi cho Ngân hàng Nhà nước báo cáo tổng hợp về giao dịch mua, bán và giao dịch khác giữa công ty kiểm soát với công ty con, công ty liên kết của công ty kiểm soát.</p>
<p><b>Điều 143. Công khai báo cáo tài chính</b></p> <p>Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 143<del>142</del>142. Công khai báo cáo tài chính</b></p> <p>Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, <i>trừ trường hợp tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt.</i></p>	<p><b>Điều <del>142</del><u>155</u>. Công khai báo cáo tài chính</b></p> <p>Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, <i>trừ trường hợp tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt.</i></p>
<p><b>Điều 144. Chuyển lợi nhuận, chuyển tài sản ra nước ngoài</b></p> <p>1. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam được chuyển ra nước ngoài số lợi nhuận còn lại sau khi đã trích lập các quỹ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Bên nước ngoài trong tổ chức tín dụng liên doanh được chuyển ra nước ngoài số lợi nhuận được chia sau khi tổ chức tín dụng liên doanh đã trích lập</p>	<p><b>Điều 144<del>143</del>143. Chuyển lợi nhuận, chuyển tài sản ra nước ngoài</b></p> <p>1. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam được chuyển ra nước ngoài số lợi nhuận còn lại sau khi đã trích lập các quỹ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Bên nước ngoài trong tổ chức tín dụng liên doanh được chuyển ra nước ngoài số lợi nhuận được chia sau khi tổ chức tín dụng liên doanh đã trích lập</p>	<p><b>Điều <del>143</del><u>156</u>. Chuyển lợi nhuận, chuyển tài sản ra nước ngoài</b></p> <p>1. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam được chuyển ra nước ngoài số lợi nhuận còn lại sau khi đã trích lập <del>các</del> quỹ và thực hiện đầy đủ <del>các</del> nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Bên nước ngoài trong tổ chức tín dụng liên doanh được chuyển ra nước ngoài số lợi nhuận được chia sau khi tổ chức tín dụng liên doanh đã trích lập <del>các</del> quỹ và</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>các quỹ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>3. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài và bên nước ngoài trong tổ chức tín dụng liên doanh được chuyển ra nước ngoài số tài sản còn lại của mình sau khi đã thanh lý, kết thúc hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>4. Việc chuyển tiền và tài sản khác ra nước ngoài quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p>	<p>các quỹ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>3. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài và bên nước ngoài trong tổ chức tín dụng liên doanh được chuyển ra nước ngoài số tài sản còn lại của mình sau khi đã thanh lý, kết thúc hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>4. Việc chuyển tiền và tài sản khác ra nước ngoài quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p>	<p>thực hiện đầy đủ <del>các</del> nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>3. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài và bên nước ngoài trong tổ chức tín dụng liên doanh được chuyển ra nước ngoài số tài sản còn lại của mình sau khi đã thanh lý, kết thúc hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>4. Việc chuyển tiền và tài sản khác ra nước ngoài quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p>
	<b>CHƯƠNG VIII</b> <b>CAN THIỆP SỚM TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b>	<b>CHƯƠNG <del>VIII</del>IX</b> <b>CAN THIỆP SỚM TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI</b>
	<b>Mục 1</b> <b>CAN THIỆP SỚM TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b>	<b>Mục 1</b> <b>CAN THIỆP SỚM TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b>
<p><b>Điều 130a. Áp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước xem xét áp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng lâm vào một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa được đặt vào kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 145 của Luật này:</p> <p>a) Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 của Luật này trong thời gian 03 tháng liên tục;</p> <p>b) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật này trong thời gian 06 tháng liên tục;</p> <p>c) Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước xem xét áp dụng can thiệp sớm đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này.</p> <p>7. Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết Điều này.</p>	<p><b>Điều 144. Áp dụng can thiệp sớm tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 129 của Luật này trong thời gian 03 tháng liên tục;</p> <p>b) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 129 của Luật này trong thời gian 06 tháng liên tục;</p> <p>c) <b>Số lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng lớn hơn 20% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</b></p> <p>d) Xếp hạng dưới mức trung bình trở xuống theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p><b>đ) Có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</b></p>	<p><b>Điều 144<del>157</del>157. Áp dụng can thiệp sớm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><del>a) Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 129 của Luật này trong thời gian 03 tháng liên tục;</del></p> <p><del>b) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 129 của Luật này trong thời gian 06 tháng liên tục;</del></p> <p><b>ea) Số lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài lớn hơn 20<del>15</del>15% giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;</b></p> <p><b>đb) Xếp hạng dưới mức trung bình trở xuống</b> theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p><del>đc) Có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	<p><i>e) Bị rút tiền hàng loạt khi có nhiều người gửi tiền cùng đến rút tiền dẫn đến tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả và không tự khắc phục được theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</i></p> <p><i>2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản áp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:</i></p> <p><i>a) Tình trạng cần can thiệp sớm;</i></p> <p><i>b) Biện pháp can thiệp sớm bao gồm một hoặc một số hạn chế, yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 145 của Luật này.</i></p> <p><i>c) Yêu cầu xây dựng phương án khắc phục theo Mục 3 Chương VIII của Luật này, bao gồm thời hạn hoàn thành xây dựng, thông qua phương án khắc phục.</i></p> <p><i>3. Đối với tổ chức tín dụng thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, đã được vay đặc biệt theo quy định tại Điều 146 của Luật này, có tổ chức tín dụng hỗ trợ, để kịp thời bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, đảm bảo an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản áp dụng can thiệp sớm tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:</i></p> <p><i>a) Tình trạng, lý do tổ chức tín dụng cần sự hỗ trợ của Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác;</i></p> <p><i>b) Biện pháp can thiệp sớm bao gồm một hoặc một số hạn chế, yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 145 của Luật này;</i></p> <p><i>c) Tổ chức tín dụng hỗ trợ;</i></p> <p><i>d) Yêu cầu tổ chức tín dụng xây dựng phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Mục 3 Chương VIII của Luật này.</i></p>	<p>quy định <u>tại điểm a khoản 1 Điều 137 của Ngân hàng Nhà nước Luật này trong thời gian 30 ngày liên tục;</u></p> <p><u>ed) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này trong thời gian 06 tháng liên tục;</u></p> <p><u>đ) Bị rút tiền hàng loạt khi và có nhiều người báo cáo gửi tiền cùng đến rút tiền dẫn đến tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả và không tự khắc phục được theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản áp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này <u>tối thiểu</u>, bao gồm các nội dung <u>chủ yếu</u> sau đây:</p> <p>a) <u>Tình trạng cần Lý do</u> can thiệp sớm;</p> <p>b) <u>Biện pháp can thiệp sớm bao gồm một Một</u> hoặc một số <u>hạn chế, biện pháp</u> yêu cầu, <u>hạn chế</u> quy định tại <u>khoản 1 Điều 145 158</u> của Luật này.;</p> <p>c) Yêu cầu <u>tổ chức tín dụng cập nhật, thực hiện phương án khắc phục quy định tại Điều 142 hoặc</u> xây dựng phương án khắc phục theo <u>Mục 3 Chương VIII quy định tại Điều 159</u> của Luật này, <u>bao gồm</u> thời hạn hoàn thành xây dựng <u>và</u> thông qua phương án khắc phục.;</p> <p><u>đ) Yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài cập nhật, thực hiện phương án khắc phục quy định tại khoản 2 Điều 142 hoặc xây dựng phương án khắc phục đã được ngân hàng mẹ thông qua theo quy định tại Điều 159 của Luật này.</u></p> <p><u>3. Đối với tổ chức tín dụng thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, đã được vay đặc biệt theo quy định tại Điều 146 của Luật này, có tổ chức tín dụng hỗ trợ, để kịp thời bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, đảm bảo an toàn hệ thống tổ chức tín</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><del>dụng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản áp dụng can thiệp sớm tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:</del></p> <p><del>a) Tình trạng, lý do tổ chức tín dụng cần sự hỗ trợ của Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác;</del></p> <p><del>b) Biện pháp can thiệp sớm bao gồm một hoặc một số hạn chế, yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 145 của Luật này;</del></p> <p><del>e) Tổ chức tín dụng hỗ trợ;</del></p> <p><del>đ) Yêu cầu tổ chức tín dụng xây dựng phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Mục 3 Chương VIII của Luật này.</del></p>
<p><b>Điều 130a. Áp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>4. Phương án khắc phục bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây:</p> <p>a) Thu hẹp nội dung, phạm vi hoạt động, hạn chế các giao dịch lớn;</p> <p>b) Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và thực hiện các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;</p> <p>c) Hạn chế chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận;</p> <p>d) Cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý; hạn chế trả thù lao, lương, thưởng đối với người quản lý, người điều hành;</p> <p>đ) Tăng cường quản trị rủi ro; tổ chức lại bộ máy quản lý, cắt giảm nhân sự;</p> <p>e) Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 145. Biện pháp can thiệp sớm</b></p> <p>1. Tùy theo thực trạng, tính chất, mức độ rủi ro của tình trạng cần can thiệp sớm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước áp dụng một hoặc một số các biện pháp can thiệp sớm sau đây:</p> <p>a) Biện pháp hạn chế đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:</p> <p>(i) Hạn chế chia cổ tức, chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng tài sản;</p> <p>(ii) Hạn chế hoạt động kinh doanh không hiệu quả, hạn chế các giao dịch lớn, có rủi ro cao;</p> <p>(iii) Đình chỉ, tạm đình chỉ một hoặc một số hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác có dấu hiệu vi phạm pháp luật;</p> <p>(iv) Hạn chế thẩm quyền quyết định trong hoạt động kinh doanh của người quản lý, người điều hành;</p> <p>(v) Hạn chế cần thiết khác.</p> <p>b) Yêu cầu đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:</p> <p>(i) Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và thực hiện các giải pháp</p>	<p><b>Điều 145<del>158</del>. Các yêu cầu, hạn chế đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Biện pháp can thiệp sớm</b></p> <p><del>1. Tùy theo thực trạng, tính chất, mức độ rủi ro của tình trạng cần can thiệp sớm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước áp dụng một hoặc một số các biện pháp can thiệp sớm sau đây:</del></p> <p><del>a) Biện pháp hạn chế đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:</del></p> <p><del>(i) Hạn chế chia cổ tức, chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng tài sản;</del></p> <p><del>(ii) Hạn chế hoạt động kinh doanh không hiệu quả, hạn chế các giao dịch lớn, có rủi ro cao;</del></p> <p><del>(iii) Đình chỉ, tạm đình chỉ một hoặc một số hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác có dấu hiệu vi phạm pháp luật;</del></p> <p><del>(iv) Hạn chế thẩm quyền quyết định trong hoạt động kinh doanh của người quản lý, người điều hành;</del></p> <p><del>(v) Hạn chế cần thiết khác.</del></p> <p><b>b) 1.</b> Yêu cầu đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p>khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;</p> <p>(ii) <b>Cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý; cắt giảm thù lao, lương, thưởng đối với người quản lý, người điều hành;</b></p> <p>(iii) <b>Tăng cường quản trị rủi ro; tổ chức lại bộ máy quản trị, điều hành;</b></p> <p>(iv) <b>Yêu cầu cần thiết khác.</b></p> <p><b>2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 144 của Luật này, ngoài các biện pháp can thiệp sớm quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước áp dụng thêm một hoặc một số các biện pháp can thiệp sớm sau đây:</b></p> <p><b>a) Hạn chế đối với tổ chức tín dụng:</b></p> <p>(i) <b>Không chia cổ tức, chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng tài sản;</b></p> <p>(ii) <b>Đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động cấp tín dụng, nhận tiền gửi;</b></p> <p>(iii) <b>Đình chỉ hoạt động kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật;</b></p> <p>(iv) <b>Đình chỉ người quản lý, người điều hành có hành vi vi phạm quy định pháp luật;</b></p> <p>(v) <b>Hạn chế cần thiết khác.</b></p> <p><b>b) Yêu cầu đối với tổ chức tín dụng:</b></p> <p>(i) <b>Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng hỗ trợ để xây dựng các phương án chi trả tiền gửi;</b></p> <p>(ii) <b>Yêu cầu cần thiết khác.</b></p>	<p><del>(i)</del> Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và thực hiện các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;</p> <p><del>(ii)</del> <b>Cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý; cắt giảm thù lao, lương, thưởng đối với người quản lý, người điều hành;</b></p> <p><del>(iii)</del> <b>Tăng cường quản trị rủi ro; tổ chức lại bộ máy quản trị, điều hành; <u>yêu cầu bầu, bổ nhiệm thay thế người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm;</u></b></p> <p><del>(iv)</del> <b>Yêu cầu cần thiết khác.</b></p> <p><b>2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 144 của Luật này, ngoài các biện pháp can thiệp sớm quy định tại khoản 1 Điều này, <u>theo thẩm quyền của</u> Ngân hàng Nhà nước <u>áp dụng thêm một hoặc một số các biện pháp can thiệp sớm sau đây:</u></b></p> <p><b>a) <u>Hạn</u> <u>2. Biện pháp hạn</u> chế đối với tổ chức tín dụng, <u>chi nhánh ngân hàng nước ngoài:</u></b></p> <p><del>(i)</del> <b><u>Không</u> <u>a) Hạn chế</u> chia cổ tức, <u>lợi tức, chuyển lợi nhuận về nước, chuyển nhượng cổ phần, phân vốn góp, chuyển nhượng tài sản;</u></b></p> <p><del>(ii)</del> <b><u>Hạn chế hoạt động kinh doanh không hiệu quả, có rủi ro cao; giảm giới hạn cấp tín dụng, giới hạn góp vốn, mua cổ phần;</u></b></p> <p><b>c) Đình chỉ, tạm đình chỉ <u>một hoặc một số</u> hoạt động <u> cấp tín dụng, nhận tiền gửi;</u></b></p> <p><del>(iii)</del> <b><u>Đình chỉ</u> <u>ngân hàng,</u> hoạt động kinh doanh <u>khác</u> có dấu hiệu vi phạm pháp luật;</b></p> <p><del>(iv)</del> <b>Đình chỉ người quản lý, người điều hành có hành vi vi phạm quy định pháp luật <u>hoặc gây rủi ro lớn đến hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;</u></b></p> <p><del>(v)</del> <b>Hạn chế cần thiết khác.</b></p> <p><b>b) <u>Yêu cầu đối với tổ chức tín dụng:</u></b></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><del>(i) Phối hợp với theo thẩm quyền của</del> Ngân hàng Nhà nước, <del>Bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng hỗ trợ để xây dựng các phương án chi trả tiền gửi;</del></p> <p><del>(ii) Yêu cầu cần thiết khác.</del></p>
<p><b>Điều 130a. Áp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước thực trạng, nguyên nhân, phương án khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này và tổ chức triển khai thực hiện. Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài điều chỉnh phương án khắc phục nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>Thời hạn thực hiện phương án khắc phục tối đa là 01 năm, kể từ ngày có văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>4. Phương án khắc phục bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây:</p> <p>a) Thu hẹp nội dung, phạm vi hoạt động, hạn chế các giao dịch lớn;</p> <p>b) Tăng vốn điều lệ, vốn được cấp; tăng cường nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao; bán, chuyển nhượng tài sản và thực hiện các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;</p> <p>c) Hạn chế chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận;</p> <p>d) Cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý; hạn chế trả thù lao, lương, thưởng đối với người quản lý, người điều hành;</p> <p>đ) Tăng cường quản trị rủi ro; tổ chức lại bộ máy quản lý, cắt giảm nhân sự;</p> <p>e) Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 149. Xây dựng, thông qua phương án khắc phục</b></p> <p>1. <i>Tùy theo thực trạng, tính chất, mức độ rủi ro của tình trạng cần can thiệp sớm của tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng hoàn thành việc xây dựng trình Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên thông qua phương án khắc phục trong thời hạn tối đa không quá 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản áp dụng can thiệp sớm gửi tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng căn cứ văn bản áp dụng can thiệp sớm tiến hành đánh giá thực trạng, nguyên nhân, tính chất của tình trạng cần can thiệp sớm để xây dựng phương án khắc phục.</i></p> <p><i>Đối với tổ chức tín dụng là quỹ tín dụng nhân dân, phương án khắc phục phải gửi và có ý kiến Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam trước khi gửi Ngân hàng Nhà nước.</i></p> <p>2. <i>Phương án khắc phục tối thiểu bao gồm các nội dung sau:</i></p> <p><i>a) Giải pháp khắc phục đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc biện pháp can thiệp sớm tại văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước bao gồm một hoặc một số giải pháp sau:</i></p> <p><i>(i) Tăng vốn điều lệ và thời hạn thực hiện;</i></p> <p><i>(ii) Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh;</i></p> <p><i>(iii) Nâng cao năng lực quản trị, điều hành;</i></p> <p><i>(iv) Xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục các vi phạm pháp luật;</i></p> <p><i>b) Biện pháp hỗ trợ cần áp dụng, bao gồm một</i></p>	<p><b>Điều 149<sup>159</sup>. Xây dựng, thông qua phương án khắc phục</b></p> <p>1. <del>Tùy theo thực trạng, tính chất, mức độ rủi ro</del> <u>Đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã có phương án khắc phục được thông qua, căn cứ văn bản áp dụng can thiệp sớm của tình trạng cần can thiệp sớm của tổ chức tín dụng,</u> Ngân hàng Nhà nước, <u>ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó phải thực hiện các nội dung sau đây:</u></p> <p><u>a) Thực hiện ngay yêu cầu</u> <del>tổ chức tín dụng hoàn thành việc,</del> <u>hạn chế quy định tại Điều 158 của Luật này;</u></p> <p><u>b) Đánh giá nguyên nhân dẫn đến can thiệp sớm và cập nhật phương án khắc phục quy định tại Điều 142 của Luật này, trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc ngân hàng mẹ thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p>2. <u>Tổ chức tín dụng, trừ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, phải tiến hành đánh giá nguyên nhân dẫn đến can thiệp sớm và xây dựng phương án khắc phục quy định tại Điều 142 của Luật này, trình Hội đồng quản trị</u> <del>hoặc,</del> <u>Hội đồng thành viên hoặc ngân hàng mẹ thông qua và gửi</u> <del>phương án khắc phục trong thời hạn tối đa không quá 60 ngày kể từ ngày</del> Ngân hàng Nhà nước <del>có văn bản áp dụng can thiệp sớm gửi tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng căn cứ văn bản áp dụng can thiệp sớm tiến hành đánh giá thực trạng, nguyên nhân, tính chất của tình trạng cần can thiệp sớm để xây dựng phương án khắc phục.</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p>hoặc một số biện pháp theo quy định tại Điều 150 của Luật này đối với tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án khắc phục.</p> <p>3. Trường hợp phương án khắc phục có tổ chức tín dụng hỗ trợ, ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng được can thiệp sớm phối hợp với tổ chức tín dụng hỗ trợ bổ sung các nội dung sau đây:</p> <p>a) Biện pháp hỗ trợ của tổ chức tín dụng hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm, bao gồm một hoặc một số biện pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 151 của Luật này;</p> <p>b) Biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ, bao gồm một hoặc một số biện pháp theo quy định tại Khoản 3 Điều 151 của Luật này;</p> <p>c) Chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chế độ khác cho người được điều động tham gia hỗ trợ quản trị, điều hành tổ chức tín dụng được can thiệp sớm (nếu có).</p> <p>4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phương án khắc phục của tổ chức tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản cho ý kiến về việc áp dụng biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm, biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ.</p> <p>5. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng được can thiệp sớm điều chỉnh phương án khắc phục phù hợp với ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, trình cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>Trường hợp tổ chức tín dụng không có phương án khắc phục theo yêu cầu của Ngân hàng</p>	<p>Đối với tổ chức tín dụng là quỹ tín dụng nhân dân, phương án khắc phục phải gửi và có ý kiến <u>Ngân của ngân</u> hàng hợp tác xã <u>Việt Nam</u> trước khi <u>gửi Ngân hàng Nhà nước thông qua.</u></p> <p>2. Phương án khắc phục tối thiểu bao gồm các nội dung sau:</p> <p>a) Giải pháp khắc phục đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài <u>thuộc 3. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước có ý kiến đối với phương án khắc phục quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải điều chỉnh và gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p>4. Trường hợp nội dung phương án có biện pháp <u>can thiệp sớm tại văn bản hỗ trợ quy định tại các khoản 2, 3 Điều 160 và khoản 4 Điều 161 của Luật này, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phương án khắc phục đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận việc</u> áp dụng <u>can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước</u> bao gồm một hoặc một số giải pháp sau:</p> <p>(i) Tăng vốn điều lệ và thời hạn thực hiện;</p> <p>(ii) Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh;</p> <p>(iii) Nâng cao năng lực quản trị, điều hành;</p> <p>(iv) Xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục các vi phạm pháp luật;</p> <p>b) Biện pháp hỗ trợ cần áp dụng, bao gồm một hoặc một số biện pháp theo quy định tại Điều 150 của Luật này <u>hỗ trợ</u> đối với tổ chức tín dụng; <u>được can thiệp sớm, tổ chức tín dụng hỗ trợ.</u></p> <p>e) Lộ trình, thời hạn thực hiện <u>5. Trường hợp</u> phương án khắc phục-</p> <p>3. Trường hợp phương án khắc phục có tổ chức tín dụng hỗ trợ, ngoài các nội dung quy định tại <u>khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng được can thiệp</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p><i>Nhà nước hoặc phương án khắc phục không được cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng thông qua, tổ chức tín dụng phải thực hiện phương án giải thể theo quy định tại Điều 159 của Luật này. Đối với ngân hàng thương mại được can thiệp sớm có lỗ lũy kế lớn hơn giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt.</i></p> <p><i>6. Trong thời hạn tối đa không quá 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản áp dụng can thiệp sớm, chi nhánh ngân hàng nước ngoài căn cứ văn bản áp dụng can thiệp sớm tiến hành đánh giá thực trạng, nguyên nhân, tính chất của tình trạng cần can thiệp sớm để xây dựng phương án can thiệp sớm trình ngân hàng mẹ thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước.</i></p> <p><i>7. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuê tổ chức kiểm toán độc lập soát xét, đánh giá thực trạng tài chính, xác định giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ để làm cơ sở xây dựng phương án khắc phục.</i></p>	<p>sớm phối hợp với tổ chức tín dụng hỗ trợ bổ sung các nội dung <u>chủ yếu</u> sau đây <u>vào phương án khắc phục</u>:</p> <p><u>aa) Tên; số, ngày cấp Giấy phép của tổ chức tín dụng hỗ trợ;</u></p> <p><u>b) Biện pháp hỗ trợ của tổ chức tín dụng hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm, bao gồm một hoặc một số biện pháp <del>theo</del> quy định tại khoản 2 Điều <del>151</del><u>161</u> của Luật này;</u></p> <p><u>bc) Biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ, bao gồm một hoặc một số biện pháp <del>theo</del> quy định tại <del>Khoản</del><u>khoản</u> 3, 4 Điều <del>151</del><u>161</u> của Luật này;</u></p> <p><u>ed) Chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chế độ khác cho người được điều động tham gia hỗ trợ quản trị, điều hành tổ chức tín dụng được can thiệp sớm <del>(nếu có)</del>;</u></p> <p><u>4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phương án khắc phục của tổ chức tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản cho ý kiến về việc áp dụng biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm, biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ.</u></p> <p><u>5. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng được can thiệp sớm điều chỉnh phương án khắc phục phù hợp với ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, trình cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p><u>Trường hợp tổ chức tín dụng không có phương án khắc phục theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc phương án khắc phục không được cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng thông qua, tổ chức tín dụng phải thực hiện phương án giải thể theo quy định tại Điều 159 của Luật này. Đối với ngân hàng thương mại được can thiệp sớm có lỗ lũy kế lớn hơn giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết</u></p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><del>luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt.</del></p> <p><del>6. Trong thời hạn tối đa không quá 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản áp dụng can thiệp sớm, chi nhánh ngân hàng nước ngoài căn cứ văn bản áp dụng can thiệp sớm tiến hành đánh giá thực trạng, nguyên nhân, tính chất của tình trạng can thiệp sớm để xây dựng phương án can thiệp sớm trình ngân hàng mẹ thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p><del>7.6.</del> Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuê tổ chức kiểm toán độc lập <del>soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính,</del> đánh giá thực trạng tài chính; <del>xác định giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ</del> để làm cơ sở xây dựng phương án khắc phục.</p>
	<p><b>Điều 150. Biện pháp hỗ trợ tổ chức tín dụng được can thiệp sớm</b></p> <p>Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:</p> <p>1. Bán nợ xấu không có tài sản bảo đảm hoặc nợ xấu có tài sản bảo đảm mà tài sản bảo đảm đang bị kê biên, tài sản bảo đảm không có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ cho tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng;</p> <p>2. Nhận tiền gửi hoặc vay của tổ chức tín dụng hỗ trợ với lãi suất ưu đãi theo thỏa thuận;</p> <p>3. Mua nợ, trái phiếu doanh nghiệp do tổ chức tín dụng hỗ trợ nắm giữ đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; bán lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp cho tổ chức tín dụng hỗ trợ trong trường hợp các khoản nợ này bị chuyển thành nợ xấu;</p>	<p><b>Điều <del>147</del>160. Biện pháp hỗ trợ tổ chức tín dụng được can thiệp sớm</b></p> <p><del>1. Trong thời gian được can thiệp sớm, Tổ</del> tổ chức tín dụng được <del>can thiệp sớm</del> được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:</p> <p><del>1-a)</del> Bán nợ xấu không có tài sản bảo đảm hoặc nợ xấu có tài sản bảo đảm mà tài sản bảo đảm đang bị kê biên, tài sản bảo đảm không có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ cho tổ chức <del>mua bán, xử lý nợ xấu</del> mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng;</p> <p><del>2-b)</del> Nhận tiền gửi hoặc vay của tổ chức tín dụng hỗ trợ với lãi suất ưu đãi theo thỏa thuận;</p> <p><del>3-c)</del> Mua nợ, trái phiếu doanh nghiệp do tổ chức tín dụng hỗ trợ nắm giữ đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; bán lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp cho tổ chức tín dụng hỗ trợ trong trường hợp các khoản nợ này bị chuyển thành nợ xấu;</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p>4. Đối với tổ chức tín dụng đặt vào can thiệp sớm do chưa đáp ứng quy định tại Điều 129 của Luật này, tổ chức tín dụng được can thiệp sớm phải có biện pháp, lộ trình để đảm bảo tuân thủ;</p> <p>5. Khi thực hiện giải pháp tăng vốn điều lệ theo phương án khắc phục, cổ đông, thành viên góp vốn được sở hữu cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại Điều 55, Điều 70 của Luật này. Cổ đông, thành viên góp vốn phải có lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp để tuân thủ giới hạn sau khi chấm dứt can thiệp sớm;</p> <p>6. Trong thời gian được can thiệp sớm, tổ chức tín dụng không áp dụng giới hạn, tỷ lệ quy định tại Điều 127, Điều 129 của Luật này và có lộ trình để tuân thủ giới hạn, tỷ lệ này khi chấm dứt can thiệp sớm;</p> <p>7. Miễn, giảm tiền lãi vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>8. Vay đặc biệt Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ với mức lãi suất 0% để chi trả tiền gửi của người gửi tiền;</p> <p>9. Không phải duy trì dự trữ bắt buộc, không phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi;</p> <p>10. Vay tái cấp vốn, gia hạn khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước với mức lãi suất bằng 50% lãi suất tái cấp vốn thông thường;</p> <p>11. Quỹ tín dụng nhân dân được vay đặc biệt của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam từ Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân với lãi suất 0%;</p> <p>12. Vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước để chi trả tiền gửi của người gửi tiền;</p> <p>13. Được tổ chức tín dụng hỗ trợ cử nhân sự tham gia quản trị, điều hành;</p> <p>14. Được tổ chức tín dụng hỗ trợ hệ thống công nghệ thông tin;</p>	<p><del>4. Đối với tổ chức tín dụng đặt vào can thiệp sớm do chưa đáp ứng quy định tại Điều 129 của Luật này, tổ chức tín dụng được can thiệp sớm phải có biện pháp, lộ trình để đảm bảo tuân thủ;</del></p> <p><del>5.d)</del> Khi thực hiện giải pháp tăng vốn điều lệ theo phương án khắc phục, cổ đông, thành viên góp vốn được sở hữu cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại Điều <del>55,63</del> và Điều <del>70,77</del> của Luật này. Cổ đông, thành viên góp vốn phải có lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp để tuân thủ giới hạn sau khi chấm dứt can thiệp sớm;</p> <p><del>6.đ)</del> Không phải duy trì dự trữ bắt buộc;</p> <p><del>e)</del> Không phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 163 của Luật này;</p> <p><del>g)</del> Được thỏa thuận, lựa chọn một hoặc một số tổ chức tín dụng hỗ trợ tham gia phương án khắc phục;</p> <p><del>h)</del> Được tổ chức tín dụng hỗ trợ cử nhân sự tham gia quản trị, điều hành; hỗ trợ về công nghệ thông tin.</p> <p><u>2.</u> Trong thời gian được can thiệp sớm, tổ chức tín dụng <del>không có</del> số lỗ lũy kế lớn hơn 50% giá trị của <u>vốn điều lệ, vốn được cấp và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được áp dụng</u> <del>giới hạn, tỷ lệ quy định tại Điều 127, Điều 129 của Luật này và có lộ trình để tuân thủ giới hạn, tỷ lệ này</del> <u>một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau khi chấm dứt can thiệp sớm; được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận sau đây:</u></p> <p><del>7.a)</del> Miễn, giảm tiền lãi vay tái cấp vốn <del>đối với khoản tái cấp vốn</del> của Ngân hàng Nhà nước; <del>trước khi tổ chức tín dụng được đặt vào can thiệp sớm;</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p>15. Biện pháp khác theo thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><del>8. Vay đặc biệt Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ với mức lãi suất 0% để chi trả tiền gửi của người gửi tiền;</del></p> <p><del>9. Không phải duy trì dự trữ bắt buộc, không phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi;</del></p> <p><del>10.b) Vay tái cấp vốn, gia hạn khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước với mức lãi suất bằng 50% lãi suất tái cấp vốn thông thường;</del></p> <p><del>11. Quỹ tín dụng nhân dân được vay đặc biệt của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam từ Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân với lãi suất 0%;</del></p> <p><del>12. Vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước để chi trả tiền gửi của người gửi tiền;</del></p> <p><del>13. Được tổ chức tín dụng hỗ trợ cử nhân sự tham gia quản trị, điều hành;</del></p> <p><del>14. Được tổ chức tín dụng hỗ trợ hệ thống công nghệ thông tin;</del></p> <p><del>15.c) Lô trình tuân thủ một hoặc một số giới hạn, tỷ lệ quy định tại Điều 135 và Điều 137 của Luật này;</del></p> <p><del>d) Biện pháp khác theo thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p><u>3. Trong thời gian được can thiệp sớm, tổ chức tín dụng được can thiệp sớm được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận sau đây:</u></p> <p><u>a) Lô trình tuân thủ một hoặc một số giới hạn, tỷ lệ quy định tại Điều 135 và Điều 137 của Luật này;</u></p> <p><u>b) Trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã trích trong năm thì số tiền trích lập dự phòng rủi ro bằng chênh lệch thu chi;</u></p> <p><u>c) Biện pháp khác theo thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước.</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p><b>Điều 151. Tổ chức tín dụng hỗ trợ</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm thỏa thuận, lựa chọn tổ chức tín dụng hỗ trợ tham gia phương án khắc phục. Tổ chức tín dụng hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hoạt động kinh doanh có lãi trong ít nhất 02 năm liền kề trước thời điểm tham gia hỗ trợ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập.</p> <p>b) Đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 129 của Luật này tại thời điểm tham gia hỗ trợ.</p> <p>2. Biện pháp hỗ trợ của tổ chức tín dụng hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây:</p> <p>a) Phối hợp với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm xây dựng phương án khắc phục.</p> <p>b) Lựa chọn, giới thiệu và điều động cán bộ đủ năng lực, kinh nghiệm, điều kiện tham gia quản trị, kiểm soát và điều hành tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo thỏa thuận.</p> <p>c) Tổ chức triển khai, quản lý, giám sát tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo phương án khắc phục; đề xuất việc sửa đổi, bổ sung phương án khắc phục đã được thông qua.</p> <p>d) Cho vay, gửi tiền với lãi suất ưu đãi tại tổ chức tín dụng được can thiệp sớm;</p> <p>đ) Bán, bán có kỳ hạn khoản nợ, trái phiếu doanh nghiệp đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước cho tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo thỏa thuận; mua lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp đã bán cho tổ chức tín dụng được can thiệp sớm trong trường hợp các khoản nợ này bị chuyển thành nợ xấu;</p> <p>3. Biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây:</p> <p>a) Được vay tái cấp vốn với lãi suất ưu đãi đến mức 0%, được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc.</p>	<p><b>Điều <del>151</del>161. Tổ chức tín dụng hỗ trợ</b></p> <p>1. <del>Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm thỏa thuận, lựa chọn tổ chức tín dụng hỗ trợ tham gia phương án khắc phục.</del> Tổ chức tín dụng hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hoạt động kinh doanh có lãi trong ít nhất 02 năm liền kề trước thời điểm tham gia hỗ trợ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập;</p> <p>b) Đáp ứng tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại <u>khoản 1 Điều 129</u>137 của Luật này tại thời điểm tham gia hỗ trợ.</p> <p>2. <u>Biện pháp Trong thời gian</u> hỗ trợ <del>của</del>, tổ chức tín dụng hỗ trợ <u>được thực hiện một hoặc một số biện pháp sau đây</u> đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm <del>bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây</del>:</p> <p>a) Phối hợp với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm xây dựng phương án khắc phục; <u>tổ chức triển khai, sửa đổi, bổ sung phương án khắc phục đã được thông qua</u>;</p> <p>b) Lựa chọn, giới thiệu và điều động cán bộ đủ năng lực, kinh nghiệm, điều kiện tham gia quản trị, kiểm soát và điều hành tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo thỏa thuận;</p> <p><del>e) Tổ chức triển khai, quản</del> <u>c) Quản</u> lý, giám sát tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo phương án khắc phục; <u>đề xuất việc sửa đổi, bổ sung phương án khắc phục đã được thông qua</u>.</p> <p>d) Cho vay, gửi tiền <del>với lãi suất ưu đãi</del> tại tổ chức tín dụng được can thiệp sớm;</p> <p><u>đđ) Mua một phần hoặc toàn bộ tài sản, đồng thời nhân chuyển giao một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm</u>;</p> <p>e) Bán, bán có kỳ hạn khoản nợ, trái phiếu doanh nghiệp đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước cho tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo thỏa thuận; mua lại</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p>b) Không bị hạn chế về tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh quy định tại điểm e khoản 1 Điều 129 của Luật này</p> <p>c) Các khoản cho vay, tiền gửi tại tổ chức tín dụng được can thiệp sớm được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn.</p> <p>d) Được hạch toán vào chi phí hoạt động đối với các khoản chi lương, thù lao, tiền thưởng cho người được biệt phái tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành tổ chức tín dụng được can thiệp sớm.</p> <p>đ) Được phát hành trái phiếu dài hạn cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>e) Các khoản nợ tiếp nhận từ tổ chức tín dụng được can thiệp sớm được loại trừ khi áp dụng các hạn chế, giới hạn cấp tín dụng của tổ chức tín dụng tiếp nhận.</p> <p>g) Biện pháp khác theo thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>nợ, trái phiếu doanh nghiệp đã bán cho tổ chức tín dụng được can thiệp sớm trong trường hợp các khoản nợ này bị chuyển thành nợ xấu;</p> <p><u>3-g) Biện pháp khác theo thỏa thuận của các bên và không trái với quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>3. Trong thời gian hỗ trợ đối với</u>, tổ chức tín dụng hỗ trợ <u>bao gồm</u> được áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây:</p> <p>a) <u>Được vay tái cấp vốn với lãi suất ưu đãi đến mức 0%, được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc.</u></p> <p>b) <u>Không bị hạn chế về tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh quy định tại điểm e khoản 1 Điều 129 của Luật này</u></p> <p>ea) Khoản cho vay, tiền gửi tại tổ chức tín dụng được can thiệp sớm được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn;</p> <p><del>đ) Được hạch</del> b) <u>Hạch</u> toán vào chi phí hoạt động đối với các khoản <u>chi hỗ trợ công nghệ thông tin</u>, chi lương, thù lao, tiền thưởng cho người được biệt phái tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành tổ chức tín dụng được can thiệp sớm;</p> <p><del>đ) Được phát hành trái phiếu dài hạn cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p>ec) Khoản nợ <u>tiếp nhận mua lại</u> từ tổ chức tín dụng được can thiệp sớm <u>theo quy định tại điểm đ và điểm e khoản 2 Điều này</u> được loại trừ khi áp dụng các hạn chế, giới hạn cấp tín dụng của tổ chức tín dụng <u>tiếp nhận hỗ trợ</u>.</p> <p><u>g4. Trong thời gian hỗ trợ, tổ chức tín dụng hỗ trợ được áp dụng một hoặc một số biện pháp sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, cụ thể:</u></p> <p>a) <u>Vay tái cấp vốn với lãi suất bằng lãi suất tổ chức tín dụng hỗ trợ cho vay, gửi tiền tại tổ chức tín dụng được can thiệp sớm; số tiền, thời hạn vay tái cấp vốn</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p><u>không vượt quá số tiền, thời hạn tổ chức tín dụng hỗ trợ cho vay, gửi tiền tại tổ chức tín dụng được can thiệp sớm;</u></p> <p>b) <u>Được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc;</u></p> <p>c) <u>Không bị hạn chế về tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 137 của Luật này;</u></p> <p>d) <u>Phát hành trái phiếu dài hạn cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước;</u></p> <p>đ) <u>Biện pháp khác theo thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước.</u></p>
<p><b>Điều 130a. Áp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>5. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không xây dựng được phương án khắc phục theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc hết thời hạn thực hiện phương án mà không khắc phục được tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ rủi ro, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện một hoặc một số biện pháp quy định tại khoản 4 Điều này.</p>	<p><b>Điều 152. Thực hiện phương án khắc phục</b></p> <p>1. Trong quá trình thực hiện phương án khắc phục, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án khắc phục theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trình Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước khi thực hiện trong trường hợp phương án khắc phục cần thay đổi một hoặc một số nội dung sau đây:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung biện pháp khắc phục, bao gồm cả việc gia hạn thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục;</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung các biện pháp hỗ trợ;</p> <p>c) Thay đổi kế hoạch, lộ trình thực hiện phương án khắc phục.</p> <p>3. Ngân hàng Nhà nước có ý kiến bằng văn bản gửi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với nội dung thay đổi phương án khắc phục.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước về việc chấm dứt phương án khắc phục và xây dựng phương án sáp nhập, hợp nhất quy định tại Mục 4 Chương VIII của Luật này</p>	<p><b>Điều 149<del>162</del>. Thực hiện phương án khắc phục</b></p> <p>1. <u>Tổ chức tín dụng triển khai thực hiện phương án khắc phục quy định tại Điều 159 của Luật này ngay sau khi được thông qua. Đối với các biện pháp hỗ trợ quy định tại các khoản 2, 3 Điều 160 và khoản 4 Điều 161 của Luật này, tổ chức tín dụng chỉ được thực hiện sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</u></p> <p>2. Trong quá trình thực hiện phương án khắc phục, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án khắc phục theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước <u>đối với từng trường hợp cụ thể.</u></p> <p>3. <del>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trình</del> Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước <u>trước</u> khi <u>trách nhiệm giám sát việc</u> thực hiện <u>trong trường hợp</u> phương án khắc phục <u>cần thay đổi một hoặc một số và có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng điều chỉnh nội dung sau đây:</u></p> <p>a) <del>Sửa đổi, bổ sung biện pháp</del> <u>phương án</u> khắc phục, <del>bao gồm cả việc gia hạn thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục;</del></p> <p>b) <del>Sửa</del> <u>4. Trường hợp sửa</u> đổi, bổ sung các biện pháp hỗ trợ;</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p>hoặc phương án giải thể quy định tại Mục 5 Chương VIII của Luật này trong trường hợp đủ điều kiện để xây dựng phương án sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật này hoặc có đủ điều kiện giải thể theo quy định của pháp luật về giải thể.</p> <p>5. Việc tổ chức tín dụng được can thiệp sớm chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, tăng vốn điều lệ dẫn đến chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện theo quy định tại Điều 176 của Luật này. Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp không bao gồm tổ chức tín dụng.</p> <p>6. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước xét thấy tổ chức tín dụng không có khả năng phục hồi theo phương án khắc phục hoặc hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà tổ chức tín dụng không khắc phục được tình trạng cần can thiệp sớm, tổ chức tín dụng phải thực hiện phương án giải thể theo quy định tại Điều 159 của Luật này.</p> <p>Đối với ngân hàng thương mại được can thiệp sớm có lỗ lũy kế lớn hơn giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt.</p> <p>Trường hợp hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà chi nhánh ngân hàng nước ngoài không khắc phục được tình trạng áp dụng can thiệp sớm, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện giải thể, thanh lý, phong tỏa vốn, tài sản theo quy định tại Chương X của Luật này.</p> <p>7. Trong quá trình thực hiện phương án khắc phục, trường hợp tổ chức tín dụng có lỗ lũy kế lớn hơn giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng</p>	<p>e) Thay đổi kế hoạch, lộ trình quy định tại các khoản 2, 3 Điều 160 và khoản 4 Điều 161 của Luật này và gia hạn thời hạn thực hiện phương án khắc phục.</p> <p><del>3. Ngân hàng Nhà nước có ý kiến bằng văn bản gửi, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với nội dung thay đổi phương án khắc phục phải trình Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p><del>4. Tổ</del><b>5. Trường hợp có tổ</b> chức tín dụng được can thiệp sớm xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước về việc chấm dứt phương án khắc phục và xây dựng phương án <b>nhân</b> sáp nhập, hợp nhất quy định tại Mục 4 Chương VIII của Luật này hoặc phương án giải thể quy định tại Mục 5 Chương VIII của Luật này trong trường hợp đủ điều kiện để xây dựng phương án, <b>tổ chức tín dụng được can thiệp sớm thực hiện sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại khoản về tổ chức lại tổ chức tín dụng tại Chương XIV của Luật này. Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, hợp nhất được áp dụng biện pháp hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 156</b>160 của Luật này <b>hoặc có đủ điều kiện giải thể theo quy định của pháp luật về giải thể</b> <b>Đề án sáp nhập, hợp nhất được cấp có thẩm quyền thông qua.</b></p> <p><del>5. Việc tổ chức tín dụng được can thiệp sớm</del><b>6. Trường hợp</b> chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, tăng vốn điều lệ dẫn đến chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện theo quy định tại Điều <del>176</del><b>199</b> của Luật này. <del>Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp không bao gồm tổ chức tín dụng.</del></p> <p><del>6. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước xét thấy tổ chức tín dụng không có khả năng phục hồi theo phương án khắc phục hoặc hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà tổ chức tín dụng không khắc phục được tình trạng cần can thiệp sớm, tổ chức tín dụng phải thực hiện phương án giải thể theo quy định tại Điều 159 của Luật này.</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p>tăng vốn để đảm bảo giá trị thực của vốn điều lệ và quỹ dự trữ không thấp hơn vốn pháp định trong thời hạn nhất định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tăng vốn của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên, Hội đồng thành viên để tăng vốn và gửi văn bản báo cáo kết quả về Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>8. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng không thông qua việc tăng vốn theo quy định tại khoản 7 Điều này hoặc không thực hiện được phương án tăng vốn đã thông qua trong thời hạn yêu cầu, tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.</p>	<p><del>Đối với ngân hàng thương mại được can thiệp sớm có lỗ lũy kế lớn hơn giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt.</del></p> <p><del>7. Trường hợp hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà chi nhánh ngân hàng nước ngoài không khắc phục được tình trạng áp dụng can thiệp sớm, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện giải thể, thanh lý, phong tỏa vốn, tài sản theo quy định tại Chương <del>XIV</del> của Luật này.</del></p> <p><del>7. Trong quá trình thực hiện phương án khắc phục, trường hợp tổ chức tín dụng có lỗ lũy kế lớn hơn giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng tăng vốn để đảm bảo giá trị thực của vốn điều lệ và quỹ dự trữ không thấp hơn vốn pháp định trong thời hạn nhất định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tăng vốn của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên, Hội đồng thành viên để tăng vốn và gửi văn bản báo cáo kết quả về Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p><del>8. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng không thông qua việc tăng vốn theo quy định tại khoản 7 Điều này hoặc không thực hiện được phương án tăng vốn đã thông qua trong thời hạn yêu cầu, tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.</del></p>
<p><b>Điều 130a. Áp dụng can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>6. Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt áp dụng can thiệp sớm sau khi tổ chức tín dụng, chi</p>	<p><b>Điều 147. Chấm dứt can thiệp sớm</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm chấm dứt can thiệp sớm khi khắc phục được tình trạng dẫn đến được can</p>	<p><b>Điều <del>147</del>163. Chấm dứt can thiệp sớm</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm chấm dứt can thiệp sớm khi khắc phục được tình trạng dẫn đến được can thiệp</p>



<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
nhánh ngân hàng nước ngoài khác phục được tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này hoặc khi tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.	<p><i>thiếp sớm theo quy định tại khoản 1 Điều 144 của Luật này và Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</i></p> <p><i>2. Việc can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng tự động chấm dứt trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Khi Ngân hàng Nhà nước có quyết định sáp nhập, hợp nhất với tổ chức tín dụng khác;</i></p> <p><i>b) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định thực hiện giải thể, phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật này;</i></p> <p><i>c) Khi Ngân hàng Nhà nước có quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 160 của Luật này;</i></p> <p><i>3. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm chấm dứt can thiệp sớm khi Ngân hàng Nhà nước có quyết định về thanh lý, phong tỏa tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</i></p>	<p>sớm theo quy định tại khoản 1 Điều <del>144</del><sup>157</sup> của Luật này và Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. <u>Tổ chức tín dụng sau khi được chấm dứt can thiệp sớm phải có lộ trình hoàn trả lãi vay tái cấp vốn, lãi vay của khoản vay đặc biệt, phí bảo hiểm tiền gửi trong thời gian được can thiệp sớm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p>2. Việc can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng tự động chấm dứt trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Khi Ngân hàng Nhà nước có quyết định sáp nhập, hợp nhất với tổ chức tín dụng khác;</p> <p>b) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định thực hiện giải thể, phá sản tổ chức tín dụng theo quy định <del>tại</del><sup>của</sup> Luật này;</p> <p>c) Khi Ngân hàng Nhà nước có quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều <del>160</del><sup>164</sup> của Luật này<del>;</del>.</p> <p>3. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm chấm dứt can thiệp sớm khi Ngân hàng Nhà nước có quyết định về thanh lý, phong tỏa tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>
	<p><b>Mục 2</b></p> <p><b>BIỆN PHÁP CAN THIỆP TRONG TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC TÍN DỤNG BỊ RÚT TIỀN HÀNG LOẠT</b></p>	<p>(Chuyển về Chương XI về XỬ LÝ TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC TÍN DỤNG BỊ RÚT TIỀN HÀNG LOẠT)</p>
Không có quy định	<p><b>Điều 148. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt</b></p> <p><b>1. Tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt quy định tại điểm e khoản 1 Điều 144 của Luật này được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau:</b></p> <p><b>a) Tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt không bị áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm thiếu dự trữ bắt buộc và không tuân thủ tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định trong giai đoạn bị rút tiền hàng loạt;</b></p>	<p>(Chuyển về Điều 184)</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p><i>b) Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định thực hiện các biện pháp hỗ trợ thanh khoản riêng đối với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt:</i></p> <p><i>(i) Mua giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng trên nghiệp vụ thị trường mở;</i></p> <p><i>(ii) Thực hiện các giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng;</i></p> <p><i>(iii) Tái cấp vốn với tổ chức tín dụng.</i></p> <p><i>c) Vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và tổ chức tín dụng khác theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 146 của Luật này;</i></p> <p><i>d) Ngân hàng Nhà nước quyết định việc ngừng tạm thời giao dịch tại tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt.</i></p> <p><i>2. Ngân hàng Nhà nước được phép sử dụng khoản dự phòng rủi ro để xử lý đối với các khoản phải thu không thu hồi được phát sinh từ các biện pháp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này.</i></p> <p><i>3. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt đang lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về Ngân hàng Nhà nước theo đề nghị của tổ chức tín dụng.</i></p>	
	<p><i>Mục 3</i></p> <p><b>PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM</b></p>	
<p>Tại giai đoạn can thiệp sớm, Luật hiện hành không quy định các biện pháp hỗ trợ TCTD được can thiệp sớm. Tuy nhiên các biện pháp hỗ trợ tại dự thảo Luật được quy định tương ứng với biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án phục hồi tại Điều 148b Luật hiện hành quy định trong giai đoạn kiểm soát đặc biệt (hiện đã bỏ tại dự thảo Luật)</p>	<p><b>Điều 150. Biện pháp hỗ trợ tổ chức tín dụng được can thiệp sớm</b></p> <p><i>Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:</i></p> <p><i>1. Bán nợ xấu không có tài sản bảo đảm hoặc nợ xấu có tài sản bảo đảm mà tài sản bảo đảm đang bị kê biên, tài sản bảo đảm không có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ cho tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn</i></p>	<p>(Chuyển về Điều 160)</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	<p><i>điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng;</i></p> <p><i>2. Nhận tiền gửi hoặc vay của tổ chức tín dụng hỗ trợ với lãi suất ưu đãi theo thỏa thuận;</i></p> <p><i>3. Mua nợ, trái phiếu doanh nghiệp do tổ chức tín dụng hỗ trợ nắm giữ đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; bán lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp cho tổ chức tín dụng hỗ trợ trong trường hợp các khoản nợ này bị chuyển thành nợ xấu;</i></p> <p><i>4. Đối với tổ chức tín dụng đặt vào can thiệp sớm do chưa đáp ứng quy định tại Điều 129 của Luật này, tổ chức tín dụng được can thiệp sớm phải có biện pháp, lộ trình để đảm bảo tuân thủ;</i></p> <p><i>5. Khi thực hiện giải pháp tăng vốn điều lệ theo phương án khắc phục, cổ đông, thành viên góp vốn được sở hữu cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại Điều 55, Điều 70 của Luật này. Cổ đông, thành viên góp vốn phải có lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp để tuân thủ giới hạn sau khi chấm dứt can thiệp sớm;</i></p> <p><i>6. Trong thời gian được can thiệp sớm, tổ chức tín dụng không áp dụng giới hạn, tỷ lệ quy định tại Điều 127, Điều 129 của Luật này và có lộ trình để tuân thủ giới hạn, tỷ lệ này khi chấm dứt can thiệp sớm;</i></p> <p><i>7. Miễn, giảm tiền lãi vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước;</i></p> <p><i>8. Vay đặc biệt Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ với mức lãi suất 0% để chi trả tiền gửi của người gửi tiền;</i></p> <p><i>9. Không phải duy trì dự trữ bắt buộc, không phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi;</i></p>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
	<p><b>10. Vay tái cấp vốn, gia hạn khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước với mức lãi suất bằng 50% lãi suất tái cấp vốn thông thường;</b></p> <p><b>11. Quỹ tín dụng nhân dân được vay đặc biệt của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam từ Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân với lãi suất 0%;</b></p> <p><b>12. Vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước để chi trả tiền gửi của người gửi tiền;</b></p> <p><b>13. Được tổ chức tín dụng hỗ trợ cử nhân sự tham gia quản trị, điều hành;</b></p> <p><b>14. Được tổ chức tín dụng hỗ trợ hệ thống công nghệ thông tin;</b></p> <p><b>15. Biện pháp khác theo thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước.</b></p>	
<p>Tại giai đoạn can thiệp sớm, Luật hiện hành không quy định TCTD hỗ trợ. Tuy nhiên quy định về TCTD hỗ trợ trong giai đoạn can thiệp sớm tại dự thảo Luật được quy định tương ứng với quy định về TCTD hỗ trợ, quyền, nghĩa vụ trong quá trình thực hiện phương án phục hồi tại giai đoạn kiểm soát đặc biệt tại Điều 148d, 148đ Luật hiện hành (hiện đã bỏ tại dự thảo Luật)</p>	<p><b>Điều 151. Tổ chức tín dụng hỗ trợ</b></p> <p><b>1. Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm thỏa thuận, lựa chọn tổ chức tín dụng hỗ trợ tham gia phương án khắc phục. Tổ chức tín dụng hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</b></p> <p><b>a) Hoạt động kinh doanh có lãi trong ít nhất 02 năm liền kề trước thời điểm tham gia hỗ trợ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập.</b></p> <p><b>b) Đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 129 của Luật này tại thời điểm tham gia hỗ trợ.</b></p> <p><b>2. Biện pháp hỗ trợ của tổ chức tín dụng hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây:</b></p> <p><b>a) Phối hợp với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm xây dựng phương án khắc phục.</b></p> <p><b>b) Lựa chọn, giới thiệu và điều động cán bộ đủ năng lực, kinh nghiệm, điều kiện tham gia quản trị, kiểm soát và điều hành tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo thỏa thuận.</b></p> <p><b>c) Tổ chức triển khai, quản lý, giám sát tổ chức,</b></p>	<p>(Chuyển về Điều 161)</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p><i>hoạt động của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo phương án khắc phục; đề xuất việc sửa đổi, bổ sung phương án khắc phục đã được thông qua.</i></p> <p><i>d) Cho vay, gửi tiền với lãi suất ưu đãi tại tổ chức tín dụng được can thiệp sớm;</i></p> <p><i>đ) Bán, bán có kỳ hạn khoản nợ, trái phiếu doanh nghiệp đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước cho tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo thỏa thuận; mua lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp đã bán cho tổ chức tín dụng được can thiệp sớm trong trường hợp các khoản nợ này bị chuyển thành nợ xấu;</i></p> <p><i>3. Biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây:</i></p> <p><i>a) Được vay tái cấp vốn với lãi suất ưu đãi đến mức 0%, được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc.</i></p> <p><i>b) Không bị hạn chế về tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh quy định tại điểm e khoản 1 Điều 129 của Luật này</i></p> <p><i>c) Các khoản cho vay, tiền gửi tại tổ chức tín dụng được can thiệp sớm được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn.</i></p> <p><i>d) Được hạch toán vào chi phí hoạt động đối với các khoản chi lương, thù lao, tiền thưởng cho người được biệt phái tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành tổ chức tín dụng được can thiệp sớm.</i></p> <p><i>đ) Được phát hành trái phiếu dài hạn cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước.</i></p> <p><i>e) Các khoản nợ tiếp nhận từ tổ chức tín dụng được can thiệp sớm được loại trừ khi áp dụng các hạn chế, giới hạn cấp tín dụng của tổ chức tín dụng tiếp nhận.</i></p>	

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	g) <i>Biện pháp khác theo thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước.</i>	
	<p><b>Điều 152. Thực hiện phương án khắc phục</b></p> <p><b>1. Trong quá trình thực hiện phương án khắc phục, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án khắc phục theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.</b></p> <p><b>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trình Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước khi thực hiện trong trường hợp phương án khắc phục cần thay đổi một hoặc một số nội dung sau đây:</b></p> <p><b>a) Sửa đổi, bổ sung biện pháp khắc phục, bao gồm cả việc gia hạn thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục;</b></p> <p><b>b) Sửa đổi, bổ sung các biện pháp hỗ trợ;</b></p> <p><b>c) Thay đổi kế hoạch, lộ trình thực hiện phương án khắc phục.</b></p> <p><b>3. Ngân hàng Nhà nước có ý kiến bằng văn bản gửi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với nội dung thay đổi phương án khắc phục.</b></p> <p><b>4. Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước về việc chấm dứt phương án khắc phục và xây dựng phương án sáp nhập, hợp nhất quy định tại Mục 4 Chương VIII của Luật này hoặc phương án giải thể quy định tại Mục 5 Chương VIII của Luật này trong trường hợp đủ điều kiện để xây dựng phương án sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật này hoặc có đủ điều kiện giải thể theo quy định của pháp luật về giải thể.</b></p> <p><b>5. Việc tổ chức tín dụng được can thiệp sớm chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, tăng vốn điều lệ dẫn đến chuyển đổi hình thức pháp lý thực</b></p>	(Chuyển về Điều 162)

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p><i>hiện theo quy định tại Điều 176 của Luật này. Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp không bao gồm tổ chức tín dụng.</i></p> <p><i>6. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước xét thấy tổ chức tín dụng không có khả năng phục hồi theo phương án khắc phục hoặc hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà tổ chức tín dụng không khắc phục được tình trạng cần can thiệp sớm, tổ chức tín dụng phải thực hiện phương án giải thể theo quy định tại Điều 159 của Luật này.</i></p> <p><i>Đối với ngân hàng thương mại được can thiệp sớm có lỗ lũy kế lớn hơn giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt.</i></p> <p><i>Trường hợp hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà chi nhánh ngân hàng nước ngoài không khắc phục được tình trạng áp dụng can thiệp sớm, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện giải thể, thanh lý, phong tỏa vốn, tài sản theo quy định tại Chương X của Luật này.</i></p> <p><i>7. Trong quá trình thực hiện phương án khắc phục, trường hợp tổ chức tín dụng có lỗ lũy kế lớn hơn giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng tăng vốn để đảm bảo giá trị thực của vốn điều lệ và quỹ dự trữ không thấp hơn vốn pháp định trong thời hạn nhất định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tăng vốn của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phải tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên, Hội đồng thành viên để tăng vốn và gửi văn bản báo cáo kết quả về Ngân hàng Nhà nước.</i></p>	

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p>8. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng không thông qua việc tăng vốn theo quy định tại khoản 7 Điều này hoặc không thực hiện được phương án tăng vốn đã thông qua trong thời hạn yêu cầu, tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.</p>	
Không có quy định	<p><b>Điều 153. Xây dựng, thông qua phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 144 của Luật này, tổ chức tín dụng phối hợp với tổ chức tín dụng hỗ trợ được Ngân hàng Nhà nước chỉ định để xây dựng phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt trình Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên thông qua gửi Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>Đối với tổ chức tín dụng là quỹ tín dụng nhân dân, phương án hỗ trợ phải gửi và có ý kiến Ngân hàng hợp tác xã trước khi gửi Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt tối thiểu bao gồm các nội dung sau:</p> <p>a) Kế hoạch thực hiện biện pháp can thiệp sớm quy định tại Điều 145 của Luật này;</p> <p>b) Kế hoạch chi trả tiền gửi của người gửi tiền;</p> <p>c) Biện pháp hỗ trợ của tổ chức tín dụng hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm; quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 154 của Luật này;</p> <p>d) Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phương án hỗ trợ của tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản cho ý kiến về việc áp dụng biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được can</p>	(Đã lồng ghép vào nhóm các biện pháp hỗ trợ TCTD được can thiệp sớm)



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p><i>thiếp sớm, biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ.</i></p> <p><i>4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng được can thiệp sớm điều chỉnh phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt phù hợp với ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, trình cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước.</i></p> <p><i>Trường hợp tổ chức tín dụng không có phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt không được cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng thông qua, tổ chức tín dụng phải thực hiện phương án giải thể theo quy định tại Điều 159 của Luật này. Đối với ngân hàng thương mại được can thiệp sớm có lỗ lũy kế lớn hơn giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt.</i></p>	
<p>Tại giai đoạn can thiệp sớm, Luật hiện hành không quy định biện pháp hỗ trợ. Tuy nhiên quy định về biện pháp hỗ trợ trong giai đoạn can thiệp sớm tại dự thảo Luật được quy định tương ứng với quy định về biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án phục hồi tại giai đoạn kiểm soát đặc biệt tại Điều 148b Luật hiện hành (hiện đã bỏ tại dự thảo Luật)</p>	<p><b>Điều 154. Biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt</b></p> <p><b>1. Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:</b></p> <p><b>a) Bán một phần hoặc toàn bộ tài sản đồng thời chuyển giao một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ cho tổ chức tín dụng hỗ trợ;</b></p> <p><b>b) Vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi 0% của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ để chi trả tiền gửi của người gửi tiền;</b></p> <p><b>c) Vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước để chi trả tiền gửi của người gửi tiền.</b></p> <p><b>2. Tổ chức tín dụng hỗ trợ thực hiện một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:</b></p>	<p>(Đã lồng ghép vào nhóm các biện pháp hỗ trợ TCTD được can thiệp sớm)</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p><i>a) Phối hợp với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm xây dựng phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt, kế hoạch chi trả cho người gửi tiền.</i></p> <p><i>b) Lựa chọn, giới thiệu và điều động cán bộ đủ năng lực, kinh nghiệm, điều kiện tham gia quản trị, kiểm soát và điều hành tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo thỏa thuận.</i></p> <p><i>c) Tổ chức triển khai, quản lý, giám sát tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt; đề xuất việc sửa đổi, bổ sung phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt đã được thông qua.</i></p> <p><i>d) Mua một phần hoặc toàn bộ tài sản đồng thời nhận chuyển giao một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm.</i></p> <p><i>đ) Tham gia chi trả tiền gửi cho người gửi tiền theo kế hoạch chi trả tiền gửi của người gửi tiền.</i></p> <p><b>3. Biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ bao gồm một hoặc một số biện pháp sau đây:</b></p> <p><i>a) Được vay tái cấp vốn với lãi suất ưu đãi đến mức 0%, được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt.</i></p> <p><i>b) Không bị hạn chế về tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh quy định tại điểm e khoản 1 Điều 129 của Luật này</i></p> <p><i>c) Được hạch toán vào chi phí hoạt động đối với các khoản chi lương, thù lao, tiền thưởng cho người được biệt phái tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành tổ chức tín dụng được can thiệp sớm.</i></p> <p><i>d) Được phát hành trái phiếu dài hạn cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước.</i></p> <p><i>đ) Được mở chi nhánh để thực hiện mua tài sản và tiếp nhận nghĩa vụ nợ của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm.</i></p>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
	<i>e) Được áp dụng các biện pháp hỗ trợ khác do Ngân hàng Nhà nước quyết định theo thẩm quyền.</i>	
Không có quy định	<p><b>Điều 155. Tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt</b></p> <p><b>1. Trong quá trình thực hiện phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được can thiệp sớm có trách nhiệm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.</b></p> <p><b>2. Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm trình Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước khi thực hiện trong trường hợp phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt cần thay đổi một hoặc một số nội dung sau đây:</b></p> <p><b>a) Sửa đổi, bổ sung biện pháp hỗ trợ,</b></p> <p><b>b) Thay đổi kế hoạch, lộ trình thực hiện phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt.</b></p> <p><b>3. Ngân hàng Nhà nước có ý kiến bằng văn bản gửi tổ chức tín dụng đối với nội dung thay đổi phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt.</b></p> <p><b>4. Sau khi hoàn thành việc bán một phần hoặc toàn bộ tài sản, chuyển giao một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ cho tổ chức tín dụng hỗ trợ và hoàn thành việc chi trả tiền gửi cho người gửi tiền, tổ chức tín dụng được can thiệp sớm được giải thể theo quy định tại Điều 177 của Luật này.</b></p> <p><b>5. Trường hợp tổ chức tín dụng được can thiệp sớm không giải thể hoặc không đủ điều kiện giải thể, Ngân hàng Nhà nước đặt tổ chức tín dụng được can thiệp sớm vào kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 160 của Luật này và xây dựng phương án phá sản theo quy định tại Mục 3 Chương IX của Luật này.</b></p>	(Đã lồng ghép vào nhóm các biện pháp hỗ trợ TCTD được can thiệp sớm)
	<p><b>Mục 4</b></p> <p><b>PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP, HỢP NHẤT CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM</b></p>	(Đã được chuyển về Khoản 5 Điều 162)

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>Tại giai đoạn can thiệp sớm, Luật hiện hành không quy định phương án sáp nhập, hợp nhất mà quy định tại giai đoạn kiểm soát đặc biệt. Nội dung tại Điều 156 dự thảo Luật tương ứng với Điều 149, 149a, 149b</p>	<p><b>Điều 156. Điều kiện, xây dựng, thông qua phương án sáp nhập, hợp nhất</b></p> <p><b>1. Điều kiện để tổ chức tín dụng được can thiệp sớm xây dựng phương án sáp nhập, hợp nhất bao gồm:</b></p> <p>a) Có tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất đáp ứng các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>b) Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, hợp nhất bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định và đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 129 của Luật này.</p> <p>2. Sau khi nhận được ý kiến của Ngân hàng Nhà nước về việc chuyển sang phương án sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại khoản 4 Điều 152 của Luật này, tổ chức tín dụng được can thiệp sớm và các bên tham gia sáp nhập, hợp nhất xây dựng phương án sáp nhập, hợp nhất, trình cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng thông qua.</p> <p><b>3. Phương án sáp nhập, hợp nhất bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</b></p> <p>a) Tên phương án sáp nhập, hợp nhất và các bước thực hiện phương án;</p> <p>b) Thông tin về tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, bao gồm nội dung chứng minh năng lực, điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>c) Phương án cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành, bao gồm cả việc tích hợp, chuyển đổi hệ thống công nghệ thông tin đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất;</p> <p>d) Phương án hoạt động kinh doanh trong thời gian 03 năm sau sáp nhập, hợp nhất, bao gồm cả dự kiến các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 129 của Luật này;</p> <p>đ) Phương án xử lý khoản vay đặc biệt, khoản</p>	

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	<p><i>vay tái cấp vốn đã vay;</i></p> <p><i>e) Biện pháp hỗ trợ quy định tại Điều 157 của Luật này cần áp dụng;</i></p> <p><i>g) Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án.</i></p> <p><i>4. Trình tự, thủ tục chấp thuận việc sáp nhập, hợp nhất được thực hiện theo quy định tại Chương X của Luật này.</i></p> <p><i>5. Trường hợp tổ chức tín dụng được can thiệp sớm không hoàn thành việc xây dựng phương án hoặc phương án không được cấp có thẩm quyền thông qua, hoặc không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng phải thực hiện phương án giải thể theo quy định tại Điều 159 của Luật này.</i></p> <p><i>Đối với ngân hàng thương mại được can thiệp sớm có lỗ lũy kế lớn hơn giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt.</i></p>	
<p>Tại giai đoạn can thiệp sớm, Luật hiện hành không quy định phương án sáp nhập, hợp nhất mà quy định tại giai đoạn kiểm soát đặc biệt. Nội dung biện pháp hỗ trợ tại dự thảo Luật tương ứng với Điều 149c tại Luật hiện hành quy định biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất tại giai đoạn kiểm soát đặc biệt</p>	<p><i>Điều 157. Biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất</i></p> <p><i>1. Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, hợp nhất được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:</i></p> <p><i>a) Các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều 150 của Luật này;</i></p> <p><i>b) Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.</i></p>	
<p>Tại giai đoạn can thiệp sớm, Luật hiện hành không quy định phương án sáp nhập, hợp nhất mà quy định tại giai đoạn kiểm soát đặc biệt. Nội dung tổ chức thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất tại dự thảo Luật tương ứng với Điều 149d tại Luật hiện hành quy định biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất tại giai đoạn kiểm soát đặc biệt</p>	<p><i>Điều 158. Tổ chức thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất</i></p> <p><i>1. Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, hợp nhất tổ chức thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất và báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước để kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện phương án.</i></p>	

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
	<b>2. Trình tự, thủ tục thực hiện sáp nhập, hợp nhất thực hiện theo quy định của Luật này và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</b>	
<b>Mục 1d. PHƯƠNG ÁN GIẢI THỂ TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b>	<b>Mục 5 PHƯƠNG ÁN GIẢI THỂ TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM</b>	<i>(Đã được chuyển về khoản 6 Điều 162)</i>
Tại giai đoạn can thiệp sớm, Luật hiện hành không quy định phương án giải thể mà quy định tại giai đoạn kiểm soát đặc biệt. Nội dung tại Điều 159 dự thảo Luật tương ứng với Điều 150, 150a Luật hiện hành	<b>Điều 159. Giải thể tổ chức tín dụng được can thiệp sớm</b> <b>1. Các trường hợp tổ chức tín dụng được can thiệp sớm thực hiện giải thể:</b> <b>a) Thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 152 của Luật này;</b> <b>b) Thuộc trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 149, khoản 6 Điều 152, khoản 4 Điều 153, khoản 5 Điều 156 của Luật này.</b> <b>2. Sau khi nhận được ý kiến của Ngân hàng Nhà nước về việc chuyển sang phương án giải thể, tổ chức tín dụng tại khoản 1 Điều này xây dựng phương án giải thể và trình cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng thông qua.</b> <b>3. Phương án giải thể phải có đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã.</b> <b>4. Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm thực hiện việc thanh lý tài sản và giải thể theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định pháp luật.</b>	<i>(Chuyển về Điều 180)</i>
<b>Chương VIII KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ TỔ CHỨC TÍN DỤNG</b>	<b>CHƯƠNG VIIIIX KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, CHUYỂN GIAO BẮT BUỘC, PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b>	<b>CHƯƠNG IXX KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, CHUYỂN GIAO BẮT BUỘC, PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b>
<b>Mục 1 KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b>	<b>Mục 1 KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b>	<b>Mục 1 KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p><b>Điều 145. Trường hợp đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt khi lâm vào một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>b) Số lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>c) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật này trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời gian 06 tháng liên tục;</p> <p>d) Xếp hạng yếu kém trong 02 năm liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, tổ chức tín dụng phải kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><b>Điều 160. Kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng</b></p> <p><b>1. Tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</b></p> <p>a) <i>Ngân hàng thương mại được can thiệp sớm thuộc trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 149, khoản 6 Điều 152, khoản 4 Điều 153, khoản 5 Điều 156 của Luật này;</i></p> <p>b) <i>Ngân hàng thương mại chưa được đặt vào can thiệp sớm nhưng có lỗ lũy kế lớn hơn giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;</i></p> <p>c) <i>Thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 155 của Luật này;</i></p> <p>d) <i>Thuộc trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 152 Luật này.</i></p> <p><b>2. Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt tổ chức tín dụng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này vào kiểm soát đặc biệt, thành lập Ban kiểm soát đặc biệt.</b></p> <p>4. Kể từ ngày tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phải báo cáo việc sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp; không được chuyển nhượng cổ phiếu, phần vốn góp; không được sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp để làm tài sản bảo đảm, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p><b>Điều <del>160</del>164. Áp dụng <del>K</del>kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. <del>Tổ</del><u>Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt tổ</u> chức tín dụng <del>được đặt</del> vào kiểm soát đặc biệt khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) <del>Ngân hàng thương mại được can thiệp sớm thuộc trường hợp</del><u>Tổ chức tín dụng không có phương án khắc phục gửi Ngân hàng Nhà nước theo thời hạn quy định tại <del>K</del>khoản 5<del>2</del> Điều 149<del>157</del>, khoản 6 Điều 152, khoản 4 Điều 153, khoản 5 Điều 156 của Luật này;</u></p> <p>b) <del>Ngân hàng thương mại chưa được</del><u>Hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà tổ chức tín dụng không khắc phục được tình trạng can thiệp sớm;</u></p> <p>c) <u>Tổ chức tín dụng bị giải thể không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản.</u></p> <p><b>2. Nhằm bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng và trật tự, an toàn xã hội, Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định đặt vào <del>can thiệp sớm</del> nhưng <u>kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</u></b></p> <p>a) <u>Bi rút tiền hàng loạt và có lỗ lũy kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan <del>Nhà</del> nhà nước có thẩm quyền;</u></p> <p>e) <del>Thuộc trường hợp quy định</del><u>b) Tổ chức tín dụng không tuân thủ lộ trình tại khoản 5 Điều 155 phương án khắc phục, không điều chỉnh phương án trong thời hạn theo yêu cầu của Luật này;</u></p> <p>d) <del>Thuộc trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 152 Luật này.</del></p> <p><b>2. Ngân hàng Nhà nước quyết định đặt tổ chức tín dụng thuộc một trong các trường hợp quy định tại</b></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p><del>khoản 1 Điều này vào kiểm soát đặc biệt, thành lập Ban kiểm soát đặc biệt.</del></p> <p>3. Trường hợp nhằm bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, trật tự, an toàn xã hội khi xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ <u>áp dụng biện pháp đặc biệt</u>. <u>Chính phủ</u> quyết định <u>việc</u> áp dụng biện pháp đặc biệt và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.</p> <p>4. Kể từ ngày tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phải báo cáo việc sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp; không được chuyển nhượng cổ phiếu, phần vốn góp; không được sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp để làm tài sản bảo đảm, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p><u>5. Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt, dư nợ gốc, lãi của khoản cho vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng đó được chuyển thành dư nợ gốc, lãi của khoản cho vay đặc biệt và tiếp tục thực hiện theo cơ chế vay tái cấp vốn của các khoản tái cấp vốn này; dư nợ gốc, lãi của khoản cho vay của ngân hàng hợp tác xã đối với quỹ tín dụng nhân dân được chuyển thành dư nợ gốc, lãi của khoản cho vay đặc biệt và tiếp tục thực hiện theo cơ chế vay của ngân hàng hợp tác xã đối với quỹ tín dụng nhân dân.</u></p>
<p><b>Điều 145a. Quyết định đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định đặt tổ chức tín dụng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 145 của Luật này vào kiểm soát đặc biệt và thành lập Ban kiểm soát đặc biệt để kiểm soát hoạt động của tổ chức tín dụng đó.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước quy định các nội dung sau đây:</p>	<p><b>Điều 160. Kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng</b></p> <p>5. <i>Thông đốc</i> Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết việc đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:</p> <p>a) Hình thức kiểm soát đặc biệt, thời hạn kiểm soát đặc biệt, gia hạn thời hạn kiểm soát đặc biệt, chấm dứt kiểm soát đặc biệt, công bố thông tin về việc kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Thành phần, số lượng, cơ cấu, cơ chế hoạt động</p>	<p><b><u>Điều 165. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</u></b></p> <p><u>51.</u> Thông đốc Ngân hàng Nhà nước <u>thành lập Ban kiểm soát đặc biệt</u> và quy định chi tiết việc <del>đặt tổ chức tín dụng vào</del> kiểm soát đặc biệt <u>tổ chức tín dụng</u>, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:</p> <p>a) Hình thức <del>kiểm soát đặc biệt</del>, và thời hạn kiểm soát đặc biệt, gia hạn thời hạn kiểm soát đặc biệt,</p>



<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>a) Hình thức kiểm soát đặc biệt, thời hạn kiểm soát đặc biệt, gia hạn thời hạn kiểm soát đặc biệt, chấm dứt kiểm soát đặc biệt, công bố thông tin về việc kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Thành phần, số lượng, cơ cấu, cơ chế hoạt động của Ban kiểm soát đặc biệt phù hợp với hình thức kiểm soát đặc biệt và thực trạng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>3. Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt, dư nợ gốc, lãi của khoản cho vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng đó được chuyển thành dư nợ cho vay đặc biệt.</p> <p><b>Điều 146a. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Xử lý kiến nghị của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 146b của Luật này.</p> <p>2. Quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 148b của Luật này trước khi phương án cơ cấu lại được phê duyệt, trừ trường hợp quyết định việc cho vay đặc biệt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 146 của Luật này.</p> <p>3. Chỉ định Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>4. Quyết định, điều chỉnh nội dung, phạm vi hoạt động, mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p>	<p>của Ban kiểm soát đặc biệt phù hợp với hình thức kiểm soát đặc biệt và thực trạng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p><b>c) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan;</b></p> <p><b>d) Các nội dung khác nếu xét thấy cần thiết để phục vụ hoạt động kiểm soát đặc biệt và xây dựng phương án xử lý tổ chức tín dụng kiểm soát đặc biệt.</b></p> <p>7. Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bao gồm:</p> <p>a) Xử lý kiến nghị của Ban kiểm soát đặc biệt;</p> <p>b) Chỉ định Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>c) Quyết định, điều chỉnh nội dung, phạm vi hoạt động, mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>d) Yêu cầu chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt:</p> <p>(i) Báo cáo việc sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp;</p> <p>(ii) Không được chuyển nhượng cổ phiếu, phần vốn góp;</p> <p>(iii) Không được sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp để làm tài sản bảo đảm.</p> <p>đ) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.</p>	<p>chấm dứt kiểm soát đặc biệt, công bố thông tin về việc kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Thành phần, số lượng, cơ cấu, cơ chế hoạt động, <b>nhiệm vụ, quyền hạn</b> của Ban kiểm soát đặc biệt phù hợp với hình thức kiểm soát đặc biệt và thực trạng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt-;</p> <p>c) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan;</p> <p>d) Các nội dung khác nếu xét thấy cần thiết để phục vụ hoạt động kiểm soát đặc biệt và xây dựng phương án xử lý tổ chức tín dụng kiểm soát đặc biệt.</p> <p><b>72.</b> Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bao gồm:</p> <p>a) Xử lý kiến nghị của Ban kiểm soát đặc biệt;</p> <p>b) Chỉ định Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc Giám đốc</del>)-, Phó Tổng giám đốc (<del>hoặc Phó giám đốc</del>) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt-;</p> <p>c) Quyết định, điều chỉnh nội dung, phạm vi hoạt động, mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt-;</p> <p>d) Yêu cầu chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt-:</p> <p><b>(i) Báo thực hiện: báo</b> cáo việc sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp;</p> <p><b>(ii) Không không</b> được chuyển nhượng cổ phiếu, phần vốn góp;</p> <p><b>(iii) Không không</b> được sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp để làm tài sản bảo đảm-;</p> <p>đ) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
<p>5. Quyết định không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán đối với tổ chức tín dụng thực hiện phương án phá sản đã được phê duyệt.</p> <p>6. Quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 146d của Luật này, trừ trường hợp quyết định việc cho vay đặc biệt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 146 của Luật này.</p> <p>7. Yêu cầu chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt:</p> <p>a) Báo cáo việc sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp;</p> <p>b) Không được chuyển nhượng cổ phiếu, phần vốn góp;</p> <p>c) Không được sử dụng cổ phiếu, phần vốn góp để làm tài sản bảo đảm.</p> <p>8. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.</p>		
<p><b>Điều 146b. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Chỉ đạo Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện các nội dung sau đây:</p> <p>a) Rà soát và điều chỉnh cơ cấu tổ chức, mạng lưới, hoạt động kinh doanh, tập trung thu hồi nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm;</p> <p>b) Cắt giảm chi phí, bao gồm cả việc cắt giảm lãi suất của các khoản tiền gửi, trái phiếu có lãi suất cao, tiền thuê của các hợp đồng thuê tài sản, thuê mua tài sản có tiền thuê cao.</p> <p>2. Chỉ đạo tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt xây dựng, thực hiện phương án cơ cấu lại theo quy định của Luật này.</p>	<p><b>Điều 160. Kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng</b></p> <p>6. Ban kiểm soát đặc biệt có nhiệm vụ, quyền hạn đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bao gồm:</p> <p>a) Chỉ đạo tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện các nội dung sau đây:</p> <p>(i) Rà soát và điều chỉnh cơ cấu tổ chức, mạng lưới, hoạt động kinh doanh, tập trung thu hồi nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm;</p> <p>(ii) Cắt giảm chi phí, bao gồm cả việc cắt giảm lãi suất của các khoản tiền gửi, trái phiếu có lãi suất cao, tiền thuê của các hợp đồng thuê tài sản, thuê mua tài sản có tiền thuê cao.</p> <p><b>b) Chỉ đạo bên nhận chuyển giao xây dựng, hoàn thành và thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật này.</b></p> <p><b>c) Chủ trì, phối hợp với tổ chức tín dụng được</b></p>	<p><b>Điều 166. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát đặc biệt</b> <del>có nhiệm vụ, quyền hạn đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bao gồm:</del></p> <p><del>6. Ban kiểm soát đặc biệt có nhiệm vụ, quyền hạn đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bao gồm:</del></p> <p><del>a) 1. Chỉ đạo tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện các nội dung sau đây:</del></p> <p><del>(i) Rà soát và, điều chỉnh cơ cấu tổ chức, mạng lưới, hoạt động kinh doanh, tập trung thu hồi nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm;</del></p> <p><del>(ii) Cắt giảm chi phí, bao gồm cả việc và cắt giảm lãi suất của các khoản tiền gửi, trái phiếu có lãi suất cao, tiền thuê của các hợp đồng thuê tài sản, thuê mua tài sản có tiền thuê cao chi phí.</del></p> <p><b>b) 2. Chỉ đạo bên nhận chuyển giao xây dựng, hoàn thành và thực hiện phương án chuyển giao bắt</b></p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i>)</p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản ngày 27/9/2023</i>)</p>
<p>3. Tạm đình chỉ một hoặc một số hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt nếu các hoạt động này có thể gia tăng rủi ro cho tổ chức tín dụng đó hoặc không phù hợp với phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.</p> <p>4. Đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng và kiến nghị Ngân hàng Nhà nước chỉ định người thay thế Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>5. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) miễn nhiệm, đình chỉ công tác đối với người có hành vi vi phạm pháp luật, không chấp hành phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt, không chấp hành chỉ đạo của Ban kiểm soát đặc biệt.</p> <p>6. Kiến nghị Ngân hàng Nhà nước quyết định: thay đổi hình thức kiểm soát đặc biệt, gia hạn hoặc chấm dứt thời hạn kiểm soát đặc biệt; cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt, thu nợ khoản vay đặc biệt; thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>7. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.</p>	<p><b><i>kiểm soát đặc biệt xây dựng phương án phá sản theo quy định của Luật này.</i></b></p> <p>d) Tạm đình chỉ một hoặc một số hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt nếu các hoạt động này có thể gia tăng rủi ro cho tổ chức tín dụng đó hoặc không phù hợp với phương án chuyển giao bắt buộc hoặc phương án phá sản, giải thể được phê duyệt.</p> <p>đ) Đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng và kiến nghị Ngân hàng Nhà nước chỉ định người thay thế Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>e) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) miễn nhiệm, đình chỉ công tác đối với người có hành vi vi phạm pháp luật, không chấp hành phương án xử lý đã được phê duyệt, không chấp hành chỉ đạo của Ban kiểm soát đặc biệt.</p> <p>g) Kiến nghị Ngân hàng Nhà nước quyết định: thay đổi hình thức kiểm soát đặc biệt, gia hạn hoặc chấm dứt thời hạn kiểm soát đặc biệt; cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt, thu nợ khoản vay đặc biệt; thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>h) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.</p>	<p>buộc theo quy định của Luật này.</p> <p><del>e)3.</del> Chủ trì, phối hợp với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt xây dựng phương án phá sản theo quy định của Luật này.</p> <p><del>đ)4.</del> Tạm đình chỉ một hoặc một số hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt nếu các hoạt động này có thể gia tăng rủi ro cho tổ chức tín dụng đó hoặc không phù hợp với phương án chuyển giao bắt buộc hoặc phương án phá sản, <del>giải thể</del> được phê duyệt.</p> <p><del>đ)5.</del> Đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng và kiến nghị Ngân hàng Nhà nước chỉ định người thay thế Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p><del>e)6.</del> Yêu cầu Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (<del>hoặc</del> Giám đốc) miễn nhiệm, đình chỉ công tác đối với người có hành vi vi phạm pháp luật, không chấp hành phương án xử lý đã được phê duyệt, không chấp hành chỉ đạo của Ban kiểm soát đặc biệt.</p> <p><del>g)7.</del> Kiến nghị Ngân hàng Nhà nước quyết định: thay đổi hình thức kiểm soát đặc biệt, gia hạn hoặc chấm dứt thời hạn kiểm soát đặc biệt; cho vay đặc biệt, gia hạn thời hạn cho vay đặc biệt, thu nợ khoản vay đặc biệt; thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p><del>h)8.</del> Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p><b>Điều 146c. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt;</p> <p>b) Thực hiện chủ trương, phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt;</p> <p>c) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước quy định tại Điều 146a của Luật này;</p> <p>d) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 146b của Luật này.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, bảo đảm an toàn tài sản của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều 160. Kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng</b></p> <p>8. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Xây dựng phương án xử lý theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt;</p> <p>b) Thực hiện phương án xử lý đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>c) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước quy định tại khoản 7 Điều này;</p> <p>d) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 6 Điều này.</p> <p>9. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 7 Điều này;</p> <p>b) Quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, bảo đảm an toàn tài sản của tổ chức tín dụng;</p> <p><b><i>c) Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên.</i></b></p>	<p><b><u>Điều 167. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</u></b></p> <p><b><u>8.1.</u></b> Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Xây dựng phương án xử lý theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt;</p> <p>b) Thực hiện phương án xử lý đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>c) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước quy định tại <del>khoản 7</del> Điều <b><u>165 của Luật</u></b> này;</p> <p>d) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại <del>khoản 6</del> Điều <b><u>166 của Luật</u></b> này.</p> <p><b><u>9.2.</u></b> Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (<del>hoặc Giám đốc</del>) của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản <del>7</del> <b><u>1</u></b> Điều này;</p> <p>b) Quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, bảo đảm an toàn tài sản của tổ chức tín dụng;</p> <p>c) Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên.</p>
<p><b>Không có quy định</b></p>	<p><b>Điều 161. Hỗ trợ chi trả đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. <i>Đối với trường hợp tổ chức tín dụng đặt vào kiểm soát đặc biệt theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 160 của Luật này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị tổ chức bảo hiểm tiền gửi hỗ trợ thực hiện chi trả tiền gửi của người gửi tiền.</i></p> <p>2. <i>Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được</i></p>	<p><b>Điều <del>161</del><b>168.</b> Hỗ trợ chi trả <u>tiền gửi</u> đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. <del>Đối với</del> <b><u>Trong quá trình kiểm soát đặc biệt,</u></b> trường hợp tổ chức tín dụng <del>đặt vào kiểm soát đặc biệt</del> <b><u>bi mất khả năng chi trả,</u></b> theo quy định tại điểm <del>d</del> <b><u>khoản 1 Điều 160 đề nghị</u></b> của <b><u>Luật này</u></b> <b><u>Ban kiểm soát đặc biệt,</u></b> Ngân hàng Nhà nước <del>có văn bản đề nghị chỉ định</del> <b><u>tổ chức bảo hiểm tiền gửi hỗ trợ cho vay đặc</u></b></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p>văn bản của Ngân hàng Nhà nước tại khoản 1 Điều này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có văn bản trả lời Ngân hàng Nhà nước, đồng thời gửi Ban Kiểm soát đặc biệt và các bên thực hiện như sau:</p> <p>a) Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Ban Kiểm soát đặc biệt chỉ đạo tổ chức tín dụng tạm dừng toàn bộ hoạt động cấp tín dụng, nhận tiền gửi và thực hiện chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.</p> <p>b) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tại điểm a khoản này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoàn thiện phương án chi trả trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.</p> <p>Việc chi trả tiền gửi cho người gửi tiền tối đa bằng mức chi trả bảo hiểm tiền gửi do Thủ tướng Chính phủ ban hành.</p> <p>3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có quyền và trách nhiệm như sau:</p> <p>a) Phối hợp với tổ chức tín dụng để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền tối đa bằng phương án chi trả nêu tại khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Chấm dứt việc cho vay đặc biệt tổ chức tín dụng để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền kể từ ngày Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước phê duyệt phương án phá sản đối với tổ chức được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 173 của Luật này.</p> <p>c) Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được Ngân hàng Nhà nước cho vay với lãi suất 0% trong trường hợp nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tạm thời không đủ chi trả tiền gửi cho người gửi tiền theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>d) Được hoàn trả số tiền hỗ trợ thực hiện chi trả tiền gửi quy định tại khoản 1 Điều này theo phương án chuyển giao bắt buộc được phê duyệt.</p>	<p><u>biệt để</u> thực hiện <u>chi trả tiền gửi của người gửi tiền cho người gửi tiền</u>.</p> <p>2. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận <u>Tổ chức bảo hiểm tiền gửi phối hợp với tổ chức tín dụng</u> được <u>văn bản của Ngân hàng Nhà nước tại khoản 1 Điều này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có văn bản trả lời Ngân hàng Nhà nước, đồng thời gửi Ban Kiểm soát đặc biệt và các bên thực hiện như sau:</u></p> <p>a) Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Ban Kiểm <u>kiểm</u> soát đặc biệt <u>chỉ đạo tổ chức tín dụng tạm dừng toàn bộ hoạt động cấp tín dụng, nhận tiền gửi và thực hiện chi trả tiền gửi</u> cho người gửi tiền.</p> <p>b) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tại điểm a khoản này, <u>tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoàn thiện phương án chi trả trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.</u></p> <p><u>Việc chi trả tiền gửi cho người gửi tiền tối đa bằng mức chi trả bảo hiểm tiền gửi do Thủ tướng Chính phủ ban hành.</u></p> <p>3. <u>Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có quyền và trách nhiệm như sau:</u></p> <p>a) <u>Phối hợp với tổ chức tín dụng để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền tối đa bằng phương án chi trả nêu tại khoản 2 Điều này.</u></p> <p>b) <u>Chấm dứt việc cho vay đặc biệt tổ chức tín dụng để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền kể từ ngày Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước phê duyệt phương án phá sản đối với tổ chức được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 173 của Luật này.</u></p> <p>e) <u>3.</u> Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được Ngân hàng Nhà nước cho vay <u>đặc biệt</u> với lãi suất 0% trong trường hợp nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tạm thời không đủ <u>chi trả tiền gửi cho người gửi tiền</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	<p>đ) Chuyển số tiền hỗ trợ thực hiện chi trả tiền gửi quy định tại khoản 1 Điều này thành số tiền chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền khi Tòa án tuyên bố phá sản tổ chức tín dụng.</p> <p>e) Xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp chi phí tại điểm đ khoản này.</p>	<p><del>để cho vay đặc biệt theo</del> quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p><del>đ) 4. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi Được được</del> hoàn trả số tiền <b>cho vay đặc biệt</b> quy định tại khoản 1 Điều này <del>hỗ trợ thực hiện chi trả tiền gửi quy định tại khoản 1 Điều này theo</del> <b>trong trường hợp tổ chức tín dụng vay đặc biệt thực hiện</b> phương án chuyển giao bắt buộc <del>được phê duyệt</del>.</p> <p><del>đ) Chuyển số tiền hỗ trợ thực hiện chi trả tiền gửi quy định tại khoản 1 Điều này thành số tiền chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền khi Tòa án tuyên bố phá sản tổ chức tín dụng.</del></p> <p>e) <del>Xây</del><b>5. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi xây</b> dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp <del>chi phí tại điểm đ khoản này</del> <b>phần cho vay đặc biệt để chi trả cho người gửi tiền vượt hạn mức bảo hiểm tiền gửi.</b></p>
<p><b>Điều 145b. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt</b> Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt khác phục được tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng đó được đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 130 của Luật này.</li> <li>2. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể.</li> <li>3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</li> </ol>	<p><b>Điều 162. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt</b> <b>Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chấm dứt kiểm soát đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau đây:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Sau khi hoàn thành phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt theo quy định tại Mục 2 Chương IX của Luật này.</b></li> <li>2. <b>Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bị thanh lý tài sản, giải thể, phá sản theo quy định tại Mục 3 Chương IX, Chương X của Luật này và các quy định có liên quan của pháp luật.</b></li> </ol>	<p>(Đã chuyển xuống Điều 171)</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p><b>Điều 146d. Quản trị, điều hành và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Nội dung, phạm vi hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 146b của Luật này.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không phải thực hiện dự trữ bắt buộc.</p> <p>2. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không phải tuân thủ quy định tại các điều 128, 130, 131 và 140 của Luật này mà thực hiện theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể; trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hàng năm (chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã tạm trích trong năm) thì mức trích lập dự phòng rủi ro tối thiểu bằng mức chênh lệch thu chi.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không phải thực hiện dự trữ bắt buộc.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được miễn nộp phí bảo hiểm tiền gửi, phí tham gia Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>5. Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, công bố thông tin của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng.</p> <p>6. Số lượng thành viên, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định phù hợp với thực trạng hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hết nhiệm kỳ mà tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chưa</p>	<p><b>Điều 163. Quản trị, điều hành và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Nội dung hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định</p> <p><b>2. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phải có lộ trình để tuân thủ quy định tại các Điều 127, 129, 131 và 139 của Luật này.</b></p> <p>3. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không phải thực hiện dự trữ bắt buộc.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được miễn nộp phí bảo hiểm tiền gửi, phí tham gia Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p>5. Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên công bố thông tin của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng.</p> <p>6. Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định phù hợp với thực trạng hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hết nhiệm kỳ mà tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chưa bầu, bổ nhiệm Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới thì Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hiện tại tiếp tục thực hiện việc quản trị, kiểm soát tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều <del>163</del>169. Quản trị, điều hành và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. <del>Nội dung hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định</del></p> <p><del>2.</del> Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng <del>được kiểm soát đặc biệt</del> không phải có lộ trình để tuân thủ quy định tại các Điều <del>127</del>135, <del>129</del>136, <del>131</del>137, 138 và khoản 3 Điều <del>139</del>143 của Luật này. <u>Trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hàng năm, chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã tạm trích trong năm, thì số tiền trích lập dự phòng rủi ro bằng mức chênh lệch thu chi.</u></p> <p><del>3</del>2. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không phải thực hiện dự trữ bắt buộc.</p> <p><del>4</del>3. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được miễn nộp phí bảo hiểm tiền gửi, phí tham gia Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.</p> <p><del>5-4.</del> Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên, công bố thông tin của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng.</p> <p><del>6</del>5. Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước quyết định phù hợp với thực trạng hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng hết nhiệm kỳ mà tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chưa bầu, bổ nhiệm Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới thì Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hiện tại tiếp</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>bầu, bổ nhiệm Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới thì Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hiện tại tiếp tục thực hiện việc quản trị, kiểm soát tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.</p>		<p>tục thực hiện việc quản trị, kiểm soát tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.</p>
<p><b>Điều 147. Đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thuê tổ chức kiểm toán độc lập rà soát, đánh giá thực trạng tài chính, xác định giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ với các nội dung cụ thể theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt. Việc thuê tổ chức kiểm toán độc lập phải hoàn thành trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt.</p> <p>Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không hoàn thành việc thuê tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn quy định, Ban kiểm soát đặc biệt chỉ định tổ chức kiểm toán độc lập.</p> <p>2. Trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phải hoàn thành và gửi Ban kiểm soát đặc biệt kết quả tự đánh giá tổng thể thực trạng của tổ chức tín dụng đó và đề xuất chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>3. Trong thời hạn 05 tháng, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt hoàn thành việc đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, kể cả trong trường hợp tổ chức tín dụng không hoàn thành việc tự đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Việc đánh giá tổng thể thực trạng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, trừ quỹ tín dụng nhân dân,</p>	<p><b>Điều 164. Đánh giá tổng thể thực trạng ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt thuê tổ chức kiểm toán độc lập <i>kiểm toán báo cáo tài chính</i> của ngân hàng thương mại. Việc thuê tổ chức kiểm toán độc lập phải hoàn thành trong thời hạn <b>60 ngày</b>, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt.</p> <p><i>Trường hợp không thuê được tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện quy định tại khoản này, Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp ngân hàng thương mại có báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán độc lập, ngân hàng thương mại không phải thuê tổ chức kiểm toán độc lập mà sử dụng báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán độc lập để thực hiện đánh giá tổng thể thực trạng.</i></p> <p>2. Trong thời hạn <b>30 ngày</b> kể từ ngày có Báo cáo kết quả kiểm toán độc lập, ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt phải hoàn thành và gửi Ban kiểm soát đặc biệt kết quả tự đánh giá tổng thể thực trạng của ngân hàng thương mại đó và đề xuất phương án xử lý ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>3. Trong thời hạn <b>60 ngày</b>, kể từ ngày có Báo cáo kết quả kiểm toán độc lập, Ban kiểm soát đặc biệt hoàn thành việc đánh giá tổng thể thực trạng ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt, kể cả trong</p>	<p><b>Điều <del>164</del><b>170</b>. Đánh giá <del>tổng thể</del> thực trạng <del>ngân hàng thương mại</del> <b>tổ chức tín dụng</b> được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu <del>ngân hàng thương mại</del> <b>tổ chức tín dụng</b> được kiểm soát đặc biệt <u>quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 164 của Luật này</u> thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của <del>ngân hàng thương mại</del> <b>tổ chức tín dụng, trừ quỹ tín dụng nhân dân</b>. Việc thuê tổ chức kiểm toán độc lập phải hoàn thành trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt.</p> <p>Trường hợp không thuê được tổ chức kiểm toán độc lập <del>thực hiện quy định tại khoản này</del>, Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của <del>ngân hàng thương mại</del> <b>tổ chức tín dụng</b> theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước. <del>Trường hợp ngân hàng thương mại có báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán độc lập, ngân hàng thương mại không phải thuê tổ chức kiểm toán độc lập mà sử dụng báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán độc lập để thực hiện đánh giá tổng thể thực trạng.</del></p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có <del>Báo cáo</del> <b>Báo cáo</b> kết quả kiểm toán <del>độc lập, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng</del> được kiểm soát đặc biệt phải hoàn thành <u>kết quả tự đánh giá thực trạng của tổ chức tín dụng đó, đề xuất phương án xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</u> và gửi Ban kiểm soát đặc biệt <del>kết quả tự đánh giá tổng thể thực trạng của ngân</del></p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>phải căn cứ vào báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Nội dung đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Ban kiểm soát đặc biệt quyết định nhưng phải bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a) Tình hình tài chính, giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ;</p> <p>b) Thực trạng về tổ chức, quản trị, điều hành, hệ thống công nghệ thông tin;</p> <p>c) Thực trạng về hoạt động, kinh doanh.</p> <p>6. Chi phí thuê tổ chức kiểm toán độc lập và các chi phí khác liên quan đến đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chi trả và được hạch toán vào chi phí của tổ chức tín dụng đó.</p>	<p>trường hợp ngân hàng thương mại không hoàn thành việc tự đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Việc đánh giá tổng thể thực trạng của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, phải căn cứ vào kết quả của tổ chức kiểm toán quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Nội dung đánh giá tổng thể thực trạng ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt do Ban kiểm soát đặc biệt quyết định nhưng phải bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a) <b>Lỗ (lãi) lũy kế của ngân hàng thương mại;</b></p> <p>b) Thực trạng về tổ chức, quản trị, điều hành, hệ thống công nghệ thông tin;</p> <p>c) Thực trạng về hoạt động, kinh doanh.</p> <p>6. Chi phí thuê tổ chức kiểm toán độc lập và các chi phí khác liên quan đến đánh giá tổng thể thực trạng ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt do ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt chi trả và được hạch toán vào chi phí của ngân hàng thương mại đó.</p> <p><b>7. Trường hợp không đủ thời gian hoàn thành đánh giá tổng thể thực trạng ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định kéo dài thời gian hoàn thành nhưng tối đa không quá 02 lần thời hạn quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này.</b></p>	<p><del>hàng thương mại đó và đề xuất phương án xử lý ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</del></p> <p>3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có <b>Báo cáo</b> kết quả kiểm toán <del>độc lập</del>, Ban kiểm soát đặc biệt hoàn thành việc đánh giá <del>tổng thể</del> thực trạng <del>ngân hàng thương mại</del> <b>tổ chức tín dụng</b> được kiểm soát đặc biệt, kể cả trong trường hợp <del>ngân hàng thương mại</del> <b>tổ chức tín dụng</b> không hoàn thành việc tự đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. <b>Thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này của quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt được tính từ ngày Ngân hàng Nhà nước có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt.</b></p> <p><b>5.</b> Việc đánh giá <del>tổng thể</del> thực trạng của <del>ngân hàng thương mại</del> <b>tổ chức tín dụng</b> được kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, <del>trừ quỹ tín dụng nhân dân</del>, phải căn cứ vào kết quả của tổ chức kiểm toán quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p><b>5.6.</b> Nội dung đánh giá <del>tổng thể</del> thực trạng <del>ngân hàng thương mại</del> <b>tổ chức tín dụng</b> được kiểm soát đặc biệt do Ban kiểm soát đặc biệt quyết định <del>nhưng phải và</del> bao gồm các nội dung <del>tối thiểu</del> <b>chủ yếu</b> sau đây:</p> <p>a) <del>Lỗ (lãi) lũy kế của ngân hàng thương mại;</del></p> <p>b) <del>Thực trạng về tổ</del> <b>Tổ</b> chức, quản trị, điều hành;</p> <p>b) <del>H</del> hệ thống công nghệ thông tin;</p> <p>c) <del>Thực trạng về hoạt</del> <b>Hoạt</b> động, kinh doanh, <b>bao gồm cả lãi hoặc lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng.</b></p> <p><del>6.7.</del> Chi phí thuê tổ chức kiểm toán <del>độc lập</del> và các chi phí khác liên quan đến đánh giá <del>tổng thể</del> thực trạng <del>ngân hàng thương mại</del> <b>tổ chức tín dụng</b> được kiểm soát đặc biệt do <del>ngân hàng thương mại</del> <b>tổ chức tín dụng</b> được kiểm soát đặc biệt chi trả và được hạch toán vào chi phí của <del>ngân hàng thương mại</del> <b>tổ chức tín dụng</b> đó.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p><del>7.8.</del> Trường hợp <del>không đủ thời gian hoàn thành đánh giá tổng thể thực trạng ngân hàng thương mại được tổ chức tín dụng, ban</del> kiểm soát đặc biệt <del>theo không đáp ứng</del> quy định <del>về thời hạn</del> tại <del>các</del> khoản 1, 2, 3 <del>và 4</del> Điều này, Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định kéo dài thời <del>gian hạn</del> hoàn thành <del>nhưng</del>. <del>Thời gian kéo dài</del> tối đa không quá 02 lần thời hạn quy định tại <del>Khoản các khoản</del> 1, 2, 3 <del>và 4</del> Điều này.</p> <p><del>8.</del> Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 160 của Luật này hoặc trường hợp ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt chưa được Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tăng vốn tại giai đoạn can thiệp sớm, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại tăng vốn để đảm bảo giá trị thực của vốn điều lệ và quỹ dự trữ không thấp hơn vốn pháp định trong thời hạn nhất định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tăng vốn của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị phải tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên báo cáo chủ sở hữu đề tăng vốn và gửi văn bản báo cáo kết quả về Ngân hàng Nhà nước.</p> <p><del>Trường hợp ngân hàng thương mại hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thì Ngân hàng Nhà nước xem xét chấm dứt kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 162 của Luật này.</del></p> <p><del>Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền của ngân hàng thương mại không thông qua việc tăng vốn hoặc đã thông qua nhưng không hoàn thành việc tăng vốn, Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu ngân hàng thương mại xây dựng phương án chuyển giao bắt buộc.</del></p>
<p><b>(Điều 145b. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt)</b> Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được</p>	<p><b>(Điều 162. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt)</b> <i>Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chấm dứt kiểm soát đặc biệt thuộc một trong các trường</i></p>	<p><b>Điều <del>162</del><u>171</u>. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt</b> <u>Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt đối với <del>Tổ</del> tổ chức tín dụng</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
<p>kiểm soát đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt khắc phục được tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng đó được đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 130 của Luật này.</p> <p>2. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể.</p> <p>3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p>	<p><b>hợp sau đây:</b></p> <p><b>1. Sau khi hoàn thành phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt theo quy định tại Mục 2 Chương IX của Luật này.</b></p> <p><b>2. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bị thanh lý tài sản, giải thể, phá sản theo quy định tại Mục 3 Chương IX, Chương X của Luật này và các quy định có liên quan của pháp luật.</b></p>	<p>được kiểm soát đặc biệt <del>chấm dứt kiểm soát đặc biệt</del> thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p><del>1. Sau khi hoàn</del><b>1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt khắc phục được tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng đó được đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 137 của Luật này;</b></p> <p><b>2. Hoàn</b> thành phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt theo quy định tại Mục 2 Chương <del>IX</del> của Luật này.;</p> <p><del>2.3.</del> <b>Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bị thanh lý tài sản, giải thể, phá sản hoặc sáp nhập, hợp nhất</b> theo quy định tại Mục 3 Chương <del>IX</del>, <del>này</del> và Chương <del>XIV</del> của Luật này và các quy định có liên quan của pháp luật.</p>
<p><b>Mục 1a.</b> <b>ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG CƠ CẤU LẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b></p>	<p><b>Mục 2</b> <b>PHƯƠNG ÁN CHUYỂN GIAO BẮT BUỘC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b></p>	<p><b>Mục 2</b> <b>PHƯƠNG ÁN CHUYỂN GIAO BẮT BUỘC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b></p>
<p><b>Điều 147. Đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thuê tổ chức kiểm toán độc lập rà soát, đánh giá thực trạng tài chính, xác định giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ với các nội dung cụ thể theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt. Việc thuê tổ chức kiểm toán độc lập phải hoàn thành trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt.</p> <p>Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không hoàn thành việc thuê tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn quy định, Ban kiểm soát đặc biệt chỉ định tổ chức kiểm toán độc lập.</p> <p>2. Trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phải hoàn thành và gửi</p>	<p><b>Điều 164. Đánh giá tổng thể thực trạng ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt thuê tổ chức kiểm toán độc lập <b>kiểm toán báo cáo tài chính</b> của ngân hàng thương mại. Việc thuê tổ chức kiểm toán độc lập phải hoàn thành trong thời hạn <b>60 ngày</b>, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt.</p> <p><b>Trường hợp không thuê được tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện quy định tại khoản này, Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp ngân hàng thương mại có báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán độc lập, ngân hàng thương mại không phải thuê tổ chức kiểm toán độc lập mà sử</b></p>	<p>(Khoản 1-7 chuyển về Điều 170)</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
<p>Ban kiểm soát đặc biệt kết quả tự đánh giá tổng thể thực trạng của tổ chức tín dụng đó và đề xuất chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>3. Trong thời hạn 05 tháng, kể từ ngày có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt hoàn thành việc đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, kể cả trong trường hợp tổ chức tín dụng không hoàn thành việc tự đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Việc đánh giá tổng thể thực trạng của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, trừ quỹ tín dụng nhân dân, phải căn cứ vào báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Nội dung đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Ban kiểm soát đặc biệt quyết định nhưng phải bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a) Tình hình tài chính, giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ;</p> <p>b) Thực trạng về tổ chức, quản trị, điều hành, hệ thống công nghệ thông tin;</p> <p>c) Thực trạng về hoạt động, kinh doanh.</p> <p>6. Chi phí thuê tổ chức kiểm toán độc lập và các chi phí khác liên quan đến đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chi trả và được hạch toán vào chi phí của tổ chức tín dụng đó.</p>	<p><b><i>dụng báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán độc lập để thực hiện đánh giá tổng thể thực trạng.</i></b></p> <p>2. Trong thời hạn <b>30 ngày</b> kể từ ngày có Báo cáo kết quả kiểm toán độc lập, ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt phải hoàn thành và gửi Ban kiểm soát đặc biệt kết quả tự đánh giá tổng thể thực trạng của ngân hàng thương mại đó và đề xuất phương án xử lý ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>3. Trong thời hạn <b>60 ngày</b>, kể từ ngày có Báo cáo kết quả kiểm toán độc lập, Ban kiểm soát đặc biệt hoàn thành việc đánh giá tổng thể thực trạng ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt, kể cả trong trường hợp ngân hàng thương mại không hoàn thành việc tự đánh giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Việc đánh giá tổng thể thực trạng của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, phải căn cứ vào kết quả của tổ chức kiểm toán quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Nội dung đánh giá tổng thể thực trạng ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt do Ban kiểm soát đặc biệt quyết định nhưng phải bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p><b><i>a) Lỗ (lãi) lũy kế của ngân hàng thương mại;</i></b></p> <p>b) Thực trạng về tổ chức, quản trị, điều hành, hệ thống công nghệ thông tin;</p> <p>c) Thực trạng về hoạt động, kinh doanh.</p> <p>6. Chi phí thuê tổ chức kiểm toán độc lập và các chi phí khác liên quan đến đánh giá tổng thể thực trạng ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt do ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt chi trả và được hạch toán vào chi phí của ngân hàng thương mại đó.</p> <p><b><i>7. Trường hợp không đủ thời gian hoàn thành</i></b></p>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
	<i>đánh giá tổng thể thực trạng ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định kéo dài thời gian hoàn thành nhưng tối đa không quá 02 lần thời hạn quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này.</i>	
<p><b>Điều 147a. Đề xuất và quyết định chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Trên cơ sở đánh giá tổng thể thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt đề xuất với Ngân hàng Nhà nước chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>2. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được đề xuất của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này.</p>	<i>Không có quy định.</i>	
<p><b>Mục 1b.</b></p> <p><b>PHƯƠNG ÁN PHỤC HỒI TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b></p>	<i>Không quy định</i>	
<p><b>Điều 148. Xây dựng và phê duyệt phương án phục hồi</b></p> <p>1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định chủ trương cơ cấu lại theo phương án phục hồi, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phải hoàn thành việc xây dựng và trình Ban kiểm soát đặc biệt phương án phục hồi.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phương án phục hồi của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt đánh giá, báo</p>	<i>Không quy định</i>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>cáo Ngân hàng Nhà nước về tính khả thi của phương án phục hồi.</p> <p>Đối với phương án phục hồi quỹ tín dụng nhân dân, Ban kiểm soát đặc biệt phối hợp với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam đánh giá tính khả thi của phương án; đối với phương án phục hồi tổ chức tài chính vi mô, công ty tài chính, Ban kiểm soát đặc biệt phối hợp với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam đánh giá tính khả thi của phương án.</p> <p>3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, phương án phục hồi do Ban kiểm soát đặc biệt trình, Ngân hàng Nhà nước xem xét, phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phục hồi theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này.</p> <p>4. Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không hoàn thành việc xây dựng phương án phục hồi theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc phương án phục hồi không được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều này thì Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, giải thể, chuyển giao bắt buộc hoặc phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này.</p>		
<p><b>Điều 148a. Nội dung phương án phục hồi</b></p> <p>1. Phương án phục hồi bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a) Phương án tăng vốn điều lệ và thời hạn thực hiện phương án tăng vốn điều lệ trong các trường hợp: giá trị thực của vốn điều lệ thấp hơn vốn pháp định; tỷ lệ an toàn vốn dưới mức quy định của Ngân hàng Nhà nước; theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà</p>	<i>Không quy định</i>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>nước để bảo đảm an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Phương án hoạt động kinh doanh trong giai đoạn phục hồi;</p> <p>c) Phương án cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành;</p> <p>d) Phương án xử lý tồn tại, yếu kém về tài chính, nợ xấu, tài sản bảo đảm và các biện pháp khắc phục các vi phạm pháp luật;</p> <p>đ) Phương án chi trả theo lộ trình đối với tiền gửi của khách hàng là pháp nhân, tiền gửi, tiền vay của tổ chức tín dụng khác; phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay, bao gồm cả khoản vay đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 145a của Luật này;</p> <p>e) Biện pháp hỗ trợ quy định tại Điều 148b của Luật này cần áp dụng;</p> <p>g) Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án phục hồi.</p> <p>2. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước dự kiến chỉ định tổ chức tín dụng hỗ trợ, ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phối hợp với tổ chức tín dụng hỗ trợ bổ sung các nội dung sau đây:</p> <p>a) Phương án hỗ trợ của tổ chức tín dụng hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; phương án hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ;</p> <p>b) Phương án trả lương, thù lao, tiền thưởng và các chế độ khác cho người được biệt phái tham gia hỗ trợ quản trị, điều hành tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;</p> <p>c) Phương án trả lương cho người lao động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trong thời gian kiểm soát đặc biệt.</p>		
<p><b>Điều 148b. Biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án phục hồi</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công</p>	<i>Không quy định</i>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>ty tài chính được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:</p> <p>a) Bán nợ xấu không có tài sản bảo đảm hoặc nợ xấu có tài sản bảo đảm mà tài sản bảo đảm đang bị kê biên, tài sản bảo đảm không có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ cho tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng;</p> <p>b) Vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>c) Hạch toán dẫn vào chi phí phân chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ, khoản phải thu, khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán và số tiền dự phòng đã trích lập của các khoản này phù hợp với tình hình tài chính của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt với thời hạn tối đa là 10 năm;</p> <p>d) Miễn, giảm tiền lãi vay tái cấp vốn, vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>đ) Công ty tài chính được vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ;</p> <p>e) Nhận tiền gửi hoặc vay của tổ chức tín dụng hỗ trợ với lãi suất ưu đãi;</p> <p>g) Mua nợ, trái phiếu doanh nghiệp do tổ chức tín dụng hỗ trợ nắm giữ đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>h) Mua, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin vượt tỷ lệ quy định tại Điều 140 của Luật này;</p> <p>i) Biện pháp khác theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:</p>		



<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>a) Biện pháp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Vay đặc biệt với lãi suất ưu đãi đến mức 0% của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ;</p> <p>c) Tổ chức tài chính vi mô được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước với lãi suất ưu đãi đến mức 0%;</p> <p>d) Quỹ tín dụng nhân dân được vay đặc biệt của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam từ Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân với lãi suất ưu đãi đến mức 0%;</p> <p>đ) Biện pháp khác theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.</p> <p>3. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được hạch toán giảm Quỹ dự phòng nghiệp vụ để xử lý số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi được.</p> <p>4. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được hạch toán giảm Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân để xử lý số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi được.</p>		
<p><b>Điều 148c. Tổ chức thực hiện phương án phục hồi</b></p> <p>1. Ban kiểm soát đặc biệt chỉ đạo, kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt triển khai thực hiện phương án phục hồi đã được phê duyệt.</p> <p>2. Theo đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các nội dung sau đây:</p> <p>a) Việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi, bao gồm cả việc gia hạn thời hạn thực hiện phương án phục hồi;</p> <p>b) Chấm dứt thực hiện phương án phục hồi để chuyển sang phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp trên cơ sở đề</p>	<i>Không quy định</i>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>ngộ của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt với Ban kiểm soát đặc biệt.</p> <p>3. Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định chỉ định tổ chức tín dụng hỗ trợ theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.</p> <p>4. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước xét thấy tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không có khả năng phục hồi theo phương án phục hồi đã được phê duyệt hoặc hết thời hạn thực hiện phương án phục hồi mà tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không khắc phục được tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng đó được đặt vào kiểm soát đặc biệt thì Ngân hàng Nhà nước quyết định hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, giải thể, chuyển giao bắt buộc hoặc phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền quy định tại Điều 146 của Luật này.</p>		
<p><b>Điều 148d. Điều kiện đối với tổ chức tín dụng hỗ trợ</b></p> <p>Tổ chức tín dụng hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh có lãi trong ít nhất 02 năm liền kề trước thời điểm được xem xét chỉ định tham gia hỗ trợ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập.</p> <p>2. Đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 130 của Luật này.</p> <p>3. Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Có hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ chuyên trách bảo đảm tuân thủ quy định tại Điều 40 và Điều 41 của Luật này.</p>	<i>Không quy định</i>	
<p><b>Điều 148d. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng hỗ trợ</b></p>	<i>Không quy định</i>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>1. Phối hợp với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt xây dựng phương án phục hồi theo quy định tại khoản 2 Điều 148a của Luật này.</p> <p>2. Lựa chọn, giới thiệu và điều động cán bộ đủ năng lực, kinh nghiệm, điều kiện tham gia quản trị, kiểm soát và điều hành tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>3. Tổ chức triển khai, quản lý, giám sát tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án phục hồi đã được phê duyệt; đề xuất với Ban kiểm soát đặc biệt việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi đã được phê duyệt.</p> <p>4. Cho vay, gửi tiền với lãi suất ưu đãi tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.</p> <p>5. Bán nợ, trái phiếu doanh nghiệp đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước cho tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>6. Mua lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp đã bán quy định tại khoản 5 Điều này theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>7. Được vay tái cấp vốn với lãi suất ưu đãi đến mức 0%, được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.</p> <p>8. Không bị hạn chế về tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh quy định tại điểm e khoản 1 Điều 130 của Luật này.</p> <p>9. Các khoản cho vay, tiền gửi tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn.</p> <p>10. Được hạch toán vào chi phí hoạt động đối với các khoản chi lương, thù lao, tiền thưởng cho người được biệt phái tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p>		

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>11. Được phát hành trái phiếu dài hạn cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>12. Được áp dụng các biện pháp hỗ trợ khác do Ngân hàng Nhà nước quyết định theo thẩm quyền.</p>		
<b>Mục 1c. PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ CỔ PHẦN, PHẦN VỐN GÓP CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b>	<i>Không quy định</i>	
<p><b>Điều 149. Sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Việc xây dựng, phê duyệt phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Được quyết định chủ trương sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp quy định tại Điều 147a của Luật này hoặc thuộc một trong các trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 2 và khoản 4 Điều 148c của Luật này;</p> <p>b) Có tổ chức tín dụng nhận sáp nhập, hợp nhất, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, hợp nhất bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định và đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 130 của Luật này.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 2 và khoản 4 Điều 148c của Luật này</p>	<i>Không quy định</i>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 147a của Luật này.		
<p><b>Điều 149a. Xây dựng và phê duyệt phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp</b></p> <p>1. Trình tự xây dựng và phê duyệt phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 148 của Luật này.</p> <p>2. Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không hoàn thành việc xây dựng phương án hoặc phương án không được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 148 của Luật này thì Ngân hàng Nhà nước xem xét, trình Chính phủ quyết định chủ trương giải thể, chuyển giao bắt buộc hoặc phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p>	<i>Không quy định</i>	
<p><b>Điều 149b. Nội dung phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp</b></p> <p>1. Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a) Tên phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp và quy trình thực hiện phương án;</p> <p>b) Thông tin về tổ chức tín dụng bị sáp nhập, nhận sáp nhập, bị hợp nhất, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, bao gồm nội dung chứng minh năng lực, điều kiện theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Phương án cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành, bao gồm cả việc tích hợp, chuyển đổi hệ thống công nghệ thông tin đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất;</p>	<i>Không quy định</i>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>d) Phương án hoạt động kinh doanh trong thời gian 03 năm sau sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, bao gồm cả dự kiến các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 130 của Luật này;</p> <p>đ) Phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay, bao gồm cả khoản vay đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 145a của Luật này;</p> <p>e) Biện pháp hỗ trợ quy định tại Điều 149c của Luật này cần áp dụng;</p> <p>g) Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án.</p> <p>2. Đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, phương án phải có nội dung về phương án khắc phục tình trạng dẫn đến tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.</p>		
<p><b>Điều 149c. Biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp</b></p> <p>Tổ chức tín dụng sau sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:</p> <p>1. Các biện pháp quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 148b của Luật này;</p> <p>2. Trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hàng năm (chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã tạm trích trong năm) thì mức trích lập dự phòng rủi ro thực hiện theo phương án đã được phê duyệt nhưng tối thiểu bằng mức chênh lệch thu chi;</p> <p>3. Các biện pháp khác theo phương án đã được phê duyệt.</p>	<i>Không quy định</i>	
<p><b>Điều 149d. Tổ chức thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp</b></p>	<i>Không quy định</i>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>1. Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện phương án đã được phê duyệt.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền việc sửa đổi, bổ sung phương án, bao gồm cả việc gia hạn thời hạn thực hiện phương án trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Trường hợp hết thời hạn thực hiện phương án mà tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không thực hiện được phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp thì Ngân hàng Nhà nước xem xét, trình Chính phủ quyết định chủ trương giải thể, chuyển giao bắt buộc hoặc phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p>		
<p><b>Mục 1d.</b> <b>PHƯƠNG ÁN GIẢI THỂ TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b></p>	<i>Không quy định</i>	
<p><b>Điều 150. Giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ quyết định chủ trương giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 147a hoặc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 4 Điều 148c, khoản 2 Điều 149a hoặc khoản 4 Điều 149d của Luật này khi tổ chức tín dụng đủ điều kiện giải thể theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 4 Điều 148c, khoản 2 Điều 149a, khoản 4 Điều 149d</p>	<i>Không quy định</i>	

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
của Luật này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 147a của Luật này.		
<p><b>Điều 150a. Tổ chức thực hiện giải thể</b></p> <p>1. Sau khi Chính phủ quyết định chủ trương giải thể, Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và giám sát việc thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 156 của Luật này.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện giải thể theo quy định của pháp luật.</p>	<i>Không quy định</i>	
<p><b>Mục 1d.</b></p> <p><b>PHƯƠNG ÁN CHUYỂN GIAO BẮT BUỘC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b></p>		Chuyển lên Mục 2
<p><b>Điều 151. Chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định chủ trương chuyển giao bắt buộc tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại cho bên nhận chuyển giao theo quy định tại Điều 147a hoặc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 4 Điều 148c, khoản 2 Điều 149a hoặc khoản 4 Điều 149d của Luật này khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ âm;</p> <p>b) Có đề nghị của bên nhận chuyển giao.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 4 Điều 148c, khoản 2 Điều 149a, khoản 4 Điều 149d của Luật này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 147a của Luật này.</p>	<p><b>Điều 165. Xây dựng, phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt trường hợp có văn bản đề nghị của bên nhận chuyển giao</b></p> <p><b>1. Điều kiện chuyển giao bắt buộc:</b></p> <p>a) <i>Ngân hàng thương mại thuộc trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 160, Khoản 8 Điều 164 của Luật này;</i></p> <p>b) Có bên nhận chuyển giao bắt buộc.</p>	<p><b>Điều <del>165</del><sup>172</sup>. Xây dựng, phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt <u>trong</u> trường hợp có văn bản đề nghị của bên nhận chuyển giao</b></p> <p>1. <del>Điều kiện</del> <u>Việc</u> chuyển giao bắt buộc:</p> <p>a) <del>Ngân hàng thương mại thuộc trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 160, Khoản 8 Điều 164 của Luật này;</del></p> <p>b) <del>Có bên nhận chuyển giao bắt buộc.</del></p> <p>2. <del>Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày Ban kiểm soát đặc biệt hoàn thành việc đánh giá tổng thể thực trạng</del> ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt, <del>mà</del> <u>được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</u></p> <p>a) <u>Ngân hàng thương mại có bên nhận chuyển giao lỗ lũy kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</u></p> <p>b) <u>Có bên đề nghị nhận chuyển giao bắt buộc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày hoàn thành báo cáo đánh giá thực trạng tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 170 của Luật này;</u></p>
<p><b>Điều 151a. Xây dựng và phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt</b></p>	<p><b>Điều 164. Đánh giá tổng thể thực trạng ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>8. Đối với trường hợp quy định tại điểm b</p>	



<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>1. Ngân hàng Nhà nước yêu cầu ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt thuê tổ chức kiểm toán độc lập rà soát, đánh giá thực trạng tài chính và xác định giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ, trừ trường hợp đã có báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 147 của Luật này và báo cáo kiểm toán đó được phát hành trong thời hạn 06 tháng trước ngày Chính phủ quyết định chủ trương chuyển giao bắt buộc.</p> <p>2. Căn cứ kết quả xác định của tổ chức kiểm toán độc lập về giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ và đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước quyết định giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ, ghi giảm vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt và mức vốn cần được bổ sung để bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định.</p> <p>3. Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt thực hiện việc tăng vốn điều lệ trong thời hạn cụ thể.</p> <p>Trường hợp ngân hàng thương mại hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thì Ngân hàng Nhà nước yêu cầu ngân hàng thương mại tiếp tục thực hiện phương án đã được phê duyệt hoặc xây dựng và thực hiện phương án phục hồi theo quy định tại Mục 1b Chương VIII của Luật này hoặc Ngân hàng Nhà nước xem xét chấm dứt kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 145b của Luật này.</p> <p>Trường hợp ngân hàng thương mại không hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thì Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu bên nhận chuyển giao dự kiến xây dựng và hoàn thành phương án chuyển giao bắt buộc trình Ban kiểm soát đặc biệt xem xét trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p> <p>4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phương án chuyển giao bắt buộc của bên nhận</p>	<p>khoản 1 Điều 160 của Luật này hoặc trường hợp ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt chưa được Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tăng vốn tại giai đoạn can thiệp sớm, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại tăng vốn để đảm bảo giá trị thực của vốn điều lệ và quỹ dự trữ không thấp hơn vốn pháp định trong thời hạn nhất định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tăng vốn của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị phải tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên báo cáo chủ sở hữu để tăng vốn và gửi văn bản báo cáo kết quả về Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>Trường hợp ngân hàng thương mại hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thì Ngân hàng Nhà nước xem xét chấm dứt kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 162 của Luật này.</p> <p>Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền của ngân hàng thương mại không thông qua việc tăng vốn hoặc đã thông qua nhưng không hoàn thành việc tăng vốn, Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu ngân hàng thương mại xây dựng phương án chuyển giao bắt buộc.</p> <p><b>Điều 165. Xây dựng, phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt trường hợp có văn bản đề nghị của bên nhận chuyển giao</b></p> <p><b>1. Điều kiện chuyển giao bắt buộc:</b></p> <p><b>a) Ngân hàng thương mại thuộc trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 160, Khoản 8 Điều 164 của Luật này;</b></p> <p>b) Có bên nhận chuyển giao bắt buộc.</p> <p>2. Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày Ban kiểm soát đặc biệt hoàn thành việc đánh giá tổng thể thực trạng ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt, mà có bên nhận chuyển giao đề nghị nhận chuyển</p>	<p><b>c) Bên</b> đề nghị nhận chuyển giao bắt buộc, <del>Ban đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 177 của Luật này.</del></p> <p><b>2. Trên cơ sở đánh giá thực trạng của ngân hàng thương mại được</b> kiểm soát đặc biệt <del>thông báo, quyết quy định lựa chọn tại Điều 170 của Luật này,</del> bên nhận chuyển giao <del>theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p><del>3. Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày có quyết định lựa chọn bên nhận chuyển giao, Ban kiểm soát đặc biệt chỉ đạo bên nhận chuyển giao bắt buộc</del> hoàn thành việc xây dựng phương án chuyển giao bắt buộc <del>trên cơ sở đánh giá tổng thể thực trạng của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 4 Điều 164 Luật này</del> <b>trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.</b></p> <p><del>4.3. Trong thời hạn 0330 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xây dựng</del> <b>nhận được</b> phương án chuyển giao bắt buộc <del>của bên nhận chuyển giao dự kiến,</del> Ban kiểm soát đặc biệt <del>đề xuất phương án chuyển giao bắt buộc để trình đánh giá, báo cáo</del> Ngân hàng Nhà nước <del>phê duyệt về tính khả thi của</del> phương án chuyển giao bắt buộc đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p> <p><del>5.4. Sau khi nhận được đề xuất báo cáo</del> của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước xem xét phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p> <p><del>6. Trường hợp không phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc, Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định phá sản ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>chuyển giao dự kiến, Ban kiểm soát đặc biệt đánh giá, báo cáo Ngân hàng Nhà nước về tính khả thi của phương án chuyển giao bắt buộc.</p> <p>5. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, phương án chuyển giao bắt buộc do Ban kiểm soát đặc biệt trình, Ngân hàng Nhà nước xem xét, trình Chính phủ phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước trình, Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc và giao Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chuyển giao bắt buộc.</p> <p>7. Trường hợp không xây dựng được phương án chuyển giao bắt buộc hoặc phương án không được phê duyệt thì Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định chủ trương phá sản ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p>	<p>giao bắt buộc, Ban kiểm soát đặc biệt thông báo, quyết định lựa chọn bên nhận chuyển giao theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>3. Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày có quyết định lựa chọn bên nhận chuyển giao, Ban kiểm soát đặc biệt chỉ đạo bên nhận chuyển giao hoàn thành việc xây dựng phương án chuyển giao bắt buộc trên cơ sở đánh giá tổng thể thực trạng của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 4 Điều 164 Luật này.</p> <p>4. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày hoàn thành việc xây dựng phương án chuyển giao bắt buộc, Ban kiểm soát đặc biệt đề xuất phương án chuyển giao bắt buộc để trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>5. Sau khi nhận được đề xuất của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước xem xét phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>6. Trường hợp không phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc, Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định phá sản ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p>	
<p><b>Không có quy định</b></p>	<p><b>Điều 166. Xây dựng, phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt trường hợp chỉ định bên nhận chuyển giao</b></p> <p>1. Điều kiện chuyển giao bắt buộc:</p> <p>a) Ngân hàng thương mại thuộc trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 160, Khoản 8 Điều 164 của Luật này;</p> <p>b) Không có bên nhận chuyển giao bắt buộc đủ điều kiện theo quy định tại Điều 170 của Luật này.</p> <p>2. Trường hợp trong thời hạn 180 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 165 của Luật này mà không có</p>	<p><b>Điều <del>160</del>173. Xây dựng, phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt <u>trong</u> trường hợp <u>chỉ định bên nhận chuyển giao</u></b></p> <p>1. <del>Điều kiện</del> <u>Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ chỉ định bên nhận</u> chuyển giao bắt buộc <u>ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</u></p> <p>a) Ngân hàng thương mại <u>được kiểm soát đặc biệt</u> thuộc trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều <del>160</del><u>172</u>, <del>Khoản 8 Điều 164</del> của Luật này;</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
	<p>bên nhận chuyển giao đủ điều kiện theo quy định tại Điều 170 của Luật này đề nghị, Ngân hàng Nhà nước đề xuất Chính phủ chỉ định bên nhận chuyển giao.</p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất của Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ xem xét, quyết định chỉ định bên nhận chuyển giao.</p> <p>4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước thông báo về quyết định chỉ định bên nhận chuyển giao của Chính phủ, Ban kiểm soát đặc biệt chỉ đạo bên nhận chuyển giao được chỉ định hoàn thành việc xây dựng phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p> <p>5. Trình tự phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc trong trường hợp chỉ định bên nhận chuyển giao thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 165 của Luật này.</p> <p>6. Trường hợp không chỉ định được bên nhận chuyển giao hoặc phương án chuyển giao bắt buộc không được phê duyệt, Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định phá sản ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p>	<p>b) Không có bên <u>đề nghị nhận chuyển giao bắt buộc trong thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 172 của Luật này hoặc phương án chuyển giao bắt buộc không được phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 172 của Luật này;</u></p> <p>c) Việc phá sản ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng.</p> <p><u>2. Bên được chỉ định</u> nhận chuyển giao bắt buộc <u>phải đáp ứng đầy đủ các</u> điều kiện <del>theo</del> quy định tại Điều <del>170</del><u>177</u> của Luật này.</p> <p><del>2. Trường hợp trong thời hạn 180 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 165 của Luật này mà không có bên nhận chuyển giao đủ điều kiện theo quy định tại Điều 170 của Luật này đề nghị, Ngân hàng Nhà nước đề xuất Chính phủ chỉ định bên nhận chuyển giao.</del></p> <p>3. Trong thời hạn <del>10</del><u>180</u> ngày, kể từ ngày <del>nhận được</del> đề xuất của Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ <del>xem xét</del>, quyết định chỉ định bên nhận chuyển giao.</p> <p><u>4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước thông báo về quyết định, bên được</u> chỉ định <del>bên nhận chuyển giao của Chính phủ, Ban kiểm soát đặc biệt chỉ đạo bên nhận chuyển giao được chỉ định</del> hoàn thành việc xây dựng phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt <u>theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p><del>5.4.</del> Trình tự phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc trong trường hợp chỉ định bên nhận chuyển giao thực hiện theo quy định tại <u>các</u> khoản <u>2, 3, và 4, 5</u> Điều <del>165</del><u>172</u> của Luật này.</p> <p><del>6.5.</del> Trường hợp không chỉ định được bên nhận chuyển giao <u>bắt buộc</u> hoặc phương án chuyển giao bắt buộc không được phê duyệt, Ngân hàng Nhà nước <del>trình Chính phủ quyết định phá sản</del> <u>yêu cầu</u> ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt <u>xây</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<u>dụng phương án phá sản và trình Chính phủ phê duyệt.</u>
<p><b>Điều 151b. Nội dung phương án chuyển giao bắt buộc</b></p> <p>Phương án chuyển giao bắt buộc bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông tin về bên nhận chuyển giao.</li> <li>2. Phương án tăng vốn điều lệ và thời hạn thực hiện.</li> <li>3. Phương án hoạt động kinh doanh phù hợp với thực trạng của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt trong từng giai đoạn.</li> <li>4. Phương án cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành.</li> <li>5. Phương án xử lý tồn tại, yếu kém, nợ xấu, tài sản bảo đảm.</li> <li>6. Phương án xử lý tiền gửi của khách hàng là pháp nhân, tiền gửi và tiền vay của tổ chức tín dụng khác; phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay, bao gồm cả khoản vay đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 145a của Luật này.</li> <li>7. Phương án xử lý cổ phần, phần vốn góp của bên nhận chuyển giao tại ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc vượt giới hạn quy định áp dụng đối với tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt hoặc xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc thông qua việc tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư mới, sáp nhập hoặc hợp nhất với tổ chức tín dụng khác.</li> <li>8. Biện pháp hỗ trợ theo quy định tại Điều 151c của Luật này cần áp dụng.</li> <li>9. Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.</li> </ol>	<p><b>Điều 167. Nội dung phương án chuyển giao bắt buộc</b></p> <p>Phương án chuyển giao bắt buộc bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông tin về bên nhận chuyển giao.</li> <li>2. Phương án tăng vốn điều lệ và thời hạn thực hiện.</li> <li>3. Phương án hoạt động kinh doanh phù hợp với thực trạng của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt trong từng giai đoạn.</li> <li>4. Phương án cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành.</li> <li>5. Phương án xử lý tồn tại, yếu kém, nợ xấu, tài sản bảo đảm.</li> <li>6. Phương án xử lý tiền gửi của khách hàng là pháp nhân, tiền gửi và tiền vay của tổ chức tín dụng khác; phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay, bao gồm cả khoản vay đặc biệt quy định tại khoản 9 Điều 160 của Luật này.</li> <li>7. Phương án xử lý cổ phần, phần vốn góp của bên nhận chuyển giao tại ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc vượt giới hạn quy định áp dụng đối với tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt hoặc xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc thông qua việc tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư mới, sáp nhập hoặc hợp nhất với tổ chức tín dụng khác.</li> <li>8. Biện pháp hỗ trợ theo quy định tại Điều 168 của Luật này cần áp dụng.</li> <li>9. Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.</li> </ol>	<p><b>Điều <del>167</del><u>174</u>. Nội dung phương án chuyển giao bắt buộc</b></p> <p>Phương án chuyển giao bắt buộc bao gồm các nội dung <del>tối thiểu</del><u>chủ yếu</u> sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông tin về bên nhận chuyển giao<del>;</del></li> <li>2. Phương án tăng vốn điều lệ và thời hạn thực hiện<del>;</del></li> <li>3. Phương án hoạt động kinh doanh phù hợp với thực trạng của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt trong từng giai đoạn<del>;</del></li> <li>4. Phương án <u>về</u> cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành<del>;</del></li> <li>5. Phương án xử lý tồn tại, yếu kém, nợ xấu, tài sản bảo đảm<del>;</del></li> <li>6. Phương án xử lý tiền gửi của khách hàng là pháp nhân, tiền gửi và tiền vay của tổ chức tín dụng khác; phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay, bao gồm cả khoản vay đặc biệt quy định tại khoản <del>3</del><u>9</u> Điều <del>145a</del><u>160</u><del>164</del> của Luật này<del>;</del></li> <li>7. Phương án xử lý cổ phần, phần vốn góp của bên nhận chuyển giao tại ngân hàng thương mại được <del>kiểm soát đặc biệt sau</del> chuyển giao bắt buộc vượt giới hạn quy định <del>áp dụng đối với tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt</del> tại các khoản <del>2, 3</del> Điều <del>63, khoản 1</del> Điều <del>77</del> và khoản <del>2</del> Điều <del>136</del> của Luật này <del>hoặc xử lý pháp nhân sáp nhập, hợp nhất, giải thể</del> đối với ngân hàng thương mại được <del>kiểm soát đặc biệt sau</del> chuyển giao bắt buộc thông qua việc tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư mới, sáp nhập hoặc hợp nhất với tổ chức tín dụng khác<del>;</del></li> <li>8. Biện pháp hỗ trợ <del>theo</del> quy định tại Điều <del>168</del><u>175</u> của Luật này <del>cần áp dụng</del><del>;</del></li> </ol>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p><b>Điều 151c. Biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc</b></p> <p>Ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được áp dụng một hoặc một số biện pháp quy định tại khoản 1 Điều 148b của Luật này theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p>	<p><b>Điều 168. Biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được áp dụng một hoặc một số biện pháp quy định tại Điều 150 của Luật này theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p>2. <i>Khoản vay đặc biệt được tính vào các chỉ số của tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</i></p> <p>3. <i>Các khoản cho vay, tiền gửi của bên nhận chuyển giao bắt buộc và các tổ chức tín dụng khác đối với ngân hàng thương mại được chuyển giao được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</i></p>	<p>9. <u>Lộ trình để tuân thủ quy định tại các điều 135, 136, 137, 138 và khoản 3 Điều 143 của Luật này;</u></p> <p>10. <u>Lộ trình, thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.</u></p> <p><b>Điều <del>168</del>175. Biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc</b></p> <p>1. Ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được áp dụng một hoặc một số biện pháp <u>quy định tại Điều 150 của Luật này theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt, sau đây:</u></p> <p><u>2.a) Bán nợ xấu không có tài sản bảo đảm hoặc nợ xấu có tài sản bảo đảm mà tài sản bảo đảm đang bị kê biên, tài sản bảo đảm không có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ cho tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu;</u></p> <p><u>b) Nhân tiền gửi hoặc vay của bên nhận chuyển giao với lãi suất theo thỏa thuận;</u></p> <p><u>c) Mua nợ, trái phiếu doanh nghiệp do bên nhận chuyển giao nắm giữ đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; bán lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp cho bên nhận chuyển giao trong trường hợp các khoản nợ này bị chuyển thành nợ xấu;</u></p> <p><u>d) Khi thực hiện giải pháp tăng vốn điều lệ theo phương án chuyển giao bắt buộc, cổ đông, thành viên góp vốn được sở hữu cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại Điều 63 và Điều 77 của Luật này. Cổ đông, thành viên góp vốn phải có lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp để tuân thủ giới hạn sau khi chấm dứt kiểm soát đặc biệt;</u></p> <p><u>đ) Được bên nhận chuyển giao cử nhân sự tham gia quản trị, điều hành; hỗ trợ về công nghệ thông tin;</u></p> <p><u>e) Miễn, giảm tiền lãi vay của khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước trước khi tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt;</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p><u>g) Vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 185 của Luật này;</u></p> <p><u>h) Biện pháp khác theo thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p><u>2. Bên nhận chuyển giao bắt buộc là tổ chức tín dụng được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:</u></p> <p><u>a) Các khoản cho vay, tiền gửi tại bên được chuyển giao được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn;</u></p> <p><u>b) Các khoản nợ mua lại từ bên được chuyển giao theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 178 của Luật này được loại trừ khi áp dụng các hạn chế, giới hạn cấp tín dụng của bên nhận chuyển giao;</u></p> <p><u>c) Vay tái cấp vốn với lãi suất bằng lãi suất bên chuyển giao cho vay, gửi tiền tại bên được chuyển giao; số tiền, thời hạn vay tái cấp vốn không vượt quá số tiền, thời hạn bên chuyển giao hỗ trợ cho vay, gửi tiền tại ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;</u></p> <p><u>d) Được giảm 50% tỷ lệ dư trừ bắt buộc;</u></p> <p><u>đ) Không bị hạn chế về tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 137 của Luật này;</u></p> <p><u>e) Phát hành trái phiếu dài hạn cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước;</u></p> <p><u>g) Biện pháp khác theo thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p><u>3. Khoản vay đặc biệt được tính vào tiền gửi khi tính các <del>chi số của</del> tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p>buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p><del>3.4.</del> Các khoản cho vay, tiền gửi của bên nhận chuyển giao bắt buộc và các tổ chức tín dụng khác đối với ngân hàng thương mại được chuyển giao được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p>
<p><b>Điều 151d. Tổ chức thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chuyển giao bắt buộc sau khi phương án chuyển giao bắt buộc được phê duyệt. Kể từ thời điểm Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chuyển giao bắt buộc, toàn bộ quyền và lợi ích của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc chấm dứt.</p> <p>2. Quyết định chuyển giao bắt buộc bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a) Tên bên nhận chuyển giao; tên ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc trước và sau khi chuyển giao bắt buộc; hình thức pháp lý, vốn điều lệ của ngân hàng thương mại sau chuyển giao bắt buộc;</p> <p>b) Việc chấm dứt toàn bộ quyền và lợi ích của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;</p> <p>c) Trách nhiệm của bên nhận chuyển giao và ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc.</p> <p>3. Bên nhận chuyển giao thực hiện các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thực hiện quyền của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông tại ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;</p>	<p><b>Điều 169. Tổ chức thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chuyển giao bắt buộc sau khi phương án chuyển giao bắt buộc được phê duyệt. Kể từ thời điểm Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chuyển giao bắt buộc, toàn bộ quyền và lợi ích của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc chấm dứt.</p> <p>2. Quyết định chuyển giao bắt buộc bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a) Tên bên nhận chuyển giao; tên ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc trước và sau khi chuyển giao bắt buộc; hình thức pháp lý, vốn điều lệ của tổ chức tín dụng sau chuyển giao bắt buộc;</p> <p>b) Việc chấm dứt toàn bộ quyền và lợi ích của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;</p> <p>c) Trách nhiệm của bên nhận chuyển giao và ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc.</p> <p>3. Bên nhận chuyển giao thực hiện các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thực hiện quyền của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông tại ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;</p> <p>b) Thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc</p>	<p><b>Điều <del>169</del>176. Tổ chức thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước <del>ra</del> quyết định chuyển giao bắt buộc <del>sau khi và phê duyệt</del> phương án chuyển giao bắt buộc <del>được phê duyệt</del>.</p> <p>Kể từ <del>thời điểm</del><u>ngày</u> Ngân hàng Nhà nước <del>ra</del> quyết định chuyển giao bắt buộc, toàn bộ quyền và lợi ích của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc chấm dứt.</p> <p>2. <u>Ngân hàng Nhà nước quyết định ghi giảm toàn bộ vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc để giảm lỗ lũy kế tương ứng.</u></p> <p>3. Quyết định chuyển giao bắt buộc bao gồm các nội dung <del>tối thiểu</del><u>chủ yếu</u> sau đây:</p> <p>a) Tên bên nhận chuyển giao; tên ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc trước và sau <del>kh</del><u>hi</u> chuyển giao bắt buộc; hình thức pháp lý, vốn điều lệ, <u>chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông</u> của <del>tổ chức tín dụng</del><u>sa</u><del>ngân hàng thương mại</del> được chuyển giao bắt buộc;</p> <p>b) Việc chấm dứt toàn bộ quyền và lợi ích của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;</p> <p>c) Trách nhiệm của bên nhận chuyển giao và ngân hàng thương mại được <del>kiểm soát đặc biệt sau</del> chuyển giao bắt buộc.</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i>)</p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản ngày 27/9/2023</i>)</p>
<p>b) Thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p>4. Ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc thực hiện các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thực hiện thủ tục để chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có) của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt; thủ tục thay đổi chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông;</p> <p>b) Thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p>5. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung phương án chuyển giao bắt buộc, bao gồm cả việc gia hạn thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.</p> <p>6. Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p>7. Trường hợp hết thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc mà ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt không khắc phục được tình trạng dẫn đến đặt vào kiểm soát đặc biệt thì Ngân hàng Nhà nước xem xét, trình Chính phủ quyết định chủ trương phá sản ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p>	<p>đã được phê duyệt.</p> <p>4. Ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc thực hiện các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thực hiện thủ tục để chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có) của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt; thủ tục thay đổi chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông;</p> <p>b) Thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p>5. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sửa đổi, bổ sung phương án chuyển giao bắt buộc, bao gồm cả việc gia hạn thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.</p> <p>6. Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p>7. Trường hợp hết thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc mà ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt không khắc phục được tình trạng dẫn đến đặt vào kiểm soát đặc biệt thì Ngân hàng Nhà nước xem xét, trình Chính phủ quyết định phá sản ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p>	<p><del>34.</del> Bên nhận chuyển giao thực hiện các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thực hiện quyền của chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông tại ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;</p> <p>b) Thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p><del>4-5.</del> Ngân hàng thương mại được <del>kiểm soát đặc biệt sau</del> chuyển giao bắt buộc <b>phải</b> thực hiện các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thực hiện <del>thủ tục để chuyển đổi hình thức pháp lý (nếu có) của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt;</del> các thủ tục thay đổi <del>chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông;</del> <b>Giấy phép;</b></p> <p>b) Thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p><del>56.</del> Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sửa đổi, bổ sung phương án chuyển giao bắt buộc, bao gồm cả việc gia hạn thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc.</p> <p><del>6-7.</del> Ngân hàng Nhà nước <del>chỉ đạo,</del> kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p><del>7-8.</del> Trường hợp hết thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc mà ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt không khắc phục được tình trạng dẫn đến đặt vào kiểm soát đặc biệt thì Ngân hàng Nhà nước xem xét, trình Chính phủ quyết định phá sản ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt.</p>
<p><b>Điều 151d. Điều kiện đối với bên nhận chuyển giao</b></p> <p>1. Bên nhận chuyển giao là tổ chức tín dụng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hoạt động kinh doanh có lãi trong ít nhất 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị nhận chuyển</p>	<p><b>Điều 170. Điều kiện đối với bên nhận chuyển giao</b></p> <p>1. Bên nhận chuyển giao là tổ chức tín dụng trong nước phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hoạt động kinh doanh có lãi trong ít nhất 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị nhận chuyển giao theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc</p>	<p><b>Điều <del>170</del>177. Điều kiện đối với bên nhận chuyển giao</b></p> <p>1. <b>Bên nhận chuyển giao bao gồm:</b></p> <p><b>a) Tổ chức tín dụng trong nước, tổ chức tín dụng nước ngoài;</b></p> <p><b>b) Doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài;</b></p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>giao theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập;</p> <p>b) Đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 130 của Luật này;</p> <p>c) Có phương án chuyển giao bắt buộc khả thi, trong đó bao gồm nội dung chứng minh bên nhận chuyển giao có đủ nguồn vốn để thực hiện góp vốn theo phương án.</p> <p>2. Bên nhận chuyển giao không phải là tổ chức tín dụng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Là pháp nhân;</p> <p>b) Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này.</p>	<p>lập;</p> <p>b) Đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 129 của Luật này;</p> <p>c) Có phương án chuyển giao bắt buộc khả thi.</p> <p>2. Bên nhận chuyển giao, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Là pháp nhân;</p> <p>b) Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này.</p>	<p><u>c) Nhà đầu tư khác.</u></p> <p><u>2.</u> Bên nhận chuyển giao là tổ chức tín dụng trong nước phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hoạt động kinh doanh có lãi trong ít nhất 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị nhận chuyển giao theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập;</p> <p>b) Đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều <del>129</del><u>137</u> của Luật này;</p> <p>c) Có phương án chuyển giao bắt buộc khả thi.</p> <p><u>23.</u> Bên nhận chuyển giao, trừ trường hợp quy định tại khoản <del>1</del><u>2</u> Điều này, phải đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Là pháp nhân;</p> <p>b) Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a và điểm c khoản <del>1</del><u>2</u> Điều này.</p>
<p><b>Điều 151e. Quyền của bên nhận chuyển giao</b></p> <p>1. Bên nhận chuyển giao là tổ chức tín dụng có các quyền sau đây:</p> <p>a) Sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc đối với trường hợp ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;</p> <p>b) Không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;</p> <p>c) Được loại trừ ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất;</p> <p>d) Khoản vốn góp vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc không phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và được loại trừ khi tính giới hạn góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao.</p> <p>Mức góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao vào ngân hàng thương mại được</p>	<p><b>Điều 171. Quyền của bên nhận chuyển giao</b></p> <p>1. Bên nhận chuyển giao là tổ chức tín dụng có các quyền sau đây:</p> <p>a) Sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc đối với trường hợp ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc chuyển đổi thành <b><i>công ty trách nhiệm hữu hạn</i></b>;</p> <p>b) Không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;</p> <p>c) Được loại trừ ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất;</p> <p>d) Khoản vốn góp vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc không phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và được loại trừ khi tính giới hạn góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao.</p> <p>Mức góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín</p>	<p><b>Điều <del>171</del><u>178</u>. Quyền, <u>nghĩa vụ</u> của bên nhận chuyển giao</b></p> <p>1. Bên nhận chuyển giao là tổ chức tín dụng có các quyền, <u>nghĩa vụ</u> sau đây:</p> <p>a) Sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc <u>đối với trong</u> trường hợp ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn; <u>bb) Mức góp vốn, mua cổ phần của bên nhận chuyển giao vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được thực hiện theo tỷ lệ quy định tại phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt. Tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc vượt tỷ lệ giới hạn sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại các khoản 2, 3 Điều 63, khoản 1 Điều 77 và khoản 2 Điều 136 của Luật này;</u></p> <p>c) Không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>chuyển giao bắt buộc được thực hiện theo tỷ lệ quy định tại phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</p> <p>đ) Được bán, phát hành cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao cho nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</p> <p>e) Được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ quy định tại Điều 148b của Luật này theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p>2. Bên nhận chuyển giao không phải là tổ chức tín dụng có quyền sở hữu cổ phần, phần vốn góp của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc vượt tỷ lệ giới hạn sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại Điều 55 và Điều 70 của Luật này.</p>	<p>dụng nhận chuyển giao vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được thực hiện theo tỷ lệ quy định tại phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</p> <p>đ) Được bán, phát hành cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao cho nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</p> <p>e) Được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ quy định tại Điều 151 của Luật này theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p>2. Bên nhận chuyển giao không phải là tổ chức tín dụng có quyền sở hữu cổ phần, phần vốn góp của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc vượt tỷ lệ giới hạn sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại Điều 55 và Điều 70 của Luật này.</p>	<p><u>ed) Được loại trừ ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất;</u></p> <p><u>đđ) Hạch toán vào chi phí hoạt động đối với các khoản chi lương, thù lao, tiền thưởng cho người được biệt phái tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành bên được chuyển giao;</u></p> <p><u>e) Phối hợp với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt xây dựng phương án chuyển giao bắt buộc; tổ chức triển khai, sửa đổi, bổ sung phương án chuyển giao bắt buộc đã được thông qua;</u></p> <p><u>g) Lựa chọn, giới thiệu và bổ nhiệm cán bộ đủ điều kiện tham gia quản trị, kiểm soát và điều hành tổ chức tín dụng được chuyển giao;</u></p> <p><u>h) Quản lý, giám sát tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;</u></p> <p><u>i) Cho vay, gửi tiền tại ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc với lãi suất theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</u></p> <p><u>k) Bán, bán có kỳ hạn khoản nợ, trái phiếu doanh nghiệp đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước cho ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo thỏa thuận; mua lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp đã bán cho ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc trong trường hợp các khoản nợ này bị chuyển thành nợ xấu;</u></p> <p><u>l) Khoản vốn góp vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc không phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và được loại trừ khi tính giới hạn góp vốn, mua cổ phần của <del>tổ chức tín dụng nhận</del> bên chuyển giao;</u></p> <p><u>Mức góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được thực hiện theo tỷ lệ quy</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><del>định tại phương án chuyên giao bắt buộc đã được phê duyệt;</del></p> <p><del>đm) Được bán, phát hành cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao cho nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với phương án chuyên giao bắt buộc đã được phê duyệt;</del></p> <p><del>en) Được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 151175 của Luật này theo phương án chuyên giao bắt buộc đã được phê duyệt.</del></p> <p><del>2. Bên nhận chuyển giao không phải là tổ chức tín dụng có quyền sở hữu cổ phần, phần vốn góp của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc vượt tỷ lệ giới hạn sở hữu cổ phần, phần vốn góp, nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g, h, l và m khoản 1 Điều 55 và Điều 70 của Luật này.</del></p>
<p><b>Điều 151g. Xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định và xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc</b></p> <p>1. Việc xử lý cổ phần, phần vốn góp của bên nhận chuyển giao tại ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc vượt giới hạn quy định áp dụng đối với tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt hoặc xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc được thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p>2. Việc xử lý cổ phần, phần vốn góp hoặc xử lý pháp nhân quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trước thời hạn xác định trong phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</p>	<p><b>Điều 172. Xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định và xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc</b></p> <p>1. Việc xử lý cổ phần, phần vốn góp của bên nhận chuyển giao tại ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc vượt giới hạn quy định áp dụng đối với tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt hoặc xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc được thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p>2. Việc xử lý cổ phần, phần vốn góp hoặc xử lý pháp nhân quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trước thời hạn xác định trong phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</p> <p>b) Sau 01 năm, kể từ thời điểm quyết định</p>	<p><b>Điều 172179. Xử lý cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn quy định và xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc</b></p> <p>1. <del>Việc xử lý</del><u>Bên nhận chuyển giao phải giảm tỷ lệ sở hữu</u> cổ phần, phần vốn góp <del>của bên nhận chuyển giao</del> tại ngân hàng thương mại được <del>kiểm soát đặc biệt sau</del> chuyển giao bắt buộc <del>vượt để bảo đảm tuân thủ</del> giới hạn quy định tại các khoản 2, 3 Điều 63, khoản 1 Điều 77 và khoản 2 Điều 136 của Luật này theo thời hạn quy định <del>áp dụng đối với tổ chức tín dụng không được kiểm soát đặc biệt hoặc xử lý pháp nhân đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt sau chuyển giao bắt buộc được thực hiện theo</del> <u>tại</u> phương án chuyển giao bắt buộc <del>đã được phê duyệt.</del></p> <p><del>2.2. Trường hợp không thực hiện được quy định tại khoản 1 Điều này, bên nhận chuyển giao phải thực hiện sáp nhập, hợp nhất, giải thể ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc.</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>b) Sau 01 năm, kể từ thời điểm quyết định chuyển giao bắt buộc có hiệu lực.</p>	<p>chuyển giao bắt buộc có hiệu lực.</p> <p><b>3. Trường hợp tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc xử lý cổ phần, phần vốn góp hoặc xử lý pháp nhân quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp hoặc tiếp nhận pháp nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</b></p>	<p><b>3.</b> Việc xử lý cổ phần, phần vốn góp <del>hoặc xử lý pháp nhân</del> quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trước thời hạn xác định trong phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;</p> <p>b) Sau 01 năm, kể từ thời điểm quyết định chuyển giao bắt buộc có hiệu lực.</p> <p><del>3. Trường hợp tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc xử lý cổ phần, phần vốn góp hoặc xử lý pháp nhân quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp hoặc tiếp nhận pháp nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</del></p>
	<p><b>(Mục 5 Chương VIII PHƯƠNG ÁN GIẢI THỂ TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM)</b></p>	<p><b>Mục 3 GIẢI THỂ, PHƯƠNG ÁN PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b></p>
	<p><b>Mục 3 PHƯƠNG ÁN PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT</b></p>	
<p><b>Điều 150. Giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ quyết định chủ trương giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 147a hoặc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 4 Điều 148c, khoản 2 Điều 149a hoặc khoản 4 Điều 149d của Luật này khi tổ chức tín dụng đủ điều kiện giải thể theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thuộc</p>	<p><b>Điều 159. Giải thể tổ chức tín dụng được can thiệp sớm</b></p> <p>1. Các trường hợp tổ chức tín dụng được can thiệp sớm thực hiện giải thể:</p> <p>a) Thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 152 của Luật này;</p> <p>b) Thuộc trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 149, khoản 6 Điều 152, khoản 4 Điều 153, khoản 5 Điều 156 của Luật này.</p> <p>2. Sau khi nhận được ý kiến của Ngân hàng Nhà nước về việc chuyển sang phương án giải thể, tổ chức tín dụng tại khoản 1 Điều này xây dựng phương án giải</p>	<p><b>Điều <del>159</del>180. Giải thể tổ chức tín dụng được <del>can thiệp sớm</del> kiểm soát đặc biệt</b></p> <p>1. Các <del>Tổ chức tín dụng</del> được kiểm soát đặc biệt thực hiện giải thể trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ;</p> <p>b) Có tổ chức tín dụng <del>được can thiệp sớm thực hiện giải thể</del>; tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ.</p> <p>a) Thuộc trường <del>2. Trường</del> hợp quy định tại khoản 4 Điều <del>152</del> của Luật này;</p> <p>b) Thuộc trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 149, khoản 6 Điều 152, khoản 4 Điều 153, khoản 5 Điều <del>156</del> của Luật này.</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 4 Điều 148c, khoản 2 Điều 149a, khoản 4 Điều 149d của Luật này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 147a của Luật này.</p> <p><b>Điều 150a. Tổ chức thực hiện giải thể</b></p> <p>1. Sau khi Chính phủ quyết định chủ trương giải thể, Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và giám sát việc thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 156 của Luật này.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện giải thể theo quy định của pháp luật.</p>	<p>thể và trình cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng thông qua.</p> <p>3. Phương án giải thể phải có đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm thực hiện việc thanh lý tài sản và giải thể theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định pháp luật.</p>	<p><del>2. Sau khi nhận được ý kiến của Ngân hàng Nhà nước về việc chuyển sang phương án giải thể, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Ban kiểm soát đặc biệt trình Ngân hàng Nhà nước quyết định giải thể</del> tổ chức tín dụng <del>tại khoản 1 Điều này xây dựng phương án giải thể và trình cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng thông qua</del> <u>được kiểm soát đặc biệt.</u></p> <p><del>3. Phương án giải thể phải có đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã.</del></p> <p><u>3. Trường hợp giải thể theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phối hợp với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ xây dựng phương án thanh lý tài sản, trong đó có kế hoạch mua một phần hoặc toàn bộ tài sản đồng thời nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ nợ của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, biên pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ, trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</u></p> <p><u>Đối với quỹ tín dụng nhân dân, phương án thanh lý tài sản phải có ý kiến của Ngân hàng hợp tác xã trước khi gửi Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p>4. Tổ chức tín dụng <del>được can thiệp sớm</del> <u>tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 161 của Luật này và được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 161.</u></p> <p><u>5. Việc giải thể và thanh lý tài sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện việc thanh lý tài sản và giải thể theo quy định tại khoản 2 Điều 202 của Ngân hàng Nhà nước Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</u></p>
<p><b>Điều 152. Phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</b></p>	<p><b>Điều 173. Xây dựng phương án phá sản</b></p> <p>1. Điều kiện xây dựng phương án phá sản:</p> <p>a) Ngân hàng thương mại thuộc trường hợp quy</p>	<p><b>Điều <del>173</del>181. Xây dựng phương án phá sản</b></p> <p><b><u>Phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt</u></b></p> <p>1. Điều kiện xây dựng phương án phá sản:</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>1. Ngân hàng Nhà nước xem xét, trình Chính phủ quyết định chủ trương phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 147a hoặc thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 4 Điều 148c, khoản 2 Điều 149a, khoản 4 Điều 149d, khoản 7 Điều 151a hoặc khoản 7 Điều 151d của Luật này khi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt lâm vào tình trạng phá sản.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương phá sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 148, khoản 4 Điều 148c, khoản 2 Điều 149a, khoản 4 Điều 149d, khoản 7 Điều 151a, khoản 7 Điều 151d của Luật này được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 147a của Luật này.</p>	<p>định tại điểm a, b khoản 1 Điều 160 của Luật này không có phương án chuyển giao bắt buộc hoặc phương án chuyển giao bắt buộc không được phê duyệt hoặc hết thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc mà ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt không khắc phục được tình trạng dẫn đến đặt vào kiểm soát đặc biệt;</p> <p>b) Tổ chức tín dụng thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 160 của Luật này;</p> <p>c) Tổ chức tín dụng thuộc trường hợp quy định hoàn thành phương án chi trả quy định tại Điều 161 của Luật này;</p> <p>2. Ban kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam xây dựng phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, đề xuất Ngân hàng Nhà nước để trình Chính phủ phê duyệt.</p> <p>3. Ban kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam xây dựng phương án phá sản quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.</p> <p>4. Sau khi phương án phá sản được cấp thẩm quyền phê duyệt, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt. Việc phá sản tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Chương X của Luật này.</p>	<p>a) <del>Ngân hàng thương mại thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b</del> <u>Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không đủ điều kiện chuyển giao bắt buộc quy định tại khoản 1 Điều 172 và khoản 1 Điều 160/173 của Luật này không có phương án chuyển giao bắt buộc hoặc phương án không đủ điều kiện giải thể quy định tại khoản 1 Điều 180 của Luật này;</u></p> <p>b) <del>Phương án chuyển giao bắt buộc không được phê duyệt hoặc hết thời hạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc mà</del> <u>của</u> ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt không khắc phục được tình trạng dẫn đến đặt vào kiểm soát đặc biệt <del>không được phê duyệt</del> <u>theo quy định tại khoản 4 Điều 172 của Luật này hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 8 Điều 176 của Luật này;</u></p> <p>b) <del>Tổ chức tín dụng thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 160 của Luật này;</del></p> <p>c) <del>Tổ chức tín dụng thuộc trường hợp quy định hoàn thành phương án chi trả quy định tại</del> <u>khoản 3 Điều 161/202 của Luật này;</u></p> <p>2. Ban kiểm soát đặc biệt <del>có trách nhiệm</del> chủ trì, phối hợp với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, <del>Bảo</del> <u>tổ chức bảo</u> hiểm tiền gửi <del>Việt Nam</del> xây dựng phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, <del>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;</del> đề xuất Ngân hàng Nhà nước <del>để</del> trình Chính phủ phê duyệt, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.</u></p> <p>3. <del>Ban kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, Bảo</del> <u>Trên cơ sở phương án phá sản được phê duyệt, Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hạn mức chi trả bảo</u> <u>hiểm tiền gửi Việt Nam và Ngân</u> <u>cho người gửi tiền, tối đa bằng số tiền gửi của cá nhân được bảo hiểm tại tổ chức tín dụng.</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>3. Ban kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, tổ chức bảo hiểm tiền gửi và ngân hàng Hợp hợ</u> tác xã <del>Việt Nam</del> xây dựng phương án phá sản quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt và đề xuất Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hạn mức chi trả bảo hiểm tiền gửi cho người gửi tiền, tối đa bằng số tiền gửi của cá nhân được bảo hiểm tại tổ chức tín dụng. Trên cơ sở quyết định của Thủ tướng Chính phủ về hạn mức bảo hiểm tiền gửi, Ban kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, tổ chức bảo hiểm tiền gửi và ngân hàng <u>hợp tác xã hoàn thiện phương án phá sản quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt</u>, trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.</p> <p><del>4. Sau khi phương án phá sản được cấp thẩm quyền phê duyệt, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt. Việc phá sản tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Chương X của Luật này.</del></p>
<p><b>Điều 152b. Nội dung phương án phá sản</b> Phương án phá sản bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đánh giá thực trạng và quá trình xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được quyết định chủ trương phá sản.</li> <li>2. Đánh giá tác động của việc thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đối với sự an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng.</li> <li>3. Phương án chi trả tiền gửi của khách hàng là cá nhân.</li> <li>4. Lộ trình thực hiện và trách nhiệm triển khai phương án phá sản.</li> </ol>	<p><b>Điều 174. Nội dung phương án phá sản</b> Phương án phá sản bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đánh giá thực trạng và quá trình xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</li> <li>2. Đánh giá tác động của việc thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đối với sự an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng.</li> <li>3. Phương án chi trả tiền gửi của khách hàng là cá nhân.</li> <li>4. Lộ trình thực hiện và trách nhiệm triển khai phương án phá sản.</li> </ol>	<p><b>Điều <del>174</del>182. Nội dung phương án phá sản</b> Phương án phá sản bao gồm các nội dung <del>tối thiểu</del> <u>chủ yếu</u> sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <del>Đánh giá thực</del> <u>Thực</u> trạng <del>và quá trình xử lý của</del> tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</li> <li>2. Đánh giá tác động của việc thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đối với sự an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng.</li> <li>3. <del>Phương án chi</del> <u>Dự kiến hạn mức</u> trả tiền <u>bảo hiểm cho người gửi của khách hàng tiền</u> là cá nhân; <u>lộ trình, thời hạn chi trả.</u></li> <li>4. Lộ trình <del>thực hiện</del> và trách nhiệm triển khai phương án phá sản.</li> </ol>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p><b>Điều 152c. Tổ chức thực hiện phương án phá sản</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện phương án phá sản đã được phê duyệt, bao gồm cả việc yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>2. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung phương án phá sản.</p> <p>3. Việc thực hiện phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được áp dụng theo quy định của pháp luật về phá sản tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều 175. Tổ chức thực hiện phương án phá sản</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện phương án phá sản đã được phê duyệt, bao gồm cả việc yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>2. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước quyết định (đối với tổ chức tín dụng là quỹ tín dụng nhân dân) hoặc trình Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung phương án phá sản.</p> <p>3. Việc thực hiện phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được áp dụng theo quy định của pháp luật về phá sản tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều <del>175</del><u>183</u>. Tổ chức thực hiện phương án phá sản</b></p> <p>1. <del>Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo</del><u>Sau khi phương án phá sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phối hợp với tổ chức tín dụng để chi trả bảo hiểm tiền gửi cho người gửi tiền theo phương án phá sản.</u></p> <p>2. <u>Trường hợp số tiền trong Quỹ dự phòng nghiệp vụ của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam không đủ chi trả cho người gửi tiền theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam vay đặc biệt.</u></p> <p><u>Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp phần vay đặc biệt; sử dụng tiền trả nợ vay đặc biệt của tổ chức tín dụng, nguồn thu từ bán giấy tờ có giá do Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam nắm giữ, từ thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng vay đặc biệt, phí bảo hiểm tiền gửi để ưu tiên hoàn trả nợ vay cho Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p>3. <u>Ngân hàng Nhà nước</u> kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện phương án phá sản đã được phê duyệt, bao gồm cả việc yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p><del>2.4.</del> <u>Ngân hàng Nhà nước xem xét có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt sau khi tổ chức tín dụng thực hiện xong việc chi trả tiền gửi cho người gửi tiền theo phương án phá sản.</u></p> <p>5. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước quyết định <del>(sửa đổi, bổ sung phương án phá sản đối với tổ chức tín dụng là</del> quỹ tín dụng nhân dân) hoặc trình Chính phủ quyết định <del>việc</del> sửa đổi, bổ sung phương án phá sản-</p> <p><del>3.</del> <u>Việc thực hiện phá sản đối với</u> tổ chức tín dụng <u>được khác.</u></p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		<p><u>6. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt</u> kiểm soát đặc biệt <del>được áp, việc phá sản tổ chức</del> <u>tín dụng thực hiện</u> theo <u>trình tự, thủ tục quy định tại Điều 201 và Điều 202 của Luật này và pháp luật về phá sản tổ chức tín dụng.</u></p>
	<b>(Mục 2 Chương VIII BIỆN PHÁP CAN THIỆP TRONG TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC TÍN DỤNG BỊ RÚT TIỀN HÀNG LOẠT )</b>	<p><b>Mục 2-<u>CHƯƠNG XI</u></b> <b><u>BIỆN PHÁP CAN THIỆP TRONG XỬ LÝ</u></b> <b>TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC TÍN DỤNG BỊ RÚT TIỀN HÀNG LOẠT</b></p>
	<p><b>Điều 148. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt quy định tại điểm e khoản 1 Điều 144 của Luật này được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau:</p> <p>a) Tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt không bị áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm thiếu dự trữ bắt buộc và không tuân thủ tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định trong giai đoạn bị rút tiền hàng loạt;</p> <p>b) Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định thực hiện các biện pháp hỗ trợ thanh khoản riêng đối với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt:</p> <p>(i) Mua giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng trên nghiệp vụ thị trường mở;</p> <p>(ii) Thực hiện các giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng;</p> <p>(iii) Tái cấp vốn với tổ chức tín dụng.</p> <p>c) Vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và tổ chức tín dụng khác theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 146 của Luật này;</p> <p>d) Ngân hàng Nhà nước quyết định việc ngừng tạm thời giao dịch tại tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước được phép sử dụng khoản dự phòng rủi ro để xử lý đối với các khoản phải thu</p>	<p><b>Điều <del>148</del><b>184. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt</b></b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt <u>quy định tại điểm e khoản 1 Điều 144 của Luật này được áp dụng một hoặc một số phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước và thực hiện ngay các biện pháp hỗ trợ sau đây:</u></p> <p>a) <u>Tổ chức tín dụng Không chia cổ tức bằng tiền mặt; tạm dừng hoặc hạn chế các hoạt động cấp tín dụng và các hoạt động khác có sử dụng nguồn tiền của tổ chức tín dụng; các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu chi trả tiền gửi cho khách hàng;</u></p> <p><u>b) Thực hiện các biện pháp tại phương án khắc phục trong tình huống bị rút tiền hàng loạt không bị quy định tại Điều 142 của Luật này; cập nhật, điều chỉnh phương án trong trường hợp cần thiết;</u></p> <p><u>2. Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, khi bị rút tiền hàng loạt được áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm thiếu dự trữ bắt buộc và không tuân thủ tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định trong giai đoạn bị rút tiền hàng loạt; một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau:</u></p> <p><u>b)-a) Bán giấy tờ có giá cho</u> Ngân hàng Nhà nước <u>xem xét, quyết định thực hiện các biện pháp hỗ trợ thanh khoản riêng đối với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt;</u></p> <p><u>(i) Mua giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng trên nghiệp vụ thị trường mở; với lãi suất 0%;</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	<p>không thu hồi được phát sinh từ các biện pháp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt đang lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về Ngân hàng Nhà nước theo đề nghị của tổ chức tín dụng.</p>	<p><del>(ii)</del> Thực hiện các giao dịch ngoại tệ với <del>tổ chức tín dụng</del>; <u>Ngân hàng Nhà nước nhằm mục đích thanh khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</u></p> <p><del>(iii) Tái cấp vốn với tổ chức tín dụng.</del></p> <p>c) Vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước, <u>Bảo tổ chức bảo</u> hiểm tiền gửi <del>Việt Nam, Ngân, ngân</del> hàng <u>Hợp</u> tác xã <del>Việt Nam</del> và tổ chức tín dụng khác <u>đề chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.</u></p> <p>3. <u>Trường hợp tổ chức tín dụng đang được can thiệp sớm bị rút tiền hàng loạt phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước về tình trạng rút tiền hàng loạt và rà soát, đánh giá lại thực trạng để xây dựng, điều chỉnh phương án khắc phục. Tổ chức tín dụng điều chỉnh phương án khắc phục theo quy định tại điểm a khoản 14 Điều 146162 của Luật này; và thực hiện theo phương án đã điều chỉnh.</u></p> <p><del>d) Ngân hàng Nhà nước quyết định việc ngừng tạm thời giao dịch tại tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt.</del></p> <p><del>2. Ngân hàng Nhà nước được phép sử dụng khoản dự phòng rủi ro để xử lý đối với các khoản phải thu không thu hồi được phát sinh từ các biện pháp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này.</del></p> <p><del>4. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển giấy tờ có giá của tổ</del> <u>Tổ</u> chức tín dụng <u>được kiểm soát đặc biệt</u> bị rút tiền hàng loạt <u>đang lưu ký được hỗ trợ chi trả tiền gửi của người gửi tiền theo quy định tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về Ngân hàng Nhà nước theo đề nghị của tổ chức tín dụng. Điều 168 của Luật này.</u></p>
		<p><b><u>CHƯƠNG XII</u></b> <b><u>VAY, CHO VAY ĐẶC BIỆT</u></b></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p><b>Điều 146d. Khoản vay đặc biệt</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Để hỗ trợ thanh khoản khi tổ chức tín dụng có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trong thời gian tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, bao gồm cả trường hợp tổ chức tín dụng đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;</p> <p>b) Để hỗ trợ phục hồi theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p>2. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Khi đến hạn trả nợ, trừ trường hợp trong thời gian phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt hoặc trường hợp thay đổi phương án cơ cấu lại nhưng chưa được phê duyệt;</p> <p>b) Khi giải thể, phá sản tổ chức tín dụng.</p> <p>3. Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết việc cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.</p>	<p><b>Điều 146. Khoản vay đặc biệt</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và tổ chức tín dụng khác trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Để hỗ trợ thanh khoản khi tổ chức tín dụng có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống;</p> <p>b) Để hỗ trợ thực hiện phương án khắc phục, phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt, phương án chuyển giao bắt buộc.</p> <p>3. Ngân hàng Nhà nước quyết định các khoản tổ chức tín dụng vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước. Đối với trường hợp tổ chức tín dụng vay đặc biệt của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác quyết định cho vay đặc biệt theo quy định pháp luật, phương án khắc phục, phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt, phương án chuyển giao bắt buộc.</p> <p>10. Chỉ định cho vay đặc biệt</p> <p>a) Trong trường hợp cần thiết để bảo đảm an toàn hệ thống, ổn định trật tự an toàn xã hội, Ngân hàng Nhà nước được chỉ định Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, một hoặc một số tổ</p>	<p><b>Điều <del>146</del>185. Các trường hợp được Khoản vay đặc biệt</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng được vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước, <del>Bảo tổ chức bảo</del> <u>hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam</u> và tổ chức tín dụng khác trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Để <del>hỗ trợ thanh khoản khi tổ chức tín dụng có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống</del> <u>tiền gửi cho người gửi tiền theo quy định tại Điều 184 của hệ thống Luật này;</u></p> <p>b) Để hỗ trợ <u>chi trả tiền gửi theo quy định tại Điều 168 của Luật này;</u></p> <p>c) Để thực hiện phương án <del>khắc phục, phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt, phương án chuyển giao bắt buộc.</del></p> <p><u>2. Ngân hàng hợp tác xã chỉ cho vay đặc biệt đối với quỹ tín dụng nhân dân.</u></p> <p><u>3. Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Điều 168 và Điều 183 của Luật này.</u></p> <p><b><u>Điều 186. Thẩm quyền quyết định, chỉ định cho vay đặc biệt</u></b></p> <p><del>3-1.</del> <u>Ngân hàng Nhà nước quyết định <del>các</del> khoản cho vay đặc biệt của mình đối với tổ chức tín dụng vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước. Đối với trường hợp, tổ chức tín dụng vay đặc biệt của Bảo</u> <u>bảo</u> <u>hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác, Bảo</u></p> <p><u>2. Tổ chức bảo</u> <u>hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam, tổ chức tín dụng khác</u> <u>quyết định khoản cho vay đặc biệt của mình theo quy định pháp luật, phương án khắc phục, phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt, phương án chuyển giao bắt buộc</u> <u>thỏa thuận với tổ chức tín dụng vay đặc biệt.</u></p> <p><del>10.</del> <u>Chỉ định cho vay đặc biệt</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	<p>chức tín dụng cho vay đặc biệt tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này với lãi suất 0%.</p> <p>b) Tổ chức tín dụng được chỉ định cho vay đặc biệt đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật này.</p> <p>c) Trong trường hợp chỉ định một số tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước quyết định phân bổ số tiền cho vay đặc biệt đối với mỗi tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt.</p> <p>d) Tổ chức tín dụng được chỉ định phải thực hiện cho vay đặc biệt tổ chức tín dụng khác theo chỉ định của Ngân hàng Nhà nước và được Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau:</p> <p>(i) Được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ quy định tại khoản 6 Điều này;</p> <p>(ii) Được phân bổ số tiền trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản cho vay đặc biệt theo năng lực tài chính của tổ chức tín dụng;</p> <p>(iii) Được phép sử dụng khoản dự phòng rủi ro để xử lý đối với khoản cho vay đặc biệt không thu hồi được.</p>	<p><del>a) Trong trường hợp</del> <b>3. Trường</b> hợp cần thiết để bảo đảm an toàn hệ thống, ổn định trật tự an toàn xã hội, Ngân hàng Nhà nước <del>được</del> chỉ định <b>Bảo tổ chức bảo</b> hiểm tiền gửi <del>Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, một hoặc một số</del> <b>2</b> tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt tổ chức tín dụng theo quy định tại <b>khoản 1 Điều 168 và điểm c a khoản 1 Điều này với lãi suất 0%.</b></p> <p><del>b) Tổ chức tín dụng được chỉ định cho vay đặc biệt đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật này.</del> <b>khoản 2 Điều 184 của Luật này. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng phải thực hiện cho vay đặc biệt theo chỉ định của Ngân hàng Nhà nước.</b></p> <p><del>e) 4. Trong trường hợp</del> <b>Trường</b> hợp chỉ định một số tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước quyết định <del>phân bổ số tiền cho vay đặc biệt đối với</del> mỗi tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt.</p> <p><del>đ) 5. Tổ chức tín dụng được chỉ định</del> <b>phải thực hiện</b> cho vay đặc biệt <del>tổ chức tín dụng khác theo chỉ định của Ngân hàng Nhà nước và được Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau:</del></p> <p><del>(i) Được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ</del> <b>phải đáp ứng điều kiện</b> quy định tại khoản <del>6</del> <b>1</b> Điều <b>161 của Luật này;</b></p> <p><del>(ii) Được phân bổ số tiền trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản cho vay đặc biệt theo năng lực tài chính của tổ chức tín dụng;</del></p> <p><del>(iii) Được phép sử dụng khoản dự phòng rủi ro để xử lý đối với khoản cho vay đặc biệt không thu hồi được.</del></p>
	<p>4. Tài sản bảo đảm của khoản vay đặc biệt:</p> <p>a) Đối với khoản vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tài sản bảo đảm và trường hợp cho vay không có tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</p>	<p><b>Điều 187. Lãi suất và tài sản bảo đảm của khoản vay đặc biệt</b></p> <p><b>41. Đối với khoản cho vay đặc biệt thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước quyết định hoặc chỉ định, lãi suất cho vay đặc biệt là 0%/năm;</b></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	<p>b) Đối với khoản vay đặc biệt quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, tài sản bảo đảm theo phương án khắc phục, phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt, phương án chuyển giao bắt buộc.</p> <p>5. Lãi suất cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước là 0%/năm.</p>	<p><u>2. Đối với khoản cho vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng không thuộc trường hợp chi định của Ngân hàng Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này, lãi suất cho vay đặc biệt thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức tín dụng vay đặc biệt.</u></p> <p><u>3. Tài sản bảo đảm của khoản vay đặc biệt:</u></p> <p>a) Đối với khoản vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước quy định tại điểm a khoản 1 Điều <u>185 của Luật</u> này, tài sản bảo đảm và trường hợp cho vay không có tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>b) Đối với khoản vay đặc biệt quy định tại điểm <del>b</del> khoản 1 Điều <u>185 của Luật</u> này, tài sản bảo đảm theo phương án <del>khắc phục, phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt, phương án</del> chuyển giao bắt buộc.</p> <p><del>5. Lãi suất cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước là 0%/năm.</del></p>
	<p>6. Tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:</p> <p>a) Được vay tái cấp vốn với lãi suất 0%, thời hạn tương ứng với thời hạn cho vay đặc biệt tổ chức tín dụng khác, được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc.</p> <p>b) Không phải thực hiện tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh quy định tại Điều 129 của Luật này.</p> <p>c) Các khoản cho vay đặc biệt được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn.</p> <p>d) Được phát hành trái phiếu dài hạn cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam với lãi suất bằng 50% lãi suất trái phiếu Chính phủ có thời hạn tương đương được phát hành tại thời điểm gần nhất.</p> <p>đ) Được nhận tiền gửi dài hạn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam với lãi suất ưu đãi theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><b><u>Điều 188. Hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt</u></b></p> <p><u>1. Trong thời gian cho vay đặc biệt, tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt được áp dụng biện pháp hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 161 của Luật này.</u></p> <p><del>6.2.</del> <u>Trong thời gian cho vay đặc biệt, sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, Tổ tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:</u></p> <p>a) <del>Được vay</del> <u>Vay</u> tái cấp vốn với lãi suất <del>0%, bằng</del> <u>lãi suất tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt; số tiền, thời hạn tương ứng với vay tái cấp vốn không vượt quá số tiền, thời hạn tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt</u> <del>tổ chức tín dụng khác, được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc.đó;</del></p> <p>b) <del>Không phải thực hiện tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh quy định tại Điều 129 của Luật này.</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	<p>e) Được áp dụng các biện pháp hỗ trợ khác do Ngân hàng Nhà nước quyết định theo thẩm quyền.</p> <p>7. Tổng số tiền hỗ trợ quy định tại điểm a, d, đ khoản 6 Điều này đối với tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt được hỗ trợ không lớn hơn số tiền gốc và lãi của khoản cho vay đặc biệt.</p>	<p><del>e) Các khoản cho vay đặc biệt được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn.</del></p> <p><del>d) Được phát hành trái phiếu dài hạn cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam với lãi suất bằng 50% lãi suất trái phiếu Chính phủ có thời hạn tương đương được phát hành tại thời điểm gần nhất.</del></p> <p><del>đ) Được nhận tiền gửi dài hạn của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam với lãi suất ưu đãi theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước.</del></p> <p><del>e) Được áp dụng các biện pháp hỗ trợ khác do Ngân hàng Nhà nước quyết định theo thẩm quyền.</del></p> <p><del>7. Tổng số tiền</del> <b>Biện pháp</b> hỗ trợ quy định tại <b>các</b> điểm <b>ab, c, d, và đ</b> khoản <b>64</b> Điều <b>161</b> của <b>Luật</b> này đối với tổ chức tín dụng cho vay đặc biệt được hỗ trợ không lớn hơn số tiền gốc và lãi của khoản cho vay đặc biệt.</p>
	<p>2. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng.</p> <p>8. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được hạch toán giảm Quỹ dự phòng nghiệp vụ để xử lý số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi được.</p> <p>9. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được hạch toán giảm Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân để xử lý số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi được.</p> <p>11. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết việc cho vay đặc biệt.</p>	<p><b>Điều 189. Nguyên tắc xử lý khoản vay đặc biệt</b></p> <p><del>2.1.</del> Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của <del>tổ chức tín dụng</del> <b>bên vay đặc biệt</b>.</p> <p><del>8. Bảo</del> <b>2. Tổ chức bảo</b> hiểm tiền gửi <del>Việt Nam</del> được hạch toán giảm Quỹ dự phòng nghiệp vụ để xử lý số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi được.</p> <p><del>9.3.</del> Ngân hàng <del>Hợp</del> <b>hop</b> tác xã <del>Việt Nam</del> được hạch toán giảm Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân để xử lý số tiền cho vay đặc biệt không thu hồi được.</p> <p><del>11.4.</del> Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết việc cho vay đặc biệt.</p>
<b>Mục 2. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, THANH LÝ, PHONG TỎA VỐN, TÀI SẢN</b>	<b>CHƯƠNG X</b> <b>TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, THANH LÝ, PHONG TỎA VỐN, TÀI SẢN</b>	<b>(Chuyển xuống Chương XIV)</b>
<b>Điều 153. Tổ chức lại tổ chức tín dụng</b>	<b>Điều 176. Tổ chức lại tổ chức tín dụng</b> 1. Tổ chức tín dụng được tổ chức lại dưới hình	(Chuyển thành Điều 199.)

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>1. Tổ chức tín dụng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng.</p>	<p>thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>2. <b>Thông đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng.</p>	
<p><b>Điều 154. Giải thể tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải thể trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>2. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;</p> <p>3. Bị thu hồi Giấy phép.</p>	<p><b>Điều 177. Giải thể tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải thể trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>2. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;</p> <p>3. Bị thu hồi Giấy phép.</p>	<p>_(Chuyển thành Điều 200.)</p>
<p><b>Điều 155. Phá sản tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì tổ chức tín dụng đó phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>2. Khi nhận được yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản và áp dụng ngay thủ tục thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều 178. Phá sản tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt, thì tổ chức tín dụng phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>2. Khi nhận được yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản và áp dụng ngay thủ tục thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép của tổ chức tín dụng.</p>	<p>(Chuyển thành Điều 201.)</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p><b>Điều 156. Thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Trong trường hợp tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>2. Khi giải thể theo quy định tại Điều 154 của Luật này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p> <p>3. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng bị giải thể, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấm dứt thanh lý và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Mục 1e Chương VIII của Luật này.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thanh lý có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.</p>	<p><b>Điều 179. Thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Trong trường hợp tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>2. Khi giải thể theo quy định tại Điều 177 của Luật này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p> <p>3. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng bị giải thể, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấm dứt thanh lý và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Mục 3 Chương IX và Điều 178 của Luật này.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thanh lý có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.</p>	<p>(Chuyển thành Điều 202.)</p>
<p><b>Điều 157. Phong tỏa vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Trong trường hợp cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, Ngân hàng Nhà nước phong tỏa một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các trường hợp phong tỏa, chấm dứt phong tỏa vốn và tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p><b>Điều 180. Phong tỏa vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Trong trường hợp cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, Ngân hàng Nhà nước phong tỏa một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>2. <b>Thông đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các trường hợp phong tỏa, chấm dứt phong tỏa vốn và tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p>(Chuyển thành Điều 203.)</p>
<p><b>Nghị quyết số 42/2017/QH14</b></p>	<p><b>Chương XI</b> <b>XỬ LÝ NỢ XẤU, TÀI SẢN BẢO ĐẢM</b> <b>CỦA KHOẢN NỢ XẤU</b></p>	<p><b>Chương <del>XIX</del>XIII XỬ LÝ NỢ XẤU, TÀI SẢN BẢO ĐẢM CỦA KHOẢN NỢ XẤU</b></p>
<p><b>Điều 4 Nghị quyết 42/2017/QH14</b></p> <p>1. Nợ xấu quy định tại Nghị quyết này bao gồm:</p>	<p><b>Điều 181. Nợ xấu</b> <i>Nợ xấu được áp dụng các quy định tại Chương này bao gồm:</i></p>	<p><b>Điều <del>181</del>190. Nợ xấu</b> Nợ xấu được áp dụng các quy định tại Chương này bao gồm:</p>



<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>a) Khoản nợ được hình thành và xác định là nợ xấu trước ngày 15 tháng 8 năm 2017;</p> <p>b) Khoản nợ được hình thành trước ngày 15 tháng 8 năm 2017 và được xác định là nợ xấu trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực.</p> <p>Việc xác định khoản nợ là nợ xấu căn cứ vào Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này. Trường hợp cần thiết, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi Phụ lục theo đề nghị của Chính phủ và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản khoản nợ là nợ xấu khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Nghị quyết này.</p>	<p>1. <i>Nợ xấu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm khoản nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, khoản nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</i></p> <p>2. <i>Nợ xấu tổ chức mua, bán xử lý nợ xấu đã mua của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhưng chưa thu hồi được nợ.</i></p>	<p>1. Nợ xấu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm khoản nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, khoản nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Nợ xấu tổ chức mua, bán, xử lý nợ xấu đã mua của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhưng chưa thu hồi được nợ.</p>
<p><b>Điều 5 Nghị quyết 42/2017/QH14</b></p> <p>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu bán nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu công khai, minh bạch, theo quy định của pháp luật; giá bán phù hợp với giá thị trường, có thể cao hơn hoặc thấp hơn dư nợ gốc của khoản nợ.</p>	<p><b>Điều 182. Bán nợ xấu và tài sản bảo đảm</b></p> <p><i>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu bán nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu công khai, minh bạch, theo quy định của pháp luật; giá bán phù hợp với giá thị trường, có thể cao hơn hoặc thấp hơn dư nợ gốc của khoản nợ.</i></p>	<p><b>Điều <del>182</del>191. Bán nợ xấu và tài sản bảo đảm</b></p> <p>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu bán nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu công khai, minh bạch, theo quy định của pháp luật; <del>giá bán phù hợp với giá thị trường.</del> <u>Giá bán khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu</u> có thể cao hơn hoặc thấp hơn dư nợ gốc của khoản nợ.</p>
<p><b>Điều 6 Nghị quyết 42/2017/QH14</b></p> <p>1. Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được mua khoản nợ xấu đang hạch toán trong, ngoài bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng, trừ tổ chức tín dụng liên doanh và tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, được chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá thị trường theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>2. Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được bán nợ xấu cho pháp nhân, cá nhân, bao gồm cả doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh mua, bán nợ.</p>	<p><b>Điều 183. Mua, bán nợ xấu của tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu</b></p> <p>1. <i>Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được mua khoản nợ xấu đang hạch toán trong, ngoài bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (riêng nợ xấu của tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ thực hiện mua bán nợ theo giá trị thị trường), được chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá thị trường theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</i></p>	<p><b>Điều <del>183</del>192. Mua, bán nợ xấu của tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu</b></p> <p>1. Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được mua khoản nợ xấu <del>đang hạch toán trong, ngoài bảng cân đối kế toán</del> của tổ chức tín dụng, <del>chi nhánh ngân hàng nước ngoài (riêng nợ xấu của tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ thực hiện mua bán nợ</del> theo giá trị thị trường); <u>hoặc mua bằng trái phiếu đặc biệt</u>, được chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá thị trường theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước <del>Việt Nam.</del></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>3. Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được thỏa thuận với tổ chức tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này mua khoản nợ xấu với giá mua bằng giá trị định giá của tổ chức định giá độc lập; xử lý, bán, thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và phân chia phần giá trị còn lại của số tiền thu hồi được từ khoản nợ xấu này sau khi trừ giá mua và các chi phí xử lý.</p> <p>Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu phải thống nhất với tổ chức tín dụng lựa chọn tổ chức định giá độc lập.</p>	<p>2. Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được bán nợ xấu cho pháp nhân, cá nhân.</p> <p>3. Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được thỏa thuận với tổ chức tín dụng phân chia phần giá trị còn lại (<i>nếu có</i>) của số tiền thu hồi được từ khoản nợ xấu sau khi trừ giá mua và các chi phí xử lý.</p>	<p><u>Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu chỉ được mua khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng liên doanh, tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo giá trị thị trường.</u></p> <p>2. Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được bán nợ xấu cho pháp nhân, cá nhân.</p> <p>3. Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được thỏa thuận với tổ chức tín dụng phân chia phần giá trị còn lại (<del>nếu có</del>) của số tiền thu hồi được từ khoản nợ xấu sau khi trừ giá mua và <del>các</del> chi phí xử lý.</p>
<p><b>Điều 7 Nghị quyết 42/2017/QH14</b></p> <p>1. Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm) và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.</p> <p>Trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự;</p> <p>b) Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền thu giữ tài sản bảo</p>	<p><b>Điều 184. Thủ tục thu giữ tài sản bảo đảm</b></p> <p><i>Thu giữ tài sản bảo đảm là kiểm soát, chi phối trực tiếp tài sản bảo đảm hoặc việc phong tỏa, thế quyền của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán xử lý nợ xấu.</i></p> <p>1. Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm) và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.</p> <p><i>Trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này.</i></p> <p>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</p>	<p><b>Điều 184<del>193</del>. Thủ tục thu giữ tài sản bảo đảm</b></p> <p>1. Thu giữ tài sản bảo đảm là việc kiểm soát, chi phối trực tiếp tài sản bảo đảm hoặc việc phong tỏa, thế quyền của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán xử lý nợ xấu.</p> <p><del>2.</del> Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm) và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.</p> <p>3. Trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm <u>theo quy định tại Điều này.</u></p> <p><del>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</del></p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Giao dịch bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm đã được đăng ký theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Tài sản bảo đảm không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này.</p> <p>3. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ theo quy định sau đây:</p> <p>a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình;</p> <p>b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an nơi có tài sản bảo đảm;</p> <p>c) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm;</p> <p>d) Thông báo cho bên bảo đảm bằng văn bản theo đường bưu điện có bảo đảm đến địa chỉ của bên bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm hoặc gửi trực tiếp cho bên bảo đảm.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện công</p>	<p>a) Khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự;</p> <p>b) Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.<sup>d)</sup> Tài sản bảo đảm không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này.</p> <p>3. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ theo quy định sau đây:</p> <p>a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình;</p> <p>b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an nơi có tài sản bảo đảm;</p> <p>c) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được quyền</p>	<p>a) Khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299 của Bộ pháp luật Dân về dân sự;</p> <p>b) Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.;</p> <p>d) Tài sản bảo đảm không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này.</p> <p><b>34.</b> Chậm nhất là 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ theo quy định sau đây:</p> <p>a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình;</p> <p>b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an nơi có tài sản bảo đảm;</p> <p>c) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm. Tổ chức tín dụng, chi</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i>)</p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> (<i>Bản ngày 27/9/2023</i>)</p>
<p>khai thông tin về việc tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản theo quy định sau đây:</p> <p>a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và thông báo về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm;</p> <p>b) Thông báo cho bên bảo đảm bằng văn bản trước thời điểm thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm bằng cách gửi theo đường bưu điện có bảo đảm đến địa chỉ của bên bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm hoặc gửi trực tiếp cho bên bảo đảm.</p> <p>5. Chính quyền địa phương các cấp và cơ quan Công an nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm theo đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu. Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm.</p> <p>6. Tổ chức tín dụng chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng bán nợ.</p> <p>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm.</p>	<p><i>sử dụng dịch vụ thừa phát lại để lập vi bằng ghi nhận việc niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.</i></p> <p><i>d) Thông báo cho bên bảo đảm và các bên cùng nhận bảo đảm (nếu có) trong trường hợp tài sản được dùng để bảo đảm nhiều nghĩa vụ, người giữ tài sản bảo đảm (nếu có) trong trường hợp tài sản bảo đảm được giữ bởi người khác.</i></p> <p><i>Phương thức thông báo thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng thực hiện việc thu giữ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác đến địa chỉ được bên bảo đảm cung cấp trong hợp đồng bảo đảm.</i></p> <p><i>Trường hợp bên bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được bên bảo đảm cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.</i></p> <p><i>Trường hợp tài sản thu giữ được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ mà có nhiều bên cùng nhận bảo đảm thì tổ chức tín dụng thực hiện thu giữ còn có thể thực hiện bằng phương thức đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.</i></p> <p><i>4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện công khai thông tin về việc tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản theo quy định sau đây:</i></p> <p><i>a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và thông báo về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm</i></p>	<p>nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được quyền sử dụng dịch vụ thừa phát lại để lập vi bằng ghi nhận việc niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.;</p> <p>d) Thông báo cho bên bảo đảm và <del>các</del> bên cùng nhận bảo đảm (<del>nếu có</del>) trong trường hợp tài sản được dùng để bảo đảm nhiều nghĩa vụ, người giữ tài sản bảo đảm (<del>nếu có</del>) trong trường hợp tài sản bảo đảm được giữ bởi người khác.</p> <p>Phương thức thông báo thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức <del>tín dụng</del> tín dụng thực hiện việc thu giữ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác đến địa chỉ được bên bảo đảm cung cấp trong hợp đồng bảo đảm.</p> <p>Trường hợp bên bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được bên bảo đảm cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.</p> <p>Trường hợp tài sản thu giữ được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ mà có nhiều bên cùng nhận bảo đảm thì tổ chức tín dụng thực hiện thu giữ còn có thể thực hiện bằng phương thức đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện công khai thông tin về việc tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản theo quy định sau đây:</p> <p>a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và thông báo về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>7. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan Công an các cấp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Nghị quyết này.</p>	<p><i>trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm;</i></p> <p><i>b) Thông báo cho bên bảo đảm và các bên cùng nhận bảo đảm (nếu có) trong trường hợp tài sản được dùng để bảo đảm nhiều nghĩa vụ, người giữ tài sản bảo đảm (nếu có) trong trường hợp tài sản bảo đảm được giữ bởi người khác.</i></p> <p><i>Phương thức thông báo thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng tín dụng thực hiện việc thu giữ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác đến địa chỉ được bên bảo đảm cung cấp trong hợp đồng bảo đảm.</i></p> <p><i>Trường hợp bên bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được bên bảo đảm cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.</i></p> <p><i>Trường hợp tài sản thu giữ được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ mà có nhiều bên cùng nhận bảo đảm thì tổ chức tín dụng thực hiện thu giữ còn có thể thực hiện bằng phương thức đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.</i></p> <p><i>5. Chính quyền địa phương các cấp và cơ quan Công an nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm theo đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu. Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thì tổ chức</i></p>	<p>bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm;</p> <p>b) Thông báo cho bên bảo đảm và <del>các</del> bên cùng nhận bảo đảm (<del>nếu có</del>) trong trường hợp tài sản được dùng để bảo đảm nhiều nghĩa vụ, người giữ tài sản bảo đảm (<del>nếu có</del>) trong trường hợp tài sản bảo đảm được giữ bởi người khác.</p> <p>Phương thức thông báo thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng tín dụng thực hiện việc thu giữ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác đến địa chỉ được bên bảo đảm cung cấp trong hợp đồng bảo đảm.</p> <p>Trường hợp bên bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được bên bảo đảm cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.</p> <p>Trường hợp tài sản thu giữ được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ mà có nhiều bên cùng nhận bảo đảm thì tổ chức tín dụng thực hiện thu giữ còn có thể thực hiện bằng phương thức đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.</p> <p>5. Chính quyền địa phương các cấp và cơ quan Công an nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm theo đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu. Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài,</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
	<p><i>tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được lựa chọn cách thức xử lý như sau:</i></p> <p><i>a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu và đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến lập và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm;</i></p> <p><i>b) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu sử dụng dịch vụ thừa phát lại để lập vi bằng ghi nhận việc thu giữ tài sản bảo đảm.</i></p> <p><i>Biên bản thu giữ quy định tại điểm a khoản này hoặc vi bằng là tài liệu thay thế biên bản bàn giao tài sản trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản.</i></p> <p><i>6. Tổ chức tín dụng chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng bán nợ.</i></p> <p><i>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm.</i></p> <p><i>7. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan Công an các cấp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Luật này.</i></p>	<p><i>tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được lựa chọn cách thức xử lý như sau:</i></p> <p><i>a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu và đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến lập và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm;</i></p> <p><i>b) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu sử dụng dịch vụ thừa phát lại để lập vi bằng ghi nhận việc thu giữ tài sản bảo đảm.</i></p> <p><i>Biên bản thu giữ quy định tại điểm a khoản này hoặc vi bằng là tài liệu thay thế biên bản bàn giao tài sản trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản.</i></p> <p><i>6. Tổ chức tín dụng chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng bán nợ.</i></p> <p><i>Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, <u>trái đạo đức xã hội</u> trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm.</i></p> <p><i>7. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan Công an các cấp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định <u>tại</u> <u>của</u> Luật này.</i></p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p><b>Điều 9 Nghị quyết 42/2017/QH14</b></p> <p>1. Bên mua khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà tài sản bảo đảm của khoản nợ đó là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai được quyền nhận thế chấp, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là tài sản bảo đảm của khoản nợ đã mua.</p> <p>2. Bên mua khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà tài sản bảo đảm của khoản nợ đó là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai được kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên nhận thế chấp.</p> <p>3. Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được đăng ký thế chấp khi nhận bổ sung tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của khoản nợ đã mua.</p> <p>4. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai; đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản bảo đảm của khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p><b>Điều 185. Mua, bán khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai</b></p> <p><i>1. Bên mua khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà tài sản bảo đảm của khoản nợ đó là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai được quyền nhận thế chấp, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là tài sản bảo đảm của khoản nợ đã mua.</i></p> <p><i>2. Bên mua khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà tài sản bảo đảm của khoản nợ đó là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai được kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên nhận thế chấp.</i></p> <p><i>3. Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được đăng ký thế chấp khi nhận bổ sung tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của khoản nợ đã mua.</i></p> <p><i>4. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai; đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản bảo đảm của khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</i></p>	<p><b>Điều <del>185</del>194. Mua, bán khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai</b></p> <p>1. Bên mua khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà tài sản bảo đảm của khoản nợ đó là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai được quyền nhận thế chấp, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là tài sản bảo đảm của khoản nợ đã mua.</p> <p>2. Bên mua khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà tài sản bảo đảm của khoản nợ đó là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai được kế thừa quyền và nghĩa vụ của bên nhận thế chấp.</p> <p>3. Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được đăng ký thế chấp khi nhận bổ sung tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của khoản nợ đã mua.</p> <p>4. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai; đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản bảo đảm của khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>
<p><b>Điều 11 Nghị quyết 42/2017/QH14</b></p> <p>Các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài,</p>	<p><b>Điều 186. Kê biên tài sản bảo đảm của bên phải thi hành án</b></p> <p><i>Các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ</i></p>	<p><b>Điều <del>186</del>195. Kê biên tài sản bảo đảm của bên phải thi hành án</b></p> <p><del>Các tài</del>Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ và trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.</p>	<p><i>tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.</i></p>	<p>tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định <del>tại Điều 90</del> của <del>Luật Thi pháp luật về thi</del> hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.</p>
<p><b>Điều 12 Nghị quyết 42/2017/QH14</b> Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, sau khi trừ chi phí bảo quản, thu giữ và chi phí xử lý tài sản bảo đảm được ưu tiên thanh toán cho nghĩa vụ nợ được bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu trước khi thực hiện nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ khác không có bảo đảm của bên bảo đảm. Trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 187. Thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm</b> <i>Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, sau khi trừ chi phí bảo quản, thu giữ và chi phí xử lý tài sản bảo đảm được ưu tiên thanh toán cho nghĩa vụ nợ được bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu trước khi thực hiện nghĩa vụ án phí, thuế (trừ các khoản án phí liên quan trực tiếp đến việc xử lý tài sản bảo đảm, khoản thuế trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng chính tài sản bảo đảm đó gồm thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ), nghĩa vụ khác không có bảo đảm của bên bảo đảm. Trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật.</i></p>	<p><b>Điều <del>187</del>196. Thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm</b> <b>1.</b> Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, <u>được phân chia theo thứ tự ưu tiên</u> sau <u>đây-khi trừ chi:</u>  a) <u>Chi phí bảo quản;</u>  b) <u>Chi phí</u> thu giữ và chi phí xử lý tài sản bảo đảm <u>được ưu tiên thanh toán cho nghĩa;</u>  c) <u>Án phí liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm;</u>  d) <u>Khoản thuế trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng chính tài sản bảo đảm đó gồm thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ;</u>  đ) <u>Nghĩa vụ</u> nợ được bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu <del>trước khi thực hiện nghĩa vụ án phí, thuế (trừ các khoản án phí liên quan trực tiếp đến việc xử lý tài sản bảo đảm, khoản thuế trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng chính tài sản bảo đảm đó gồm thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ), nghĩa vụ khác không có bảo đảm của bên bảo đảm;</del>  e) <u>Nghĩa vụ khác không có bảo đảm theo quy định của pháp luật.</u>  <b>2.</b> Trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>



<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p><b>Điều 14 Nghị quyết 42/2017/QH14</b> Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.</p>	<p><b>Điều 188. Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, vụ việc vi phạm hành chính</b> <i>1. Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.</i> <i>Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.</i> <i>2. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu khi có yêu cầu của các chủ thể này.</i> <i>Bộ Công an hướng dẫn việc hoàn trả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ.</i></p>	<p><b>Điều <del>188</del><u>197</u>. Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, vụ việc vi phạm hành chính</b> <i>1. Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.</i> <i>Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.</i> <i>2. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu khi có yêu cầu của các chủ thể này.</i> <i>Bộ Công an hướng dẫn việc hoàn trả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ.</i></p>
<p><b>Điều 15 Nghị quyết 42/2017/QH14</b> <i>1. Cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</i> <i>2. Việc nộp thuế của bên bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng liên quan đến chuyển nhượng tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế. Bên nhận bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng không phải thực hiện nghĩa vụ thuế, phí khác của bên bảo đảm từ số tiền chuyển nhượng tài sản bảo đảm</i></p>	<p><b>Điều 189. Chuyển nhượng tài sản bảo đảm</b> <i>1. Cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</i> <i>2. Trừ các khoản án phí, thuế trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng chính tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Điều 187 Luật này, bên nhận bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng không phải nộp thay hoặc thực hiện nghĩa vụ thuế, phí khác của bên bảo đảm từ số tiền chuyển nhượng tài sản bảo đảm khi thực hiện</i></p>	<p><b>Điều <del>189</del><u>198</u>. Chuyển nhượng tài sản bảo đảm</b> <i>1. Cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</i> <i>2. Trừ các khoản án phí, thuế trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng chính tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Điều <del>187</del><u>196</u> của Luật này, bên nhận bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng không phải nộp thay hoặc thực hiện nghĩa vụ thuế, phí khác của bên bảo đảm từ số tiền chuyển</i></p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
khi thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm.	<i>thủ tục đăng ký, thay đổi quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm. Việc nộp thuế của bên bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng liên quan đến chuyển nhượng tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.</i>	nhượng tài sản bảo đảm khi thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm. Việc nộp thuế của bên bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng liên quan đến chuyển nhượng tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.
<b>Mục 2. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, THANH LÝ, PHONG TỎA VỐN, TÀI SẢN</b>	<b>CHƯƠNG X TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, THANH LÝ, PHONG TỎA VỐN, TÀI SẢN</b>	<b>CHƯƠNG <del>XIV</del> TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, THANH LÝ, PHONG TỎA VỐN, TÀI SẢN</b>
<b>Điều 153. Tổ chức lại tổ chức tín dụng</b> 1. Tổ chức tín dụng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. 2. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng.	<b>Điều 176. Tổ chức lại tổ chức tín dụng</b> 1. Tổ chức tín dụng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. 2. <b>Thông đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng.	<b>Điều <del>176</del><b>199. Tổ chức lại tổ chức tín dụng</b></b> 1. Tổ chức tín dụng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, <b>chuyển đổi loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng</b> sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. 2. Thông đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, <del>trình tự,</del> thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại tổ chức tín dụng.
<b>Điều 154. Giải thể tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải thể trong các trường hợp sau đây: 1. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. 2. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; 3. Bị thu hồi Giấy phép.	<b>Điều 177. Giải thể tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải thể trong các trường hợp sau đây: 1. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. 2. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; 3. Bị thu hồi Giấy phép.	<b>Điều <del>177</del><b>200. Trường hợp <b>G</b> giải thể tổ chức tín dụng, <b>chấm dứt hoạt động</b> chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></b> <b>1.</b> Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài <del>giải thể trong các trường hợp sau đây: không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.</del> <b>2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép.</b> <b>1-3. Tổ chức tín dụng <b>T</b> tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</b> <b>2. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;</b>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><del>3. Bị thu hồi Giấy phép</del> <b>4. Khi có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt.</b></p>
<p><b>Điều 155. Phá sản tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì tổ chức tín dụng đó phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>2. Khi nhận được yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản và áp dụng ngay thủ tục thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều 178. Phá sản tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt, thì tổ chức tín dụng phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>2. Khi nhận được yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản và áp dụng ngay thủ tục thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép của tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều <del>178</del>201. Phá sản tổ chức tín dụng</b></p> <p>1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có <u>quyết định văn bản</u> chấm dứt kiểm soát đặc biệt, <u>thì hoặc chấm dứt áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng vẫn lâm vào tình trạng phá sản</u>, tổ chức tín dụng phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>2. Khi nhận được yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản và áp dụng ngay thủ tục thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép của tổ chức tín dụng.</p>
<p><b>Điều 156. Thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Trong trường hợp tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>2. Khi giải thể theo quy định tại Điều 154 của Luật này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p> <p>3. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng bị giải thể, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấm dứt thanh lý và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều 179. Thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Trong trường hợp tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>2. Khi giải thể theo quy định tại Điều 177 của Luật này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p> <p>3. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng bị giải thể, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấm dứt thanh lý và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng.</p>	<p><b>Điều <del>179</del>202. Thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Trong trường hợp tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p> <p>2. Khi giải thể, <u>chấm dứt hoạt động</u> theo quy định tại Điều <del>177</del>200 của Luật này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Ngân hàng Nhà nước quy định.</p> <p>3. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng bị giải thể, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấm dứt</p>

<b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	<b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
<p>dụng theo quy định tại Mục 1e Chương VIII của Luật này.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thanh lý có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.</p>	<p>dụng theo quy định tại Mục 3 Chương IX và Điều 178 của Luật này.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thanh lý có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.</p>	<p>thanh lý và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Mục 3 Chương IX và Điều <del>178</del><u>201</u> của Luật này.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thanh lý có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.</p>
<p><b>Điều 157. Phong tỏa vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Trong trường hợp cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, Ngân hàng Nhà nước phong tỏa một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các trường hợp phong tỏa, chấm dứt phong tỏa vốn và tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p><b>Điều 180. Phong tỏa vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Trong trường hợp cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, Ngân hàng Nhà nước phong tỏa một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>2. <b>Thông đốc</b> Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các trường hợp phong tỏa, chấm dứt phong tỏa vốn và tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p><b>Điều <del>180</del><u>203</u>. Phong tỏa vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài</b></p> <p>1. Trong trường hợp cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, Ngân hàng Nhà nước phong tỏa một phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>2. Thông đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các trường hợp phong tỏa, chấm dứt phong tỏa vốn và tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>
<p><b>Chương X</b> <b>CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b></p>	<p><b>Chương XII X</b> <b>CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b></p>	<p><b>Chương <del>XHXV</del></b> <b>CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b></p>
<p><b>Điều 158. Cơ quan quản lý nhà nước</b></p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng trong phạm vi cả nước.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc quản lý nhà nước đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại địa phương theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 190. Cơ quan quản lý nhà nước</b></p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng trong phạm vi cả nước.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p><b>3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:</b></p> <p><i>a) Quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động, dịch vụ về chứng khoán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Luật chứng khoán và các luật có liên quan;</i></p> <p><i>b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và các luật có liên quan;</i></p> <p><i>c) Phối hợp, chia sẻ thông tin với Ngân hàng Nhà nước trong quá trình thực hiện các điểm a, b khoản này</i></p>	<p><b>Điều <del>190</del><u>204</u>. Cơ quan quản lý nhà nước</b></p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng trong phạm vi cả nước.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:</p> <p>a) Quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động, dịch vụ về chứng khoán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Luật <del>chứng</del><u>Chứng</u> khoán và các luật có liên quan;</p> <p>b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và các luật có liên quan;</p> <p>c) Phối hợp, chia sẻ thông tin với Ngân hàng Nhà nước trong quá trình thực hiện <del>các</del>điểm a; <u>và điểm</u> b khoản này.</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i>	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i>
	<p>4. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc quản lý nhà nước đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại địa phương theo quy định của pháp luật.</p>	<p>4. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc quản lý nhà nước đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại địa phương theo quy định của pháp luật.</p>
<p><b>Điều 159. Thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát</b></p> <p>Ngân hàng Nhà nước thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.</p>	<p><b>Điều 159191. Thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, điều tra, giám sát</b></p> <p><del>Ngân hàng Nhà nước thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.</del></p> <p><b>1. Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền:</b></p> <p><b>a) Kiểm tra, thanh tra, giám sát tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;</b></p> <p><b>b) Điều tra vi phạm pháp luật về ngân hàng theo quy định của pháp luật.</b></p> <p><b>2. Thanh tra Chính phủ thực hiện thanh tra tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về thanh tra.</b></p> <p><b>3. Bộ Tài chính trao đổi thông tin và chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thanh tra, giám sát, kiểm tra hoạt động về chứng khoán, bảo hiểm của công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng.</b></p> <p><b>4. Trong phạm vi quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ của mình, các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra, điều tra, giám sát tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo thẩm quyền.</b></p>	<p><b>Điều 191205. Thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, điều tra, giám sát</b></p> <p>1. Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền:</p> <p><b>a) Kiểm tra, thanh tra, giám sát tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;</b></p> <p><b>b) Điều tra vi phạm pháp luật về ngân hàng</b> theo quy định của <del>pháp luật</del><b>Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</b></p> <p>2. Thanh tra Chính phủ thực hiện thanh tra tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về thanh tra.</p> <p>3. Bộ Tài chính trao đổi thông tin và chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thanh tra, giám sát, kiểm tra hoạt động về chứng khoán, bảo hiểm của công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng.</p> <p>4. Trong phạm vi quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ của mình, các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra, <del>điều tra</del>, giám sát tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo thẩm quyền.</p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p><b>Điều 160. Quyền, nghĩa vụ của đối tượng thanh tra, giám sát</b></p> <p>1. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước trong quá trình thanh tra, giám sát, đồng thời phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.</p> <p>2. Báo cáo, giải trình đối với kiến nghị, khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>3. Thực hiện kiến nghị, khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>4. Thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>5. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 160192. Quyền, nghĩa vụ của đối tượng thanh tra, giám sát</b></p> <p>1. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu <b>và chứng cứ</b> theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước trong quá trình thanh tra, giám sát, đồng thời phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp. <b>Đảm bảo khả năng kết nối, truy cập dữ liệu trực tuyến phục vụ hoạt động giám sát của Ngân hàng Nhà nước theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</b></p> <p>2. Báo cáo, giải trình đối với kiến nghị, khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>3. Thực hiện kiến nghị, khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>4. Thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý của Ngân hàng Nhà nước, <b>Thanh tra Chính phủ và các cơ quan khác theo quy định.</b></p> <p>5. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 192206. Quyền, nghĩa vụ của đối tượng thanh tra, giám sát</b></p> <p>1. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu <del>và chứng cứ</del> theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, <b>cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác</b> trong quá trình thanh tra, giám sát, <del>đồng thời phải chịu.</del></p> <p><b>2. Chịu</b> trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.</p> <p><b>3. Đảm bảo đảm</b> khả năng kết nối, truy cập dữ liệu trực tuyến phục vụ hoạt động giám sát của Ngân hàng Nhà nước theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p><b>24.</b> Báo cáo, giải trình đối với kiến nghị, khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p><b>35.</b> Thực hiện kiến nghị, khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p><b>4.6.</b> Thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý của Ngân hàng Nhà nước, Thanh tra Chính phủ và các cơ quan khác theo quy định.</p> <p><b>5.7. Các quyền,</b> nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>
<p style="text-align: center;"><b>Chương XI</b> <b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương XIII XI</b> <b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương XIII XVI</b> <b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>
<p><b>Điều 161. Quy định chuyển tiếp</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đã thành lập và hoạt động theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành không phải xin cấp lại Giấy phép theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã thành lập và hoạt động theo Giấy</p>	<p><b>Điều 161193. Quy định chuyển tiếp</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đã thành lập và hoạt động theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành không phải xin cấp lại Giấy phép theo quy định của Luật này.</p> <p><b>2. Trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã thành lập và hoạt động theo Giấy</b></p>	<p><b>Điều 193207. Quy định chuyển tiếp</b></p> <p>1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đã thành lập và hoạt động theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành không phải xin cấp lại Giấy phép theo quy định của Luật này.</p> <p><b>2. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, việc bầu, bổ nhiệm hoặc bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành</b></p>

<p style="text-align: center;"><b>LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI)</b> <i>(Bản ngày 27/9/2023)</i></p>
<p>phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải hoàn tất việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này.</p> <p>3. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, việc bầu, bổ nhiệm hoặc bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và chức danh tương đương của tổ chức tín dụng; Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện theo quy định tại các điều 33, 34, 43, 44, 48, 50, 51, 62, 66, 70 và 89 của Luật này.</p> <p>4. Đối với các hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng cấp tín dụng. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng nói trên chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định của Luật này.</p> <p>5. Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể thời hạn, trình tự, thủ tục chuyển tiếp đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành không phù hợp với quy định tại các điều 55, 103, 110, 115, 129 và 135 của Luật này.</p> <p>6. Chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, tổ chức tín dụng đang thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành không phải điều chỉnh tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này. Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể hoạt động của các chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản này.</p>	<p><del>phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải hoàn tất việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này.</del></p> <p>32. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, việc bầu, bổ nhiệm hoặc bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và chức danh tương đương của tổ chức tín dụng; Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện theo quy định tại các điều 33, 34, 43, 44, 48, 50, 51, 62, 66, 70 và 89 của Luật này.</p> <p>43. Đối với các hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng cấp tín dụng. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng nói trên chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định của Luật này.</p> <p>54. Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể thời hạn, trình tự, thủ tục chuyển tiếp đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành không phù hợp với quy định tại các điều 55, 103, 110, 115, 129 và <del>135</del> <b>134</b> của Luật này.</p> <p>65. Chương trình, dự án tài chính vi mô của <del>tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác</del> đang thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành không phải điều chỉnh tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này. Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể hoạt động của các chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại</p>	<p><del>viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và chức danh tương đương của tổ chức tín dụng; Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện theo quy định tại các điều 33, 34, 43, 44, 48, 50, 51, 62, 66, 70 và 89 của Luật này.</del></p> <p><u>3. Đối với các hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng cấp tín dụng. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng cấp tín dụng nói trên chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với các quy định của Luật này, trừ trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo pháp luật ngân hàng.</u></p> <p><u>Đối với hợp đồng, thỏa thuận có nội dung không phù hợp với quy định của Luật này, được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực và không xác định thời hạn, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được tiếp tục thực hiện đến hết 01 năm kể từ ngày luật này có hiệu lực thi hành. Sau thời điểm này, tổ chức tín dụng phải thực hiện chấm dứt hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng, thỏa thuận đảm bảo phù hợp quy định tại Luật này.</u></p> <p><u>43. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có khoản vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành còn dư nợ và chưa có phương án chuyển giao bắt buộc được phê duyệt thì các bên được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký và được xem xét gia hạn vay đặc biệt theo quy định của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể thời hạn, trình tự, thủ tục chuyển tiếp đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động trước ngày Luật này có hiệu</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
<p>7. Kể từ thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành, các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng đang thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng phải chấm dứt ngay các hoạt động ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.</p>	<p>khoản này.</p> <p>7. Kể từ thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành, các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng đang thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng phải chấm dứt ngay các hoạt động ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.</p> <p>6. <i>Đối với những khoản nợ được xác định là nợ xấu trong thời gian Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực đang áp dụng các quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 thì được tiếp tục áp dụng quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 cho đến khi thu hồi được khoản nợ xấu hoặc xử lý xong tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.</i></p> <p>7. <i>Đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã thực hiện phân bổ lãi dự thu của khoản nợ xấu chưa thoái theo quy định, chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán khoản nợ xấu và số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản nợ khi bán khoản nợ xấu theo quy định tại Điều 16 Nghị quyết số 42/2017/QH14 thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn phân bổ. Mức phân bổ lãi dự thu có thể được điều chỉnh tại phương án tái cơ cấu tổ chức tín dụng đã được phê duyệt nhưng không làm thay đổi tổng thời gian phân bổ như quy định tại Điều 16 Nghị quyết số 42/2017/QH14.</i></p>	<p><del>lực thi hành không phù hợp với quy định tại các điều 55, 103, 110, 115, 129 và 134 của Luật này.</del></p> <p><u>54. Đối với Kỳ phiếu, tín phiếu đã phát hành còn số dư đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và người mua kỳ phiếu, tín phiếu tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết kỳ phiếu, tín phiếu. Chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ, tổ chức tín dụng và các tổ chức khác đang thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành không phải điều chỉnh tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này. Chính phủ quy định cụ thể hoạt động của các chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản này.</u></p> <p><u>65. Tổ chức tín dụng có các khoản góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác quy định tại điểm b khoản 5 Điều 136 của Luật này, công ty con của tổ chức tín dụng có các khoản góp vốn, mua cổ phần quy định tại khoản 5 Điều 136 của Luật này trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và cổ đông, cổ đông và người có liên quan tại ngân hàng thương mại sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ quy định tại Điều 55 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 phải xây dựng và thực hiện lộ trình để bảo đảm tuân thủ các quy định tại Luật này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</u></p> <p><u>6. Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là dự án bất động sản đã được thu giữ theo quy định tại Điều 7 hoặc đang thực hiện thủ tục chuyển nhượng theo quy định tại Điều 10 của Nghị quyết số 42/2017/QH14 trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chưa xử lý xong thì được tiếp tục áp dụng quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 42/2017/QH14 cho đến khi xử lý xong.</u></p>



LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>7. Đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã thực hiện phân bổ lãi dự thu <del>đã ghi nhận</del> của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng chưa thoả theo quy định, chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán với giá bán khoản nợ xấu và số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản nợ này đang được phân bổ khi bán khoản nợ xấu</u> theo quy định tại Điều 16 của Nghị quyết số 42/2017/QH14 <del>thì</del> được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn phân bổ. <u>Mức phân bổ lãi dự thu có thể được điều chỉnh tại phương án tái cơ cấu tổ chức tín dụng đã được phê duyệt nhưng không làm thay đổi tổng thời gian phân bổ như</u> theo quy định tại Điều 16 của Nghị quyết số 42/2017/QH14.</p> <p><u>8. Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các điều 41, 42 và 43 của Luật này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</u></p> <p><u>Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng được bầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 69 của Luật này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>9. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện quy định tại các mục 1a, 1b, 1c và 1d Chương VIII của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các nội dung về đề xuất, quyết định chủ trương, xây dựng, phê duyệt phương án và điều chỉnh phương án cơ cấu lại theo phương án phục hồi/phương án chuyển giao bắt buộc/phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp.</u></p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023)	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) (Bản ngày 27/9/2023)
		<p><u>10. Đối với tổ chức tín dụng đã bị thu hồi giấy phép hoặc không phát sinh hoạt động ngân hàng trong thời gian 12 tháng liên tục trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thực hiện như sau:</u></p> <p>a) <u>Tổ chức tín dụng thuộc trường hợp giải thể theo quy định tại Điều 200 Luật này thì thực hiện giải thể theo quy định của Luật này và quy định pháp luật có liên quan;</u></p> <p>b) <u>Tổ chức tín dụng không thuộc trường hợp giải thể theo quy định tại Điều 200 Luật này thì thực hiện phá sản theo quy định tại Điều 201 Luật này.</u></p> <p><u>11. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, cổ đông, cổ đông và người có liên quan vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 63 của Luật này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của Luật này, trừ trường hợp nhân cổ tức bằng cổ phiếu. Đối với kỳ phiếu, tín phiếu đã phát hành còn số dư đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và người mua kỳ phiếu, tín phiếu tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán hết kỳ phiếu, tín phiếu.</u></p>
<p><b>Điều 162. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.</p> <p>2. Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.</p>	<p><b>Điều 162194. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2024.</p> <p>2. Luật Các tổ chức tín dụng số <b>47/2010/QH12</b> và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số <b>17/2017/QH14</b> hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.</p>	<p><b>Điều 194.195. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày..... <b>01</b> tháng.... <b>7</b> năm 2024.</p> <p>2. <u>Các quy định tại Chương XIII của Luật này về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.</u></p> <p>3. <u>Phương án phục hồi quy định tại Điều 142 của Luật này phải được xây dựng, thông qua trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.</u></p> <p>4. Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ</p>

LUẬT CÁC TCTD HIỆN HÀNH	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản trình Quốc hội XV kỳ họp 05 ngày 22/5/2023</i> )	DỰ THẢO LUẬT CÁC TCTD (SỬA ĐỔI) ( <i>Bản ngày 27/9/2023</i> )
		chức tín dụng số 17/2017/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực-./.
<p><b>Điều 163. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành</b></p> <p>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác trong Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước./.</p>	<p><b>Điều 163195. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành</b></p> <p>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác trong Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước./.</p>	<p><b>Điều 195. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành</b></p> <p><del>Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác trong Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước./.</del></p>